

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

THĂM ĐẢO PHÚ-QUỐC

Đảo Phú-quốc 富國島 là một cái hải-dảo ở về tây-bắc xứ Hà-tiên, là một cõi đất có nhiều danh-lam thắng-tích, đã từng có tên tuổi trong sử-sách, đã từng có trái qua dấu vết của tiên-nhân, thì người có lòng hoài-cổ, có hồn văn-chương sao khá không thăm qua được, cho nên ở Hà-tiên mà chưa ra thăm được Phú-quốc thì cũng còn là một điều khuyết-diễm. Thường những buổi chiều thanh-bạch, trời quang biển lặng, ra ghénh Kim-dữ 金嶼 trông ra mặt biển về hướng tây-bắc, một dải xanh-xanh đứt liền ở tận dằng chân trời xa-xa kia, anh em trở bảo nhau đó là đảo Phú-quốc, và thường đọc những câu của các nhà du-lich Phú-quốc như: « Vô thạm-sự, nhiệm ngao-du, bích-thủy thanh-sơn tương đối tiếu, 無甚事任遊遊, 碧水青山相對笑 », thì dầu chưa đi được Phú-quốc, chứ cái cảnh non xanh nước biếc bao giờ cũng bày trong tưởng-tượng. Lần này được thăm qua cái cảnh « ý-trung danh-thắng » kia, mộng-tưởng đã thành được thực-sự thì còn gì vui sướng cho bằng. Trong mười ngày, tai mắt trải qua được biết bao nhiêu là chuyện hay cảnh lạ, nay cầm bút chép lại, muốn thu-quát hết cả toàn-bức thì thật không thể nào được, chỉ biết nghe thấy được những gì là ghi lấy, có khác nào một người đi chụp ảnh, khi gặp được một cảnh nào đẹp là chụp lấy ngay, gộp nhặt lại thành một tập ảnh con con, vẫn không được có trật-tự nét vẽ phân-minh như một bức ảnh phóng-dại hay một bức tranh

phá-bút của các nhà danh-họa.

Ở Hà-tiên muốn đi Phú-quốc đi thuyền buồm là lệ thường, còn thì có tàu thơ chạy Sài-gòn — Vọng-các (Bangkok) ghé qua Hà-tiên, Phú-quốc. Tàu hiện còn chạy là tàu Paul-Beau của Hãng-hải công-ti, nhưng lúc này nghe đâu đã hủy giao-kèo lãnh thơ với Chính-phủ thì ngày giờ tàu đi về không còn nhất-dịnh nữa, muốn đi cũng khó. Cũng vì thế mà đi Phú-quốc kỳ này lại được thăm qua Trùng-kè, là nơi phát-tích ông Mạc Thiên-Tích là người khai-thác đất Hà-tiên, vì phải đi ngả Hòn-ráng (Réam). Nguyên mấy tháng nay có chiếc tàu, nghe đâu là của công-ti người Đan-mạch (Danemark) và người Tàu ở Xiêm, chạy Vọng-các — Phú-quốc — Hà-tiên, có ghé qua Hòn-ráng. Tàu đến Hà-tiên rồi thì chạy thẳng về Xiêm mà không ghé Phú-quốc nữa, cho nên muốn đi Phú-quốc thì phải xuống Hòn-ráng đợi tàu ở Xiêm lại, rồi ở Phú-quốc đợi chuyển tàu sau mới về Hà-tiên được.

Chúng tôi đi kỳ này là nhân dịp đi thăm thi bằng Sư-phạm ở trường Cửa-cạn, có quan Đốc-học Phạm-quân là tỉnh thầy trò, Nguyễn-quân là tỉnh bạn thân và có Trúc-hà cùng theo là tỉnh trong quyền-thuộc.

Hỏi thăm thì tàu mỗi tuần ngày thứ hai ở Xiêm đến Hòn-ráng, vậy anh em định đến nơi trước một ngày để đón cho kịp, thì ngày thứ bảy khởi-hành. đến Cần-giọt (Kampot) nghỉ một đêm, sáng bữa chủ-nhật sẽ xuống Hòn-ráng,

Ngày 17 tháng 11, năm đinh-mão (10-12-1927) chuyển xe ô-tô chạy hồi tờ-mờ sáng, chúng tôi khởi - hành. Đường đi Hà-tiên - Cần-giọt 52 cây-lô-mét, xe chạy mất hai tiếng đồng-hồ, chín giờ hôm ấy đến nơi. Đạo một lượt thăm qua cảnh thành-phố.

Đất Cần-giọt này năm quý - dậu (1753) vua Cao-miên là Nặc-tôn đã cất về cho ông Mạc Thiên-Tích, dời vua Hiếu-vũ nhà Nguyễn, thuộc vào bản-dồ Nam-triều. Sau này chính - phủ Pháp lấy trả lại cho Cao-miên. Tỉnh ở xa mặt biển. Có con sông chạy ngang, phố-sá đều ở về bên tả-ngạn, có cầu đá bắc ngang, dài ngót 300 thước tây. Đứng trên cầu đá mà trông hai bên mé sông, bờ cây cao thấp, dòng nước quanh co, cánh buồm thấp - thoáng ở mặt biển chạy về, trên hữu-ngạn thì giải núi Tà-lơn cao ngất trời, chạy dài hết một mặt bắc, phiêu-diêu mỏng-lung trong luồng vân-vũ.

*Non xanh nước biếc hồng tung bụi,
Một tấm tình riêng nhớ nhớ ai ?*

Cho mới biết cái cảnh non cao sông rộng vẫn dễ cảm người.

Thấy được mái nhà trắng-trắng trên chót núi, đó là chỗ nghỉ mát của khách du-lịch, người Pháp gọi đó là Bockor. Nghe đâu năm nọ sửa-sang cảnh ấy phải phí mất không biết bao nhiêu là sinh-mạng. Tồn-hại sinh-mạng để sửa một chỗ chơi thì cái chí-thú của người ta cũng lạ mà cũng nỡ đó thay !

Trưa ăn cơm nhà ông Nguyễn Văn-Côi, ông là người đồng-hương với quan Đốc-học, còn thì anh em chưa từng quen ông lần nào mà được tiếp-đãi ân-cần vui-vẻ lắm. Xế ghé hiệu chụp ảnh, chụp lấy bức ảnh.

Buổi chiều ngồi xe ngựa đi thăm Bảo-sơn-dộng 寶山洞, có chùa là Bảo-sơn-tự. Động này ở về đông-nam cách tỉnh - lý Cần - giọt năm cây-lô-mét,

người Cao-miên gọi là «Cà-ba Rô-mia», nghĩa là núi «Đầu con tây». Bảo-sơn-dộng là một cái động đá như động Chân-nham ở Hà-tiên, hay động Hải-sơn ở Hòn-chông. Nhưng cảnh thiên-tạo thì không cảnh nào giống cảnh nào được, toàn-bức mới trông thì cũng tương - tự nhau, nhưng tế-nhận mới biết là khác nhau nhiều, mỗi chỗ đều có một cái vẻ đẹp, một cái nét hay riêng cả. Động Bảo-sơn này không có nhật-quang ở chung - quanh mà lại có nhật-quang ở trên tỏa xuống, động có hang nhiều, xuyên nối nhau, nếu không thông đường thì đi quanh-quẩn mãi mà không khắp; chỗ nào có nhật-quang soi thấu thì sáng, không thì tối đen, cứ qua một đám tối là đến một chỗ sáng, hết một chỗ sáng là đến một đám tối, chỗ nào thì cũng như chỗ nào, nên không biết đường lối nào mà mô-trước. Động rộng có thể dung được ngàn người mà hang-nẻo ngoắt-ngoéo hiểm-trở lắm. Theo lời một nhà sư ở đó thuật lại thì hồi 20 năm trước có người dùng làm chỗ đóng binh. Chính-phủ đánh giặc xong, từ khi ấy thì chùa phải dời ra ngoài mà không được ở trong động như trước nữa. Trời chiều sẫm tối, về tỉnh-mạc mà u-âm, bóng đá lở-mờ, cảnh thê-lương mà âm-đạm, hơi gió trong động lồng ra, lạnh ghê người mà chồn dạ. Từ-giã ra về thì bóng đèn điện ở thành Cần-giọt đã bật cháy.

Cây cỏ lơ mờ nền cựu-chủng,

Ngựa xe rậm-rạp khách tán-trào.

Anh em ai nấy đều có vẻ ngậm-ngùi

Tôi đi thăm hội-quán hội «Việt-kiều» (Foyer des Annamites au Cambodge). Người mình hoặc là người làm việc nhà-nước, hoặc là người doanh-nghiệp lên ở đất Cao-miên, có lập một hội gọi là Việt-Kiều-hội. Hội chánh ở Nam-vang; ở Cần-giọt đây là chi-hội. Hỏi thăm ông hội-trưởng thì ngoài

những ngày họp hội-đồng thường-lê, còn thì cứ mỗi tháng họp một lần để anh em được gặp nhau thường cho kết tình thân-ái. Có xa quê-hương xứ-sở, mới biết quây-quần đùm-bọc lấy nhau, ấy cũng là cái thường-tình người ta. Ở về đời cạnh-tranh tru-thắng liệt-bại này, nếu không có tình đoàn-thể thì không thể nào sinh-tồn được. Đêm hôm ấy nghỉ nhà ông Nguyễn-Văn-Cội.

* *

Sáng sớm ngày 18, ngồi ô-tô xuống Hòn-ráng. Đường Cần-giọt xuống Hòn-ráng xe chạy theo miền duyên-hải, hai bên đường rừng sâu cây cao. Ban đầu đi lên mặt tây, giải núi Tà-lơn bên hữu, được nửa đường thì quanh lần về mặt nam, núi Tà-lơn ở về bên tả. Trưa ăn cơm ở Hòn-ráng. Hòn-ráng (Réam) gọi là Hòn-ráng vì trước vịnh có cái hải-đảo tên là hòn Ráng, là một chỗ hải-cảng mới mở-mang vài năm nay, hiện chưa có nhà cửa gì lắm, còn đốt rừng sửa đất để cất phố. Hòn-ráng có tiếng là một nơi ma thiêng nước độc. Về mùa này không có mưa, chẳng những là nước độc mà hơi gió bắc ở trên rừng, nhất là chỗ rừng đương đốt, lam-yên chướng-khí xuống càng nặng-nề khó chịu lắm. Có người bảo rằng ở đó có con « rắn phùng » hễ đến mùa nắng thì ra tắm ở các nguồn sông và thở hơi độc. Nhưng đó là chuyện bịa đặt nhảm-nhi. Người ở đó ít dám ngủ buổi trưa, vì ngủ chẳng may gặp phải luồng gió độc thì phải bệnh sốt rét ngay. Họ dùng nước đá nhiều lắm, vì họ cho rằng trong nước đá có chất giết chết độc-trùng được, cầm li nước uống thế nào cũng có đập khối nước đá thả vào. Nước đá cũng là một thứ nước lã mà làm cho lạnh đông lại, chứ đã có ăn thua gì với việc giết độc-trùng, nhưng họ tin như thế thì họ mới vững bụng mà ăn ở chốn đó được. Hôm đi đã nghe, nên

sớm mai ở Cần-giọt đã có đem theo mấy ve nước nấu. Hòn-ráng là một nơi hải-cảng trọng-yếu. Đường giao-thông Cao-miền với ngoại-quốc đều do ngã này cả, có đặt các quan người Pháp ở coi giữ, mỗi lần lên xuống đèo có tra hỏi nghiêm-mật lắm.

Hòn-ráng ở về bên tả-ngạn vịnh Trùng-kê. Trước vịnh Trùng-kê là Hòn-ngang, Hòn-châu, Hòn-gỏi, rồi Hòn-ráng. Trùng-kê vịnh lớn nước sâu, trước mặt một giải quần-đảo bao-bọc, kín như trong buồng, mặt nước không bao giờ có sóng lớn, làm một chỗ hải-cảng rất tốt.

Vịnh Trùng-kê này lại là nơi phát-tích ra một bậc anh-hùng khai-thác một cõi đất miền duyên-hải Nam-kỳ, là ông Mạc Thiên-Tích. Không nói đến chuyện khi sinh ông thì có tượng Phật, có hào-quang, vì cho đó là chuyện hoang-đường, chỉ biết rằng nơi non cao nước sâu là nơi hợp với tâm-lý của người vĩ-nhân mà nơi ấy cũng sẽ phải là nơi sinh ra vĩ-nhân vậy. Ai bảo rằng nhân-tính nhân-cách không có một đôi phần do ở địa-lý địa-cục mà ra.

Đêm nay chợt trông vầng trăng lên trên cảnh dương bên mạn rừng, mà hồi nhớ đến cùng một đêm nay ba năm trước trông trăng lên trên Hồ-đông, mà bồi-hồi nhớ chuyện năm xưa cùng ai vui thú. Nay quê người đất khách, nhưng mà trăng quen tình cũ, lại cái vẻ đẹp của bóng trăng tha-thuột trên cảnh dương cũng chẳng kém cái vẻ đẹp của bóng trăng long-lanh trên mặt nước Hồ-đông. Bất-giác xúc-động, dầu không biết đàn cũng khảy, dầu không biết nhịp cũng ca, phở thành một khúc mới, gọi đó là « Dương-nguyệt hoài khúc ».

Người đất khách,
Trăng năm xưa.

Trông trăng người những ngần-ngơ,
Trông trăng năm trước bây giờ là ai ?

Xưa những ai,

Nay những ai !

Trăng này năm trước Hồ-dông dãi,

Trăng này đêm nay cảnh dương soi.

Trăng lạnh-lẽo,

Người ngậm-ngùi ;

Đường tơ rẻo-rắt mấy hồi.

Khúc « Dương-nguyệt » đề ghi lời năm

Cảnh dương lơ-thơ, [xưa.

Bóng nguyệt tỏ mờ.

..

— Sáng ngày 19 tàu Bhanurangs ở Xiêm đến, trình các giấy-má xong, đem hành-trang xuống tàu. Tàu ba tầng rộng. Tầng dưới chở hàng, tầng giữa hành-khách ở, tầng trên là sân hóng mát. Tàu mới chạy năm nay, về việc máy-móc coi cho tàu chạy thì người Đan-mạch hay người Anh, còn về việc sổ-sách chở-chuyên hàng-hóa thì về người Tàu quản-lý, cũng có ít người Xiêm. Nói chuyện thì thường dùng tiếng Anh hay tiếng Tàu, anh em không ai thuộc, thành ra mỗi khi muốn nói gì phải bỡ-ngờ lắm. Bước ra một tắc đường là phải dùng đến tiếng người ta rồi, có thuộc được nhiều thứ tiếng sẽ phải là người đi du-lịch có tư-cách, không thì có khác nào anh Mán xuống Kinh chỉ ngơ-ngác mà nhìn rồi về, thì còn có bổ-ích gì cho kiến-thức.

Tàu đậu cất hàng đến xế mới lấy neo chạy về Phú-quốc. Hòn-ráng qua Phú-quốc thì cứ thẳng xuống mặt nam. Lần này mới biết đi biển là một, nhưng hôm nay trời êm biển lặng, vẫn đi đứng được để xem cảnh biển. Tàu ra một đôi thấy núi Tà-lon bên tả, và giải Hòn-nàn trước mặt, bên hữu thì mênh-mông trời biển một màu xanh xanh, nước liền trời. Nước biển xanh ngắt-ngắt, sóng đánh tạt vào boong tàu, bọt nước bắn tóe ra trắng xóa. Cái vẻ tương-

phản ở làn sóng xanh biếc và đám bọt nước trắng phau trông cũng đẹp lắm. Cảnh biển đẹp nhất là mấy cái đảo-dữ trơ-vơ ở giữa vời, có vẻ linh-lung, có chiều phiêu-diêu như nổi chìm theo mặt sóng mà đứt nối với tầng mây.

Dao-dài hàm vụ tinh-thần mãn,

Tiên-cảo phù không đảo-dữ vi.

瑤臺含霧星辰滿。

仙嶼浮空島嶼微。

Trông thanh-tú quá. Ông Từ Thức bỗng dưng quá cảm cái cảnh đảo-dữ ngoài cửa biển Thần-phù bơi thuyền ra chơi tiên cũng không phải là không có lẽ vậy.

Qua khỏi Hòn - nần thì thấy Hòn-chảo. Hòn-chảo tức là mé cực-tây đảo Phú-quốc, ở xa trông thì khuyết mất đoạn giữa trầm dưới mặt nước, theo cái lẽ trái đất tròn, hai bên có núi cao lên như cái vành chảo, cũng vì thế mà gọi là Hòn-chảo chăng ? Từ đây tàu chạy dọc theo đảo Phú-quốc, qua Gành-dầu, Bãi-dài, Cửa-cạn, rồi thì đến Dương-dông 楊東, thường gọi là Cửa-dương; đảo Phú-quốc lấy đây làm địa-dầu. Bấy lâu chưa thấy Phú-quốc, nhìn trong bức dư-đồ vẫn tưởng là một cái đảo con-con, tầm con mắt có thể thu-quát được, khi tàu ghé vào gần, trông về tây một dạng rừng xanh xanh, trông về nam một dạng rừng xanh xanh, thì lại ngỡ là một bến tàu ở nội-địa nào mà không dè đó là một nơi hải-đảo được. Mới biết cảnh thực bao giờ cũng khác hẳn với cảnh mộng, và chỉ ngồi kín trong phòng đọc văn thì cũng như người mù đi xem hát mà thôi. « Một bước đàng một tràng khôn » là nói thế.

Tàu đậu ở ngoài xa, có thuyền nhỏ ở trong Cửa ra rước: Ở Phú-quốc mà nói « Cửa » thì ai cũng biết đó là chỉ cho Dương - đông, vì Dương - đông thường gọi là Cửa-dương hơn.

Cửa-dương ở về mặt tây đảo Phú-quốc, có vàm con sông mở ra biển, vì đó mà gọi là « Cửa ». Người khách du-quan mới đến Dương-dông cảm được cái đẹp trước nhất là cảnh ở Cửa này, một bên là bãi cát trắng, bóng dương tha-thướt, một bên là ghềnh đá như cái dôi con, chắn ngang vàm sông, hình-thể gồ-gề, kỳ-kỳ quái-quái, chiều- chiều trèo lên trên ghềnh đá ấy mà trông cái cảnh biển chiều hôm, nước mây man-mác, bên kia bóng tà-dương bàng-lãng, bên này chiếc thuyền trong vàm sông xuôi ra, cảnh buổi trăng phất qua ghềnh đá biếc, mũi thuyền rẽ nước, thì đẹp biết chừng nào.

Đẹp nhất là cảnh Cửa, mà hại nhất cũng là cảnh Cửa. Về mùa này mà muốn vô Cửa thì vẫn bình-dị như trong rạch, chứ về mùa nam thì phải nguy-hiểm khó-khẩn lắm. Cửa dạn mặt phía tây-nam, đến mùa « nam » ở đây gọi mùa giống-mưa, từ tháng tư cho đến tháng bảy là « mùa nam » vì mùa ấy thường có giống nam luôn, mỗi lần giống gió đến thì muôn ngàn lượn sóng từ ngoài biển lướt vào, trông lộp trắng cả bờ bãi ghềnh đá. Gió to sóng lớn mà cửa sông rộng thì cũng không khó gì, khó là bởi cửa sông hẹp, bên tả mũi bãi cát uốn quanh, bên hữu là ghềnh đá lấn ra hầu hết nửa phần con sông, còn rộng độ hơn 30 thước tây. Gió nam thổi mạnh, chiếc thuyền từ ngoài biển xuôi vô, một lượn sóng đưa thẳng vào, tay lái phải vững-vàng tài-giỏi lắm thì mới qua được trót lọt, bằng không thì một là va vào ghềnh đá, một là thuyền sấn lên cồn cát hai bên đều có thể làm vỡ ghe thuyền được cả. Vàm hẹp mà không thể nào đào được, nghe đâu năm nọ có đào một lần, nhưng chỉ qua một mùa nam sóng biển đem cát lấp lại như cũ. Ở đây các nghề các nghiệp, đi lưới đi buôn đều về mùa này, còn qua mùa nam thì ngồi nhà

chớ không giở ra làm được việc gì cả, đến không thể bắt cá ăn thường bữa được. — Ghe vô Cửa thì trời vừa tối, trọ ở nhà quen. Quan Đốc-học trước có ngồi dạy tại Dương-dông đây mấy năm, quen biết được nhiều nơi, cho nên đến đâu cũng được các thân-bằng cố-hữu tiếp-dãi ân-cần trọng-hậu lắm, dẫu chưa biết nhau lần nào mà đã quen với một người là quen với hết cả bọn, chúng tôi ở Phú-quốc sáu bảy hôm mà được hơn chục ngoài chỗ mời dãi cơm đến không đủ ngày giờ mà đến cho cùng được. Có rộng giao-thiệp như thế mới nhờ dẫn cho đi chơi các nơi được mĩ-mãn, đó là một việc may nhiều. Nói đến cách tiếp-dãi của các bạn ở Phú-quốc thì không sao quên nói qua cách sinh-hoạt của xã-hội ở đây được, Ở Phú-quốc phần nhiều là đều còn giữ được cái phong-tục, cái đức-tinh cổ-thời, rõ là cái xã-hội « gia vô bế-hộ 家無閉戶 ». Nhà ở không bao giờ thấy có làm cửa, những nhà hào-phú muốn làm cửa là cho tốt coi chớ ban đêm cũng vẫn không khóa. Cửa bỏ ngõ mà không bao giờ có kẻ trộm. Gián-hoặc mấy mươi năm mới xảy ra một đám trộm thì đó là người nội-dịa ra mà thôi. Còn giữ được cái cổ-phong ấy là bởi xã-hội ở đây không gần với trong nội-dịa, thì phong-tục cũng chưa theo cái phong-trào ngày nay mà thay đổi đi bao nhiêu. Lại ở đây cuộc sinh-nhai không đến nỗi quá khó-khẩn eo-hẹp như trong nội-dịa, cá nước, cây rừng, người nào cũng đều có thể kiếm ăn được giản-dị cả. Cuộc sinh-hoạt giản-dị mà ít có cuộc ăn chơi xa-xỉ, không nghèo-túng, không đói lạnh thì tự-nhiên không sinh ra trộm cướp. Ngày nào mà có ô-tô đèn điện chạy khắp đất Phú-quốc thì ngày đó không chắc còn giữ được cái phong-tục ấy nữa. Cho mới biết, cái xã-hội « văn-minh động » ngày nay chưa chắc là làm cho cuộc đời người ta sung-sướng.

Đất Phú-quốc lại không có một nhà khách-sạn nào. Người khách lạ đến, bất-kỳ ghé nhà ai cũng đều có thể xin nghỉ nhờ, ăn nhờ được cả, mà bao giờ cũng tiếp-dãi vui-vẻ luôn. Nói đến cách đãi khách của người Phú-quốc lại phải nói cái tính dùng rượu của người ở đây; trên kia nói ở đây cuộc sinh-hoạt không xa-xỉ, lại phải nói ở đây duy có rượu thì thật xa-xỉ quá. Một người kha-khả trong nhà thế nào cũng sẵn sẵn vài bốn thứ rượu tây, rượu nam. Người khách đến, nếu uống được thì chủ nhà có thể đãi rượu làm nước. Như thế là cho rằng đãi khách mà được nhiều thứ rượu mới sẽ phải là cách tiếp-dãi trọng-hậu, và đó mới phải là người « phong-nhã ». Cái phong ấy cũng lạ !

Người đất Phú-quốc, dân ông con trai người nào trông cũng mạnh-mẽ gọn-gàng lắm, dù biết là người dân ai nấy đều có công việc lao-động cả, còn đàn bà con gái thì người nào trông cũng nhẹ-nhàng di-dễ, không phải là đẹp ở phần-son gấm vóc mà đẹp ở cái duyên tự-nhiên. « Bích-thủy thanh-sơn tương đối tiểu », cảnh non nước ấy mà sản được người đẹp thì cũng không lạ gì. Mỏ miệng là có cái tằm-tím cười, thiết rất hợp với cái tính-chất của non sông đất nước vậy. Duy người Phú-quốc thì không được có mấy người trong có vẻ trầm-mặc diêm-lĩnh, đó cũng là do cái tính-chất địa-lý địa-cục mà ra chăng, vì Phú-quốc là nơi hải-đảo, toàn là đất phũ-sa cả.

...

Ngày 20, buổi sớm mai đi trình ở quan quận, đi thăm các thân-hào, thăm nhà trường và các cuộc làm nước mằm. Phú-quốc có ba trường sơ-dẳng tiểu - học tại Dương - đông đây một trường có hai ông giáo là ông Nguyễn Văn - Ninh và ông Nguyễn Văn-Mẫn

dạy, ở Cửa - cạn có một trường ông Nguyễn Tấn - Phát dạy, và ở Hàm-ninh (Bãi - Bồn) một trường, ông Nghiêm Văn-Đại dạy. Học-trò ở đây lâu ngày được có quan Đốc-học và các thầy giáo đến thăm trường một lần, nên câu nào câu ấy đều có vẻ vui mừng. Nhiều câu trông cũng dĩnh-ngộ, sáng-sủa, đối-dáp đều được linh-lợi mau-mẫn lắm. Quan Đốc-học cho mỗi trường ít quyền sách quốc-văn và nói vài điều về sự ích-lợi học chữ quốc-ngữ, coi ai nấy cũng đều chú-ý và hân-hoan lắm. Truyền-bá sự học quốc-ngữ trước phải nên cho phổ-cập khắp trong dân-gian rồi sau mới có hiệu-quả được.

Hầu hết nhà ở Dương-dông đều có làm nước mằm, làm lưới cá. Có nhà làm lưới đánh cá về bán lại cho các chủ làm nước mằm, có chủ vừa làm nước mằm, vừa làm lưới, phần sau này là phần nhiều hơn. Cá làm nước mằm đây là một thứ cá nhỏ tên là « cá com ». Lưới đánh cá ấy gọi là « trủ », vì nó không phải lưới, là một bức đan bằng tơ, mặt dày bằng mút dừa. Thứ trủ này cũng không phải ở đây đan, mà phải mua, nghe đâu là ở Qui-nhơn Quảng-nam đem vào bán, từng bức một. Mua về phải kết lại làm thành một tay lưới, cao độ 5, 6 thước tây, đây là tùy chỗ nước sâu cạn, dài độ 300 thước, giếng trên có phao nổi trên mặt nước, ở giữa có cái bọc để cho cá quay vào một chỗ cho dễ bắt, tự bọc lại một đầu gọi là một que. Lưới đã lớn mà nhặt, nên nặng-nề lắm, một chiếc ghe đánh cá thế nào cũng phải ngoài chục người trong lúc giăng bủa mới làm xuề. Tôi còn nhớ một lần coi họ phơi lưới. Từ dưới ghe đem một que lưới lên bãi cát phải mười người khiêng làm 5 chặng, đem một que rồi mới đem một que nữa, trông nặng-nề lắm. Đó là ở trên cạn đem lưới phơi mà còn nặng-nhọc là thế,

thì ở giữa biển sóng gió, trong lúc vảy bắt cá còn nặng-nhọc đến thế nào. Như trên đã nói, người ở đây phải sức-vóc mạnh-mẽ lắm mới làm nổi những việc ấy. Cá đánh về rồi, trộn với muối, vô thùng, ép cho máu cá với nước muối lẫn nhau nhỏ ra, đó là nước mắm. Đong cá thì ba cái thùng buộc vào hai cây đòn khiêng như cái kiệu, cho nên gọi ba thùng như thế là một «Kiệu». Cứ vô thùng ba kiệu cá là một kiệu muối. Thùng mắm đóng lớn và khéo lắm. Thùng làm bằng từng mảnh gỗ ghép lại, hoặc vuông hoặc tròn mà tròn là phần nhiều, cao độ hơn hai thước tây, tròn ước đến ba bốn người ôm mới giáp. Ngoài đóng viền mây chắc-chắn lắm. Thùng nhỏ thì chứa được 5, 6 chục kiệu cá, còn thùng lớn đến 7, 8 chục kiệu không chừng. Dưới đáy thùng có vôi để tháo nước. Cá muối như thế trong chừng một tháng thì có thể lấy nước mắm được rồi, nhưng đó là thứ thường lấy nhiều được, thứ ăn hàng ngày chính là thứ này. Muốn lấy được thứ hảo-hạng thì càng để được lâu ngày càng tốt, cứ tháo ra rồi đổ lại, có cái vôi lá phủ trên mặt, lược lấy những chất bùn đất rất rha, như thế gọi là «long». Càng để được nhiều ngày càng long được nhiều lần thì càng tốt. Lúc tháo ra lấy nước mắm thì để tóc, để cát, chắt làm lược ở miệng vôi cho ra từng giọt một, gọi đó là «nước nhĩ», nhĩ nghĩa là nhỏ. Có khi nước mắm cũ đã mất mùi, thì cũng đem long vào cá mới mà làm cho ngon lại được. Làm nước mắm cũng có khi hư, vì có khi muối để non không đủ mặn, nước mắm lại rất sợ nước mưa, để phải nước mưa lọt đến là thối ngay, cho nên tỉnh nước mắm vẫn nai buộc kín-dáo lắm mới dám để ngoài trời; nghịch lại là rất ưa nắng. Rang được nhiều nắng có thể đổi một thứ nước dở làm thứ nước ngon được. Muốn cho chắc, không có...

cho già một chút, nhưng muối già thì nước mắm mặn quá mà không dịu. Cho nên có người nói rằng: nước mắm ngon thường mua được ở các nhà tầm - thường hơn là ở các nhà làm lớn. Nhà giàu muối sẵn, muốn cho chắc ý, thì thế nào cũng để muối cho già, không hao giờ sợ hư mà ít khi được ngon. Còn những nhà tầm-thường thì có muối đầu dư-dự, mà làm như thế được, chỉ lo được vừa đủ, cho nên không may thì hư, mà may thì thiệt ngon. San đi xót lại, hết một mùa vừa thứ thường, vừa thứ ngon một thùng có thể lấy được từ 6,7 trăm đến một ngàn tỉnh, tùy thùng lớn nhỏ. Lấy hết nước rồi thì xác cá bán cho các chủ ruộng làm phân. Nhà làm lớn ở đây, một mùa thế nào cũng làm được 5,6 miêng thùng là có thể lấy được 3,4 ngàn bạc lãi. Ấy đại-khái cuộc đánh cá và cuộc làm muối mắm là thế, chớ còn muốn khảo-cứu từng cái tinh-cách riêng thì phải tay chuyên-môn, người nhà nghề mới có thể nói cho thiệt tường-tận rõ-ràng được.

Nhà cửa ở Dương-dông đều tụ-tập trên hai bên bờ sông, chợ-búa phố-sá ở về bên tả-ngạn, nên bên ấy có phần đông-đúc náo-nhiệt hơn. Có cầu cây bắc ngang sông. Cầu làm không liền nhau, còn chừa đứt một đoạn giữa gác tấm ván nhỏ có bánh xe cho lui tới được, mỗi khi ghe thuyền qua lại, xô tấm ván qua một bên là xong, qua rồi thì bắc lại. Bầy thế ấy cũng tiện, nhưng chỉ dùng được ở chỗ nào không có xe cộ mà thôi.

Sông Dương-dông không rộng mà sâu, nước xanh tốt, nhà cửa ở lan lan ra hai bên bờ, buồm thuyền xan-xát. Chiếc ghe ở đây đóng trông gọn-gàng giản-dị lắm. Mạn thuyền sơn trắng sạch-sẽ, có chiếc viền đen, mũi thuyền vẽ đôi con mắt cực to. Nhỏ lớn thế nào cũng chạy hai buồm, buồm lòng và

buồm mũi. Gió xuôi buồm thẳng ở dằng xa tách làn sóng biếc mà lướt tới, trông cũng hùng dũng.

Buổi chiều đi thăm Giếng-tiên. Giếng ở về tả-ngạn sông Dương-dông, cách huyện-ly hơn hai ngàn thước. Giếng sâu độ một thước, vuông-vức một thước. Đó là xây đá để cho có chỗ mà lấy nước, chứ cũng không phải là đào đất thành giếng. Gọi Giếng-tiên là bởi có cái tinh-cách huyền-diệu ly-kỳ quá. Giếng ở một bên mé nước mặn, nước sông và nước giếng tiếp-xúc nhau mà nước giếng vẫn ngọt không bao giờ pha lẫn nhau. Có khi nước triều lên cao, tràn ngập cả giếng, đến nước triều xuống rồi, lại khoét bỏ lớp nước mặn ở trên mặt rồi cũng lấy được nước ngọt tự-nhiên. Xét ra đó là bởi cái nguồn nước giếng ở cao hơn mặt nước sông nhiều, mạch nước cứ chảy xuống mãi nên không lẫn với nước sông được.

Tiên đường thăm Suối-dá và Suối-mây, cách huyện-ly sáu cây-lô-mét. Phú-quốc là một nơi hải-đảo, chung-quanh là biển cả. Chung-quanh là biển mà người dân không bao giờ phải lo thiếu nước. Suối trong, giếng ngọt không thiếu gì. Bất-kỳ là đường nào, trong một khoảng độ một vài ngàn thước là có một ngọn suối róc-rách chảy ngang. Tắm thì nước sạch mà mát, uống thì nước ngọt mà lạnh. Ấy cũng là cái của quý Tạo-hóa để biệt-dãi người dân ở hải-đảo.

Đường đi Suối-mây cao gồ, đi xe đạp không phải là tay rành kẻ cũng nhọc, nhưng bạn đi chưa nhọc là mấy vì trời còn sáng, đến lúc về đêm khuya dăm trường, bóng trăng tờ-mờ phải năm-năm nơm-nớp mới đi được bình-an. Về ăn cháo khuya ở nhà ông giáo Nguyễn Văn-Ninh. Ông bà đều có tuổi mà vui tính lắm, tiếp-dãi thành-thực tự-nhiên, nên anh em mấy ngày cũng

được sinh-hoạt tự-do như người trong nhà, không phải ngại-ngùng e-lệ như người khách nữa.

..

Ngày 21 đi Cửa-cạn. Cửa-cạn ở về mặt tây đảo Phú-quốc, về phía bắc cách Dương-dông ước ngót mười lăm ngàn thước. Đi có hai thể, đi ghe có gió nam thì thuyền xuôi, và đi bộ dọc theo bãi cát. Hôm nay không có gió nam, đi thuyền chèo thì cũng được, nhưng sóng cồn chập-chờn lảo-đảo, không quen đi biển cũng khó chịu, vậy cùng nhau bỏ thuyền lên bộ, đi cho được nhẹ-nhàng thông-thả. Vả cái thú đi chân mới sẽ phải là cái thú của khách nhân-du; mà thú thiệt. Tôi mới được ngắm cái cảnh đẹp ở bãi biển lần này là một. Ở Hà-tiên cũng có bãi biển, nhưng không được dài rộng thênh-thang bằng ở đây; gia-dĩ ông Tạo-hóa cũng khéo tô-diêm, trong cái cảnh rừng xanh biển lục, thêm cái cảnh cỏ lạ hoa thơm. Bóng dương môn-môn, tư điều thướt-tha diên-cường trên ngọn gió; rước biển chập-chờn, làn sóng nhấp-nhỏ dào-dạt trên bãi cát; chạy dài hàng mấy ngàn thước, thỉnh-thoảng điểm-nhiêm có cái cảnh chòm cây khóm đá trông thanh-thú lắm. Mỗi một cảnh là một bức tranh thủy-mặc con con của các nhà danh-họa Tàu, nét bút nguệch-g ngoạc mà khôi-kỳ, đơn-sơ mà thần-diệu vô-cùng. Đi hết một cảnh bãi cát lại phải đi lên trên ghềnh đá hay đi bên chân đồi, cho mới biết ông Tạo cũng khéo xếp-đặt. Chứ nếu trong cảnh sa-mạc mà không điểm cho có cái cảnh cây cao bóng mát, để cho có lúc hăng-hái mà đi, rồi cũng có lúc thanh-thơi mà nghỉ, thì khách lữ-hành còn biết gì là thú.

Mỗi khi trải qua một cảnh như thế là có một cái danh-hiệu để gọi. Nhưng không thể nhớ hết. Gọi danh-hiệu như thế là cũng tùy cái hình-thể hoặc

ở đó có thứ cây thứ đá gì đặc-biệt. Như « Dương-tơ », là chỗ có khóm dương tơ. Khi gọi tên thì dương bấy còn tơ thực mà đến bây giờ, đến mãi-mãi sau này, khóm dương nọ mà có già cỗi ra nữa thì cũng vẫn còn mang cái danh là « dương tơ », bất-giác phổng câu « Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non » mà hát rằng: « Dương bao nhiêu tuổi gọi là dương tơ », ghềnh Gió là trên ghềnh ấy có cây gió, cây gió là một thứ gỗ thơm, người ta lấy trầm hương ở giống cây này. Có một chỗ gọi là « Đá chẹt » mà đá chẹt thật (chẹt là chặt), hai bên vách đá dương cao, chứa vừa một người nghiêng thân mình đi qua. Các danh-hiệu ở các ghềnh các bãi đại-khải như thế cả.

Đến xóm Cửa-cạn thì vừa trưa. Có ông Nguyễn Tấn-Phát ra đón. Ăn cơm và nghỉ trưa ở nhà quen. Chiều lại trảng học, thầy-giáo, học trò, trên dưới đều có thể-thức đứng-dẫn, trật-tự phân-minh cả. Năm giờ chiều thì cuộc thi xong.

Xóm Cửa-cạn nhà cửa dân-cư ở tụ-lập theo hai bên bờ sông. Con sông xinh sao! Thường đi chơi cũng gặp được nhiều cảnh sông cảnh rạch, nhưng chưa gặp được chỗ nào có cảnh đẹp bằng con sông ở Cửa-cạn này. Sông không rộng, có cầu cây bắc ngang, lối cầu chưa đoạn giữa để cho ghe thuyền qua lại. Chiều trời êm-ả, lên đứng trên cầu tựa vào lan-can mà trông, dòng nước trong như lọc, chảy từ-từ trong lòng cát trắng, hai bên bờ từng túp nhà bán-ăn bán-hiện trong khóm dưới, dặng bần, cành xòa mặt nước, bóng lộn lòng sông, hoa lá đều có vẻ hàm-nhuận, có chiều xinh-sắn. Dòng sông uốn quanh qua hữu-ngạn rồi mới ra biển, có cánh cồn-cát chắn ngang, bóng dương lơ-thơ dưới bóng trời tây bằng-lãng, trông thích quá, anh em bèn thuê chiếc thuyền chèo

cùng nhau chèo thuyền đi chơi phiếm. Bấy giờ bóng dương đã nhạt, cây núi mùi lam, vẻ trời sắc nước như có nhịp-nhàng điều-độ với nhau, chiếc thuyền từ từ xuôi dòng sông, quanh ra cửa biển, tiếng gió thổi vào cành cây thủy-liễu du-dương lẫn với tiếng nước reo dưới nhịp khê-kiều thánh-thót, rõ vẽ ra cái cảnh

*Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ, cuối ghềnh bắc ngang.
Trời tây bằng-lãng bóng vàng,
Một gian nước biếc mây vàng chia đôi.*

Khiến người khách bất-giác gõ mạn thuyền cất tiếng hát giữa khoảng không êm-ái hòa với khúc nhạc quân-thiên diu-dặt.

Đến cồn bèn cùng nhau nhảy lên bãi cát. Mũi cát lẩn đã qua nửa lòng sông. Về mùa này, lòng sông đã hẹp, nhưng thuyền con còn có thể qua lại được, chớ đến mùa nam thì cửa biển lấp lại hẳn. Cũng vì thế mà gọi là « Cửa cạn ». Cửa-dương và Cửa-cạn cũng đều ở về một phía, sao ở Cửa-dương không cạn mà đây lại cạn? Xét ra là bởi ở Cửa-dương bên tả-ngạn có ghềnh đá che ở phía trên gió, mà hữu-ngạn là bãi cát, ở về phía dưới gió.

Sóng biển có đưa cát đến tạt vào ghềnh đá rồi thì cũng giạt ra ngoài, còn ở đây, bãi cát ở về phía trên gió, bên tả-ngạn mà về phía dưới gió, bên hữu-ngạn thì có cái dãi chắn ngang, nên mỗi lần sóng biển đưa cát bên bãi qua là mũi dãi làm vách che lại cả, nhiều ngày như thế, cát không trôi đi đâu được, cửa sông tự-nhiên phải cạn. Nghe người ta kể cách ghe thuyền ở đây, đến mùa nam muốn vô ra ở cửa này cũng lạ. Một đàn năm bảy chiếc sắp-sửa đầu đó an-bài cả rồi thì lại cửa sông mà chờ cho nước ròng, đến khi mặt nước biển xuống thấp hơn nước trong sông rồi, bấy giờ mới nhiều người cuốc thuyền xuống đào chỗ cát lấp lại ấy cho thành mương

nước trong sóng cao hơn thì tất-nhiên phải chảy mạnh, khơi cát lòng sông rộng dần, các ghe thuyền mới nhân đó mà xuôi ra biển. Được độ tuần-nhật, có vài bốn đám giống nam là cửa sông lấp lại như cũ.

Đêm nay ăn cơm nhà ông Du Văn-Ấn và nghỉ nhà ông Nam-an, đến nửa đêm, trăng lên khỏi ngọn dừa mới xuống thuyền về Cửa-dương. Hôm nay bỗng dừng lại được thưởng cái cảnh trăng khuya ở mặt biển. Nước trời mù-mịt, trăng sao tờ-mờ, gió núi lạnh-lùng, sóng cồn dào-dạt, chiếc thuyền lênh-dênh trên mặt biển mà lòng khách những bồi-hồi thán-hận, là đến Cửa-cạn lần này mà không được đi thăm hai chỗ cổ-tích, một là công-trầu bà Kim-Giao, hai là phần mộ bà phu - nhân Nguyễn Trung-Trực. Vả muốn hỏi chuyện cổ-cựu thì phải tìm người cổ-lão, hôm nay không còn ngày giờ ở lưu lại để tìm cho thấy cái di-tích của cổ-nhân, vậy hẵng kể lại cái lịch-sử của cổ-nhân; lại nay mai đây sẽ qua thăm Hàm-ninh, Hàm-ninh chính là nơi chiến-trường của cụ Nguyễn năm nọ, trước khi thăm chiến-trường của cụ, cũng nên biết qua cái lịch-sử của cụ.

Trước đây hãy kể cái lịch-sử bà Kim-Giao. Theo chuyện cổ-tích ở các người cổ-lão ở đây lưu-ngôn lại thì bà Kim-Giao chính là người mở-mang ra đảo Phú-quốc này trước nhất, kể từ đời nào thì không rõ. Phú-quốc sơ-nguyên là một chốn hoang-đảo, có một người đàn-bà người Cao-miên mới đem trâu bò ở trong nội-dịa ra mở-mang ruộng nương cấy cấy. Từ ấy người đảo-dân mới biết khai-khẩn trồng-trọt, kinh-doanh các nghề-nghiep. Bây giờ

các rừng núi Phú-quốc còn có nhiều trâu rừng, người ta nói đó chính là giống trâu của bà Kim-Giao thừa nọ di-truyền lại mà sinh-sản ngày một đông ra. Cánh đồng của bà làm ruộng thừa nọ bây giờ ở về phía tây xóm Cửa-cạn, gọi đó là Đồng-bà, trong đồng hiện còn bốn cây trụ bằng gỗ trại (1). Người ta nói đó là công trầu của bà thừa nọ. Ở Cửa-cạn hiện còn miếu thờ bà, nghe đâu mới trùng-tu, phong-tặng là Kim-giao thần-nữ 金交神女.

Thứ đến lịch-sử cụ Nguyễn; cái lịch-sử cũng khá-ca mà khá-bận đó thay!

Người khách đến đảo Phú-quốc mà không biết được cái lịch-sử của cụ Nguyễn Trung-Trực 阮忠直 thì vẫn còn khuyết-diêm nhiều, nên mấy hôm định khởi-hành đã tìm hỏi các nơi, đến Phú-quốc rồi, tìm hỏi các chỗ di-tích nữa. Lịch-sử cụ Nguyễn vốn không có sử-sách gì ghi chép đến, vẫn là khẩu-truyền với nhau trong dân-gian mà thôi, muốn khảo cho tường-tận thì cũng khó, nay hẵng tạm ghi lấy những điều nghe thấy, còn thì sau này hoặc còn ai có tra-cứu được tài-liệu gì nữa, rồi sẽ chép quyền tiếu - sử cụ. Cụ Nguyễn là một nhà chí-sĩ về cuối đời Tự - đức. Tỏ-tiên trước quê-quán ở đâu thì không rõ, chỉ biết cụ là con nhà thuyền chài, hoặc trước cũng nhà lính-tộc mà sa-sút chẳng. Về cuối đời vua Tự-đức thì cụ mới làm chức Thành-thủ-uy 城守尉 ở Hà-tiên. Năm đinh-mão (1867) quân Pháp chiếm lấy ba tỉnh phía tây Nam-kỳ rồi, Cụ giữ tiết không chịu theo với Tân-trào, bèn bỏ chức trốn đi, từ ấy đông bốn tây tầu, nay đây mai đó. Mấy năm sau, không biết đích là vào

(1) Gỗ trại là một giống cây da-h-mộc, bền lắm. Ở ngoài gió mưa lâu năm thì mòn, chứ không bao giờ mục nát. Người ta thường dùng làm áo quan. Núi Phú-quốc có sẵn giống gỗ này nhiều.

năm nào, cụ chiêu-tập đảng-nhân ở «đám lá tối trời», xuống mưu đốt một chiếc tàu binh đang đậu giữ cửa biển Nhật-tảo 日早 (Nhật - tảo ở về duyên-hải, thuộc tỉnh Tân-an bây giờ), cụ bày cái mưu cũng kỳ mà cũng diệu. Đầu tiên cụ cho trong đảng-nhân hay rằng cụ năm mộng thấy quan Tả-quân Lê Văn-Duyệt cho cụ mấy chữ rằng: «*Thiết luyện lan giang, ngư đình hoán công*» 鐵鍊欄江漁艇環攻. Muốn mưu đốt chiếc tàu nọ thì nên theo cái kế trong mộng kia. Không biết đó cụ có năm mộng thực hay là cụ phao-ngôn như thế để cho trong đảng-nhân tin rằng có sức âm-phù mặc-trợ cho vững bụng hăng-hái trong lúc hành-dộng. Lẽ sau này thì có phần đúng hơn, vả đó cũng là cái tâm-lý chung của các nhà hành-quân xưa nay. Muốn dụng hỏa-công thì đã đành, nhưng mà làm thế nào mới đến gần được tàu Pháp. Cụ thường ngày dò biết quân Pháp đều có ngủ trưa, chỉ để một ít quân canh giữ ngoài thôi. Dò chắc như thế rồi, cụ lại giả làm ghe bán chuối, nải chuối treo trước cột ghe làm quảng-cáo, cứ mỗi buổi trưa là chèo qua khúc sông chỗ tàu đậu, nhiều ngày như thế họ cũng không nghi ngờ gì, dần-dần rồi cứ mỗi lần có ghe bán chuối qua là quân canh vẩy lại mua. Ngọt thàng như thế, cứ một mực buôn bán thực-thà, không thấy có ý gì khác, họ cũng không còn nghi-ngờ gì nữa. Bấy giờ nhất-diện ban đêm cụ cho người lên lặn xuống nước buộc sợi tới giăng ngang lòng sông dưới lườn tàu, nhất-diện cụ cho những thuyền con dưới khoang giấu chở các đồ dẫn-hỏa, giả làm thuyền câu thuyền chài, cho chèo đi câu đi chài theo hai bên bờ sông, rồi ẩn trong các ngõ rạch. Trưa hôm khởi-sự, cũng như mọi ngày, cụ chèo thuyền chuối đi bán, quân canh tàu đã quen mặt, vẩy lại để mua chuối. Khi thuyền kẻ tận mạn tàu, thời

cụ ra hiệu, quân phục các nơi kéo ồ lại, liền phát hỏa.... Trận ấy quân cụ giả làm quân Ngô, thuyền Pháp giả làm thuyền Tào, con sông Nhật - tảo giả làm con sông Xích-bích, diễn lại tấn tuồng về đời Hậu - Hán năm xưa...

Trận này xong rồi, ai cũng biết là cụ chủ mưu, Chính-phủ Pháp cho người theo tìm-nã cụ riết lắm. Cụ bèn trốn về ẩn trong địa-hạt Hà-tiên. Xem chừng yên-yên, cụ bèn lần xuống Hòn-chông chiêu-tập các người dư-đảng năm nọ, súc-tích binh-lương, sửa-sang thuyền bè, cụ khởi qua đánh Kiên-giang (Rạch-giã). Trận lấy Kiên-giang này về ban đêm, dụng thế nội-công ngoại-kích... Cụ Nguyễn lấy được thành, tạm giữ cái địa-vị ông Tuần-phủ Tổng-dốc một lúc.

Còn lại mấy người quân Pháp, trốn được vào rừng, sáng hôm sau nhờ một người An-Nam có đạo Gia-tô dẫn đường rừng về Long-xuyên, tư điện-tín báo tin về Sài-gòn hay. Đại-khai tôn-giáo có quan-hệ đến chính-trị là thế. Tuần-nhật thì tàu binh ở Sài-gòn đến. Được tin báo, cụ liệu không thể chống được, đành có chổng ra nữa thì chỉ làm tổn-hại mạng sinh-linh mà thôi. Cụ bèn đưa gia-quyển và những kẻ từng-nhân ra đảo Phú-quốc. Cụ ghé vào An-thái 安泰. An-thái là phía cực-nam đảo Phú-quốc, bây giờ là Cây-dừa.

Trong lúc ở An-thái ấy thì cụ gặp hai người hương-hào là ông Nguyễn Văn-Điền (kêu là Tổng-Điền) và ông Ngợi (kêu là xã Ngợi). Hai người này thu thuế vừa xong, gặp cụ, bèn không đem nộp cho chính-phủ, mới khiến cụ lấy tiền ấy để mưu quân-sự. Liền đó cụ đem quân lên đóng dài theo mé rừng Hàm-ninh. Bấy giờ tàu Pháp cũng theo ra đến nơi. Hai bên có đánh nhau một lúc. Bãi biển Hàm-ninh cạn xa lắm, tàu không thể áp gần được, chỉ ở ngoài

phát súng lớn bắn vào. Bên này cù cũng có bắn trả lại, bắn thủng súng làm bằng gỗ to, cửa đôi mở lòng rồi bó chặt lại, nạp thuốc đạn vào bắn cũng khá mạnh. Sở dĩ chống cự được là nhờ cù cho quân binh kéo dài theo mạn rừng Hàm-ninh, cứ một lúc kéo ra, một lúc lặn vào rừng, cũng ngăn ấy người mà lúc ra lúc vào, ở xa ngỡ là binh đông vô-số, nên tàu Pháp không dám đem thuyền nhỏ độ binh vào. Tàu Pháp bắn luôn mấy đêm ngày, quân cù đồ. Người ta nói trận này quân Pháp bắn hầu bằng cách rừng Hàm - ninh, bây giờ người làm rừng còn có khi lượm được những đạn bắn nhau lúc nọ.

Bỏ Hàm-ninh cù về ở Dương-dông. Lối trên Giếng-tiên bây giờ còn có chỗ gọi là Bến-dồn, tức là chỗ cù đóng đồn năm trước. Quân Pháp dò được chỗ cù rồi bèn chia quân ra làm hai đạo, một đạo ở Hàm-ninh kéo qua, một đạo ở An-thái kéo lên. Hai đạo đánh đồn lại, quân cù đồ. Bây giờ cù mới đem gia-quyển qua Cửa-cạn ở trên đồng Cây-quáo. Ở đồng Cây-quáo, bà phu-nhân đến kỳ thai-sinh. Nhân sản-hậu còn yếu lại gặp phải mưa, bà ghé vào miếu thờ bà Kim-Giao (truyện vừa tự ở trên), mượn cây lọng che mưa đi. Dọc đường cảm phải mưa gió mà chết. Có người nói đó là bởi bà lấy lọng ở miếu thờ bà Kim-Giao mà phải thần-thánh làm tội, nhưng đó là việc hoang-dường không bằng chắc, và thậm vô-lý. Mộ bà chôn về phía nam xóm Cửa-cạn trên bãi cát, nay hãy còn. Bà phu-nhân này, người ta thường gọi là Cô-Điều. Còn một người thiếp của cù Nguyễn nữa là Cô-Đỗ, cũng trong lúc loạn-quân này thất-lạc đi đâu không biết.

Đưa con bé mới sinh, bà phu-nhân mất rồi, không có sữa bú mà làng xóm lúc đó, nhất là kẻ phu-nhân, thì còn ai dám công-nhiên theo cù nữa, nên không nuôi được, một đảng thì quân Pháp theo đuổi bắt riết lắm, cù bèn lấy vuông khăn gấm gói lấy đứa bé để vào trong bông cây. Nhân chuyện ấy mà sau này người dân bà ở Phú-quốc thường bị sản-nạn, họ cho đó là bởi oan-hồn bà Nguyễn làm hại, vì còn giận về việc không cho con bà bú lúc nọ. Việc này thì có khác gì việc mượn lọng ở trên. Ấy là bởi người dân bà, khi nghe được chuyện nọ, quá tin quá sợ sinh mộng-mị mà thành bệnh đó thôi. Bây giờ thì đã hết.

Cù Nguyễn lúc này lên rừng về mạn ngược sông Cửa-cạn, kẻ tùng-nhân cũng còn thỉnh-thoảng theo về. Bây giờ Chính-phủ Pháp sai Lãnh-binh Tấn ra Phú-quốc tìm bắt cù (1).

Ông Tấn đến ở Dương-dông bảo người trong làng xóm chỉ-dẫn chỗ cù Nguyễn trốn, nhưng không ai chịu nói, ông Tấn bèn cho rút ngược cả các người trong làng, mà cũng không ai chịu khai. Tin oan-khốc này truyền đến cù Nguyễn, cù không thể nhẫn-tâm để vậy được, cù bèn sai đồ các lương-phạm xuống sông, và cho các tùng-nhân giải-tán. Sông Cửa-cạn bây giờ có một chỗ gọi là Búng Cây-lương (2), tức là chỗ cù Nguyễn đồ lương lúc nọ. Xong rồi cù bèn sai người trói cù lại, giả là bắt được dẫn về Dương-dông. Đến Dương-dông, cù không chịu sang sông mà đứng trên cồn bèn hữu-ngạn gọi ông Tấn đem thuyền qua rước. Ông Tấn ban đầu cũng lấy lễ đãi cù, dẫn về Sài-gòn khuyên cù theo về với Tân-

(1) Lãnh-binh Tấn không được biết là họ gì. Nghe đâu lúc ấy Chính-phủ định sai Tổng-đốc Trần Bá-Lộc, nhưng ông Lộc bận đi đánh giặc đảng khởi-nghĩa ở Thập-bát-phủ - viên. (18 thôn Vườn trâu) thuộc tỉnh Sa-đéc bây giờ, nên mới sai ông Tấn thay.

(2) Con sông có chỗ rộng ra và sâu, gọi là búng.

trào. Dầu nói thế nào cũng không chuyển được bụng cụ, khi ấy mới điệu cụ về Kiên-giang. Người ta kể chuyện lại buổi đem cụ ra xử ở pháp-trường, cụ vẫn điềm-tĩnh tự-nhiên lắm. Hôm ấy cụ xin mở trời cho cụ, mặc lễ-phục, áo thụng khăn đen dăng-bê; cụ lại xin cho nhân-dân trong tỉnh đến coi đám xử cụ. Cụ thông-thả đi giáp vòng, thỉnh-thoảng nói mấy lời từ-giã anh em chị em đồng-bào buổi sau cùng. Đại-khai cụ dặn nhân-dân hãy đừng bắt-chước cụ lo việc binh - đao, đồ máu vô-ích, cuộc thế mạng trời đã thế, phi là người siêu-quần lỗi-lạc thì không sao vãn-hồi lại được. Không phải cụ đến ngày nay mới biết, cái cơ thất-bại đã định được từ những ngày một hai rồi vậy. Nhưng dầu được dầu thua thế nào thì cụ cũng làm, đó là quyết đem một tấm thân tàn để đền-bồi cho gia-hương tổ-quốc, vì cái thân sống thừa cũng vẫn là cái thân vô-dụng rồi. Đốt tàu Nhật-tảo, hay đánh lấy Kiên-giang, cụ cũng biết đó không phải là cái mưu khởi đại-nghĩa mà giữ được cái kế trường-cửu. Đã biết thế mà làm là cho hả giận, được vỗ tay reo cười một lúc rồi mà chết thì cũng ngậm cười, gặp tiền-nhân ở dưới tuyền-dải mà không hổ vậy. Rồi cụ có một bài tuyệt-mạng rằng:

書劍從戎自少年。
 Thư kiếm tùng nhung tự thiếu-niên,
 腰間膽氣有龍泉。
 Yếu gian đảm khí hữu long tuyền;
 英雄若遇無容地。
 Anh-hùng nhược ngộ vô dung địa,
 抱恨深仇不戴天。
 Bão hận thâm cừ bất đại thiên.

dịch là:

Theo việc binh-nhung thừa trẻ trai,
 Phong-trần hăng-hái tuốt gươm mài;
 Anh-hùng gặp phải hồi không đất,
 Thù hận chan-chan chẳng đội trời.
 Quân đao-phủ hôm ấy là một người

Cao-miên, vì người An-Nam không ai nữ lãnh việc ấy cả. Đến giờ hành-quyết cụ đứng vén tóc gáy nghênh cổ bảo tên Cao-miên chém cho rõ mạnh để lưỡi dao khỏi dục - đặc. Lưỡi dao thoảng qua, đầu cụ rơi, mà tay cụ vẫn đưa tay hứng lấy được đặt lại như cũ rồi thân mới phục xuống. Cái anh-khi ấy ai là người không kinh-hoàng mà cảm-phục. Chém cụ rồi nghe còn có người tự-vẫn tại pháp-trường để tỏ ý thương tiếc cụ. Nhân-dân xin chinh-phủ Pháp cho thi-thể về mai - táng trọng-thề. Ở Rạch-giá bây giờ nghe dân hãy còn mộ và đền thờ cụ.

Cụ mất rồi, còn bà mẹ già, người trong đảng đem tiền trợ-cấp, bà không nhận mà trả lời rất khảng-khái rằng: — Cụ Nguyễn chết đó là vì nghĩa-vụ và quốc-gia mà chết thì bà còn ân-hận gì nữa, bà vẫn lấy đó làm một việc vinh-dự cho tổ-tiên giòng-giống. Nay các tiền bạc ấy đem cho bà thì đã có công-dụng gì ích-lợi, chỉ bằng dùng làm những việc công-nghĩa công-ích chẳng là hay hơn mà đó mới là trả được giận cho cụ Nguyễn ở tuyền hạ. Cho mới biết, người anh-hùng-chí-sĩ cò-kim phần nhiều là sở-đắc ở mẫu-giáo rất nhiều vậy.

Tin cụ mất truyền đến triều-dinh Huế. Vua Tự-đức sai làm lễ truy-diệu cụ, có bài văn thề trường-thiên cổ-thi rằng:

...提彼漁人。
 Ủy bỉ ngư-nhân,
 雄哉國士。
 Hùng tai quốc-sĩ;
 火日早船。
 Hỏa Nhật-tảo thuyền,
 屠堅江壘。
 Đồ Kiên-giang lũy;
 敵慨同仇。
 Địch khái đồng cừ.
 身殲自矢。
 Thân tiêm tự thi;

血食千秋。

Huyết thực thiên thu,

彰我忠義。

Chương ngã trung-nghĩa.

Câu chuyện cụ Nguyễn cũng khá dài, nhưng khách ẩm-băng có câu chuyện tiên ngày dài của khách ẩm-băng, thì khách đi biển cũng có câu chuyện tiên đêm dài của khách đi biển. Huống ngồi lênh-dênh dưới bóng trăng trên mặt nước mà kể chuyện cụ, thấy những cảnh tang-thương mà than nước, cảm những màu kim-tích mà khóc trăng, thì ở trong đêm đông mà quên lạnh, ngồi trên mặt sóng mà quên say, cũng chẳng hay đó ru!

Câu chuyện vừa dứt thì bóng trăng đã xế ngang đầu, thuyền cũng vừa vô Cửa. Lên nhà vừa đặt lưng xuống, bừng mắt tỉnh thì hiện đông đã dội bóng hồng.

...

Ngày 22, đi thăm các đình chùa. Đình làng Dương-dông 楊東會館 ở về bên hữu-ngạn, cất trên cồn cát. Kề về mi-thuật thì không có gì, nhưng sẵn gỗ, sẵn người, cất rộng-rãi chắc-chắn lắm. Các cột đường trên dưới đều toàn bằng gỗ trai cả. Cũng bên hữu-ngạn, ở ngoài bãi cát là miếu thờ cá ông voi, ở đây gọi là Lăng Ông, tặng là Nam-hải tướng-quân 南海將軍. Trong thờ hai bộ xương hàm cao hơn ba thước tây, sẽ biết con cá cũng khá to. Bộ xương ngoài phủ khăn hồng kỹ-lưỡng. Cá ông voi đối với người đi biển có khác nào một lá từ-hàng trong khỗ-hải, vẫn thành-thực tin-nguỡng, trân-trọng thờ phụng. Có nhiều người phải đắm thuyền kể chuyện rằng bình như có sức gì đưa vô bờ về được bình-an, họ nói đó là nhờ ông cứu. Cá ông voi là một loài kinh-nghê to lớn đã có tiếng, nhưng không biết thực có lòng nhân-từ cứu vớt người trầm-luân như

thế hay không. Dù phải dù không thế nào mặc dầu, về nghĩa tôn-giáo, người ta đã thật bụng có là có. Có tin rằng ở giữa bề khỗ mệnh-mạng kia hãy còn có kẻ cứu-khỗ cứu-nạn cho, thì mới có vững lòng vững dạ, mà ra khơi vượt biển, lặn lội giữa dăm sóng gió, dầu nguy-hiểm cũng chẳng ngại gì. Nếu không thế thì ra đứng mặt biển trông vời mệnh-mông, sóng cồn như non, nước trời bát-ngát, ngấm lại thân mình như hạt bụi như mây lông mà đủ khiếp sợ kinh-hoàng rồi, thì còn giữ sao được cái chí kiên-nghị, cái lòng mạo-hiểm mà theo đuổi các hải-nghệp được nữa. Cái lòng tin-nguỡng người ta có quan-hệ đến cuộc sinh-hoạt ở đời là thế. Miếu thờ đã cũ, còn mấy câu đối ca-lộng cái công-dức của ông Nam-hải tướng-quân khá có ý-vị, đủ khám-phá được cái lòng sùng-bái của người lặn-lội ở chốn hải-tân.

I

南浦澄凝潭德澤。

Nam-phổ trừng-ngưng đàm đức trạch

海濱蕩漾普恩波。

Hải-tân dãng-dạng phổ ân ba.

II

惠澤敷施延水國。

Huệ trạch phu thi diên thủy-quốc.

鴻恩流布沛江津。

Hồng ân lưu bố bài giang-tân.

III

桂棹乘浪歌德澤。

Quế trạo thừa lang ca đức trạch.

蘭橈航海沐恩波。

Lan nghiêu hải hải mộc ân ba.

Chiều đi thăm ba cảnh chùa. Ba cảnh chùa này ở trên một trái núi. Mé đông-bắc di lên, dưới là Sùng-hưng-tự 崇興寺. Trước ở đây là đất nghĩa-dịa có chùa thờ là Sùng-nghĩa-tự 崇義寺

và một cái chùa nữa là Hưng-nhân-tự 興仁寺. Sau này sửa chung làm một, mới lấy hai chữ Sùng-hưng làm hiệu chùa.

Giữa núi là chùa Quảng-tế 廣濟. Trên đỉnh núi là chùa phật quan-âm. Kể về mỹ-thuật kiến-trúc thì chùa Quảng-tế là hơn, còn về phong - cảnh u-thắng thì chùa trên là hơn cả. Chùa cất trên tuyết-đỉnh, trước mặt thì có núi cao bình-ân, sau lưng thì có biển rộng hoành-triều, rất được thể non thể nước. Tường đá rào tre quanh-co, các thứ nhàn-hoa cỏ-thụ, u-ảo thanh-tĩnh vô-cùng. Thật đã khéo đem tay nhân-công mà tô-diểm cho cảnh thiên-nhiên. Cảnh về chiều lên đứng trên tảng đá sau núi trông về phía tây mà xem mặt trời lặn. Mặt biển xanh ngắt phẳng tận chân trời, cánh buồm trắng - trắng phất - phơ in vào làn mây dáng hồng-hồng thấp-thoảng xuôi về phía vô-cùng. Một vành tà-huy đỏ-đỏ từ-từ ngả. Xuống gần mặt nước thì cái vành đỏ càng lớn dần ra, bấy giờ mặt nước ở chỗ gần chân trời đã đổi màu hung-hung đỏ, trông thoảng một cái là đã lặn một nửa vành xuống mặt nước, còn một nửa làn mây thơ-thơ giăng-án. Bên này, bóng trời dần-dần tối, mấy ngọn núi lơ-mờ trong đám sương mù như cảnh chiêm-bao, tiếng chuông khẽ động, dư-hương du-duy, người trong cảnh ấy nào biết đâu nhân-gian còn có bụi lấm. Xuống núi ra về, đi ngang qua nhà đương làm tang-ma, nghe tiếng thống-khốc, giạt mình mới hay mình vẫn chưa thoát khỏi cõi trần-hoàn.

Ngày 23 đi Hàm-ninh. Hàm-ninh 咸寧 ở về mặt đông đảo Phú-quốc. Từ Dương-dông đi Hàm-ninh đường dài 14 cây-lô-mét. Xe ngựa khởi-hành từ sáng sớm. Suối-dá, Suối-mây đi chơi hôm mới đến cũng ở về đường này.

Đường đi qua truôn lên đèo, xe ngựa phải lên xuống luôn, không được một quãng phẳng-phiu. Phong-cảnh hai bên đường thì thực đẹp; núi rừng kỳ-tú, cây cỏ thanh-u. làn gió đưa; tiếng chim hót, cây cảnh đâm hoa trổ lộc, mọi vẻ đều có vẻ hớn-hở tươi cười mà khả-ái. Đẹp nhất là rừng sim cảnh lá gie la-lả ra hai bên vệ đường, trông xinh quá, anh em bảo ngừng xe xuống tìm hái trái. Bông hoa sim mới nở thì màu hồng-hồng, bông nào nở đã lâu, nặng sương dãi ra màu trắng trắng, thành thử một giống cây mà hai màu hoa, vẻ hồng-phấn điểm lấm-tấm trên chòm lá xanh mơn-mớn bỏ phơ xuống thướt-tha. Tháng này mới bắt đầu khai-hoa, nhưng thỉnh-thoảng cũng có được một vài trái chín. Về đầu mùa xuân thì mới đến mùa hái sim. Đến mùa sim chín thì đàn ông con trai ai đã có công việc chài lưới mắu muối, thì chỉ có đàn bà con gái từng đàn lũ lượt rủ nhau vào rừng hái sim. Chắc không còn gì đẹp hơn là trông những cô thiếu-nữ người mộc-mạc ngây-thơ xách rổ đi lần vào trong rừng sim sẽ vít cành mà hái trái, trông cái cảnh êm-ả dưới ánh thiếu-quang tươi-tĩnh, cảm-dộng quá mà không biết, cất tiếng hát mấy câu rất nhẹ-nhàng êm-ái:

*Muốn tắm mát lên ngọn sông đào,
Muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh.
Hai tay vin cả hai cành,
Quả chín thì hái, quả xanh thì dùng.*

Hay là trông người thiếu-phụ, nét mặt râu râu, những cảnh - vật xung quanh mình ai cũng cho là đẹp mà ở mắt người thiếu-phụ ấy thì đều là những vẻ buồn rầu làm cho kêu gọi mỗi sầu-cảm, cũng cất tiếng hát :

*Đến đây những suối cùng khe,
Chân sim bóng núi tiếng ve gọi sầu ;
thì tâm-sự của người thiếu-nữ và người thiếu-phụ vừa rồi, nghe câu hát mà cũng có thể đoán được, mà hai*

cảnh ấy đều là hai cảnh vui buồn có khác nhau, chứ cũng đều là cảnh đẹp gọi được cái mỹ - quan mỹ - cảm của người lặn ngắm vậy.

Đến Hàm-ninh vừa trưa. Xóm Hàm-ninh là cuối con đường ở Dương-dông qua, chỉ lác-dác vài xóm nhà, dân-cư không có mấy. Đây tiếng là Hàm-ninh chứ là một cái ấp, làng sở-tại là ở trên Bãi-bồn, trảng học cũng ở trên ấy. Bãi-bồn cũng ở về mặt đông, cách Hàm-ninh về phía bắc ước gần 20 ngàn thước. Độ này gió bắc thổi mạnh, không thể đi thuyền lên được, vậy anh em cùng nhau lội bộ dọc theo bờ biển. Hai chục ngàn thước, đi trên ghềnh trên bãi, nghe cũng chùng chân, nhưng đến đây mà trở về thì cũng thiệt. Vậy dự-bị xong, quá ngọ thì khởi-hành, có nhờ người trong làng đưa đường. Thế là anh em đi trong cảnh chiến-trường của cụ Nguyễn Trung-Trực hồi 50 năm về trước đây. Trông ra gió cuốn dầu ghềnh, sóng ầm mặt bãi, núi rừng sầm-uất, mây khói ngất trời, tưởng chừng như cái hùng-phong di-hận của khách anh-hùng mặt-lộ chưa tan, và cái oan-hồn của kẻ tử-sĩ chốn chiến-trường xưa như còn vơ-vẩn.

Gió cuốn lạnh-lùng hồn chiến-sĩ,

Khí thiêng đề gợn khách anh-hùng :
bồi-hồi cảm-khái vô-cùng !

Hàm-ninh đi Bãi-bồn đường bãi tiêu-diêu vắng-vẻ hơn ở đường đi Cửa-cạn, nhưng có phần dễ đi hơn nhiều. Bãi ở Cửa-cạn thứ cát trắng mịn trông thì đẹp mà khó đi quá, chân bước nặng chình-chịch ; còn ở đây thứ cát vàng hay đen mà hạt to, đi không lún như ở Cửa-cạn, có chỗ đi phẳng-phiu như trên đường đất. Dọc theo mé bãi, cây cối ngổn ngang lớp cũ lớp mới năm la-liệt, trông tiêu-diêu xơ-xác không như cái cảnh thanh-thanh mơn-mơn như cảnh bãi bên Cửa-cạn, nhưng có cảnh ghềnh đá thì thật lạ, kỳ-hình quái-trang, lại đủ các màu các

sắc li-kỳ quá. Người khách du-quan muốn chơi núi thì ở Dương-dông mà chơi, muốn chơi sông thì đi Cửa-cạn mà chơi, còn muốn chơi đá thì hãy qua Hàm-ninh mà chơi. Có một chỗ gọi là Đá-bạc, mà đá bạc thiệt. Xa giữa vùng sóng biển nhấp-nhò trông mấy khóm đá bạc phơ đầu. Đá ấy là thứ đá xanh, đen hoặc hung đỏ, mà phân bày trên mặt nước lại diêm có thứ đá trắng.

Từng nghe có cảnh chợ Trời, nay lại thấy có đá bạc. Tưởng ai muốn đi chợ Trời nên mang theo một mớ « bạc đá » ở đây thì mới phải tư-cách người đi chợ, mà tưởng cũng chỉ có thứ bạc này mới đặc-dụng được ở thị-trường trên từng mây kia mà thôi. Có chỗ gọi là Đá-bao, thì trông nghiêm-nhiên tròn chẵn như cái bao gạo đặt trên phiến đá. Cái tay của ông Hóa-công cũng tỉ-mỉ lắm thay. Còn có chỗ Đá-nhảy thì dõ ai đi ngang đó mà không nhảy được, vì tảng nọ không liền với tảng kia, cách nhau vừa một cái nhảy, dầu không cố ý nhảy cũng phải nhảy soi-sỏi một lúc. Nhảy xong cùng trông nhau cả cười. Bãi Ông-thầy, là đến cánh bãi ấy thì vừa trông thấy dầu xóm Bãi-bồn, bãi thẳng nên trông thấy, chứ còn phải đi một đôi cũng khá xa. Đến xóm thì ác vàng vừa ngắm non đồi. Lại nghĩ nhà ông Nghiêm Văn-Đại. Ở Bãi-bồn đây trước là hai ấp : ấp Tân-tập 新集 và ấp Thái-thịnh 泰盛 đều thuộc làng Hàm-ninh. Dân-cư ở dài theo mé biển cũng khá đông-dúc. Các nghề-nghiệp thì không phải làm nghề đánh cá, làm nước mắm như bên Cửa-dương, Cửa-cạn, mà làm nghề bắt dọt và lặn hạt trai, thường gọi là ngọc-diệp. Con dọt là một món hải-vị rất quý rất được giá. Bắt dọt trong cạn thì dầm bằng cây độc sắt nhọn, cán cây dài độ 3, 4 thước, ở đây gọi đó là đi chổng dọt, nghĩa là chổng thuyền đi dầm dọt. Còn ở ngoài khơi thì có thứ

lưới nhỏ giăng dưới cặp chài nặng rồi cho ghe chạy kéo vớt lên, đó ở đây gọi là đi cào ; ở đây trái với bên Dương-dông là làm việc về mùa Nam, bên nay lặn là lúc bên Dương-dông động, còn về mùa này thì nghỉ như bên Dương-dông về mùa nam, thỉnh-thoảng có lúc trời êm cũng có người đi cào hoặc đi chong đột ở các bãi gần.

Ngày trước ở đây dài theo chân núi người ta cũng có đào được mỏ huyền và gọt các vòng chuỗi làm trang-vật. Huyền ở đây vẫn có tiếng tốt lắm. Mấy năm sau này huyền ở hạt Cao-miễn dễ lấy và giá hạ, nên ở đây không làm nữa.

Trên xóm Bãi-bồn là Bãi-đột, cánh bãi ấy có sẵn con đột nhiều. Trên Bãi-đột là Đá-chồng, xa trông thấp-thoảng có mấy hòn đá, hòn nọ chồng lên hòn kia. Khối Đá-chồng thì mé biển khuất qua phía bắc đảo. Ban đêm, ở đây thấy được ngọn hải-dăng Lộc-trĩ ở Hà-tiên nằm trên mặt nước. Giải núi Tà-lơn, núi Bạch-mã (Kép) ở bên tả, mấy cái đảo-dữ về mặt duyên-hải Hòn-chông. Rạch-giá chệch về bên hữu. Về phía nam thấy được mũi Cây-dừa là cực-nam đảo Phú-quốc.

..

Sáng ngày 24 thăm trường học Bãi-bồn. Tường lá vách đất đơn-sơ thời thì đã dành, duy có bàn học-trò ngồi đóng khi cao quá, khi thấp quá, không hợp thức với học - trò. Các trường học trong làng phần nhiều đều như thế cả, rất không hợp với việc vệ-sinh con trẻ, việc ấy không nên cho là một việc không quan-hệ mà không săn-sóc đến được.

Học trò ở đây học quốc-ngữ giỏi lắm. Ông Nghiêm dạy văn quốc-ngữ cho học trò rất kỹ về những dấu hỏi dấu ngã. Hỏi cậu nào cậu ấy nói trúng phần-phất. Viết quốc-ngữ mà những chữ dấu hỏi, dấu ngã ở Nam-kỳ ít ai

lưu-tâm lắm, nên không mấy người viết được đúng.

Thăm trường xong, có thuyền của làng cho đưa về Hàm-ninh, có ông Nghiêm cùng đi. Hôm nay gió bắc thổi riết lắm, sóng cả thuyền con xuýt nữa mà nguy-hiểm. Chiếc thuyền lắc-lư luôn, phải một trận say sóng cũng dữ. Trưa về đến Hàm-ninh, thuyền đậu tận ngoài xa, phải thay quần áo lội nước ngang lưng vô bờ. Săn xe ngựa về Suối-mây ăn cơm nhà ông Nguyễn Chánh-Thê. Xế về Cửa-dương tiện đường ghé chơi mây trên núi Linh-sơn 靈山. Ở Dương-dông có núi này là cao. Từ đường vô núi độ hơn ngàn thước, rồi bắt đầu đặng-cao. Đường đi quanh theo sườn núi. Cây đá đều có màu đỏ-kính, có vẻ kỳ-tú, trông cũng tương - tự như cảnh núi Đại - tô - châu ở Hà-tiên. «Trèo non quên mệt», đi đây mà hồi nhớ lại cuộc đặng-cao năm trước, cái cảm-giác thật không có khác gì nhau. Trên tuyết-dỉnh có người cất am dưỡng-nhàn, mời anh em chè nước vui - vẻ. Núi Linh-sơn kề cũng là một ngọn núi cao trong các ngọn núi ở đảo Phú-quốc. Lưng tựa về phía tây-nam, mặt hướng về phía đông-bắc. Đứng trên tuyết-dỉnh, trước mặt trông thấy được giải núi Tà-lơn ở Cần-giọt, bên tây trông thấy được Ghềnh-gió, Bãi-dài, bên đông trông thấy được biển Hàm-ninh, Bãi-bồn ; phía dưới con sông Dương-dông uốn quanh như con bạch-xà lượn trong vùng cây xanh, con đường Hàm-ninh chạy dài như giải lụa phơi trên bãi cỏ biếc. Trước sau, tả hữu, toàn núi là núi, quần-sơn vạn-hác vô-số, ngọn cao ngọn thấp la-liệt, bao bọc chung quanh, sẽ biết toàn-đảo Phú-quốc này đều là núi cả. Thường ngày trông vào bức dư-đồ thấy một vệt dọc từ bắc-đảo đến bán-đảo, ngỡ chỉ có một giải núi còn thì là đất bình-nguyên, lên đây mới biết là

Ngẩng đầu trông lên thì vầng hồng-nhật đã hơi chệch về tây, các khóm bạch-vân lơ-lửng bên sườn núi phất qua, con chim hóm từ ở ngoài mặt biển thẳng cánh bay về, một trận gió thoảng mấy tấm lá vàng rơi, bay tít về phương trời xa xa. Một hồi kim-cổ, mấy cuộc tang-thương, tấn trò ông Tào-hóa diễn thoảng trong chớp mắt, khách đăng-cao bỗng sinh có cái cảm-tưởng đột-ngột mà li-kỳ, như bàng-hoàng, như cảm-khái vô-cùng. « *Quyện điều hữu tình y mặt điệp, nhân vân vô ý lạc không đình, 倦鳥有情依密葉. 閒雲無意落空庭* », sẽ biết cái triết-lý của đạo Phật là cao-siêu là đột-ngột, biết dường nào!

« *Đăng Thái-sơn nhi tiếu thiên-hạ* », câu ấy rất hợp với tâm-lý của khách đăng-cao. Năm nọ lên chơi núi Đại-tô-châu có câu thơ:

*Lác-dác dưới chân non nước nhỏ,
Chập-chờn trước mặt khói mây gần,
trong ý tự-phụ cho đó đã là cao,
sau này xem sách thấy Tống-thì, thơ
đăng-cao ở Hoa-sơn có câu:*

*只有天在上。
Chỉ hữu thiên tại thượng,
更無山與齊。
Cánh vô sơn dĩ tề。
舉頭紅日近。
Cử đầu hồng nhật cận,
回首白雲低。
Hồi thủ bạch-vân đề ;*

thì mới biết là mình còn thấp hơn nhiều. Núi Đại-tô-châu, núi Linh-sơn chưa cao bằng núi Hoa-sơn thì đã đành, nhưng phải nên biết rằng tâm-hồn mình còn chưa có cái cao-độ bằng cổ-nhân vậy. Xuống núi có mang về được một cây linh-sơn-trượng bằng gỗ sầm để kỷ-niệm cuộc đăng-cao.

Ngày 25 ông Tăng Văn-Trợ mời vô chơi sở đồn-diễn trồng cao-su ở Ghềnh-

gió. Ở đây không phải cái cảnh : « anh em ngồi quanh bếp nói với nhau : ấy đèn ông chủ, ấy chó ông chủ », như cái cảnh trong quyển *Người Quay tơ* của ông Nguyễn Tường-Tam, nên cũng được xem qua cái cách người ta lấy mủ cao-su. Mỗi ngày, sáng sớm là đi cắt mủ, mỗi gốc ước được non non một chén ăn cơm. Mủ đem về cho lộn với *acide acétique* đánh cho nổi bọt lên, bọt ấy là những cái dơ cặn ; vớt bọt ấy cho lộn với những mủ rót dưới đất cát làm ra hạng mủ thứ nhì, tiếng Pháp gọi là « ít-ráp ». Còn thứ mủ sạch trắng tốt để lộn với *acide* một buổi thì đông đặc lại. Bấy giờ mới đem mủ đông ấy cho vào máy cán, ép qua lại ba bốn bận, thành tấm mủ dày độ một phân tây, rộng độ 4 tấc 5 tấc. Thứ đó là thứ tốt, tiếng Pháp gọi là « rếp ». Mủ không được phơi nắng mà hong trong cái hầm đốt lửa ấm luôn. Thứ này gửi ra ngoại-quốc để chế-tác ra các vật-liệu bằng cao-su.

Trồng cao-su ban đầu công vốn có nhiều, chứ đến bảy tám năm trở lên, cây đã lấy được mủ rồi thì chỉ ngồi thu hoa-lợi, khỏi phải săn-sóc gì lắm như làm ruộng, mỗi mùa đều phải cày bừa vun bón.

Đảo Phú-quốc các chỗ thung-lũng thì làm ruộng cấy lúa, còn các chỗ cao-nguyên hay dọc theo sườn núi thì làm dẫy hoặc trồng tiêu. Vườn tiêu thì nhiều hơn. Cây tiêu trồng có nọc cũng như cây trầu, lá nhỏ hơn lá trầu mà có trái. Trồng tiêu rất nhiều công-phu, phải săn-sóc bón tưới luôn, Đất Phú-quốc, bình-nguyên cao-nguyên đều màu-mỡ lắm, rất lợi cho sự trồng-trọt. Có một hội người Pháp khải một sở đồn-diễn hết phần dưới nam-đảo, mộ phu người Trung-Bắc-kỳ vào làm, hoa lợi rất lớn, lại nghiêm-nhiên làm chủ-nhân-ông một cõi hải-đảo. Độ này nghe đâu có quan Thống-

đốc Nam-kỳ xuống thăm, nghe chừng có cuộc tiếp rước long-trọng lắm.

...

Ngày 26, chiều có kỳ tàu ở Xiêm lại, vậy thu-xếp lo qui-kế. Buổi sớm mai đến quan quận ghi giấy và đi từ-giã các thân-hào. Tìm hỏi thăm nhà bà Trần Xảo-Vân 陳巧雲 là một nhà nữ-sĩ cựu-học có tiếng ở đây. Bà trước là người Hà-tiên lấy ông huấn-đạo người Trung-kỳ ngồi dạy học ở Kiên-giang. Bà có tiếng hay thơ, từ thuở thiếu-thời, thường có thơ xướng-họa với các văn-sĩ ở Hà-tiên, nay không còn truyền được mấy bài. Ông mất ở Vĩnh-long, bà đem con ra ở Phú-quốc làm thuốc và dạy học-trò. Con bà là ông Vũ Anh-Phong 武英鳳 thiệp-liệp chữ Hán mà có tài làm thơ nôm, hiện còn truyền được nhiều bài hay. Khi báo *Nông-cổ mìn-dâm* mới xuất-bản ở Sài-gòn, ông có làm báo ấy một độ. Ông mất được ngoài mười năm nay. Bà Trần Xảo-Vân mới mất hồi mùa hạ vừa rồi. Ông Vũ Anh-Phong hiện còn người con trai là ông Minh-Thanh, hôm nay đến thăm, ông tiếp rước ân-cần lắm. Ông lại vui lòng cho mượn các bản-biên đoạn-giản của tiên-nhân để lại. Dư-âm dư-vạn của các cụ ngày xưa còn tản-mát trong chốn hương-thôn, còn được chút nào là nên thu-thập lại, đó là tài-liệu rất có ích cho quốc-văn buổi phối-thai này. Hôm nay gần về, được mấy tập thơ lấy làm cái kỷ-vật quý-hóa cho cuộc đi Phú-quốc kỳ này vậy. Trưa ông Nguyễn Văn-Mẫn làm tiệc tiễn-hành, có cả các thân-hào cùng dự. Có người hỏi: « Các ông đến thăm đảo Phú-quốc chúng tôi kỳ này có cái cảm-tưởng như thế nào? » Xin lấy bụng thành-thực thưa: « Chúng tôi qua chơi đây mới mấy hôm mà có cái cảm-tình với đất Phú-quốc rất nhiều. Cuộc sinh-hoạt ở đây rất hòa-hợp êm-ái, nhân-dân phần nhiều còn giữ được cái tính chất-phác, cái phong cổ-thời,

ăn ở với nhau vẫn giữ được thuần-hậu hòa-nhã, chưa có cái cạnh-tranh xô-xát quán-như cái xã-hội văn-minh trong nội-địa. Nhân-dân trong đảo nếu các ông khéo đem cái giáo-dục tốt mà bổ-hóa cho họ, dạy cho họ biết bảo-tồn lấy cái đức-tính cũ ấy, lại phải dạy cho họ biết yêu cảnh thiên-nhiên, vì người Phú-quốc là người sinh-trưởng trong cảnh thiên-nhiên, rất gần với cảnh thiên-nhiên, đừng nên mê lòng lờ mắt về màu văn-minh vật-chất, cứ giữ cái phong-tục chất-phác thuần-lương ấy thì còn gì hay bằng. Càng không gần với trong nội-địa, càng không gần với cái xã-hội cạnh-tranh, thì lại càng dễ bảo-tồn được cái bản-tính cổ-hữu ».

Năm giờ rưỡi chiều, tàu Xiêm đến đậu ngoài Cửa, thuyền nhỏ đưa ra, bắt tay từ-giã nhau, kẻ ở người về. Hai bên đều có chiều quyến-luyến, mới gặp-gỡ mà như đã quen biết nhau trong mấy năm trời. Bảy giờ đêm tàu lấy neo, chạy xuống Cây-dừa. Trông vào bờ, ban đầu còn trông thấy thấp-thoảng được bóng đèn các thuyền câu thuyền chài, dần dần hút mất vào trong đám sương mù. Tàu chạy giữa biển đêm tối, không biết đâu là bờ bến. Chín giờ, tàu đến Cây-dừa đậu lại. Đi Phú-quốc kỳ này, đi chơi cũng mĩ-mãn, duy còn hai chỗ chưa đến thăm được, rất lấy làm tiếc, một là Giếng-ngự hai là mộ ông-Hoàng ở Cây-dừa đây. Hai cảnh này ở phía nam đảo mà về mặt bên đông tức là mặt Hàm-ninh đi xuống, chỗ ấy không có làng-mạc dân-cư gì, nên ít ai đi đến gia-dĩ độ này bên mặt đó động trời, ghe thuyền khó đi lắm, đã tìm hết phương-sách mà không đi được.

Vua Gia-long khi đánh nhau với Tây-sơn, một lần bị thuyền quân nghịch đuổi chạy lênh-dênh mãi giữa biển cả, được tuần-nhật trong thuyền hết nước ngọt đến vô được đảo Phú-

quốc, chưa kịp tìm được suối giếng gì thì thấy trên ghềnh đá có vòi nước bắn tóe ra, vua ném thử ngọt mới sai quân đục đá thành vũng để lấy nước, nên đó mới gọi là Giếng-Ngự. Vua lại có sai đục đá để bài thơ làm bi-ký, đó gọi là đá bài-thơ. Giếng-Ngự thì nay nước cũng vẫn còn ngọt tốt như xưa, còn chỗ bi-ký để bài thơ thì đã mòn hầu hết mất nét chữ. Nghe đầu năm nọ ở triều Huế có chỉ sai quan làng đến vỗ lấy, nhưng không được. Trong sách sử có chép rằng: Vua Gia-long gặp phải khi thuyền Tây-sơn đuổi, ở giữa biển bầy đêm ngày hết nước ngọt, vua van-vái thì nước dưới biển chảy chia làm hai dòng: một dòng trong một dòng đục, lấy bên trong thì nước ngọt, khi lấy rồi thì nước mặn lại. Ấy tức là chuyện lấy nước ở Giếng-Ngự này mà bịa đặt thêm vào cho hoang-dường, chớ nước giữa biển mà có ngọt được bao giờ. Trong vùng đó có cái mộ gọi là mộ ông Hoàng, cũng trong lúc vua Gia-long tị-nạn ra đó mà có ông Hoàng nào mất thì không được biết, tra-khảo các sử sách chưa tìm thấy. Cảnh mộ ấy rất lạ, là trên ngôi mộ có cảnh cây sao gie qua chằm dất, gió thổi cứ phát-phơ quét, nên trên mộ không bao giờ có cây cỏ mọc hay cái lá cây rụng, vẫn sạch luôn năm. Ngôi mộ này thì hai mươi năm về trước ở triều Huế có sai quan ra lấy cốt đem về Kinh rồi, nên nay chỉ còn cái mộ không và cảnh cây sao đứng diêm-nhiên với tuế-

nguyệt mà phe-phầy mãi với cái bụi hồng-trần.

Ba giờ khuya tàu lấy neo chạy về Hà-tiên, qua mũi Ông-đội. Chỗ này là cực-nam đảo Phú-quốc, có tiếng là sóng gió lớn, các ghe thuyền qua đây thường gặp nhiều nguy-hiêm. Hôm nay tàu lớn mà sóng đánh tạt ướt trên sàn tàu. Truyền rằng khi vua Gia-long đến đỗ thuyền tại mũi này mắc phải cái neo dưới mỏm đá không lấy lên được, trong quân có một ông đội mạo-hiêm xuống lặn, lặn lấy neo xong thì ông bị nước cuốn hay cá nuốt mất, nên đó gọi là mũi Ông-đội. Cho mới biết đảo Phú-quốc này là một chỗ rất có nhiều dấu kỷ-niệm trong lịch-sử triều Nguyễn lúc đánh nhau với Tây-sơn vậy.

Rạng đông ngày 27 tháng 11, năm đinh-mão (20-12-1927) tàu về đến cửa Kim-dữ, mười ngày trải qua như trong chớp mắt, khách lữ-hành mơ-màng như người trong mộng, đó là một cuộc nhân việc quan-sai mà chuyển thành một cuộc đi chơi con-con, chứ dám tưởng là một cuộc du-lịch hay một cuộc quan-sát chi đâu, nay cầm bút chép chuyện thì đó cũng là ghi lại một cái cảnh lạ trong cuộc đời mình, chứ dám tưởng là một bài du-ký về một cuộc du-lịch hay một bài điều-tra về một cuộc quan-sát chi đâu.

Đầu tháng mộ-đông, năm đinh-mão.
ĐÔNG-HỒ.



KHẢO VỀ LỄ THỌ

Lời dẫn của người biên-tập. — Tôi il lâu nay vẫn lưu-lâm khảo-định về các lễ-tục thông-hành, để giúp cho các nhà dụng lễ có chỗ mà xem xét, lúc hành-lễ khỏi đến nỗi sai lầm, như là lễ cưới lễ tang, tôi đã xét trong Văn-công gia-lễ và lễ Thọ-mai mà biên-dịch ra, đã lục đăng trong bản-chỉ. Duy còn lễ thượng-thọ thì không thấy sách gia-lễ nào chép cả, vì rằng nước ta xưa nay vẫn theo nghi-lễ của Tàu, mà người Tàu chỉ có làm lễ sinh-nhật mà thôi, chứ không hay làm lễ thọ, nên không thấy có ghi chép cái nghi-tiết lễ thượng-thọ.

Các nhà đại-gia nước ta khi xưa mà muốn làm lễ thọ, thì tùy-nghĩ châm-chước trong các nghi-lễ, mà tham-định lại đặt ra cho diên-nhĩ để làm gia-lễ trong một nhà. Nhân nhà tôi khi xưa đã có làm lễ thọ cụ Tăng-tổ Thái-phong-công. Khi ấy cụ tổ tôi là tiến-sĩ Ngạc-định Nguyễn tiên-sinh 鄂亭阮先生 có châm-chước đặt ra một nghi-tiết lễ thọ. Đến sau nhà quan Phó-băng Thư-trai Khuất Duy-Hải 屈惟諧 là bậc cao-đê trường cụ Ngạc-định, hai ông bà cùng song-loãn, từ-đại đồng-đường, khi Khuất tiên-sinh làm lễ thọ thất-tuần, thì cũng tham-định theo nghi-tiết lễ thượng-thọ của Ngạc-định tiên-sinh. Nghi-tiết lễ thọ ấy nhà tôi vẫn còn lưu-bản, đã nhiều lần muốn đem ra khảo-định để biên-tập lại. Nhưng chưa tìm lấy đâu được một bản nghi-tiết nữa, để tham-định cho tường. Nhân tôi có nói chuyện với ông bạn Cử-nhân Nguyễn Giản-Thạch. Ông Nguyễn Giản-Thạch nói nhà ông cũng có một bản nghi-tiết lễ thọ của cụ tổ Tiến-sĩ Chí-định Nguyễn tiên-sinh 志亭阮先生 soạn ra. Tôi lấy làm mừng lắm, mới đưa bản nghi-tiết lễ thọ của nhà tôi ra

để ông tham-định, ông có mấy lời tự-luận như sau.

Lời tự-luận của ông cử Nguyễn Giản-Thạch. — Lễ thượng-thọ ở các gia-lễ Tàu không có chép, mà trong kinh Lễ cũng không bàn đến. Người đời xưa dùng ý sáu xa, muốn cho người con đương lúc bố mẹ còn sống, thương thương phải hết đạo hiếu kính, chứ không chuộng gì hư-văn trong một vài ngày mà thôi. Nhưng trong kinh Thư có nói rằng : « Quyết phụ mẫu khánh, tự tẩy diện, tri dụng tửu, 厥父母慶自洗膜致用酒. » Nghĩa là con làm ăn khá cha mẹ mừng, cũng nên sạch-sẽ rửa-ráy, ngụ lòng trung-hậu mà dâng chén rượu. Đức Khổng-tử cũng nói rằng : « Phụ mẫu chi niên, bất khả bất tri dĩ, nhất tắc dĩ hĩ, nhất tắc dĩ cụ. 父母之年不可不知也。一則以喜。一則以懼. » Nghĩa là người con phải nhớ tuổi cha mẹ, một là mừng, một là lo. — Xem thế thì cổ-nhân tuy chưa chế ra lễ thượng-thọ, nhưng đại-ý cũng đã tỏ ra đầy rồi.

Nước ta các nhà đại-gia như cụ Chí-định 志亭 ở Đông-tác, cụ Hồ Thượng-thư ở Nghệ cùng cụ Nguyễn Ngạc-định 鄂亭 ở Đông-ngạc đều có chế lễ thượng-thọ cả. Nhưng cụ Chí-định với cụ Hồ Thượng-thư chỉ có đặt ra một tuần rượu, duy cụ Ngạc-định thì đặt ra một tuần rượu mà thành ba, nghi-tiết cũng trang-nhĩ lắm. Nhà người ta được lúc giàu sang, trên có cha mẹ già, thì lễ thượng-thọ rất là lễ trọng, nên làm cho thêm lâu để cho khánh-chúc được vui-vẻ, nếu chỉ có một tuần rượu thì lại giản mà chóng quá. Nhưng nếu làm đủ ba tuần thì lễ sự-sinh lại không khác gì lễ sự-tử. Nay xin tham-định lễ ba nhà mà tường-thuật ra như sau, để giúp cho các nhà muốn làm lễ thọ

có sách mà xem xét, khỏi phải đem sách Thọ-mai và Văn-công gia-lễ ra mà lấy lễ tang làm lễ mừng.

Nghi-tiết lễ thọ của cụ Chí-dinh soạn.

Chúc xướng: 行賀壽禮. *Hành hạ thọ lễ.* (Làm lễ mừng thọ). 列樂. *Liệt nhạc.* (Dàn bảy đủ bát âm). 奉迎嚴慈就壽席. *Phụng nghênh nghiêm từ tựu thọ tịch.* (Đón cha mẹ ra ngồi chiếu thọ).

男女孫曾各就位. *Nam-nữ tôn tăng các tựu-vị.* (Trai gái và cháu chắt đều tới chỗ vị thứ mà đứng). 行拜壽禮. *Hành bái thọ lễ.* (Làm lễ bái thọ). 鞠躬拜. *Cúi mình lễ.* (Cúi mình lễ). 興. 拜. *Hưng, bái.* (Lạy hai lạy). 平身. *Bình thân.* (Đứng thẳng mình). 獻壽酒. *Hiển thọ tửu.* (Dâng rượu thọ). 跪. *Qui.* 祝壽辭. *Chúc thọ từ.* (Đọc lời chúc thọ). 俯伏. *Phủ phục.* (Cúi xuống). 興. *Hưng.* (Đứng dậy). 平身. *Bình thân.* (Đứng thẳng). 列饌. *Liệt soạn.* (Dâng cỗ). 唱樂. *Xướng nhạc.* (Ả đào hát chúc mừng).

長男以下皆跪. *Trường-nam dĩ hạ giai qui.* (Con trưởng trở xuống đều qui).

賜壽酒. *Tứ thọ tửu.* (Ban cho rượu thọ). 賜帛. *Tứ bạch.* (Ban cho con cháu mỗi người một vuông lụa đỏ). 拜賜. *Bái tứ.* (Lạy tạ ơn). 興. 拜. *Hưng, bái.* (Lạy hai lạy). 獻茶. *Hiển trà.* (Dâng nước chè). 賀禮成. *Hạ lễ thành.* (Xong lễ hạ-thọ).

Lễ thượng-thọ của cụ Hồ Thượng-thư cũng đại-khái như trên, không phải kể ra đây nữa.

Nghi-tiết lễ thọ của cụ Ngạc-dinh soạn.

Xướng: 行賀壽禮. *Hành hạ thọ lễ.* (Làm lễ mừng thọ). 列樂. *Liệt nhạc.* (Dàn bảy đủ bát âm). 男女孫曾左右立. *Nam nữ tôn tăng tả hữu lập.* (Trai gái cháu chắt đều chia hàng, trai đứng bên tả, gái đứng bên hữu). 奉迎嚴慈就壽席. *Phụng nghênh nghiêm từ tựu thọ tịch.* (Đón cha mẹ ra ngồi chiếu thọ, Trai đón cha,

gái đón mẹ). 敬請伯叔父母諸尊長陪坐. *Kính thỉnh bá thúc phụ mẫu chư tôn-trưởng bồi-tọa.* (Kính mời ông bác, ông chú, bà bác, bà thím, các bậc tôn-trưởng ra ngồi bồi-tọa). 列饌. *Liệt soạn.* (Dâng cỗ). 鞠躬拜. *Cúi mình bái.* (Cúi mình lạy). 興. 拜. *Hưng bái.* (Lạy bốn lạy).

興. 平身. *Hưng, bình thân.* (Đứng dậy thẳng mình). — Lúc này trai gái lạy mừng xong cả rồi, thì bên gái từ nàng dâu trưởng trở xuống đều lui vào trong rèm sắp hàng đứng hầu, bên trai thì từ con trưởng trở xuống chia ra tả hữu hai bên mà đứng. — 獻壽酒. *Hiển thọ tửu.* (Dâng rượu thọ, con trai hiến cha, con trai thứ hiến mẹ, hoặc là đề cho con gái hiến mẹ, hay là khi hiến cho cha thì con trai rót rượu, hiến cho mẹ thì con gái rót rượu, rồi đề cho người chấp-sự dâng vào cũng tiện). 跪. *Qui.* (Bàng qui). (Khi các con qui thì qui lách ra một bên). 祝辭. *Chúc từ.* (Lời con chúc thọ). 俯伏. *Phủ phục.* (Cúi xuống). 興. 平身. *Hưng, bình thân.* 兼獻. *Kiểm hiến.* (Rót rượu mời cả các hàng chú bác đôi bên). 出次. *Xuất thứ.* (Lại ra chỗ chiếu mình đứng trước, tả thì đứng bên tả, hữu thì đứng bên hữu). 諸孫以次獻壽酒. *Chư tôn dĩ thứ hiến thọ tửu.* (Các cháu vào hiến rượu thọ. Cháu nội hiến ông, cháu ngoại hiến bà). 跪. *Qui.* (Các cháu qui lách ra một bên). 祝辭. *Chúc từ.* (Lời cháu chúc thọ). 俯伏. *Phủ phục.* 興. *Hưng.* 平身. *Bình thân.* 兼獻. *Kiểm hiến.* 出次. *Xuất thứ.* 諸曾以次獻壽酒. *Chư tăng dĩ thứ hiến thọ tửu.* (Các chắt vào hiến rượu thọ, chắt nội hiến ông, chắt ngoại hiến bà). 跪. *Qui.* (Các chắt qui lách một bên). 祝辭. *Chúc từ.* (Lời chắt chúc thọ). 俯伏. *Phủ phục.* 興. *Hưng.* 平身. *Bình thân.* 兼獻. *Kiểm hiến.* 出次. *Xuất thứ.* 宣帳. *Tuyên trương.* (Đọc bài trương chúc thọ). 唱樂. *Xướng nhạc.* (Ả đào hát chúc mừng; hoặc đặt lối văn lục bát, cho ả đào hát chúc mừng và múa bài-bông). — Khi xướng nhạc xong thì hàng con trai lại đứng về bên tả như trước. Hàng con gái ở trong rèm lại ra đứng bên hữu, theo thứ-tự mà đứng vào chỗ chiếu mình

dùng trước. 一賜爵酒. *Tứ thọ tửu.* (Ban cho rượu thọ). 跪. *Qui.* (Đều qui cả đề lĩnh rượu). 受賜. *Thụ tứ.* (Chịu ơn cho, trước cho rượu sau cho, tiền). 俯伏. *P'hủ-phục.* 興. *Hưng.* 平身. *Bình-thân* (1). 行拜謝禮. *Hành bài tạ lễ.* (Lễ bài tạ). 興. *Hưng.* 拜. *Bái.* (Bổn lay). 長婦獻茶. *Trường-phụ hiến trà.* (Dâu trưởng hiến ông, gái trưởng hiến bà). 獻芙. *Hiển-phù* (Dâng trà). (2) 發賀禮成. *Phát hạ lễ thành.* (Lễ mừng thọ xong). 賜退. *Tứ-thoái.* (Lễ thọ xong thì cho lui, nên vái một cái mà lui ra).

Lời giải của ông cử Nguyễn Giản-Thạch. — Xét lễ thọ cụ Ngạc-dinh thì bố mẹ song-toàn và tứ-dại đồng-đường, nên làm đủ ba tuần rượu như trên thì càng vui. Nếu nhà nào mẹ mất đi trước mà muốn làm lễ thọ cha, thì trước bàn thờ mẹ, che cái màn đỏ, ngoài giải chiếu thọ cha, làm lễ thọ xong rồi mới cáo mẹ sau. Nhà nào cha mất trước mà muốn làm lễ thọ mẹ, thì cũng phải giải chiếu thọ trước bàn thờ, nhưng phải cáo cha trước rồi mới làm lễ thọ mẹ sau. Nếu đủ cả tứ-dại thì nên theo như lễ cụ Ngạc-dinh. Nếu không đủ mà muốn làm ba tuần rượu, thì con trai vào hiến tuần thứ nhất, nâng dẫu theo vào đó; con gái vào hiến tuần thứ hai, chàng rề theo vào đó; cháu vào hiến tuần thứ ba, cháu ngoại theo vào đó. Bởi vì người ta độ sáu bảy mươi tuổi trở lên, thì mới nên làm lễ thọ, bấy giờ tuy chưa chắc mấy nhà đã có cháu, nhưng có cháu là thường.

Lại xét lễ cụ Ngạc-dinh: « tuyên-trướng » để vào cuối tuần thứ ba, thì khi trẻ quá, nên để vào tuần sơ-hiến là phải. Đã tuyên-trướng thì phải huyền-trướng, sau khi xướng: « Hiến-phù »

rồi thì xướng: « Huyền-trướng », rồi sẽ xướng: « Hạ lễ thành ».

Uển như từ tửu, từ tiền, thì cũng vui thực, nhưng không tiện bằng tứ-bách (cho lựa) là tiện hơn. Mà chữ « Thụ-tứ 受賜 » không bằng chữ « Bái-tứ 拜賜 » là nhã hơn.

Sau khi xướng-nhạc xong rồi, thì xướng đến « Qui », rồi xướng ngay đến « Tứ-bách », xướng đến « Bái-lữ », đến « Phủ-phục », đến « Hiến-trà », vãn vãn, là phải hơn.

Còn như hiến-tửu, hiến-trà trong lễ dẫu phân-biệt ra trai hiến cha, gái hiến mẹ, nhưng trong lúc làm lễ mà lộn-xộn như thế, coi cũng không tiện. Không bằng đến vai nào thì vai ấy rót rượu, mà dâng rượu thì để cho chấp-sự thay mình là hơn.

Lời kết-luận của người biên-tập. — Xét trong lễ thọ này có tiết Tuyên-trướng mà để vào cuối tuần thứ ba, nếu là trưởng chúc thọ của con cháu mà để đến đây mới đọc, thì khi trẻ quá, như lời ông Giản-Thạch đã nói ở trên. Nhưng nếu là trưởng của học-trò thì sau khi con cháu chúc từ xong cả rồi, thì tuyên-trướng của học trò là phải, chớ không phải là trẻ. Nguyên khi Ngạc-dinh tiên-sinh thượng-thọ cụ Thái-phong-công và nhà quan Phó-bảng Thụ-trai thượng-thọ bảy mươi, đều là tứ-dại đồng-đường, mà trợ-tế thì toàn là học-trò khoa-bảng vào chấp-sự, học-trò là bậc đệ-tử cũng có bài trưởng chúc thọ, nên để tuyên về lúc ấy là phải.

Lại xét trước khi xướng: « Hành-bái tạ lễ » thì có bản gia-lễ lại còn có xướng: « Ban huấn-từ 頒訓辭 » là

(1) Chỗ này nên xướng thêm một tiết ban-huấn-từ 頒訓辭, là cha mẹ ban lời khuyên răn con cháu, nên giao cho người chúc tuyên đọc.

(2) Chỗ này nên xướng thêm Huyền-trướng 懸帳 là treo trướng lên.

bấy giờ cha mẹ sai người chúc đọc mấy lời khuyên răn con cháu, tưởng cũng nên thêm vào đó thì chu đáo hơn. Chỗ nào nên thêm đã có lời chưa ở dưới.

Còn như lễ bái thọ thì nghi-tiết cụ Chi-định định lễ lạy hai lạy, mà nghi-tiết cụ Ngạc-định thì định lễ lạy bốn

lạy, hai nghi-tiết có khác nhau, đề tùy nhà dùng lễ châm-chước muốn theo nghi-tiết nào thì theo.

Nay cần-chỉ.

NGUYỄN HỮU-TIẾN

KHẢO VỀ ĐẠO PHẬT

CÁC MÔN-PHÁI CỦA ĐẠO PHẬT Ở TÀU (1)

III

10. — Hoa-nghiêm-tôn 華嚴宗

Đức Phật Thế-tôn sau khi được giác-ngộ ở dưới cây Bồ-đề, liền đem ba-mươi-tám phẩm, mười vạn kệ *Hoa-nghiêm*, dạy cho hai bậc bồ-tát thám-niên là Văn-thù 文殊 và Phổ-hiền 普賢, thực là những lễ sâu-xa màu-nhiệm trong đạo Phật, và là cái pháp-môn tối-cao vậy. Thời bấy giờ những hạng « thanh-văn » 聲聞, « duyên-giác » 緣覺, căn-khi bấy còn chưa thuần-thuộc, nghe mà không hiểu là gì. Phật diệt được năm trăm năm, Mã-minh bồ-tát (馬鳴 = *Asvaghosa*) làm sách *Đại-thừa khởi-tín luận* 大乘起信論 diễn cái pháp-môn về chân-như duyên-khởi, tức là gốc ở kinh *Hoa-nghiêm* này. Phật diệt bảy trăm năm, Long-thụ bồ-tát (龍樹 = *Nagarjuna*) xuất-hiện, làm sách *Đại-bất-tư-nghị-luận* 大不思議論 để giải-thích. Phật diệt chín trăm năm, Thiên-thân bồ-tát (天親 = *Vasubandhu*) làm sách *Hoa-nghiêm thập địa luận* 華嚴十地論, Ba ông đó tức là liệt-tổ Ấn-độ của Hoa-nghiêm-

tôn. Còn ở Tàu thời niên-hiệu Nghĩa-hi 義熙 thứ 14 đời Đông-Tấn (418), thầy Bạt-dà-la (跋陀羅 = *Buddha-bhadra*) mới dịch kinh *Hoa-nghiêm* 60 quyển. Các thầy về sau, giảng-thuyết, lưu-truyền, chế-sớ, soạn-chương, tuy cũng nhiều lắm, nhưng chưa thể xác-nhiên thành một tôn-phái. Khoảng đời Trần đời Tùy, thầy Đỗ Thuận 杜順, mới khởi ra nghĩa-cương, yết lập tôn-danh, làm ra các sách: *Hoa-nghiêm pháp-giới quan môn* 華嚴法界觀門, *Ngũ-giáo chỉ-quan* 五教止觀, *Thập huyền chương* 十玄章, bàn rõ cái diệu-chỉ trong kinh *Hoa-nghiêm*. Thầy là bậc sơ-tổ khai ra Hoa-nghiêm-tôn ở Tàu vậy. Nhị-tổ là Tri-nghiêm 智儼 làm sách *Sưu-huyền ký* 搜玄記 và *Không-mục-chương* 孔目章. Tam-tổ là Pháp-tàng 法藏, xưng là « Hiên-thủ quốc-sư » 賢首國師, thời làm sách *Ngũ-giáo-chương* 五教章 để bàn rõ cái giáo-hướng của bản-tôn, lại làm sách *Thâm-huyền-ký* 探玄記 20 quyển, để giải-nghĩa Hoa-nghiêm; lại còn các sách

(1) Xem N. — P. số 121, 122.

trước-thuật khác đến hơn hai mươi bộ; tôn-phong đến bấy giờ là đại-thành. Cho nên Hiền-thủ lại còn xưng là « Hoa-nghiêm thái-tổ ». Sau khi Hiền-thủ mất, thì có thầy Tuệ-uyên 慧苑, đem ý-kiến riêng mà san-lạc các lời sư-thuyết, đạo-thống hầu phải tuyệt. Từ-tổ Trùng-quan 澄觀, thấy thế mà cảm-khải, làm ra sách *Hoa-nghiêm đại-sớ* 華嚴大疏鈔 để phá bỏ dị-thuyết, mà khôi-phục chính-tôn. Chư-tổ tâm-truyền nhờ đó mới không đến nỗi truy-lạc. Từ-tổ còn gọi là « Thanh-lương quốc-sư » 清涼國師. Ngũ-tổ Tôn-mật 宗密, xưng là Khuê-phong thiền-sư 圭峰禪師 kế-luật Thanh-lương, đã mở rộng cho tôn Hoa-nghiêm, lại kiêm-thống các tôn khác, nhờ đó mà đạo Hoa-nghiêm càng được rõ-rệt. Năm bậc lỗi-lạc đó, tức gọi là Hoa-nghiêm ngũ-tổ.

11.—Thiên-thai-tôn 天台宗

Thiên-thai-tôn còn tên nữa là Pháp-hoa-tôn 法華宗, là bởi lấy kinh *Pháp-hoa* làm gốc. Tôn này không thừa theo tự Ấn-độ. Người sáng-thủy ra chính là người Tàu, hiệu là Trí-giả-dại-sư 智者大師. Tầy tên là Trí-khai 智顗, người vào khoảng đời Trần Tuy. Vì ở núi Thiên-thai, nên đặt tên là Thiên-thai-tôn. Thời bấy giờ có Tuệ-tư thiền-sư 慧思 ở Nam-nhạc 南嶽, có tiếng là người đạo-dức một thời, lại hiểu được lẽ Tam-muội 三昧 trong đạo Phật, Trí-giả bèn đến yết-kiến. Nam-Nhạc nói: « Xưa ở núi Linh-sơn, cùng nhau nghe kinh *Pháp-hoa*, cũng bởi cái tức-duyên với nhau, bấy giờ mới lại gặp đây ». Bèn đem phép *Pháp-hoa* Tam-muội dạy cho, Được 14 ngày thì Trí-giả đại-triệt đại-ngộ, như trực-tiếp được Phật-truyền, mới sáng-lập ra phái này. Pháp-tôn sáu đời của Trí-giả là Kinh-khe tôn-giả 荆溪尊者, trong sách *Chỉ-quan nghĩa-lệ* 止觀義例 nói rằng: « Phép dạy trong bản-tôn, phạm nghĩa-lý, lấy kinh *Pháp-hoa* làm

tôn-cốt, lấy sách *Đại-trí-dộ luận* 大智度論 làm chỉ-nam, lấy sách *Nát-bàn-kinh* 涅槃經 làm chủ-sớ, lấy sách *Đại-phẩm-bát-nhã-kinh* 大品般若經 làm quan-sát. Lại dẫn các kinh khác để tăng-tin, dẫn các luận khác để trợ-thần. Lấy « quan-tâm 觀心 » làm kinh, lấy chư-pháp làm vĩ, xếp thành bộ-trật, không giống với các tôn khác. v. v. » Ấy cái chân-tượng tôn này sáng-lập ra, thực là tóm cả trong mấy câu ấy. Kế sau có Chương-an đại-sư 章安大師, thừa tiếp Thiên-thai mà truyền rộng tôn-phong ra. Các thuyết của Thiên-thai hãy còn tản-mạn cả, Chương-an mới kết-tập lại, làm thành điển-tích trong một tôn, lập ra cương-mục của một nhà. Kế sau có những thầy Trí-uy 智威, Tuệ-uy 慧威, Huyền-lãng 玄朗, Diệu-lạc 妙樂 đều xưng là những bậc « long-tượng 龍象 ». Tự đời Trung-Đường về sau, thì có thầy Kinh-khe tôn-giả là lỗi-lạc hơn cả.

12.—Chân-ngôn-tôn 真言宗

Đạo Phật có phân-biệt ra hai giáo, là « Hiền-giáo » 顯教 và « Mật-giáo » 密教. Chân-ngôn-tôn tức là thuộc về Mật-giáo. Mật-giáo là thế nào? Là không lấy ngôn-ngữ mà lập-giáo.

Cứ lời trong nhà Phật nói, thì Phật có tam-thân: 1° Thích-già-phật 釋迦佛, 2° Đại-nhật Như-lai-phật 大日如來佛, 3° Di-dà-phật 彌陀佛; thực là một đức Phật mà lưu-xuất ra làm ba thể. Đại-nhật là pháp-thân của Thích-già; Thích-già tức là hóa-thân của Đại-nhật. Cho nên học-giả đời sau, biệt các tôn-phái trong đạo Phật cũng chia ra làm ba loại: Thích-già-giáo, Đại-nhật-giáo và Di-dà-giáo. Nay trong các tôn, duy có Chân-ngôn-tôn là thuộc về Đại-nhật-giáo, Tịnh-thổ-tôn 淨土宗 là thuộc về Di-dà-giáo (ngày ngày tụng phụ-phụ thường niệm câu Namô A-di-dà-phật, tức là theo về Di-dà-giáo), còn thì các tôn khác đều thuộc

về Thích-già-giáo. Tương-truyền rằng Kim-cương-tát-thù *金剛薩埵* thân-thụ pháp-môn ở Đại-nhật-như-lai. Như-lai diệt được 700 năm, Tát-thù truyền cho Long-mãnh bồ-tát *龍猛菩薩*, Long-mãnh truyền cho Long-tri *龍智*, Long-tri truyền cho Thiện-vô-úy *善無畏*. Thiện-vô-úy mới qua Trung-quốc về đời Đường, dịch sách *Đại-nhật-kinh* *大日經* truyền cho Kim-cương-tri *金剛智*. Kim-cương-tri thực là sơ-tổ truyền pháp ở nước Tàu. Rồi sau Bất-không-hòa-thượng *不空和尚* cũng sang Tàu kể theo Kim-cương-tri, phiên-dịch các kinh, làm bậc quốc-sư ba đời Huýnh-tôn, Túc-tôn và Đại-tôn nhà Đường. Chân-ngón-tôn thành-lập được hần-hoi, thực là từ Bất-không hòa-thượng trước. Tuy-nhiên tôn này ở nước Tàu cũng không thịnh. Sau thầy Không-hải *空海* (tức là người sáng-tạo ra mẫu-tự Nhật-bản), mới truyền sang Nhật-bản. Ở Nhật-bản ngày nay thì tôn này thịnh-hành lắm, ở Tây-tàng, Mông-cổ, Tiêm-la cũng có.

13. - Tịnh-thổ-tôn 淨土宗

Tôn này là căn-cứ ở ba sách kinh (*Vô-lượng-thọ kinh* *無量壽經*, *Quan-vô-lượng-thọ kinh* *觀無量壽經* và *A-di-đà kinh* *阿彌陀經*) và một sách luận là *Vãng-sinh Tịnh-thổ luận* *往生淨土論*, của Thiên-thân bồ-tát *天親菩薩* soạn. Lấy niệm Phật và mượn sức ngoài để cầu giải-thoát. Thường gọi là Di-đà-giáo. Suy ông Thiên-thân bồ-tát làm tiên-sư ở Ấn-độ. Thiên-thân nhập-diệt được 500 năm, thì Bồ-đề lưu-chi *菩提流支* mới truyền pháp-môn của Tịnh-thổ vào nước Tàu. Trước khi ấy về đời Hậu-Hán, có thầy Sa-môn nước An-túc *安息*, tên là An-thanh-cao *安清高*, đã dịch bộ *Vô-lượng-thọ kinh* hai quyển; đến Tuệ-Viên pháp-sư *慧遠法師* đời Tấn, lập ra Bạch-liên-xã *白蓮社* ở núi Lư-sơn *廬山* để niệm Phật tu-hành, thế là tôn này đã bắt đầu nhóm ra từ đấy. Nhưng

pháp-môn chưa được hoàn-bị. Bồ-đề-lưu-chi vào Trung-quốc chính là năm Vĩnh-bình nguyên-niên đời Bắc-Nguy (580). Lưu-chi truyền cho Đàm-Loan *曇鸞*. Đàm-loan làm sách *Vãng-sinh-lĩnh-thổ luận* *往生淨土論*, để giải rõ cái tôn-chỉ ra. Sau về niên-hiệu Đại-nghiep đời Tùy (605-618), có thầy Đạo-Xước *道綽*, niên-hiệu Trinh-quán đời Đường (627-650), có thầy Thiện-đạo *善導*, đều là những bậc đại-sư có tiếng một thời. Những tôn khác như Thiên-tôn, Thiên-thai, Pháp-tướng, Hoa-nghiêm, tuy về đương-thời cũng là cực-thịnh lắm, nhưng mà giáo-lý sâu-xa mẫu-nhiệm, không phải những người độn-căn thiền-học có thể lĩnh-giải được, cho nên người tín-phụng chỉ là trong bậc sĩ-phu mà thôi. Duy có Tịnh-thổ-tôn lấy cái giáo-nghĩa tha-lực, nghĩa là mượn sức tụng-niệm cúng-bái ở ngoài, cảm-hóa kẻ ngu-phu ngu-phụ, phàm những giáo-lý khó hiểu bỏ không bàn đến, cho nên thế-lực lan ra rộng, gồm khắp cả trong nước. Truyền rằng hồi Thiện-đạo thiền-sư tại-thế, các hàng bán thịt không có kẻ qua lại nữa, xem đó thì biết thế-lực mạnh là dường nào. Ngày nay thế-lực gọi là Phật-giáo ấy, đại-suất là mặt-lưu của tôn này cả.

* *

Nay kết-luận bài khảo về đạo Phật này, xin lược-dịch một đoạn phê bình của bậc danh-nho nước Tàu hiện-thời là ông Lương Khải-Siêu nói về đặc-sắc của đạo Phật ở Tàu thế nào.

Lương Nhậm-công nói rằng :

« Là thầy ! nước Tàu không tiếp-thụ học-thuật của người thì chớ, vì đã tiếp-thụ thì tất phát-huy cho sáng-sủa rộng-rãi ra. Xem như toán-học, xem như Phật-học ở Tàu thì biết. Phật-học ở Tàu là Phật-học của nước Tàu, không phải thuần-nhiên Phật-học của Ấn-độ. Chẳng xem như ở Nhật-bản ;

Nhật-bản cũng chịu Phật-học của Tàu, mà tới nay không hề ra ngoài được phạm-vi của Tàu một tí nào; tuy có Chân-tôn 眞宗, có Nhật-liên-tôn 日蓮宗, là của Nhật tự-sáng ra, nhưng Chân-tôn chẳng qua là chi-lưu của Tịnh-thồ, Nhật-liên chẳng qua là dư-duệ của Thiên-thai, không có gì là sâu-xa mẫu-nhiệm, gọi là được cái học bất-truyền ở di-kinh vậy. Chưa từng tự-dịch được một kinh nào, chưa từng tự-tạo được một luận nào, chưa từng tự-áng được một phái nào, thật là còn kém Trung-quốc xa vậy.

« Đạo Phật nước Tàu có bốn cái đặc-sắc như sau này :

« 1^o — Từ sau nhà Đường, Ấn-độ không có Phật-học, chỉ còn truyền ở Trung-quốc mà thôi. — Sau khi Phật diệt mấy trăm năm, đạo Phật ở Ấn-độ chỉ còn truyền có phái Tiểu-thừa mà thôi; trong Tiểu-thừa lại còn chia ra Thượng-tọa 上坐 với Đại-chúng 大乘, mỗi phe một ý-kiến, phân-lia ra làm hai mươi bộ. Năm trăm năm sau Phật diệt, đạo Phật chỉ còn lại như một cái giây cái sợi mà thôi. Đến thế-kỷ thứ sáu (thế-kỷ đây là kể từ sau khi Phật diệt, sau này đều thế), có Mã-minh; thế-kỷ thứ bảy, có Long-thụ, Đề-bà; thế-kỷ thứ tám, có Vô-trước, Thế-thân; thế-kỷ thứ 11, có Thanh-biện, Hộ-pháp; thế-kỷ thứ 12, 13, có Giới-hiền, Trí-quang; có thể gọi là chân Phật-giáo, chỉ trong khoảng năm trăm năm đó thôi. Tự Huyền-Trang sang Tây-vực, yết khắp các tay luận-sư như bậc Giới-trí, thụ pháp rồi về, thời từ đó cái đạo tâm-truyền hơn nghìn năm, thu về Trung-quốc cả vậy. Tự đấy về sau, các giáo-dồ ở Ấn-độ, chỉ chăm việc luận-chiến, mà nhác việc bố-giáo, để cho các ngoại-đạo Bà-la-môn, lại có thế-lực mà đẩy lên, ngày càng công-kích, giáo-dồ nhà Phật không thể đương nổi, xoay ra điều-hòa, rồi dần dần cũng thái-dụng những giáo-

qui của Bà-la-môn, như niệm mật-trú như hành gia-trì, thành ra cái nguyên-khí hồi khai-giáo tiêu-diệt đi hết. Đến thế-kỷ thứ 15 sau Phật-diệt, thời đạo Phật ở mẫu-quốc không còn có dấu vết gì nữa. Rồi sau lại bị Hồi-giáo tràn vào, bị Cảnh-giáo lấn vào, thế là Phật-học mất hẳn. Nay xem như ở Trung-quốc, thời tự Đường về sau, trong khoảng mấy trăm năm, các bậc đại-sư nối gót nhau mà đẩy lên, các tôn-phái mới lần-lượt nhau mà dựng lên, tự khi Thiên-tôn thịnh-hành, thời các tay thực-học trong nước đều tham-khảo Phật-lý, dư-ba còn lan mãi tới Nhật-bản, Phật-giáo không đến nỗi tuyệt-diệt, là cái công của chư-hiền nước Tàu vậy.

« 2^o — Các nước sở-truyền Phật-học đều là Tiểu-thừa, duy có Trung-quốc là truyền Đại-thừa. — Phật-giáo truyền rộng ra: Tây đến Ba-tư, Bắc đến Tiên-li (鮮卑 = Tây-bá-lợi-á), Nam đến Tiêm-la, Đông đến Nhật-bản, phạm mấy chục nước lớn nhỏ ở Á-châu, không đâu là không tới. Tuy-nhiên các nước ấy sở-truyền đều là Tiểu-thừa cả. (đạo Phật Nhật-bản là truyền tự Tàu sang không kể). Vì đương thời Mã-minh mới nổi lên, các người trong bản-giáo ở Ấn-độ, đã nhao-nhao nổi lên nói Đại-thừa không phải là lời Phật dạy; Đại-thừa ở Ấn-độ, thực không được mấy vậy. Cho nên các phái truyền ra ngoại-quốc, cũng là theo về cái nghĩa thiên đó, hủy-báng Đại-thừa; tức như các nơi Tây-tạng, Mông-cổ ngày nay, có tiếng là đất Phật-pháp tối-thịnh, mà thử hỏi đến những nghĩa Hoa-nghiêm, Pháp-hoa, có một người nào là lĩnh-thụ được không? Thật là không vậy. Duy có ở Trung-quốc, tuy trước đời Ngụy Tấn, phép màu mới manh-nha, chưa tới được cõi tinh-uẩn, nhưng tự Cưu-ma-la-thập về sau, truyền-bá ra rộng, cả nước đều theo, ba nhà cùng đẩy

lên, các phái đều nổi lên, trong khoảng đời Tùy đời Đường, thời ảnh-tích của Tiều-thừa, hầu như tuyệt hẳn vậy. Thường xét ra tôn-giáo cũng theo cái công-lệ chung tiến-hóa mà tiến-hành: về thời-dại dã-man, tri-thức trong nhân-quần hãy còn thấp kém, không thể không đem những chuyện họa-phúc mà truyền mà tập cho người ta, cho nên chỉ có quyền-pháp là thi-hành được; đến đời văn-minh đã sảo-tiến, người ta đã hơi có cái bản-lĩnh tự-lập, bỏ được cái liệt-căn ý-lại, cho nên chủ-nghĩa khùng-bổ đổi ra chủ-nghĩa giải-thoát, chủ-nghĩa lợi-kỷ đổi ra chủ-nghĩa ái-tha, bấy giờ thực-pháp mới có thể thi-hành được. Người Trung-quốc chỉ tiếp-thụ Đại-thừa mà thôi, thực là minh-chứng rằng trình-độ văn-minh của quốc-dân Trung-quốc cao hơn các nước khác mấy tầng vậy.

«30 — Các tôn-phái ở Trung-quốc, phần nhiều là do Trung-quốc tự-sáng ra, không phải là thừa theo cái dư-ba của Ấn-độ. — Xét như trong hơn mười tôn-phái đã khảo trên kia, thời Câu-xá-tôn, duy có Thệ-thân làm một quyển sách luận, các học-giả Ấn-độ tranh nhau mà học lấy, nhưng chưa từng xác-nhiên lập thành một tôn-danh, tôn-phái thành được, thực tự Trung-quốc. Thành-thực-tôn thời tự Kha-lê-bạt-ma về sau, sách *Trúc-quốc cổ-thư tập-ký* 竺國故書雜記 không hề thấy nói đến, chỉ-lưu sang Trung-quốc mới được toàn-thịnh; Tam-luận-tôn ở Ấn-độ truyền tuy có rộng, nhưng cũng không bằng Trung-quốc; đến như Hoa-nghiêm-tôn, thời bản-kinh ở Ấn-độ đã trăm-một tự hồi nào không rõ, mà tôn-môn nào hề có đâu, ở Ấn-độ chỉ có hai sách luận *Đại bất-tư-nghĩ* và *Thập-địa luận* giảng-giải về nghĩa đó, còn ngoài không có gì nữa, cho nên căn-cứ ở *Hoa-nghiêm kinh* mà lập-giáo, thật tự các thầy Đồ Thuận, Hiền-thủ, Thanh-

lương, Khuê-phong, và có thể cho Hoa-nghiêm-tôn là tự Trung-quốc thủ-sáng vậy. Lại như Thiên-tôn, tuy nói Tây-thồ có hai-mươi-tám tổ, nhưng cũng là tương-truyền như vậy, không lấy gì làm bằng-cứ, cho nên cũng có thể nói là Ấn-độ không có Thiên-tôn được. Còn như đến «Thiên-thai tam-muội», «chỉ-quan pháp-môn», thời chỉ là tự một Trí-giả đại-sư sáng-ra, trước không theo đâu, bên không tiếp đâu, lại càng rõ rệt lắm nữa. Cứ đó mà xét thời duy có Luật-tôn, Pháp-tướng-tôn, Chân-ngôn-tôn, Tịnh-thồ-tôn, là có thịnh-hành ở Ấn-độ; còn thời đều là sản-vật của Trung-quốc cả... Cái vị-trí của người Tàu trong Phật-giáo-sử sánh với các bậc cổ-đức ở Ấn-độ, tưởng cũng to-tát lắm thay! Thường xét ra ở Ấn-độ, duy về Tiều-thừa thời-dại mới có phái-biệt, còn thời-dại Đại-thừa không có phái-biệt. Đại-thừa dấy lên, có ba thời-kỳ: kỳ thứ nhất là Mã-minh (cuối thế-kỷ thứ 6 sau Phật diệt), thời-kỳ thứ nhì là Long-thụ và Đề-bà (thế-kỷ thứ 7), thời-kỳ thứ ba là Vô-trước và Thệ-thân (thế-kỷ thứ 9); đều là bản-sư tương-truyền, không hề có dị-luận gì, tức cũng như kinh-học ở Tàu của bọn Phục-sinh, Thân-công, Hậu-thương về đời Hán-sơ vậy. Còn đến về sau bọn Hộ-pháp, Thanh-biện, tranh-luận nhau về không về hữu, cãi lẫn nhau về tướng về tính, hơi có cái vẻ mới, bắt đầu lập thành ra môn-hộ, thời bấy giờ pháp-luân đã chuyển sang phương Đông vậy. Giáo-nghĩa Đại-thừa thực là manh-nha ở Ấn-độ mà đại-thành ở Chi-na, cho nên muốn cầu lấy đại-pháp, không thể cầu ở Ấn-độ, mà phải cầu ở Tàu vậy.

«40 — Phật-học ở Tàu là tôn-giáo mà lại kiêm cả triết-học nữa. — Cái lòng mê-tín tôn-giáo của người Trung-quốc, xưa nay vẫn có tiếng là bạc-nhược. Sách *Luận-ngữ* nói: «Chưa biết thờ người, sao biết thờ quỷ? Chưa biết sự

sống, sao biết sự chết? » Mặc-tử bảo Trình-tử rằng: « Nhà nho cho trời là không sáng, cho thần là không thiêng. » Là vì đại-nghĩa của Khổng-học đã tầm-nhập nhân-tâm lâu lắm vậy. Phật-giáo, Gia-giáo đều là hai đạo ở ngoài đem vào Trung-quốc, mà đạo Phật thịnh to, đạo Gia không thịnh được, là bởi lẽ làm sao? Gia-giáo duy lấy mê-tín làm chủ, còn triết-lý thời thiên-bạc, không đủ thỏa lòng cho bọn sĩ-quân-tử trong nước vậy. Phật-giáo vốn có cả hai phương-diện tôn-giáo và triết-học; lẽ cứu-cánh để chứng-đạo là ở giác-ngộ, đường pháp-môn để nhập-đạo là ở trí-tuệ, phép đắc-lực để tu-đạo là ở tự-lực. Phật-giáo thực không thể coi cùng như các tôn-giáo tầm-thường khác được. Người Trung-quốc vì không bị cái lòng mê-tín nó che lấp, cho nên sở chuộng trong đạo Phật ở phương-diện triết-học nhiều hơn là phương-diện tôn-giáo. Mà triết-

học của đạo Phật, lại rất có thể bổ-tá cho cái triết-học cổ-hữu của Tàu. Triết-học của Trung-quốc phần nhiều thuộc về nhân-sự, về quốc-gia, còn học về nguyên-lý trời đất cùng vạn-vật, cứu-xét cho đến cùng thì ít lắm. Anh-nho Ti-tân-tắc (SPENCER) thường phân triết-học làm hai khoa: « khả-tư-ngự », và « bất-khả-tư-ngự ». Như triết-học của Trung-quốc về đời Tiên-Tần thời thiên về phần « khả-tư-ngự », mà thiếu về phần « bất-khả-tư-ngự ». Tự Phật-học truyền vào nước Tàu, cùng với triết-học cũ tương-bị, bấy giờ triết-học nước Tàu mới phóng ra một cái quang-thái mới. Học-vấn sau đời Tống Minh mà phục-hưng được, thực là nhờ công các bậc cổ-đức về khoảng Tùy Đường vậy.

Xem Phật-học ở Trung-quốc thì khả-kiến cái năng-lực hấp-hóa ngoại-học của người Tàu vậy »,

THƯỢNG-CHI biên-dịch

PENSÉES

Il me semble que lorsqu'on veut estimer la valeur d'une civilisation, on ne doit pas considérer si elle a construit ou si elle peut construire de grandes cités, de magnifiques maisons, de belles routes, si elle a su imaginer des meubles beaux et confortables, inventer des outils et des instruments utiles et ingénieux. On ne doit même pas s'attacher aux institutions, aux arts et aux sciences qu'elle a créés. Ce qu'il faut examiner avant tout, c'est le type d'humanité qu'elle a su produire, le caractère des hommes et des femmes qu'elle a formés. Seul l'être humain, l'homme aussi bien que la femme, révèle l'essence, la personnalité, l'âme de la civilisation dont il est issu. J'ajouterai que le langage parlé par cet être humain révèle son essence, sa personnalité, son âme. C'est un fait bien connu des Français qui aiment à répéter que « le style, c'est l'homme ».

Thiết-tưởng muốn biết cái giá-trị của một văn-minh nào, không nên xét rằng văn-minh ấy đã dựng được hay có thể dựng được những tỉnh-thành lớn không, cất được những nhà-cửa đẹp không, mở được những đường-sá tốt không, chế được những đồ-đạc tốt đẹp hay những khi-cụ tiện-lợi không. Cũng không nên xét những chế-độ, nghệ-thuật, khoa-học của văn-minh ấy đã sáng-tạo ra được. Nên xét trước nhất là xét cái mô-phạm làm người của văn-minh ấy thế nào, xét cái tính-cách những người dân ông dân bà sinh-trưởng trong văn-minh ấy thế nào. Duy có người ta, bất-luận là dân ông hay dân bà, là tiêu-biểu được tỉnh-thần, đặc-sắc của cái văn-minh đã tác-thành ra mình. Lại thêm cả tiếng nói của người ta nữa, cũng lộ được tỉnh-tinh, tâm-lý của người ấy thế nào.

Un Etat tel que ceux que nous voyons aujourd'hui en Europe et en Amérique, où les hommes et les femmes n'ont pas une véritable conception de la vie civile, un Etat de ce genre, avec tous ses Parlements et toute son administration, peut bien être appelé, si vous voulez, une grande entreprise commerciale ; elle n'est pas un Etat...

Pour avoir une conception juste de l'Etat ou de l'ordre civil, il faut avoir d'abord une juste conception de la famille, et pour cela, il faut avoir une juste conception du mariage, ne pas le considérer comme un mariage de cœur, mais comme le mariage civil que j'ai essayé de décrire, comme un contrat conclu non pas entre l'homme et la femme, mais entre la femme et la famille de son mari, et suivant lequel la femme a des devoirs non seulement envers son mari, mais encore envers la famille de son mari, et à travers la famille, envers la société, envers l'ordre social et civil, envers l'Etat.

KOU HOUNG-MING

(L'Esprit des Chinois)

Người nước Pháp đã hiểu rõ điều đó lắm, nên thường có câu nói : « Văn tức là người ».

★ ★

Một quốc-gia như các quốc-gia Âu Mỹ ngày nay, người ta, đàn ông, đàn bà, không hề có một cái quan-niệm chân-chính về đạo làm dân trong nước, một quốc-gia như thế, thời đầu có các nghị-hội nghị-viện, các hành-chính cơ-quan đủ cả, cũng chỉ có thể cho là một cái công-ti buôn lớn mà thôi, chứ không phải là một quốc-gia thực.

Muốn có một cái quan-niệm chính-đáng về quốc-gia hay về cái thể-thống trong dân trong nước, thời trước phải có một cái quan-niệm chính-đáng về gia-đình, gia-tộc ; muốn có một cái quan-niệm chính-đáng về gia-đình gia-tộc, phải có một cái quan-niệm chính-đáng về sự hôn-nhân, phải coi sự hôn-nhân không phải là một cuộc ái-linh của hai người, thực là một sự quan-hệ cho xã-hội, không phải là một sự giao-kết của người đàn ông với người đàn bà mà thôi, chính là sự giao-kết của người đàn bà đối với gia-tộc người đàn ông, người đàn bà không những có nghĩa-vụ đối với chồng, mà lại có nghĩa-vụ đối với nhà chồng, không những có nghĩa-vụ đối với nhà chồng, mà lại có nghĩa-vụ đối với xã-hội, đối với quốc-gia, đối với cái thể-thống lớn trong dân trong nước.



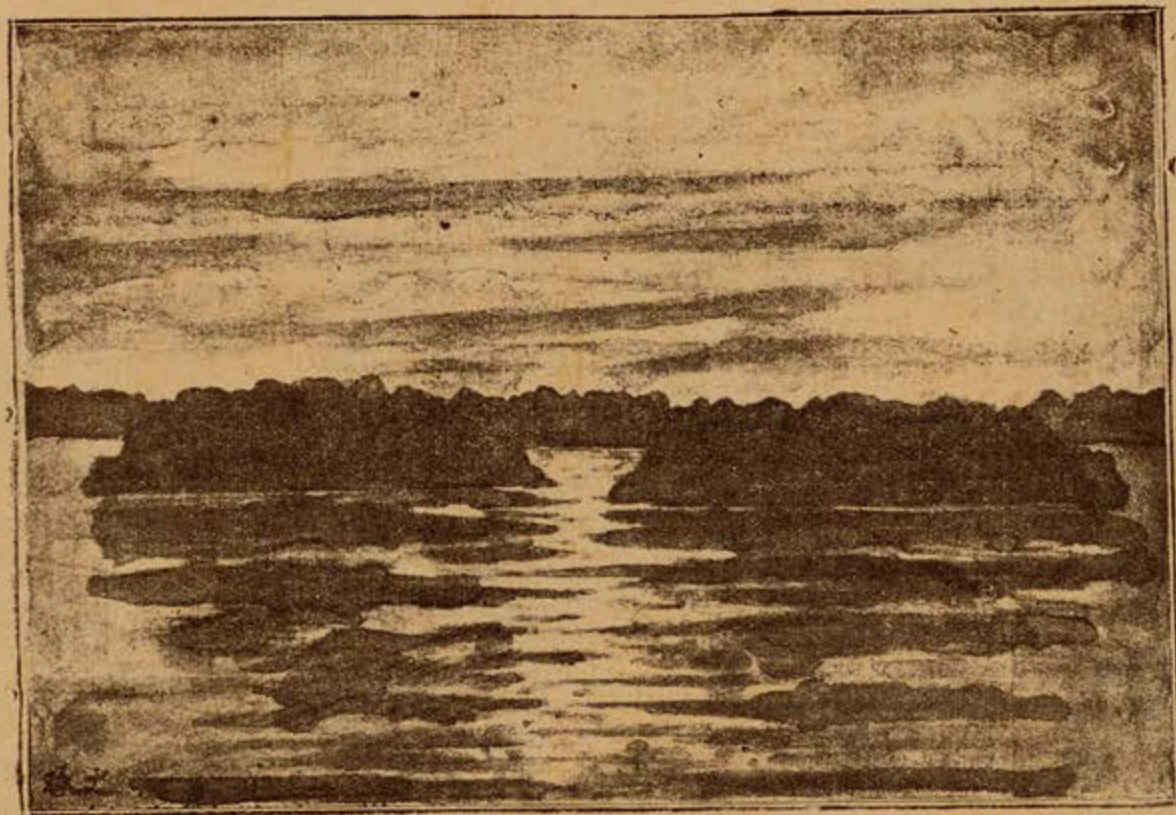
Hà-tiên danh-thắng



Ở Cầu-ngang Cửa-cạn (Phủ-quốc) trông ra vàm sông.
Ngấn nước trắng sau dãy cây là mặt biển.

Trúc-chi

Hà-tiên danh-thắng



Cảnh trăng lên trên Đông-hồ

Trác-chi

VŨ TRUNG TÙY BÚT (1)

雨 中 隨 筆

IV

Trộm-cắp

Ở phường Diên-hưng (Hàng Ngang) và phường Đồng-lạc (Hàng Đào) là một nơi phố hàng áo bán các thứ tơ lụa vóc nhiều rất nhiều, phiên chợ là những ngày mồng một, mồng sáu, mười một, mười bốn, rằm, hai-mươi mốt, hai-mươi sáu, ba-mươi. Phiên chợ phường Bạch-mã (Hàng Buồm) cũng là một phố buôn bán rất huyền-náo. Những quân trộm cắp nó hay thừa-gián cắp giắt, có khi nó thò tay vào túi người ta bóc lấy mất hết cả. Có khi nó cố-ý làm cho ồn-ào đồ xô nhau mà chạy, rồi nó cắp lấy bọc áo người ta, hoặc khuôn lấy đồ hàng hóa. Có khi nó huyền-truyền là voi lồng ngựa xô để cho các người chợ-búa và người đi đường đồ xô nhau mà chạy, hàng-hóa đồ-vật bừa-bãi, đến lúc biết là nó huyền-truyền láo thì quân kẻ cắp nó đã phỗng hết cả rồi. Một hôm, ở phường Đồng-các (phố hàng Bạc) có một bà lớn đi vớng mảnh-mảnh cánh sáo đến dừng vớng trước cửa một nhà hàng bạc, đây tờ lính hầu rậm-rịch, truyền thị-tì chầu vớng lại dó cho hỏi mua mấy chục nén bạc, mà-cả giá chưa xong, bà lớn ngồi trong vớng truyền và già hầy cầm chục nén bạc đem về đích trình quan lớn xem qua sẽ định giá, chủ nhà hàng cũng không ngờ, một lát thì những đờ thị-tì và lính-hầu lên dần đi hết, hai tên lính khiêng vớng cũng cắt mất. Trời đã

gần tối, chờ mãi cũng chẳng thấy con vú già cầm bạc trở lại. Nhà chủ mới đến trước vớng hỏi bà lớn để đòi bạc, mở mảnh-mảnh ra xem thì té ra là một mụ lão ăn mày mù cả hai mắt, mặc cái áo nhiều điều ngồi chễm-chệ trong vớng, bấy giờ mới hoảng lên không biết nói làm sao cả, chỉ bắt được có cái vớng lại là cái vớng cũ mà nát, hổng-giá không đáng mười quan tiền, cho đi tìm khắp mọi nơi không còn thấy tăm hơi đâu cả. Ấy những lối ăn cắp lừa dối như thế rất nhiều, không thể kể hết được, cái tài giỏi của kẻ gian-biền cũng lắm lối rất buồn cười, xem thế đủ biết cái thịnh-sự đời thăng-bình vậy.

Mẹo lừa

Khoa thi hội năm nhâm-thìn đời Cảnh-hưng (1772), kỳ từ-trường đã vào thi xong rồi, chỉ còn đợi đình-thí truyền-lô nữa là các quan tân-khoa đã lên mũ áo xúng-xính. Khi ấy có một mụ già vào chơi một nhà giàu ở phố hàng chiếu Đồng-hà, nhân nói chuyện đến khoa hội-thí năm nay, mụ có quen một ông được vào trúng-cách, nay mai sắp-sửa đã là một quan tân-khoa tiến-sĩ. Chủ-nhân mới hỏi quan tân-khoa chừng bao nhiêu tuổi, quê-quản ở đâu. Mụ kể nói ra rõ cả, và nói rằng quan tân-khoa nhà vốn nghèo mà chưa có vợ, đến khi đình-thí truyền-lô xong, không biết lúc về vinh-quì thì quan tân-khoa thu-xếp ra làm sao. Chủ-nhân có

(1) Xem N.-P. từ số 121.

ý hăm-mộ mới nói với mẹ rằng: «Tôi có một đứa con gái kể cũng không đến nỗi quê-mù, nếu mẹ hay làm mối cho được thành lứa đôi, thì bao nhiêu tiền phí-tồn về lúc vinh-quí, quan tân-khoa không phải lo gì cả.» Mẹ cố ý làm ra bộ khó lòng, rồi đi lại mách mối đến ba bốn lần, cuối cùng lại mời quan tân-khoa đến chơi nhà phú-gia ấy để xem mặt người con gái. Chủ-nhân mới mời quan tân-khoa ngủ chơi lại một đêm, rồi cho người con gái ra yết-kiến. Mẹ mới xui giục chủ-nhân bảo cho người con gái ra tiếp quan tân-khoa cùng ngủ, định-trước sau khi yết bằng đồ rồi, thì làm lễ thành-hôn. Sáng sớm hôm sau quan tân-khoa xin cáo-từ, chủ-nhân tặng cho rất hậu. Từ đấy chủ-nhân chỉ trang-sức cho người con gái chực đợi ngày nghênh-hôn. Kịp đến khi truyền-lô tứ-yếu xong rồi, mất tăm chẳng thấy mẹ già đến chỉ nữa. Chủ-nhân mới sai người nhà đi hỏi dò các quan tân-khoa tiến-sĩ, đều không phải là cái anh chàng ngủ đêm hôm trước, mới biết là bị lừa, hối-hận cũng không sao được nữa. Truyện ấy huyền-truyền khắp cả kinh-thành, ai nghe thấy cũng lấy làm buồn cười. Ôi ! mẹ lừa ấy cũng tai-quái thật, nhưng không phải chủ nhà giàu ham mộ quan tân-khoa, muốn cầu lấy cái phúc phi-phận muốn cho con được làm bà quan, thì biện-thuật dẫu quái đến đâu cũng không thể lừa được.

Mộng và số

Ông Mậu-hiến tiên-sinh sinh về tháng năm nhuận năm tân-mùi đời Cảnh-hung (1951), xét xem Đẩu-số thì cát-tính thấu-hội kiêm được và quý cách, không mấy người được số Tử-vi tốt như thế. Anh hai ta khi trước có nói chuyện rằng đấng Tiên-đại-phu ta có từng xem số của Mậu-hiến tiên-sinh bảo rằng cứ như số tiên-sinh thì danh với thọ không

luông-lập được, nếu đỗ đại-khoa thì phải giảm thọ, nếu được hưởng trường-thọ thì phải giảm bớt khoa-danh. Năm kỷ-dậu, (1789) tiên-sinh có mắc bệnh, ta thường đem lời nói trên ấy để khuyên-giải. Xét ra Mậu-hiến tiên-sinh về khoa-danh thì đỗ đến hương-nguyên, mà thọ thì chỉ đến 60 tuổi, kể ra danh với thọ thì cũng không dài mà cũng chẳng ngắn, ta không giải sở-dĩ ra làm sao.

Năm canh-tuất (1750) ta có mộng thấy ra xem vết bằng ở Quảng-văn-dinh, thấy có chữ sơn son thếp vàng thì rõ tên ông Trịnh Công-Quyền 鄭公權 đỗ ưu-trung đệ-nhất-danh, trung-hạng nhất-danh là tên Phan Huy-Dung 潘輝瑋, rồi đến các tên thứ-hạng thì nhiều, không thể nhớ hết được. Đến khi tỉnh dậy không hiểu ra ý làm sao, mà khi ấy thì ông Giám-sinh Trịnh Công-Quyền mất đã lâu rồi.

Thác oan

Ông Giám-sinh Nguyễn Doãn-Mật là người Thọ-cầu huyện Duy-tiên, từ khi nhà Lê mất rồi, vẫn ở nhà quê dạy học. Có cái nhà gianh năm gian, đầu phía đông là phòng vợ chồng người con trưởng tên là Doãn-Bạt ở. Doãn-Bạt lấy vợ đã lâu, mà hai vợ chồng vẫn khùng-kỉnh không hòa-thuận nhau, người vợ có khi về thăm nhà đến hàng tháng, mà Doãn-Bạt thì sang dạy học ở một cái làng nhỏ bên kia sông thường khi về thăm ở nhà cũng không mấy ngày lại sang trường học. Người vợ thì thường lúc vắng mặt nói ra giọng oán giận chồng, vợ chồng ông Giám-sinh không thể làm thế nào được.

Năm tân-dậu (1741), em thứ Doãn-Bạt mới cưới vợ, hai vợ chồng người em vẫn tương-dắc với nhau. Một hôm bỗng ở trong buồng vợ người em thấy lần một cái áo lót mình của Doãn-Bạt, mới đem ra trả người anh. Ông Giám-sinh trong bụng lấy làm nghi, mới nhân lúc vắng

người gọi Doãn-Bạt vào trách mắng sao không biết tỉ-hiền, cồ-nhân ở dưới gốc mận không sửa mũ, trên ruộng đưa không xỏ giày, là sợ người nghi-kỵ. Doãn-Bạt hết sức biện-bạch là không có thể, mà lúc mình về nổi không viện chứng-cớ gì cho tỏ oan ra được, uất-ức bực mình mãi thành tâm-tật, cử-chỉ ngôn-ngữ lắm lúc mê-sảng bất-thường. Một hôm mới đến nhà cậu tỏ nỗi oan-tình, và nói sắp liền mình tự-tử để cho học-bach nỗi oan. Cậu mừng là nói cần. Sáng sớm hôm sau, cáo-từ cha đi sang trường học, ra đi đến bến đò Lê-xá ở bên cạnh làng, mới vào một nhà quen hỏi mượn dao. Người nhà quen biết rằng có tính diên, không cho mượn dao. Doãn-Bạt mới đi ra cắn ngón tay trở ra lấy máu, rồi lấy cái tấm tre thấm máu viết vào cái gốc cây gạo ở bên sông mấy chữ cực to: « Nhân mạc dư tri uổng đoạn-tràng, 人莫予知枉斷腸. Thử oan tu-tổ dĩ Vân-Trường, 此冤須訴與雲長. » Nghĩa là: « Ai tỏ oan này dứt ruột thay, kêu với Vân-Trường họa có hay. » Để xong rồi gọi dò sang sông, đến giữa dòng nhảy tùm xuống sông, lái đò vội-vàng cứu-vớt không kịp, liền chạy về báo tin cho người cha, thuê các nhà thuyền chài mò vớt, mãi đến chiều tối mới mò thấy ở giữa chỗ lòng sông sâu, người vẫn xếp bằng tròn mà ngồi, vớt lên diện-sắc như-sinh, chỉ có đầu ngón tay trở bên tay phải thì thấy cắn dập nát ra. Ông Giám-sinh khốc-lóc thương-thâm, sai đem liệm chôn. Những chữ huyết-thư ở gốc cây gạo to bằng bàn tay, hễ lúc bóng mặt trời chiếu vào thì sắc huyết đỏ lừng lên. Người ở gần đấy sợ-hãi, lại sợ động đến tai quan, mới đem rửa cạo đi, lâu mãi mới sạch.

Tanghe nói chuyện trên này lấy làm quái lạ, sau gặp được con trưởng quan Lý Tư-giảng người Lê-xá mới hỏi kỹ lại thì đều hợp như điều mình nghe. Hỏi lại duyên-cớ thì có người bảo rằng

cái áo lót mình ấy là bởi tại người em dâu cất lằm vào. Hoặc người bảo rằng bởi tại vợ Doãn-Bạt lằm ra thế, không biết có phải không. Ôi! người đời những kẻ mũ cao áo dài, đứng ngồi chững-chạc, mồm vẫn đọc sách thánh-hiền, vai vẫn đóng hàng tấu-thần, lúc ngày thường vô-sự thì vẫn tự-nhiệm là bậc đạo-học, tự-đắc là người trong danh-giáo; nếu gặp phải sự biến, xử lúc đặc-láng, lâm lúc tử-sinh, thì thường-thường tiến-thoái hồ-đồ loang-choạng, bỏ mất cả sở-cứ. Doãn-Bạt là một anh chàng thiếu-niên sơ-học mà thôi, thế mà không chịu cái tiếng nhơ trung-cầu nó lằm nhơ-bẩn, đánh liều mình với dòng nước trong, người như thế thì còn ai lượng được.

Khoa-cử

Triều nhà Lý khai khoa thi học-trò thì có khoa Tam giáo 三教, khoa Thái-học-sinh 太學生, cũng có cả khoa Tiến-sĩ 進士 nữa, kể cái đường đăng-tiến cho ra làm quan không phải là một đường. Đến đời nhà Trần cũng thế, nhưng chỉ khoa tiến-sĩ so với các khoa là đặc-nhân hơn cả. Lê tiên-triều tự năm Hồng-đức trở về sau, chỉ chuyên-trọng khoa tiến-sĩ làm một khoa luân-tài đại-diễn. Mạc-thị cũng nhân theo, đời Lê Trung-hung khoảng hai trăm năm, những người đỗ khoa Tiến-sĩ vẫn lấy bậc thanh-lưu tự-cư tự-trọng; còn những người văn-võ tài lược làm nên đến vị công-tướng mà không biết lấy bậc thanh-lưu tự-trọng, là bởi tại thế-biến vậy. Đầu đời trung-hung có cụ Phùng Khắc-Khoan 馮克寬 đã là bậc công-thần tham-mưu chốn duy-ác, dương-lịch các bộ-tự, mà còn phải khuất-thần chốn trường ốc, cầu lấy đỗ đại-khoa mới là vinh. Ông Lương Hữu-Khánh 梁有慶 huân-nghiệp văn-chương cũng xuyt-xoát với Phùng-công, chỉ vì khi còn ở bên nhà Mạc, bị phải các quan Lê-vi chà-chải họ đề

nén, nên ông không chịu vào thi đình nữa, vậy nên không đỗ đại-khoa. Đến khi về theo Lê-triều, trải làm quan chốn thanh-yếu, thể-diện ông đã tồn rồi nên ông không thêm ganh đua với các nhà cử-tử nữa. Các nhà chép sử nghĩ rằng ông không phải là bậc đại-khoa, lược bỏ mà không chép đủ. Nếu không có gia-phả nhà họ Lương và các tập dã-sử riêng của các nhà chép lại, thì huân-danh của Lương-công không khéo cũng theo với bọn cụ-thần thi-vị cùng mai-một đi hết cả.

Sau này ở Mộ-trạch có Võ-công Duy-Chi 武惟志, Thanh-lâm có Nguyễn-công Đình-Phái 阮廷派 đều là bậc danh-thần một thời, mà xét ở trong sử thì không còn thấy nói đến một li sự-trạng gì cả. Mà các người đã dùng tên trong sổ đại-khoa thì vẫn cứ noi theo cái tích-tập, đã liêm có cái tệ tự-phụ là bậc thanh-lưu như cuối đời nhà Đường. Đầu đời Cảnh-hưng có Ngô-công Thời-Sĩ 吳時仕 nổi tiếng là bậc hay chữ, bị phải các quan đương-lộ ghen-ghét hễ đến kỳ hội-thi thì các khảo-quan tìm mò dò-xét hễ thấy quyền nào giọng văn hơi giống thì bảo nhau rằng: « Quyền này hẳn là khẩu-văn Ngô Thời-Sĩ! » Thôi thì hết sức bới-móc đánh cho hỏng đi. Trịnh-chúa Nghi-tổ (Trịnh Doanh) vẫn biết có cái thói tệ ấy, nên đến khi trường sự xong rồi, truyền đem quyền hỏng của Ngô Thời-Sĩ ra duyệt lại, các khảo-quan bấy giờ nhiều người bị truất-phạt, nhưng vẫn không cấm-chỉ được cái tệ ấy. Khoa bình-tất (1766), Ngô-công bị bệnh tiết-tả, khi vào thi trường đệ-tứ, phải cố thảo-thảo làm cho xong quyền. Khảo-quan chấm quyền bảo rằng: « Quyền này kim-văn thì luyện-dạt lắm, đáng là văn hội-nguyên. Nhưng văn-bí hơi yếu, không phải là giọng văn-Ngô Thời-Sĩ. » Đến khi chấm đến quyền văn Nguyễn-công Bá-Dương 阮伯陽, lại bảo

nhau rằng: « Quyền này văn - khi tuấn-dật cảnh-bạt, giống như giọng văn Ngô Thời-Sĩ, nhưng kim-văn lại kém, Thời-Sĩ tất không làm như thế ». Hồ-dồ nghi-tự không biết đích quyền nào là văn Ngô Thời-Sĩ mà đánh hỏng. Nên Thời-Sĩ mới chiếm được hội-nguyên. Khi Trịnh Tĩnh-vương (Trịnh Xâm) tổng-thống quốc-chính, thì có Phạm-công Vi-Khiêm 范搢謙 có tiếng là người văn-học giỏi được nhà chúa biết tên, nhưng ông ấy khi nhỏ hay khi-khái trái ngược với đời, nên các quan chủ-khảo ở Lê-vi hễ thấy quyền ông thì đánh hỏng, cũng giống như ông Ngô Thời-Sĩ. Đến khi đã dùng tuổi học-nghiệp càng thâm-thúy, thì ông làm văn-chương đôi lần lối cụ-tập. Khoa thi năm kỷ-hợi (1779), ông đổi tên là Nguyễn Du 阮攸, kỳ đệ-nhi có một quyền giọng văn hơi tri-sinh, các khảo-quan bảo nhau rằng: « Quyền của Vi-Khiêm ở đây rồi! » Bèn cùng nhau chỉ-trích đánh hỏng. Đến khi yết-bảng thì tên ông vẫn được vào. Kỳ đệ-tam cũng có một quyền bị nghi là quyền của ông, mà đánh hỏng, nhưng quyền ông vẫn không can sao. Kỳ đệ-tứ thì văn ông Nguyễn Du thuần mà giản-dị, văn ông Phạm Qui-Thích thì rộng-rãi mông-mênh, khi-cách hai quyền văn không giống nhau. Quan trường nghĩ phê quyền văn ông Phạm Hoa-dương lên đệ-nhất. Ông Nguyễn Bá-Dương lại trở quyền ông Phạm-công Vi-Khiêm người Đặng-diễn mà bảo rằng: « Quyền này lời văn giản-cổ thâm-áo, không phải bậc lão-sư tức-nho thì không làm được, nên đề lên trên. » Đến khi tiến lên Trịnh-vương-phủ thì thành ra quyền ông Đặng-diễn Phạm-công đồ đầu, mà quyền ông Phạm-công Hoa-dương đồ thứ hai, quả như lời ông Nguyễn Bá-Dương liệu định. Khi yết-bảng ra Quảng-văn-dinh, ông Nguyễn Bá-Dương dậm chân mà rằng: « Khoa-giáp vốn có mệnh-số, không

thề lấy sức người mà tranh được. »
 Vì những khoa trước, quyền ông Phạm Đăng-diễn mà bị đánh hỏng phần nhiều là tại ông Nguyễn Bá-Dương hết sức bài-bác, đến đây lại cứ khăng-khăng muốn lấy quyền ông Phạm Đăng-diễn lên đồ đầu, xem thế thì biết con tao cũng khéo trêu người thật !

Bà Thịnh - mĩ chính - phi vợ chúa Trịnh có một người em tên là Mậu-Đĩnh 茂挺 vốn bồi dòng hèn mới khởi-gia tên. Bà Phi muốn cho dự vào hàng văn-thân, gặp kỳ thi hội có mặt-chức bảo kẻ lại-phòng xếp quyền soạn hiệu thi cử quyền của Mậu-Đĩnh đánh dấu một chữ đề làm hiệu, lại dặn quan nội-trường phải ra ý tâng bốc cho, nếu kém lắm không thể lấy được thì đợi khi có chỉ nhà chúa xét hỏi, thì phải đem quyền ấy dâng trình. Đến kỳ đệ-tứ xong rồi bao nhiêu quyền thi trúng - cách đem tiến trình cả, quyền Mậu-Đĩnh thì không ở trong bọn quyền ấy. Bà Phi mới xin với chúa Trịnh rằng : « Việc thi cử mà cứ lấy hành-xích làm hạn sợ không được rộng, xin chúa cho rộng lấy những quyền trừ-súc đem lên tiến trình cả để thiếp rút lấy một quyền đề cho rộng đường cầu lấy nhân-tài. » Chúa Trịnh cũng nể ý bà Phi mà phải truyền đem quyền lên trình cho bà Phi rút, bà Phi cứ nhắm vào cái quyền đánh dấu mà rút lấy, rồi lui vào bảo kẻ cung-giám thông tin cho Mậu-Đĩnh cứ việc dự-bị tiệc ăn mừng. Đến khi dán quyền lại đề yết bảng thì tề ra là tên Võ Huy-Đĩnh 武輝挺. Bà Phi lấy làm quái lạ, mới hỏi lại kẻ lại-phòng. Kẻ lại-phòng thưa rằng : « Khi nhận lời dẫn, tâm-thần hoang-mang, nhớ không được rành, đến khi soạn quyền chỉ nhớ rằng bà Phi dặn tên Hinh 挺, nên mới đem quyền ấy đánh dấu không biết rằng lại hóa ra lầm lẫn. Bà Phi than thở lấy làm lạ. Khi Hoàng Ngũ-Phúc cầm quyền cũng có

một truyện giống như thế, tiếc rằng không nhớ được họ tên.

Võ công Miên 武棉 người Liên-tri, khinh-học tối lắm, suốt ngày nhai-nhai học chỉ được một trang giấy, mà cố sức khổ học mãi không thôi, sau nổi tiếng văn-học ở đời. Nhưng văn-tử sắp lắm, viết văn nhật-lực vẫn thường không đủ. Khoa thi hội năm mậu-thìn (1748), ông vào thi đến trường đệ-tứ đều gặp đầu bài nhớ cả, nhưng viết không kịp phải đến tối sớm mới nộp xong quyền mà đi ra, khi đến nhà trọ giải-trang ra nghỉ, thì xem ra là nộp lầm quyền bản-giáp, mà quyền có dấu in vẫn ở trong ống. Bấy giờ ngồi than thở ân-hận mãi, mới đem những đoạn văn làm buổi ban ngày ra sửa-sang nhuận-sắc, lại viết tinh-tuộm vào quyền có dấu in. Trời gần sáng, mới viết xong văn mà chợp ngủ, ngủ mãi đến trưa mới tỉnh dậy, xét lại trong ống quyền thì ra quyền vẫn có dấu in ấy không thấy dấu cả, trong bụng hoang-mang chỉ sợ bộ Lễ-tư đòi lấy quyền dấu in thì không lấy dấu mà trả lại được nữa. Bàng-hoàng lo sợ đến dăm bảy ngày, đến khi yết bảng ra thì thấy huyền-truyền rằng ở Liên-tri có tên Võ Miên đồ Hội-nguyên. Ông vẫn không tin, sau đến dinh Quảng-văn xem yết-bảng, thì quả-nhiên có tên mình thật, vừa mừng vừa kinh-ngạc không biết là tại cơ sao. Hoặc người bảo rằng nhà ông ba đời không nuôi mèo cho nên được cái báo ơn ấy, thì chẳng biết có phải không.

Người Thái - thạch Nguyễn - công Quỳnh là em ông Thám-hoa Công-Oánh. Khoa thi hội năm nhâm-thìn (1772), vào kỳ đệ-tứ xong nộp quyền ra về, ông Thám-hoa đòi xem quyền giáp, thì tề ra là nộp lầm vẫn còn lưu quyền có dấu ở lại. Đêm hôm ấy ông lại đem ra sửa-sang, đến sáng sớm liền rút quyền ấy vào tay áo và đem theo và mười lạng bạc đi ra vợ-vẫn ở ngoài cửa trường, chưa

biết mưu-tính lo-lắng ra thế nào, mặt trời đã về xế chiều, chợt thấy một tên võ-biên hỏi ông có việc gì mà vờ-vần ở đây, cứ nói thực thì giúp đỡ hộ. Ông mới nói thực. Người võ-biên hân-nhiên bảo rằng: « Việc ấy rất dễ, để tôi đảm-nhiệm hộ cho ông. » Rồi liền nhận lấy quyền mà giả lại bạc, và dặn bảo ông rằng: « Sau khi ra bằng rồi nếu có nhớ đến tôi thì cứ đến phường Đồng-xuân mà hỏi thăm nhà tôi là đủ, chớ cần gì phải cho vàng bạc. » Nói rồi liền đi mất. Quả-nhiên về sau ông được vào trúng-cách đỗ đại-khoa. Sau ông có đến phường Đồng-xuân để hỏi thăm thì là một tên lính tùy-hiệu chết đã hơn một trăm ngày rồi. Ông mới biết rằng có quỷ-thần giúp đỡ, sau khi ra làm quan ông vẫn thường hỏi thăm đến nhà ấy.

Khoa thi hội thịnh-khoa năm kỷ-hợi (1779) có người mộng vào trước nơi điện-dinh thấy truyền-lô xướng danh các quan tân-khoa tiến-sĩ, đến tên thứ mười lăm thì tên là Ngô Tiêm 吳 遷. Những người cầm sớ tên bảo nhau rằng: « Tên này học-vấn dẫu không giỏi lắm, nhưng mà phúc - đức khá-thủ ». Khi mộng tỉnh dậy hỏi khắp hết bè-bạn, thì không thấy có ai tên là Ngô Tiêm. Vì ông ấy năm ấy mới đỗ khoa thi-hương nên không mấy người biết tên. Đến kỳ đệ-tứ ông vào thi, viết mãi đến tối mới được một đoạn cớ-văn, vẫn còn đương cầm bút cấu-từ nghĩ-ngợi, sức thấy một quan Thề-sát đến hỏi rằng: « Bây giờ của trường đã đóng rồi, mà quan Tân-tiến-sĩ cơ sao vẫn ở trong lều? » Ông ấy bấy giờ mới biết là đã tối rồi, khẩn-cầu xin giúp-đỡ cho. Quan Thề-sát mới bảo ông cầm bút nghiên đi theo, đến chỗ sau nhà thập-dạo, thì thấy trong nhà thập-dạo đương soạn quyền, chỗ sau vách lộ ra một bóng sáng. Quan Thề-sát mới bảo rằng: « Cứ ngồi đấy mà làm văn cho

xong quyền đi rồi tôi bảo. » Ông cứ y theo lời, quan Thề-sát thỉnh-thoảng lại đi ra thăm hỏi. Khi ấy gà gáy đã sang trống ba, ông mới viết xong quyền, rồi giao cho quan Thề-sát cầm vào nộp cho lại-phòng. Quan Thề-sát lại đưa cho ông một cái mũ chữ *dinh* mà bảo ông rằng cứ đội cái mũ này rồi đi theo với những quan lính tuần canh mà ra ngoài cửa trường. Đến sau quả-nhiên đỗ tiến-sĩ, sau ông thường lại bên cái nhà quyền-bổng dưới gốc cây táo để hỏi thăm cái người đêm hôm ấy thì không gặp ai cả, không biết là cơ làm sao.

Cuộc binh-văn trong nhà Giám.

Năm giáp-thìn ất-tị (1784-1785) đời Cảnh-hung, ta mới ra du-học đất kinh-thành, cứ mỗi tháng trước ngày sóc vọng một ngày thì nhà Quốc-học (nhà Giám Hà-nội) có mở cuộc binh-văn. Ta có theo các bậc huynh-chấp xuống nghe binh - văn, thì ta thấy trên thêm ở khoảng giữa ngành mặt về phương nam có giải ba cái trục-tịch, ở trên là vị quan Tri-giám ngồi. Ở giữa là vị quan Tham-tụng và quan Hành-Tham-tụng ngồi. Ở dưới là vị các quan bồi-tụng ngồi. Các quan Thị-lang tam-dô thì ngồi ở vị bên đông mà ngành mặt về hướng tây. Còn các người khác thì đều ngồi phía tây mà ngành mặt về hướng đông. Chiều người binh-văn thì ngồi về phía tây. Lúc bình thi các quan chính-phủ ngồi giữa tổng đại-cương, các quan ngồi chiều phía đông thì thỉnh-thoảng bàn-bạc cân nhắc. Đó là cái lệ cũ vẫn như thế. Lúc bấy giờ thì quan Thái-phó Viện quân-công là Nguyễn Công-Hoàn 阮 公 儔 lại mới khỏi - phục ra làm quan tri Quốc-tử-giám, ngồi ở chiều trên khoảng giữa, rồi đến vị Liệt-hầu là Bùi-công Huy-Bích 裴 輝 璧 lấy chức Hành-tham-tụng một mình ngồi chiều giữa. Võ-ngự Uông - công Sĩ - Điền

汪士璣, Mộ-trạch Võ-công Huy-Đĩnh
武輝挺, Thu-hoạch Phan công Cẩn
潘瑾, An-vĩ Trần Công-Sán 陳功燦
đều lấy chức bồi-tụng ngồi chiếu dưới.
Chiếu bên đông thì Lý-công Trần-Quán
李陳瓊 Nguyễn - công Đình - Trạc
阮廷濯. Còn từ Lê-công Huy-Tiêm
黎輝璫 trở xuống thì đều ngồi về
chiếu bên tây. Lúc bình-văn thì tiếng
Hoàng-công Vĩnh-Trân 黃永珍 rất là
thanh-sảng hưởng-lượng, tiếng Nguyễn-
công Cầu 阮球 thì rõ-ràng bình-dị, Lưu-
công Tiệp 劉睫 thì giọng ngắn mà đọc
không rõ, Thiệu-công Sưởng 詔昶 thì
đọc không nghe rõ ra tiếng gì cả. Còn
cái quyền truất-chắc lấy bỏ thì chỉ
do Bùi - công Huy-Bích quyết-định,
thứ đến các quan bồi-tụng thì cũng
có bản nói thương-xác. Duy quan Tri-
giám Nguyễn-công Hoàn thì thủy-chung
nín lặng không nói câu nào, thỉnh-
thoảng chỉ hi-hi sẽ cười mà thôi. Ta
trong bụng lấy làm ngờ, hỏi các ban
đồng-bồi thì ai cũng cười không bảo
rõ, ta lại càng ngờ, sau hỏi đến bậc
trưởng-giả, thì có người bảo rằng :
Nguyễn-công học-vấn không thiếp sĩ-
vọng, cho nên lúc bình-văn ở nhà
Giám, không có khả-phủ điều gì cả.
Cũng có người nói rằng : Nguyễn-công
khi tuổi trẻ lấy là con nhà tướng-môn
được đỗ hương-nguyên, về sau lại đỗ
hội-nguyên, văn hai kỳ thi ấy đều không
phải là nhật-lực Nguyễn-công làm ra
được. Đó đều là lời truyền-văn như
thế, ghi lại đây để bị-khảo.

Ngày hôm bình-văn ở nhà Giám thì
quan Tri-giám làm chủ-tọa. Lúc mới
đến hội-hợp thì quan Tri-giám đứng ở
phía tây trên chiếu giữa, quan Tham-
tụng quan Bồi-tụng thì đều đứng về xế
phía-đông nam chỗ chiếu mình ngồi,
các quan ngồi chiếu bên đông thì đứng
về phía đông chiếu mình ngồi. Quan
Tri-giám lúc bấy giờ mới hướng vào hai
chiếu giữa vái chào mời ngồi, quan

Tham-tụng Bồi - tụng đều vái đáp
lại. Rồi quan Tri-giám lại vái mời
chiếu bên đông, các quan Thị-lang
Tam-dô đều vái đáp lại. Lại hướng
vào chiếu bên tây vái chào mời ngồi,
các quan tây-tịch đều vái đáp lại, xong
rồi đều lên chiếu theo thứ-tự mà ngồi.
Chiếu giữa và chiếu bên đông thì hộp
giầu ống súc đều bày đủ mỗi vị quan-
viên một bộ, còn chiếu bên tây thì mỗi
chiếu hai hộp giầu hai ống súc. Mặt
trời xế trưa thì quan Tri-giám sai dịch-
mục súc bảo kẻ tạo-lệ chỉnh-biện cơm
trưa, cỗ-bàn cũng lịch-sự lắm, cứ lẽ
thì do nhà bếp riêng quan Tri-giám
biện cỗ, mà lấy về tiền dân tạo-lệ cung-
ưng và tiền thuế công các hồ Huy-văn.

Phép-thi nghiêm-mật

Đời Lê Trung-hưng, thi-pháp rất
nghiêm, những con nhà hát-xướng
không được ra thi, vì thế mà Lộc-
khê-hầu Đào Duy - Từ 陶惟慈 dẫu
có tài giỏi văn-chương hay, hội thi
đã trúng-cách, chỉ vì là con nhà hát-
xướng mà phải tước-tịch không được
đỗ, chuyện này ta đã nói tường ở trong
Tang-thương ngẫu-lục. Về sau có bà
Nữ-kinh Trương thái-phi và bà Á-lữ
Biện Tu-dung đều lấy là nhà con hát
mới khởi-gia lên, từ bấy giờ mới thi-
cấm cho cả con nhà xướng - hát được
ra thi.

Khảo quan mà dụng-tình riêng lấy
đỗ, cử phép trị tội cũng nghiêm, xem
như Tào-sơn Lương-công Nghi, Lâm-
sơn Nguyễn-công Văn-Bàng đều vì
tư-túi về việc thi mà phải tội đồ ; Ngô-
công Sách-Dụ, Sách-Tuân ở Tam-sơn
cũng vì việc thi gian mà phải tội giảo.
Đến sau chính-thể càng ngày càng đổi-
bại, mới có kẻ thiết-xúy làm gian-lam
được. Người ta truyền rằng Lan-khé
Nguyễn-công Hoàn khi vào thi hội bài
văn sách là hợp sức sáu người văn-sĩ
làm giúp cho, không biết có phải không.
Hoặc có kẻ nói rằng ông thân-phụ sinh

ra ông là quan Tham-tụng Phong-quận-công Hiệu, một mình làm tướng đã lâu năm, các quan đều sợ hãi phụng-mệnh cả. Khi ấy có một ông quan ở quán-các bị khiển-trách phải về nhàn-tán. Một hôm Phong-quận-công triệu vào tướng-phủ, ông ấy vào ngồi đợi ở nhà trong, một hồi lâu không được yết-kiến, ngồi đợi mãi chỉ thấy trên kỹ đề một đầu đề văn sách, ông quan ấy giờ ra xem đi xem lại nhớ hết cả, suốt ngày kể nha-dịch hầu-hạ khoản-dãi rất từ-tế, đến chiều phải trở ra về, ông ấy không biết sở-dĩ ra sao. Đến khi vương-phủ triệu các quan văn-thần vào bàn soạn ngự-đề đề ra thi, thì ông quan ấy được triệu vào soạn-đề, lại ra ngay cái đầu đề văn sách ấy, bởi vậy Nguyễn-công Hoàn mới được đỗ-hội-nguyên. Truyện trên này cũng giống như truyện đời Nam-Song, khi tỉnh-thí ra bài phú: *Nhật tinh vi kỷ* 日星爲紀, mà Tần Hi 秦熹 đỗ khôi-nguyên, hai truyện phảng-phất giống như nhau, ý chừng kẻ hiểu-sự bịa-đặt ra đó mà thôi. Ta lại thường nghe một ông lão-nho nói chuyện rằng: « Năm mậu-tí đời Cảnh-hưng (1768), La-khê Ngô-công Duy-Viên 吳維垣, Đặng-diễn Phạm-công Nguyễn-Du 范阮攸, Trung-cần Nguyễn-công Trọng-Đang 阮仲鑑, ba người ấy đều là bậc danh-lưu cùng làm bạn chi-khế với nhau, thường họp nhau ở bên cầu Dắt trên sông Tô-lich để làm văn, thay đổi nhau soạn ra đầu đề làm văn, rồi lại cùng bình-duyet lẫn cho nhau. Một hôm soạn ra một đầu đề, rồi cùng bảo nhau rằng: Đầu đề này hợp thời-nghĩ lắm, anh Đặng-diễn Phạm-huynh lâu nay đã được nhà chùa biết tiếng, nếu khoa hội-thí sau này mà được triệu vào soạn đề, thì nên nhớ đến đầu đề này. Từ bấy giờ không hội làm văn nữa. Gặp khi ấy có một anh chàng sơ-học thiếu-niên ở nhà bên cạnh, nghe lỏm biết nhưng không dám nói ra. Đến khoa

hội-thí năm kỷ-sửu (1769), vào kỳ đệ-tam thi Đặng-diễn Phạm-công phải bị truất-lạc. Đến khi vào kỳ đệ-tứ thì ngự-đề ra chính đúng vào bài đã làm trước, bởi vậy Ngô Duy-Viên và Nguyễn Trọng-Đang hai ông đều đỗ đại-khoa, việc ấy cũng ít người biết. » Ngô Duy-Viên vốn là học-trò quan Bình-chương Phan-công người Đông-ngạc, khi mới vào học có làm bài phú: *Uy-dung đức-khi* 威容德器, lời văn rất uần-tạ, Phan-công đã từng khen là có sự-nghiệp. Trước khi hội-thí năm kỷ-sửu (1769), quan giữ đền đức Phù-dồng Thiên vương có thường nghe thấy trên chính-diện, hình như có tiếng thì-thào bàn nói, lại hình như tiếng đọc quyền ở trong trường thi. Đến khi Ngô-công Duy-Viên đỗ hội-nguyên, thì quyền thi sao ra truyền ngoài dân-gian, có câu « Xích-bích Hợp-phi » 赤壁合璧, giống như câu ông thủ-từ nghe ở trong đền hôm trước, truyện ấy cũng không biết ra thế nào.

Khoa mậu-tuất (1778) quan Quốc-lão là Nhữ-công Đình-Toản 汝廷瓚, có người công-tử thứ ba tên là Công-Vũ 公瑀, vào kỳ đệ-nhị sau đỗ đầu, trong quyền có bốn chữ « phương-phương chủng-chủng ». Đến câu công-tử thứ tư tên là Công-Chân 公 瑄 khi thi khoa nhâm-thìn (1772) trong bài tứ-lục cũng có những chữ ấy. Ông Nguyễn Bá-Dương đã từng trích những câu ấy ra đề tâu lên cáo-lô với chúa Trịnh, song nhà chúa cũng không hỏi đến. Phải biết rằng cái thói làm văn dụng chữ các nhà danh-gia vẫn hay bắt-chước theo nhau, chớ không nên vì thế mà sinh-nghĩ vậy.

Kỳ thi hội năm ất-mùi (1775), La-khê Nguyễn-công Duy-Nghi 阮惟宜 sung làm khảo-quan nội-trường, mà Bái-ân Nguyễn-công Quốc-Ngan 阮國彦 vốn là kẻ môn-nhân. Bái-ân Nguyễn-công khi nhỏ cũng có thụ-nghiệp học Nguyễn-

công Huy-Vượng 阮 輝 旺 người Minh-tảo. Gần đến kỳ thi Minh-tảo Nguyễn-công có đến hỏi thăm Bái-ân Nguyễn-công đề mạt hỏi những điều su-truyền tâm-ẩn, nghĩa là dò xem quan thầy làm chủ-khảo có bảo gì không. Bái-ân Nguyễn-công hết sức biện-bạch là không có. Minh-tảo Nguyễn-công tức mình ra cửa than rằng: « Danh lợi nó làm say đắm lòng người tẻ lấm thay! Chỗ thầy trò mà cũng không thể lấy tình cảm-dộng được, huống-chi là người khác.» Bái-ân Nguyễn-công nghe tiếng, mới mời Minh-tảo Nguyễn-công lưu lại nghỉ chơi. Khoa ấy thì hai ông đều đỗ cả. Sau ông Nguyễn Bá-Dương có dâng tờ khải lên dân-học việc ấy. Mà La-khe Nguyễn-công cũng chỉ-trích bảy quyển văn sách (1) khoa ấy có chỗ đáng ngờ, song đều không hỏi đến cả. Những truyện ấy đều là đặc-chi thịnh-văn, nhưng cũng khá biết thể-dạo một ngày một kém.

Điểm quái gở

Đời Tây-sơn về mùa xuân năm nhâm-tuất (1802), ở huyện An-sơn làng Thạch-thán có con bò vàng đẻ ra một đứa con trai, được và ngày nó phồng lớn lên như

thằng bé lên mười hai mươi ba tuổi dưới cằm lại mọc râu, ăn gấp ba người thường, chỉ một nỗi không nó không đi được mà thôi. Người ta sợ là yêu-quái, mới ngầm đem giết mà chôn đi, thì thấy tạt-dịch khởi lên dưng-dưng, được hơn một tháng người làng chết đến và trăm người, có nhà chết cả nhà, người làng nhiều người phải trốn-tránh đi nơi khác.

Mùa thu năm ất-sử 1805 đời Gia-long ở Sơn-nam huyện Tiên-lữ có một người đàn bà sinh ra một đứa con trai hai đầu, từ rốn trở lên thì chia ra hai thân-thể có gắn liền nhau. Khoảng giữa hai cổ lại mọc ra một cái bàn tay có tám ngón, còn thì hai tay hai chân cũng giống như người thường. Một đầu cũng bắt vú nuôi ăn như thường, không có gì khác, còn một đầu thì không ăn được, chỉ lấy sữa giở vào cho, được và ngày thì chết. Quan địa-phương có vẽ hình chuyện tư lên quan trấn Bắc-thành, không biết là cái quái-gở gì vậy.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch

(1) Xét khoa ất-mùi (1775) có đến 18 quyển văn-sách, trong quyển có câu: Trieb Chu bách 貞周百度, là câu dẫn đề làm dấu, chứ không những bảy quyển mà thôi.



NÉT MỤC NHÀ

Ta về ta tắm ao ta,
Dầu trong dầu đục ao nhà vẫn hơn.

Bài tựa

Cổ-nhân đã có câu : « Ngâm thành ngũ cá tự, dụng phá nhất sinh tâm », xem thế thì biết nghề ngâm-vịnh chẳng là khó lắm dư ?

Nhưng thơ là tự trong tình-tình người mà sinh ra, thì khi giữa trời cao biển thẳm, trước nước biếc non xanh, trong cảnh-vật hữu-tình, tâm-hồn cũng tự-tưởng nên thơ, cùng những lúc gió xé mưa mai, đêm khuya canh tĩnh, hoặc là đôi ba tri-kỷ, một chiếc thuyền lan, đứng-dừng dưới bóng trăng trên mặt nước, mỗi cảm-hoài chan-chứa, thì lòng thơ sao khỏi lai-lãng, đoạn-trường khi tử-biệt sinh-ly, vui-vẻ lúc tương-phùng tái-hội, thậm thấy cồn dàu vực bể, buồn trông mặt cỏ chân mây, tình-tử dỗi-dào, tự-nhiên phát lên thổ-than ngâm-ngợi. Tóm lại thì thơ là vật ở ngoài, mà hiện hình ra lời nói, mà lời nói có âm-hưởng, có cung-diệu, có niêm-luật. Cho nên thơ là người vậy.

Bình-sinh theo nghiệp vịnh-ngâm, kết duyên văn-tự, là cũng vì một lẽ nói trên đó. Dầu chẳng câu thơ ngọc phun châu, song có cách tả-tình ngôn-chí.

Nhân khi từu-hậu trà-dư, còn nhớ bài nào đọc lại cho con cháu ghi chép để làm một « nét mục nhà ».

Đề tự ở gác Nam-phong, tiết Thanh-minh, năm ất Sửu (1925)

Hữu-lân LÂM TẤN-ĐỨC
有 鄰 林 進 德

Hoài-hữu

I

Kìa kìa chen bóng ác,
Nọ nọ lộ gương bạc ;
Non nước sắc xanh lè,
Trăng trời màu trắng sát ;
Gã đồ hát nghèo-ngao,
Ông chài chèo lạt-xạt ;
Phải chi được xum vầy,
Cùng nhau say nguyệt-ngoát.

II

Tiệc rượu đêm khuya-khoắt,
Ôm cầm gảy đục-dặt ;

Ngửa xem trăng sáng lòe,
Cúi thấy sóng veo-vắt ;
Lầu cao địch thổi dài,
Canh tàn gà thúc nhặt ;
Hội lành phải gặp nhau,
Cùng uống chó say oắc.

III

Chẳng ngủ ngồi sửng-sờ,
Nghe chài hát u-ơ ;
Dòm song trắng viếng bạn,
Xò cửa gió đưa thơ ;
Nhớ thuở gà cùng nếp,
Vui khi rượu với cờ ;

Tuyết-sương dầu chơn chỡ,
Tông-bá dễ xơ-rơ.

Khuyến nữ học

(cổ-thề)

Chớ rằng con gái học mà chi,
Vì học mà nên sách sử ghi;
Vịnh tuyết cả khen nàng Đạo-Uần,
Biện cầm đều ngợi ả Văn-Ky;
Đề-Oanh Hán trước bia hiền-nữ,
Tứ-Huệ Đường sau tạc thánh-phi;
Tiểu-mục Tô-gia khôn kể sánh,
Đại-cô Tào-thị ít ai bì;
Vua ban thước ngọc lâu Sơn-dại,
Gẫm lại xưa nay có khác gì.

Mừng tân-hôn

I

Đào-hồng sao dọi cửa lan-duơng,
Mai-trúc mừng trao thiệp hỉ-chương;
Khúc phụng mới điều hơn Mã-khách,
Cầu ô gác thẳng giúp Ngưu-lang;
Sanh nam rày đã in như nguyện,
Giáo phụ khen vì trước biết phương;
Gấm trải rượu bày say dưới nguyệt,
Đầy sân sức-nức quế mùi hương.

II

Chim xanh rày đã báo tin mai,
Trăm bánh xe nên chỉ thắm dài;
To nhỏ vận điều giây cầm-sắt,
Sang giàu khách chặt ngõ thơ-trai;
Phụng loan trong trường vui nên cặp,
Ly vự trên nhà phúc vẹn hai;
An-lĩnh đề mưu vì đó nguyện,
Cơ-cửu lành nổi mối dai dai.

III

Hoa đào bông lá tốt tươi hàng,
Trăm lạng xe dừng, sáu lễ tương;
Tiểu-ngọc vận hòa nơi trường phụng,
Đuốc hoa ngời rạng cửa thơ hương;
Xứng đôi đã đẹp duyên Ung-bá,
Nhẹ một phần to nguyện Hường-trường;

Tơ tóc vững bền non biển hẹn,
Gót lân rồi cũng vịnh nên chương.

Bão lụt năm giáp - thìn (1904)

Thường biến cơ trời chẳng lẽ không,
Một cơn bão lụt khắp tây đông;
Day tàn đã sức cây bền cội,
Trần biên khôn ngăn nước dấy đồng;
Bề nổi xiết bao dồi-dập sóng,
Bèo trôi nào quản ngồn-ngang sông;
Hết cơn mù-mịt rồi trong lặng,
Nhậm lệ chi hơn tạo-hóa-công.

Họa bài trên

Trận dân bão lụt phát thình không,
Trống sấm binh mây bắc lại đông;
Cứng cỏi ấy cây nằm chặt đất,
Yếu mềm thay nước lướt vun đồng;
Xông-pha ngõ-ngác dân con vợ,
Bay lội lờ mờ dạng núi sông;
Chẳng nở chìm sa trời lỗ mặt,
Vén mù mở rạng thấy nên công.

Tặng Giang-thanh tri-phủ

Thiện-chánh dân ca tiếng đã rành,
Rằng ông ban-bá nhiệm Giang-thành;
Mượn bồ thế trượng răn lòng dữ,
Bán kiếm mua trâu dạy việc lành;
Nền đức vun bồi dày lại rộng,
Gió nhân quạt khắp mát và thanh;
Lòng trời còn dự người trung-chính,
Càng bước càng cao cái lệnh-danh.

Họa bài trên

Long-địa (1) tài nghe học hỏi rành,
Trước phủ trị vững cõi Giang-thành;
Năm bông ngựa thét vang triều cả,
Một hạt đàn rao rõ đức lành;
Cỏ mọc xanh-xanh nền chánh rộng,
Châu về chói-chói cửa quan thanh;
Xanh trông đoái xuống trong văn-hội,
Nên đáng may nhờ có chút danh,

(1) Quan phủ húy là Trần Văn-Thiệt, người Long-hồ, nhiệm Giang-thành năm 1903

Mừng tri-huyện thăng tri-phủ

Gió đưa tin nhận đến ngoài sông,
Thấy chữ vinh-thăng toại tắc lòng;
Rực-rỡ tờ mây truyền sáu tỉnh,
Rõ-ràng gáy ngựa trở năm bóng;
Châu về bãi Hợp muôn nhà đẹp,
Trắng dọi sông thu một sắc trong;
Nghìn dặm kính dựng cầu phước-lý,
Gọi là đền đáp lúc xanh trong.

Mừng bác Minh-đường tri-sĩ

Nghe nói ông Minh-đường,
Xa gần đều mến thương;
Cửa quyền trong tựa nước,
Đường hoạn sóng như gương;
Yêu hiền phen Nguyễn-Tịch,
Đãi khách giống Mạnh-Thường;
Công-thành toan thoái-bộ,
Điền-viên vui cổ-hương.

Vịnh Quan-công

Phong vàng trao ấn giả Tào-công,
Chỉ quyết tìm anh vọi ngóng trông;
Muôn dặm ruồi giông chân xích-thổ,
Năm quan vùng-vẫy ngọn thanh-long;
Bền lòng trung-nghĩa vang kim cổ,
Nức tiếng anh-hùng rúng núi sông;
Đuốc ngọc dọi soi trời đất Hán,
Nghìn thu gương tỏ thánh-nhân phong.

Trung-thu du hồ**I**

Sương dướm nhành ngô bóng dọi qua,
Dòng la ngoạn-thưởng bạn và ta;
Rạng thanh đáy nước ngồi gương tở,
Khoan nhặt bên gành trời vạn nhà;
Mấy tiết dễ hơn rằm tháng tám,
Một thuyền chở khảm nguyệt canh ba;
Thi ngâm rượu rót vui như thế,
Trưởng lại Bồng-doanh kém chẳng xa.

II

Dòng xanh chiếc lại chiếc bơi qua,
Thưởng-nguyệt đêm lành đẹp ý ta;
Rót chén cúc-hoa mời ả tở,
Gảy đàn lưu-thủy nhớ người Nha;

Ngần-ngần non nước trời chung một,
Vằng-vằng thành lâu trống trở ba;
Nhấn vôi chì Hạng xin nhớ hẹn,
Đêm nay năm tới chớ rằng xa!

III

Kìa nguyệt trung-thu tiết đã sang,
Du hồ thắng-thưởng bạn vầy đoàn;
Bờ gie bóng liễu lùa tôm bạc,
Nước dợn dòng la lội rắn vàng;
Rượu thánh thơ thần đều đẹp miệng,
Trăng thanh gió mát chỗ đầy khoang;
Cảnh xinh tình hứng quên khuya-khoắt,
Về chợ thuyền ngư tiếng hát vang.

IV

Gió vàng mát mát phất phơ hương không,
Trong lặng đêm thu hứng dễ cùng;
Đạo cúc cười sương bóng nhả ngọc,
Vằng trắng lòa nước gấm thêm bóng;
La-công gáy bắc nên cầu móng,
Dữ-bá đàn raỏ thưởng núi sông;
Tai gặp thú mầu ngâm mấy đoạn,
Thuyền đầy giai-khách rượu đầy chung.

V

Thanh rạng đêm thu hứng lại càng,
Một bầu trời đất một màu chan;
Sương lồng đỉnh núi ngần-ngần bạc,
Trắng dọi lòng sông diêm-diêm vàng;
Tô-Tử giục bơi thuyền thắng-thưởng,
Vương-Duy khôn họa bức phong-quang;
Thi ngâm rượu rót tình thêm thú,
Cảnh lịch người hay dễ phụ-phàng.

**Mừng tri-huyện người một họ
sinh trai.****I**

« Cơ cừu dịch thế » rõ thay là,
Bốn chữ tiên cơ đã phân qua;
Tiệc mở lòng chương nhuần sắc ngọc,
Sân trồng đơn-quế nảy chồi hoa;
Khen vì thiện-chánh vun nền đức,
Chắc được trăm-anh nối nghiệp nhà;
Hương khói thơm chung mùi nức-nở,
Mừng đây mừng đấy khác đâu mà!

II

Chứa lành gặp phước sách không sai,
Chỉ xiết mừng ngài dễ được trai;
Đã đáng rày ca lân-chỉ vịnh,
Khả trông sau nổi phụng-mao tài;
Hợp-châu về bởi tình quan sách,
Yên-quế xum nhân gốc tổ dài;
Muôn giọt nước chia nguồn vốn một,
Thương vui cái bụng lẽ dẫu hai.

Mừng bạn thăng chức

Thanh, thân, cần, năng đạo ở quan,
Nay mừng thăng chức tiếng khen vang;
Bút dao học giỏi nghề Liêu-tướng,
Mặc thọ nêu thêm lịch Pháp-bang;
Danh-phận vương tròn danh-phận trọng
Tước trời bền vững tước người sang;
Gió nhân thời khắp lòng nhân đẹp,
Thọ hưởng dài lâu lộc vị càng.

Đưa bạn

I

Cùng nhau tình rất thiết,
Xa cách thì nhớ tiếc;
Bể liễu tặng năm vắn,
Đưa người bày một tiệc;
Lòng đầy luống ngậm-ngùi,
Dạ đó thêm buồn riết;
Hai ngã vội chia phôi,
Trùng-phùng ngày chữa biết.

II

Nhà lan những ước được xum-vầy,
Đường hoạn dẫu dè vội đổi thay;
Tiên-thủy đau lòng tàu nổi khói,
Long-xuyên mỗi mắt nhận xen mây;
Quan-hà rượu rót lưng voi chén,
Lưu-thủy đàn rao lĩnh-lãng dây;
Tiễn-biệt mấy hàng tình chữa cạn,
Ngày nào hợp mặt giống đêm nay.

III

Giữa tiết trời thu cúc nở vàng,
Mảng tin Biển-ngũ nhiệm Tân-an;

Xanh trông hằng cảm niềm giao hậu.
Tím ruột vì đau nỗi hợp tan;
Gọi đức người khen tài quốc-thủ,
Mến tình bạn trời khúc dương-quan;
Chẳng chi xin kính vài câu tặng,
Rừng hạnh xuân đơn lộc vị càng.

IV

Đất khách vầy vui đã mấy niên,
Tân-an thuyền-nhiệm già Hà-tiên;
Khiêm-Hòa (1) câu biệt chưa người dạ,
Biển-ngũ (2) đường đưa vội gác yên;
Bảo bửu nam-nhi rèn chí cả,
Hợp ly bằng-hữu bạn tình riêng;
Bên đường rót chén ngậm lời tặng,
Vườn hạnh năm năm bóng trở liền.

Chiều thu nhớ bạn

Một sắc trời chiều vẽ thức mây,
Gió thu phảng-phất chạnh lòng đây;
Dựa sông luống những trông bày nhận,
Mở bức đường như tạc mặt thầy;
Tắc dạ Mạnh-Thường in lúc nọ,
Đôi trông Cao-Huệ rõ ngày nay;
Hoài tình há dễ đành lơ-lãng,
Kính hỏi bình-an mượn vận này.

Cái khay cần

Khay kia đã cần kỹ nào không,
Cần giáp chung quanh bốn vách chông;
Cần tượng Lão-lai đương mùa giỗ,
Cần hình Tô-huệ lúc ngồi trông;
Long, lân, qui, phụng khoe màn điệp,
Trúc, cúc, mai, lan rõ sắc bông;
Bằng-thẳng trong ngoài lòng trải khắp,
Đo vương chẳng nhứt chút phân lòng.

Vịnh « cò con cá » trên đầu
cột thuyền buồm (3)

Chẳng ở đầm ao, chẳng ở sông,
Thuyền buồm dặt dề giữa từng không;
Trong mình sẵn tạc đôi hàng chữ,
Ngoài vẩy dường thêu mấy sắc hồng;
Vượt biển chẳng lo từng lưới nhặt,
Tuôn mây nào ngại móng điều thông (4);

(1-2) Tên hai người bạn.

(3) Các thuyền buồm đi biển ở Hà-tiên thường làm cây cò hình con cá cắm trên đầu cột vế hoa đề chữ rục-rỡ.

(4) Thông là nhon bén, như chữ « cây mát thông ».

Cũng là một vật trong trời đất,
Đợi gió chờ mưa chực hóa rồng.

Kính họa Nguyễn Hữu-Bài đại- nhân vịnh thành Đông-các

Nghe nói lòng dân thỏa mấy hồi,
Bệ rồng lựa chọn đẹp con người;
Ấn vua yên nấy tuy sang cả,
Vì nước chia lo luống ngậm-ngùi;
Sự-nghiệp Châu Trinh thêm chói rạng,
Trung cần Ngụy Phạm đáng chung vui;
Sửa giếng đỡ vạc ngày khăng-khít,
Nước trị nhà an dạ mới nguôi.

Nguyễn bài của quan Thượng-thư

Mừng mừng sợ sợ dạ bồi-hồi,
Chịu lắm ơn trên hóa hồ-ngươi;
Một đóa hoa mai dầu hơn-hở,
Đòi phen gió tuyết lại bồi-ngùi;
Gạo châu củi quế chưa từng thấy,
Các phụng dải loan nữ dám vui;
Cúi đầu chín trùng nguyên hết sức,
Vì dân vì nước chẳng khi nguôi.

Gặp người xưa

Mừng quỳnh xung-xăng bước trát giày,
Rước chào lương-hữu trở về đây;
Vỗ tay phỉ sạch buồn năm ngoái,
Mở miệng cười vang khoái lúc này;
Cái chông Trần-Phồn lau quét sẵn,
Hồ sen Mậu-Thức nở dơm đầy;
Cùng nhau đã phỉ tình mơ ước,
Hãy tình dài lâu ở lại đây.

II

Năm trước đưa đi dạ thế nào,
Bây giờ rước lại sừng đường bao;
Tiệc vậy tái hồi ca rồi rót,
Non nước tình ưa dễ lãng-xao.

Tiến bạn, nghiệp làm thuốc

Quốc-thủ tài cao y-nghiệp dòng,
Lợi người lợi vật chẳng khoe công;
Giúp đời học kẻ thoa mồm cộp,
Trị bệnh nơi trang diễm mắt rồng;

Khắp hạt nhân-dân nhiều cảm-dức,
Trong vòng bằng-hữu thấy vui lòng;
Quày xe thuyền bỏ làm chi vội,
Khiến kẻ bằng-khuàng, kẻ ngóng trông.

Bơi thuyền chơi trăng thu

Trung-thu trăng tỏ bóng sao thừa,
Trời đất non sông một sắc ưa;
Vén ngực Hằng-nga dòm mặt nước,
Đón thuyền Tô-tử đến đây chưa.

Trăng non

Đêm vừa ba bốn mảnh trăng mỏng,
Chẳng phải mây nga chẳng phải cung;
Mường-tượng chiếc vòng hai mảnh rã,
Mảnh nằm đáy nước mảnh trên không.

Vịnh cái ô

Bao trùm trời đất mặt dày thừa,
Ấm mát mình dân buổi sớm trưa;
Một cánh chóng an vững nhất-nguyệt,
Giúp đời cho khỏi nắng cùng mưa.

Đưa cháu Thuần-Nhân đi thi

Rộng-rãi rừng Nho cụm sấp hàng,
Con tua tìm bề quế Yên-san;
Bằng vàng may được danh bia rạng,
Già cũng mừng chung cuộc hiền-vang.

Thị-phỉ gió thoảng

Phải phải, chẳng chẳng, phải phải chẳng,
Chớ đem chẳng phải hỏi mần răng;
Mặc người cười nói chẳng hay phải;
Chẳng lọ lòng lo phải với chẳng.

Nhớ bạn nghiệp làm thuốc.

Mệnh-mông trời nước cách ngàn non,
Hai ngã chia bầu sáu tháng tròn;
Lập nghiệp đó toan xây giếng quít,
Dựa lan dây luống chạnh lòng son;
Năm canh động giấc vang gà gáy;
Muôn dặm truyền tin thấy nhận đơn,
Đêm lạnh Bình-San trông bóng nguyệt;
Mệnh-mông trời nước cách ngàn non.

Văn-thánh miếu Hà-nội

I

Nghìn năm văn-vật đất Thăng-long,
 Có miếu Văn-tuyên sẵn ở trong ;
 Triều Lý dựng nền văn-hiến lại,
 Nhà Nam noi dấu thánh-hiến chung ;
 Cương-thường chói rạng gương kim cổ,
 Công-dức nêu cao cõi bắc đông ;
 Còn đất còn trời còn đạo cả,
 Hoàng-dô không dễ dứt Nho-tông.

II

Nghìn năm văn vật đất Thăng-long,
 Văn-miếu còn đây, đạo chẳng cùng ;
 Khuê-dầu chói-loà bờ cõi Việt,
 Văn-chương thêu dệt nước non Hồng ;
 Nước trau nhân-chánh nhà trau nghiệp,
 Trai học tài lương, gái học tòng ;
 Đạo-dức cao soi gương nhật nguyệt,
 Khói hương-sức-nức Bắc-Nam-Trung.

III

Nghìn năm văn-vật đất Thăng-long.
 Một miếu Văn-tuyên cõi Lạc-Hồng ;
 Đứng sừng cung-tường trên đất Bắc,
 Rõ ràng sự-biểu dưới trời Đông ;
 Thay (1) trong nước Từ kia sông Nhị,
 Thế vững non Ni ấy núi Nùng ;
 Hai chữ cương-thường vương Khổng-

tử.

Nghìn năm văn-vật đất Thăng-long.

Khai bút năm binh-thìn (1916)

Hết năm ất-mão, bước năm thìn,
 Nhà đủ, người no, vạn-vật ninh ;
 Liễu mùa, đào cười, oanh yến hót,
 Ngày xuân mừng gặp cảnh thăng-bình.

Đề gác Nam-phong.

Giải nồng mượn gác Nam-phong.
 Mảnh non xa, tấm trăng lồng ở chung,
 Phiền-ba thế-sự lòng không chác,

Ở rảnh sẵn có Nam-phong gác;
 Xa ngắm trời mây, gần núi sông,
 Soi tỏ trắng đèn, nức gió quạt.

Khai bút năm binh-dẫn (1926)

Năm cũ qua rồi, năm mới sang,
 Bóng thiếu tiếng bặc khắp doanh hoàn.
 Điều-hòa người vật hoa cười múa,
 Non nước mừng xuân sắc về-vang.

Vịnh bông mai vàng cắm trong bình

Phức-phức mùi hương, diễm-diễm
 vàng,

Bạn bày thu-cúc với xuân-lan ;
 Ngoài rèm giáp-diện lãng-xăng múa,
 Mến nhị mè hoa nồng rộn-ràng.

Câu đối viếng bà xương-phụ.

Góa bụa tròn thân già, bốn đức
 hằng soi gương nữ-tắc ;

Lúa đôi rồi phận trẻ, sáu tuần vội
 bước cõi Thiên-thai.

Câu đối đề phần mộ tiên-nhân.

I

Một cuộc lâu-dài nhờ khi đất ;
 Sáu đời êm-ấm chịu ơn làng.

II

Về đất Thuận-yên, sơn-thủy chung-
 linh phần mộ ăm ;

Ở làng Mĩ-dức, cơ-cửu kế-thuật
 cháu con dài.

Tiến bạn thân tri-sĩ.

(Lơ trờng-thiền cồ-thề)

Đem liễu vườn Bành-trạch,
 Trồng lại đất Tân-an ;
 Rừng Tre thăm hỏi đến,
 Khe Cọp nẻo tìm sang ;
 Thông-dong thuyền dưới nguyệt,

(1) Thay là thế cho.

Khiến-hứng cùc quanh tường ;
 Có con muốn việc đủ,
 Không thuê một thân nhân ;
 Từ quac mừng hơn-hở,
 Giã bạn chạnh bàng-hoàng ;
 Vội vội xa non nước,
 Khăng-khăng tạc đá vàng ;
 Nay còn người trên tiệc,
 Mai đã khách lên đường ;
 Chừng nào gặp nhau nữa,
 Uống rượu cười nghênh-ngang.

II

Vườn liễu Tân-an đã lốt-tươi,
 Chủ-nhân nay liệu chước qui-lai ;
 Đường danh lối lợi khôn ràng buộc,
 Khe cộp rừng tre mặc thảnh-thơi ;
 Non nước dẫu rằng xa cách nẻo,
 Đá vàng âu cũng gấn-ghi lời ;
 Công thành thân thoái mừng ông nhà !
 Ly hợp lòng tôi vẫn ngậm-ngùi.

Gởi bạn Tân-an

Vội-vã chào mừng xuân mới sang,
 Cậy xuân nhẩn với bạn Tân-an ;
 Xuân đi xuân lại, tết rồi tết,
 Trăm chục xuân thu cũng đá vàng.

Định-mão hạ Tân-xuân ngậm

Đêm ba mươi hộc trước nỏ đi-dùng,
 Sự tỉnh lại ừ-ừ xuân đến trước ;
 Vội mở cửa nghinh xuân tiếp phước,
 Đốt hương rót rượu rước xuân vào ;
 Hạ vương xuân thành thọ di cao,
 Đồ-lô tửu trường xuân bắt lão.

Ngậm rằng :

Xuân-sắc xuân-quang vô-hạn hảo,
 Xuân-phong xuân-nhật tối dung-hòa ;
 Khánh dương-xuân nhân-vật san-hà,
 Chiêm xuân-trạch mai lan đào lý ;
 Xuân chẳng lựa thôn-quê thành-thị,
 Cả doanh-hoàn xuân dạo khắp bốn
 phương,
 Xuân anh sđại-dịa văn-chương.

Khóc em dâu

相 吾 弟 以 全 成 十 八 載
 操 持 內 助 勤 勞 終 有 力
 嗟 彼 蒼 之 弗 惠 四 九 齡
 解 化 回 生 自 愧 竟 無 方

Tương ngô đệ dĩ toản thành, thập bát tải thao tri, nội trợ cần lao chung hữu lực.

Ta bĩ thương chi phát huệ, tứ cửu linh giải hóa, hồi sinh tự quí cánh vô phương.

Khóc em

雨 打 棠 花 長 夜 淚 沾 大 被
 霜 凋 荆 樹 此 生 恨 抱 終 天

Vũ đả đường hoa, trường dạ lệ chiêm đại bị.

Sương điêu kinh thụ, thử sinh hận bão chung thiên.

Viếng bạn chết sớm còn cha già

造物妬何期。一夢易留
 良友淚。若是。九泉不死
 浮生嗟若。是。九泉不死
 老親心。

Tạo-vật đố hà kỳ, nhất mộng dị lưu lương-hữu lệ ;

Phù sinh ta nhược thị, cửu tuyền bất tử lão-thân tâm.

Khóc thầy

天 喪 斯 文 每 向 杏 壇 揮
 雨 淚 生 三 事 難 將 寸 草 報
 人 春 暉

Thiên táng tư văn, mỗi hướng hạnh-dân huy vũ lệ ;

Nhân sinh tam sự, nan tương thốn-thảo báo xuân huy.

Viếng vợ người bạn

絃 斷 最 淒 涼 側 爾 可 憐
 吾 友 真 曠 達 哀 哉 難 學
 盆 歌 莊 生

Huyền đoạn tối thê-lương, trắc nhĩ khả liên ngô hữu ;

Bồn ca chân khoáng-đạt, ai tai nan học Trang-sinh.

Đối dân nhà

明其理以達其道。
順乎時而聽乎天。
Minh kỳ lý dĩ đạt kỳ-đạo;
Thuận hồ thời nhi thính hồ thiên.

Đối dân nhà từ đường.

明道以修齊。自信人倫
天理。
順和而繼述。恆思木本
水源。

Minh đạo dĩ tu tề, tự tín nhân-luân
thiên-lý ;

Thuận hòa nhi kế thuật, hằng tư
mộc-bổn thủy-nguyên.

Đối thờ Tiên-nhân

唱於春祀秋嘗。聿追來孝。
順乎左昭右穆。仰答前庥。

Minh ư xuân tị thu thường, duật
truy lai hiếu ;

Thuận hồ tả chiêu hữu mục, ngưỡng
đáp tiền hưu.

Đề Nam-phong-lâu

對澗莫嫌霜霰淡。
登樓偏賞月風清。

Đối kính mạc hiềm sương mãn đạm;
Đăng lầu thiên thưởng nguyệt phong
thanh.

Đề nhà « Thiện-trường ».

善把一心正道行藏成
世業。
長存方寸福田耕種樂
春秋。

Thiện bả nhất tâm, chánh-đạo hành
tàng thành thế-nghiệp,

Trường tồn phương thốn, phúc-
diễn canh chủng lạc xuân-thu.

Thu dạ hoài hữu

秋夜懷友
秋夜愁難寐。
Thu dạ sầu non mi.
陟倚望橫林。
Trạc ý vọng hoành lâm.

明月有所感。
Minh-nguyệt hữu sở cảm,
故人何處尋。
Cố-nhân hà xứ tìm.

停雲千里白。
Đình vân thiên lý bạch,
落葉滿城吟。
Lạc diệp mãn thành ngâm.

金壺時欲酌。
Kim lồi thời dục chước,
嗟我有懷心。
Ta ngả hữu hoài tâm.

Nguyệt-hạ từ sắc.

月下辭色
洗心對月臺。
Tẩy tâm đối nguyệt đài,
勿以色爲佳。
Vật dĩ sắc vi giai.

佛祖心堪比。
Phật tổ tâm kham tỉ,
巫山夢自裁。
Vũ san mộng tự tài,
雲陰飛過去。
Vân âm phi quá khứ,
天性不它移。
Thiên-tính bất hảo sai,
物轉情空盡。
Vật chuyển tình không tận,
真如鏡淨埃。
Chân như kính tịnh ai.

Thu nguyệt

秋月
金風滿壺淨秋天。
Kim phong mãn lồi tịnh thu thiên.
素影清霄鏡體圓。
Tố ảnh thanh-thanh kính thể viên.
光徹一壺張世界。
Quang-triệt nhất hồ ngân thế giới,
照臨萬里玉山川。
Chiếu lâm vạn lý ngọc sơn-xuyên.
深宮雅奏霓裳曲。
Thâm cung nhã tấu Nghi-thường
khúc,
浩月重巖赤壁篇。
Hạo nguyệt trùng canh Xích-bích
thiên.

勝賞無窮因景致。
Thắng thưởng vô-cùng nhân cảnh trí,
江山如畫筆添研。
Giang-sơn như họa bút thêm nghiên.

Hoài hữu.

懷友

I

滄茫雲水阻關山。
Thương mang vân thủy trở quan-san,
判袂時維四月間。
Phán nhệ thời duy tứ nguyệt gian.
醫業嘉君栽橘井。
Y nghiệp gia quân tài quất-tĩnh,
遐思勳我倚欄杆。
Hạ tư động ngã ỷ lan-can.
五更夢破鷄聲促。
Ngũ canh mộng phá kê thanh xúc,
萬里音傳鴈信寬。
Vạn lý âm truyền nhạn tín khoan.
寒夜屏山看落月。
Hàn dạ bình-san khan lạc-nguyệt.
滄茫雲水阻關山。
Thương mang vân-thủy trở quan-san.

II

高懸兩目望關山。
Cao huyền lưỡng mục vọng quan-san,
步月西郊入夜間。
Bộ nguyệt tây-giao nhập dạ gian.
蟬奏琴音鳴露樹。
Thuyền tấu cầm âm minh lộ thụ,
風吹笛韻繞欄杆。
Phong xuy địch vận nhiều lan-can.
栽魚欲寄心猶急。
Tài ngư dục ký tâm do cấp,
見鴈傳歸意始寬。
Kiến nhạn truyền qui ý thủy khoan.
懷友重賡詩未定。
Hoài hữu trùng canh thi vị định,
寺鐘敲曉響寒山。
Tự chung xao hiều hưởng hàn-san.

Bạch-mai

白梅

玉爲骨格雪爲神。
Ngọc vi cốt-cách tuyết vi thần,

皎皎芳姿氣象新。
Hạo-hạo phương-tư khí-tượng tân.
莫道此時度嶺盛。
Mạc đạo thử thời Du-lãnh thịnh,
塵間先占一枝春。
Tọa gian tiên chiếm nhất chi xuân.

Hồng-cúc.

紅菊

陶令歸來昔日栽。
Đào-lĩnh qui lai-tích-nhật tài,
東籬歲歲向秋開。
Đông-lì tuế tuế hướng thu khai.
紅顏此度迎春笑。
Hồng-nhan thử độ nghinh xuân tiếu,
似憶羣中爲一來。
Tợ ức quần trung vị nhất lai.

Tổ-lan.

素蘭

弱質居然氣味長。
Nhược chất siêu-nhiên khí-vị trường,
春來艷冶勝羣芳。
Xuân lai diễm dã thắng quần-phương
曾聞幽谷琴聲操。
Tằng văn u-cốc cầm thanh thao
芳譜傳稱王者香。
Phương phổ truyền xưng vương-giả hương.

Lục-trúc.

綠竹

淇澳遺來數小枝。
Kỳ-úc di lai số tiểu chi,
猗猗挺立自參差。
Y-y đình lập tự sâm-si.
虛心不改凌雲志。
Hư-tâm bất cải lãng vân chí.
有節先於出上時。
Hữu tiết tiên ư xuất thổ thì.

Điền-phổ nông-phu.

田圃農夫

自古田園樂趣真。
Tự cổ điền-viên lạc thú chân,
一天甘雨滿腔春。
Nhất thiên cam vũ mãn khoang xuân.

林前布穀催更急。
Lâm tiền bố-cốc thôi canh cấp,
村外班鳩喚曉頻。
Thôn ngoại ban-cưu hoán hiều tần.
片鍾闌闌原上土。
Phiến sáp lịch khai nguyên thượng
thổ.

一犁耕破隴頭雲。
Nhất lê canh phá lũng đầu vân.
玄鍾若不來三聘,
Huyền-huân nhược bất lai tam thỉnh,
安得蟠然起有莘。
An đắc bàn-nhiên khởi Hữu-sân.

Giang-hồ ngư-phủ

江湖漁父

一葉輕舟一短篷。
Nhất diệp khinh chu nhất đoản bông,
烟籠柳岸水連空。
Yên lung liễu ngạn thủy liên không.
桃花江上拋絲網。
Đào hoa giang thượng phao ty võng,
渭水磯邊繫釣船。
Vị-thủy ky biên hệ điếu công.
竹笛吹殘斜月白。
Trúc địch xuy tàn tà nguyệt bạch,
蘭橈棹破夕陽紅。
Lan nghiêu trạo phá tịch dương hồng.
披波海國開來往。
Phi ba hải quốc nhân lai vãng,
曠世斯民幾與同。
Khoảng thế tư dân kỷ dữ đồng.

Thái-tân tiêu-tử

採薪樵子

半生踪跡寄岩阿。
Bán sanh tông tích ký nhâm a,
斤斧生涯日日磨。
Cân phủ sanh nhai nhật nhật ma.

傲世不關榮辱事。
Ngạo thế bất quan vinh nhục sự,
閒時高唱太平歌。
Nhàn thời cao xướng thái-bình ca.
束薪日暮雲隨櫓。
Thúc tân nhật mộ vân tùy dũ,
越徑秋深足履花。
Việt kính thu thâm túc lý hoa.
歸早山妻曾囑咐。
Qui tảo sơn thê từng chúc phó,
莫爲王質爛來柯。
Mạc vì Vương-Chất lạng lai khoa.

Xú-y-dịch mục-dồng

吹笛牧童

相呼相喚出平崗。
Tương hô tương hoán xuất bình
cương,
草滿橫塘水滿塘。
Thảo mãn hoành pha thủy mãn
dương,
紅插山花雙鬢醉。
Hồng sáp sơn hoa song mấn túy,
綠眠野草一甌香。
Lục miên dã thảo nhất chiền hương.
雨衣自織青莎短。
Vũ y tự chức thanh xa đoản,
■笛頻吹綠玉長。
Phong địch tần xuy lục ngọc trường.
若遇齊桓車馬過。
Nhược ngộ Tề-Hoàn xa mã quá,
還期扣角和宮商。
Hoàn kỳ khấu giác họa cung thương.

TRÁC-CHI phụng-lục.

HƯƠNG-CHÍNH TINH-NGHĨA (1)

鄉政精義

VIII

Vẫn biết việc làng là phận-sự của nhân-dân trong làng, công-cuộc và sự-nghiệp của làng là bởi công-của của nhân-dân trong làng đóng góp lại mà gây dựng nên. Tuy vậy, dù có thu thuế lệ gì ở trong làng cũng phải chằm-chước với pháp-lý cho công-bằng, xan-xẻ về nghĩa-vụ cho phổ-thông, nể nang được nhiều, tích nhỏ thành lớn, kẻ phải đóng góp dễ lo, không có điều gì ân-hận thì số thu-nhập cứ tuần-tự phát-đạt không lo gì. Nay xét đến một khoản thu về tiền « trả nợ miệng » ở các xã-thôn ta hiện nay, thực không có pháp-lý và cũng không có nghĩa-vụ gì cả.

Nguyên-tục-lệ lưu-truyền trong các làng, vẫn có một cái thói « ăn dụng ». Người làng ai cũng đi ăn cỗ của kẻ khác dọn, rồi lại phải dọn trả nợ lại một lần. Lệ thường mượn lấy những ngày có danh-nghĩa về lễ-tiết để cho bữa ăn thêm trong-thể ra, như ngày lên lão, ngày tang-sự và ngày tế thần, v.v.; đã đi ăn những bữa cỗ ấy của người ta thì đến lượt mình tất phải dọn trả, không dọn trả không được, nghèo khó mặc lòng, chết thì con phải trả nợ đây. Ấy gọi là « cái nợ miệng ». Ôi cái nợ mới dã-mạn thay ! Gần đây cải-lương hương-chính, muốn bãi cái thói thô-bỉ mà nặng-nề ấy đi, cho những người đến lượt dọn được nộp tiền không phải làm cỗ nữa, mà tiền cũng lấy nhẹ đi nhiều, gọi là tiền chuộc cái lệ ăn uống. Song tiền ấy về sau mà cứ thu mãi thì thành ra một thứ thuế bất-lương, nghĩa là

đánh thuế người già, người chết, kẻ nghèo cùng không nộp được phải mang một cái sỉ-nhục ở trong làng, thành ra lại thêm cho làng một cái phong-tục bạc-ác.

Đã gọi là cải-lương hương-chính thì cái tục-lệ gì hủ-bại, đều phải trừ bỏ đi cho hết, vậy muốn trừ bỏ cái tục « ăn dụng », bắt buộc mà thô-bỉ ấy đi, không gì bằng kẻ có biết cố giữ đừng làm cỗ lão, cỗ đám ma và cũng đừng đi ăn những bữa cỗ ấy, nhất là người ra làm hương-chức phải xường-suất cho người ta theo; còn cái « nợ miệng » trả bằng tiền nợ, thì nên tha cả không thu nữa mới phải.

Phép tài-phán về việc hành-chính

Nay chế-độ địa-phương đã thi-hành cho nhân-dân được tự-trị rồi, quốc-gia muốn trông coi cho nhân-dân trong các địa-phương thừa-hành việc tự-trị có phải phép không, quốc-gia tất phải giao công việc trông coi ấy cho các sở quan-nha giám-đốc; song quan-nha coi việc giám-đốc, không khỏi có lúc can-thiệp đến quyền-lợi của địa-phương, hay của kẻ nhân-dân đối với địa-phương, mà sinh ra tranh-nghị với nhau, thế thì địa-phương hay kẻ nhân-dân sẽ thừa kiền vào đâu, mà ai sẽ đứng xử-đoán cho? Muốn trả lời câu hỏi ấy, tức là nghiên-cứ lấy cái phép tài-phán về hành-chính đó. Thi-hành phép tài-phán cho được hoàn-

(1) Xem N.-P. từ số 117.

thiện, tức là một pháp-trị-quốc vậy. Vậy lại xin giảng qua về cái bản-nghĩa của pháp-trị-quốc.

Pháp-trị-quốc là cái nước cai-trị thuần-hồ pháp-luật, lấy pháp-luật mà bảo-hộ quyền-lợi của kẻ thần-dân đối với quốc-gia; lấy pháp-luật mà hạn-chế quyền-lực của Chính-phủ, bắt phải cứ theo pháp-luật mà thi-hành. Lại ngăn-ngừa những việc trái phép của các quan hành-chính để bênh-vực cho mọi kẻ thần-dân; ngày nay các nước đều lấy thế làm phải, là muốn giữ-gìn lấy lợi-ích của cả toàn-quốc, lợi-ích của kẻ cá-nhân, bị quan-nhà hành-chính ngăn-trở đi.

Vả xét về thực-tế, từ xưa đến nay, không nước nào mà không đặt phép để giám-sát các sở quan-nhà hành-chính; về cổ-giả thì quan-nhà bậc dưới phải chịu quyền giám-sát của quan-nhà bậc trên, cái cách tự giám-sát lấy công việc hành-chính của tự trong bộ-phận mình như thế, gọi là cách hành-chính giám-sát. Thế cho nên dù nước chế-độ đã hoàn-bị, cũng còn phải đặt ra viện cối-kể kiểm-tra để thực-hành sự giám-sát về tài-chính. Nước lập-hiến thì cho Nghị-viện được quyền tham-dự vào việc xác-định số dự-toán và tra xét số kết-toán, thế là người ta cho cái việc giám-sát về tài-chính là việc nghiêm-trọng lắm đó. Tuy-nhiên, xét cho kỹ thì cái cách giám-sát ấy cũng chưa được là hoàn-bị; bởi vì cái cách giám-sát ấy, không khỏi khiến cho công việc hành-chính, cái gì cũng chỉ câu-chấp vào pháp-luật, vì thế người ta muốn biệt-lập hẳn ra một cái cơ-quan độc-lập mới, để giữ cái quyền giám-sát các sở hành-chính quan-nhà cho thật nghiêm.

Chúng ta thử nghĩ mà xem, quốc-gia sở dĩ đặt ra luật tổ-tụng, há không phải là để bảo-toàn lấy quyền sở-hữu, quyền gia-tộc cho mọi kẻ thần-

dân đầy dư? Đặt ra luật trị tội, há không phải là sợ kẻ thi - hành binh-luật mà ngộ-dụng đó dư? Từ khi bên hành-chính với bên tư-pháp phân rẽ ra đến nay, há không phải quốc-gia đã đem cả luật hình, luật dân-sự mà ủy - nhiệm quyền tài-phán cho các tòa án độc-lập đó dư? Xem thế thì phạm những việc thuộc về thân-mệnh, tài-sản kẻ thần-dân mà bị chính-quyền của các quan-lai, trong khi chấp-hành, xung-dột với nhau, đến phải sinh ra tranh-nghị về pháp-luật, quốc-gia có lẽ nào không lấy cái pháp-luật cũng một nghĩa như thế mà bảo-hộ cho kẻ thần - dân? Phương - chi những việc tranh-nghị này, so với những việc tranh-tụng của bọn thần-dân tương-đối với nhau, lại còn quan-hệ biết bao.

Nói tóm lại là những việc thuộc về tư-quyền, về hình-pháp, thế nào là thích-dụng, quốc-gia đã lấy pháp-luật mà bảo-hộ cho kẻ thần-dân rồi; còn những việc thuộc về công-quyền, há quốc-gia lại không bảo-hộ cho cũng như thế dư? Vả cái quyền-lợi của bọn thần-dân tương-đối với nhau mà bị xâm-phạm thì Chính-phủ bảo-hộ cho, nay hành - chánh - quan xâm - phạm quyền-lợi của kẻ thần-dân, mà Chính-phủ không bảo-hộ cho, thì không có lẽ thế bao giờ.

Phải biết những khi hành - chính quan-nhà đối với mọi kẻ thần - dân, không thiếu gì việc sinh ra tranh-nghị với nhau, ví-dụ bây giờ có một người, người ấy là người bản-quốc hay là người ngoại-quốc? là kẻ công-dân của làng hay là kẻ tru-dân? người ấy có được quyền di tuyền - cử, quyền bị tuyền-cử không? Sự quyết-định đó, tất ý-kiến của người ấy với ý-kiến của quan-lai không giống nhau. Lại còn đối với quốc-gia, với làng, thế nào thì có cái nghĩa-vụ phải nộp thuế, di linh, hay thế nào thì không? Thế nào thì

phải nộp thuế nhiều hay ít? Phàm những việc như thế đều dễ sinh ra tranh-nghị với nhau cả.

Vả khi nào mà hành-chính quan-nhà can-thiệp vào quyền-lợi của cá-nhân, cũng là sinh ra tranh-nghị, ví như những sự tự-do về cư-trụ, về thiên-tử, tuy pháp-luật có nhận cho người ta thực, song cũng có lúc vì giữ gìn cuộc an-ninh cho công-cộng mà phải hạn-chế tự-do của người ta đi; quốc-gia tuy có nhận cho nhân-dân được kinh-tế tự-do, doanh-nghiệp tự-do mà cũng có lúc phải hạn-chế; pháp-luật tuy có nhận cho xuất-bản tự-do, tập-hội tự-do mà trong pháp-luật cũng lại hạn-chế đi một vài phần; cho nên khi nào thực-hành những sự hạn-chế như thế, về phần hành-chính quan-lại chấp-hành, có trái phép hay không mà sinh ra tranh-nghị cũng nhiều lắm, phàm những sự tranh-nghị đã kể như trên ấy, gọi là tranh-nghị thuộc về công-quyền.

Cái trình-độ văn-minh ngày càng tấn-tới, quốc-gia muốn giữ-gìn lấy phúc-lợi cho công-cộng mà những việc phải yêu-cầu đến thần-dân, ngày càng nhiều, quốc-gia càng mở-mang ra những sự-nghiệp to lớn thời sự-vụ hành-chính cũng càng thêm bận, đó là cái thể tự-nhiên không tránh khỏi, sự-vụ hành-chính đã xảy càng thêm bận, thì quốc-quyền với kẻ cá-nhân xung-đột nhau cũng càng thêm nhiều, vì thế mà sinh ra những mối tranh-đoan về quyền-lợi với nghĩa-vụ, cũng càng thêm phiền-nhiều, đó cũng là cái việc đương-nhiên như thế, bởi thế cho nên gần đây cái vấn-đề bảo-hộ quyền-lợi về công-quyền ở các nước, một bên lý-tưởng với một bên thực-tế tranh-luận với nhau mãi, cũng không lấy gì làm lạ vậy.

Hoặc có người bàn rằng: « Cái việc của hành-chính quan-nhà với cá-nhân

sinh ra tranh-nghị, thì mấy trăm năm nay, các hành-chính quan-nhà vẫn xử-đoán lấy, đến ngày nay cũng có nơi vẫn còn ủy-nhiệm việc tài-phân ấy cho hành-chính quan-nhà, phương-chỉ cái tư-cách, cái tài-năng của những hành-chính-quan ngày nay cũng không kém gì những tư-pháp-quan, thì không có lẽ những hành-chính-quan ngày nay lại không làm nổi cái việc tài-phân ấy, vậy lấy cớ gì mà bỗng đem bỏ ngay cái chế-độ đang làm mấy trăm năm không có tệ-hại gì ấy đi? » Xin thưa rằng: sở-dĩ không muốn giao cái việc tài-phân về công-quyền cho hành-chính quan-nhà, không phải rằng vì nhàn-cách của hành-chính quan-lại có làm nổi hay không, chỉ là bởi những cớ về hiến-pháp của quốc-gia, những cơ phát-đạt của chính-trị ngày nay, khiến phải nên như thế đó.

Chức-vụ của quốc-gia ngày xưa, đại-đề chỉ lấy cái việc duy-trì cuộc hòa-bình cho trong nước và phòng-ngự giặc ngoài làm chủ-yếu mà thôi, đến như quốc-gia ngày nay thời phải theo cái bậc tiến-bộ của thế-vận mà mở-mang dần cho cái bộ-phận công-quyền ngày thêm rộng ra, đa-chi-dĩ quốc-gia tự đối cũng phải bảo-hộ lấy sự tự-do cho kẻ cá-nhân. Cờ-nhân thì biết đâu đến những chủ-nghĩa như thế, thế mà các nước văn-minh ngày nay thì không đâu mà không phải làm như vậy, quốc-gia ngày nay chỉ khi nào vì cái lợi-ích của cả toàn-thể thì mới can-thiệp đến sự tự-do của kẻ cá-nhân mà thôi. Cho nên quốc-gia tuy đối với kẻ cá-nhân mà thi-hành chính-quyền, cũng phải theo vào trong cái phạm-vi đã nhất-định mới được. Bởi vì trước khi chưa thi-hành chế-độ lập-hiến, pháp-luật với mệnh-lệnh, thực không khác gì nhau, việc hành-chính cũng không có phép-tắc gì là tương-tế cả, việc hành-chính không có lấy nguyên-tắc của pháp-luật làm căn-cứ, chỉ tùy ý-kiến

của quan-lại làm thế nào thì làm. Đến khi đã thi-hành chế-độ lập-hiến rồi thì không thể được nữa, phạm những quyền chấp-hành về quân-sự, tài-chính, cảnh-sát, về các chính-vụ khác, cho đến cả việc kinh-tế, v.v., các bộ hành-chính đều phải lấy những phép-luật tương-tế mà Nghị-viện đã tán-thành để làm chuẩn-cứ thi-hành. Còn như những pháp-luật để xử-tri của hành-chính quan-nha, nếu chưa qui-định xong thì dù muốn đem việc tài-phán về công-quyền tranh-nghị, giao cho chính trong bộ hành-chính cũng không làm được, vì rằng sự tài-phán không phải là cái vấn-đề về tiện-nghị xử-quyết, chính là phải lấy pháp-luật làm tiêu-chuẩn thì mới xử-quyết được. Nếu xử-quyết mà cứ tiện-nghị thế nào cho xong thì thôi, thì thế-tất phải tổn-hại đến bản-thể của quyền-lợi, cho nên đã lược đủ những phép-tắc về hành-chính mà không đặt ra sở hành-chính tài-phán, tức là cái tòa án để xét về việc cai-trị, thì không được.

Cách tổ-chức hành-chính quan-nha ngày xưa, đại-đề là theo về phép hợp-nghị, đến ngày nay thì dời ra phép độc-nhiệm cả, quan-nha đã độc-nhiệm thì cái án tài-phán công-bằng, vô-thiên vô-dảng, của công-chúng nghị-quyết không có nữa, vì thế cho nên sự tài-phán về hành-chính không đặt riêng cơ-quan ra không được. Vả chế-độ lập-hiến mà đã thi-hành rồi, cái kết-quả về sự thi-hành chính-quyền, dấu không tất-nhiên là bởi lòng thiên tư của đảng phái nào, song cái nguy-hiểm lạm-dụng chính-quyền của các chính-đảng thì lại tề-gấp mấy cái nước còn chuyên-chế.

Trong khi đó, cái quyền tài-phán về công-quyền tranh-nghị, giữ ở trong tay phái hành-chính quan-nha, lời xử-quyết về trung-thâm, do tự quan chủ-vụ đại-thần hay tòa nội-các, pháp-luật

để xét-đoán ấy tuy vẫn là Nghị-viện đã tán-thành rồi mà chế-định ra, song giải-thích pháp-luật thì cứ theo ý-kiến của quan chủ-vụ đại-thần hay tòa nội-các. Vậy có chắc rằng không có cái nguy-hiểm bởi bọn chính-đảng giải-thích cho pháp-luật sai đi không? Vả dù có bắt phải tự-thệ rằng: lời xử-quyết đó là rất công-bình, không còn có chút lòng đảng-phái gì, nhưng mà dân-chúng người ta cũng không tin, xem thế thì hành-chính quan-nha bất-nhược tránh cái việc tài-phán về công-quyền đi không làm nữa là hay hơn hết, tránh đi như thế không những là dễ-lợi-ích cho chính thân bên hành-chính mà lại dễ cho quốc-quyền thêm bền vững nữa.

Đến như cái thuyết cho hành-chính quan-lại khi bị kiện về công-quyền tranh-nghị cũng coi đồng-dẳng như những kẻ nguyên-cáo hay bị-cáo về dân-sự tố-tụng, thì thực là lầm, phải biết hành-chính quan-nha là chỗ công-sở để thi-hành chủ-quyền của quốc-gia, hành-chính quan-lại là người đại-biểu lợi-ích cho công-cộng, giúp cho toàn-thể được lợi-ích lên, vì vậy ta chỉ lo quan-lại động một tí cũng vìn lấy câu lợi-ích cho toàn-thể để làm mục-dịch mà vất bỏ cả lợi-quyền của cá-nhân đi, thế thì coi quan-lại cũng đồng-dẳng như kẻ nguyên-cáo bị-cáo về những cái kiện dân-sự tố-tụng, thì thực là không hiểu quốc-pháp vậy.

Sở hành-chính tài-phán

Bởi các lý-do trên ấy, nên các nước ở trên đại-lục Âu-châu, đã phân-rẽ công việc tư-pháp với hành-chính ra làm hai, đặt hẳn ra sở tài-phán độc-lập để chuyên-nhiệm về việc tài-phán những dân-sự hình-sự, chứ không ủy-nhiệm cho hành-chính quan-lại nữa, nhân cái lý-do đó mà đối với việc tranh-nghị về công-quyền, cũng lại muốn đặt ra sở tài-phán độc-lập riêng.

Đang cái khi người ta muốn lập ra sở tài-phán về công-quyền như thế, luận-giả có người bàn nên đem hành-chính quan-nha dặt xuống dưới các sở phổ-thông tài-phán, tức là các tòa án về dân-sự hình-sự, nếu khi nào mà nhân-dân lấy rằng hành-chính quan-nha làm tổn-hại lợi-quyền của mình thì cứ đến mà thưa ở sở tư-pháp tài-phán để xét cho. Song nếu làm như thế thì hành-chính quan-nha sẽ đến nỗi xử-tri việc gì mà nhân-dân chưa thừa-nhận cho, hay là ý-kiến của tòa-án tư-pháp không ưng cho, thì hành-chính quan-lại không xử-tri đi được, thế không phải là hiểu sai cả bản-nghĩa về hành-chính dư?

Người xướng lên lời bàn đề cho sở phổ-thông tài-phán được xét-xử những việc xử-tri của hành-chính quan-nha ấy, tuy có dẫn-chứng những chế-độ của nước Anh làm căn-cứ cho lời luận của mình, song người ấy chính là hiểu lầm. Kể chính phép tài-phán về hành-chính của nước Anh thì khác, chứ không phải đơn-giản như lời nhà bàn ấy dẫu, chỉ biết có một điều mà ước-đoán cả toàn-thể như thế, thật làm lầm cho cả thiên-hạ.

Phàm các chế-độ của nước Anh, không phải người ngoài có dễ hiểu ngay được, người đời thường hay dẫn những chế-độ của nước Anh để làm chứng, song nhiều chỗ cũng khó mà tin được, bởi vì muốn cho thật hiểu được chế-độ của nước Anh mà thấu biết những chỗ hay dở lợi-hại, phải phí công điều-tra tinh-tế hàng năm mới được, thế mà người đời hay ngại khó, chỉ giở một vài tập bút-ký của người ta, thấy có cái nguyên-tắc gì là tin ngay, không đợi xét xem nguyên-tắc ấy có thể đem thực-hành được hay không, thực-hành thì làm thế nào. Phàm quyền-lợi gì tất phải có cái phép để thực-hành quyền-lợi ấy, nay

mập-mờ mới thấy một cái nguyên-tắc, vội đem ngay ý mình mà giải-thích rồi đoán phỏng ra, chứ không hề xét xem nguyên-tắc ấy có thực-hành được ở nước Anh hay không, đó là cái bệnh chung của mọi người đều như thế cả.

Cái phép phân-biệt cho tư-pháp với hành-chính khác nhau ra thì ở nước Anh không giống với ở các nước trên đại-lục Âu-châu. Chức tri-an tài-phán-quan của nước Anh, gọi là « *Justice of peace* », là một quan danh-dự do quốc-vương cử ra để thi-hành cả hai chức tư-pháp và hành-chính, tuy quan có giữ chức-vụ tài-phán mà không phải là quan tài-phán độc-lập, vì quốc-vương có thể tùy-thời mà bãi-truất đi được; quan tài-phán này tuy có cái tên gọi là quan tài-phán, mà bản-chức là ở hành-chính rồi bâng-cập đến việc tài-phán đó mà thôi; nhân-dân nước Anh, nếu ai cho rằng quan tri-an tài-phán xử-tri như thế là tổn-hại đến lợi-quyền của mình, thì có quyền lên thưa ở quan tri-an tài-phán tòa tứ-qui-hội-ngự, — một năm họp có bốn lần về bốn mùa, — nếu lời xử-quyết của tòa tứ-qui-hội-ngự đã bàn-định mà không thuận, thì kháng-án lên Tam-pháp-viện là tòa án cao-đẳng nhất của nước Anh, công việc tài-phán những kiện-cáo về hành-chính của tòa-án tối-cao-đẳng ấy, đã có thủ-tục khác, chứ không dùng những thủ-tục của các tòa án phổ-thông về dân-sự, và chỉ xét cái vấn-đề về pháp-luật, chứ không xét về sự-thực nữa.

Những kiện-cáo về hành-chính mà tri-an tài-phán cai-quản, sau hết thuộc về pháp-viện bậc rất cao xét-xử, thì đã thuật ra như trên ấy. Còn những kiện-cáo không thuộc về hành-chính mà quan tri-an tài-phán không cai-quản như việc cứu-tế, việc kiến-trúc và việc vệ-sinh, v. v., là những việc kiện-cáo thuộc về cơ-quan đặc-biệt, đều không chịu tòa-án tư-pháp can-thiệp đến.

những việc đó thì trước tiên đem lên ở hành-chính tài-phán, rồi sau thì thưa ở trung-ương quan-nha, tức là tòa Nội-vụ-bộ vậy; nếu đến đây còn không phục-tình lời xử-quyết của trung-ương quan-nha thì cũng không còn có sở tài-phán nào mà thưa lên nữa. Xem một đảng là thực-tế của chế-độ nước Anh với một đảng là học lỏm chế-độ của nước Anh, khác nhau như thế, thì biết rằng những việc kiện-cáo về hành-chính, người ta không chịu để cho phải khuất-phục xuống dưới quyền tài-phán của bên tư-pháp đã rõ-ràng lắm rồi.

Chính-quyền có cường-thịnh thì nhân-dân mới có lợi, người nước Anh ai mà không hiểu lẽ đó, há người ta lại không biết rằng đem quyền hành-chính đặt xuống dưới quyền tư-pháp là sự bất-lợi hay sao.

Kể cả các nước ở trên đại-lục châu Âu thì chỉ có một nước Ý (*Italie*) là thực-hành được cái phép cho bên tư-pháp được xét-xử các kiện-cáo về bên hành-chính mà thôi, trong pháp-luật nước Ý yết rõ ra rằng: « Người nào nghĩ rằng quyền-lợi của mình bị kẻ khác xâm-phạm, không cứ kẻ làm sự xâm-phạm ấy là cá-nhân hay là quan-nha, đều được đem thưa ở các sở phổ-thông tài-phán và lần lượt mà thưa mãi lên. » Coi đó thì một quan tài-phán ở tòa án sơ-thẩm, cũng có thể nghị-luận được cả mệnh-lệnh của quan trách-nhiệm đại-thần, có hiệu-lực hay là không. Những nước nhỏ ở châu Âu, có nước *Belgique* mô-phỏng phép ấy, cứ lấy lý-luận mà bàn thì phép ấy tựa-hồ không có khuyết-diểm gì, nên có nhiều nơi thái-dụng, nhưng xét đến sự lợi-hại hay dở về thực-tế, thì thực có lắm cái không hay :

10 Khiến cho công việc hành-chính phải tệ-bại đi, vì quốc-gia mà muốn nhờ cái sức hành-chính để thi-

hành những sự-nghiệp mở-mang trí-lực cho dân là việc rất khẩn-yếu, thì không cho bên hành-chính được tự-do động-tác ở trong một cái phạm-vi nhất-định không được, nay lại bắt bên hành-chính phải chịu cái quyền thẩm-phán của bên tư-pháp, thế là chế-hạn mất cả sự tự-do động-tác của bên hành-chính đi.

20 Những việc tranh-nghị về công-quyền, đại-đề thuộc về sự-tình thực-tế thì nhiều mà thuộc về ý-nghĩa của pháp-luật thì ít lắm. Trong phép hành-chính là hằng phải cho hành-chính-quan được có một chút tự-do mà làm việc, cho nên những sự tranh-nghị bởi hành-chính mà ra là phải xét xem công việc của hành-chính-quan đã làm có thích-hợp vào trong phạm-vi của pháp-luật hay không, vì như những vấn-đề người này có phải nộp thuế hay không, nộp thuế thế nào là phải, v. v... Những việc như thế là thuộc về thực-tế cả, nếu không phải là người đã thông-hiểu về sự-tình thực-tế thì không có thể mà phán-đoán được những vấn-đề ấy, thế mà các tòa án của bên tư-pháp, lại không phải chuyên xét về công-việc hành-chính, thì biết đâu mà phán-đoán cho công-bình được.

30 Phàm các quan án ở các tòa án phổ-thông, phải thông thuộc cả các pháp-luật về dân-sự, hình-sự cùng nhất-thiết pháp-luật khác, thế cũng đã khó rồi, cho nên đối với phép-tắc bên hành-chính chỉ biết cái cốt-yếu mà thôi. Phương-chi các nước ngày nay, sự-vụ hành-chính, ngày một tăng-tiến biết bao, các quan-lại về bên hành-chính, người ta chỉ chuyên có một việc thi-hành chính-vụ, nên phải nghiên-cứu về phép-tắc hành-chính mà giải-thích ra, chắc người ta có phần giỏi hơn các quan án về bên tư-pháp.

Ấy thế là cái nguyên-tắc về sự phán-nghiệp, là cái lý-do không nên đem

những kiện-lụng về hành-chính giao cho các quan Án bên tư-pháp vậy.

Những chế-độ về sở hành-chính tài-phán của các nước

Chương trên đã thuật về những nguyên-lý khiến cho sự hành-chính tài-phán được phát-đạt, cứ những lý-do ấy thì dù cho việc hành-chính tài-phán là cái cơ-sở của nước lập-hiến, nước pháp-trị cũng là phải. Công việc hành-chính tài-phán là đối với bộ hành - chính mà thi - hành sự giám-sát về quyền-lợi, cho nên thực-hành được cái nguyên-vọng cốt-yếu của sự giám-sát là khiến cho bộ hành-chính phải lấy pháp-luật làm chứng-cứ, chỉ nội trong phạm-vi của pháp-luật mà can-thiệp đến quyền-lợi của thần-dân mà thôi. Ngày xưa các nước còn ở về thời chuyên - chế, đem những việc tranh-nghị về công-quyền, chuyên-ủy cho hành-chính quan - nha xét xử; cách giải-thích về pháp-luật, nhất-thiết tùy ý-kiến của quan chấp-chính đại-thần. cho đến các tự-trị-thể của các địa-phương cũng không có được độc-lập để pháp-luật bảo-hộ cho bao giờ; đến như nước Ý nước Bỉ đã nói trên kia, lại đem những việc tranh-nghị về công-quyền, chuyên-ủy cho sở tư-pháp tài-phán xét xử, để cho bên hành-chính phải đứng ở dưới quyền giám-đốc của bên tư-pháp, xếp đặt như thế, thực cũng lại là lầm to, cho nên muốn tìm lấy cái phép bảo-hộ cho công-quyền mà không tìm ra ngoài nhưng cách trên ấy thì không được, cũng vì có ấy, vậy xin lược-thuật mấy điều cốt-yếu về những chế-độ hiện-hành ở các nước như sau, để kết cái bài luận hành-chính tài-phán này.

Về nước Pháp. — Phép hành-chính tài - phán căn-cứ ở cái thuyết quốc - quyền phân-lập của ông MONTESQUIEU, thuyết ấy cho ba quyền lập-pháp, tư-

pháp và hành-chính đều độc-lập cả, bởi vậy người đời bên nghĩ rằng phạm một nước đã tự-do, không đem ba cái quyền ấy ủy-nhiệm cho từng cơ-quan riêng là không được, ý-kiến ấy nay cũng bắt-bắt phải bàn lại nữa.

Cũng vì thế-lực của cái thuyết quốc-quyền phân-lập ở nước Pháp mạnh quá, kết-quả đến thành ra hành-chính với tư-pháp, bên nào cũng chiếm một địa-vị độc-lập cả, phạm những việc xét-xử về hành-chính, các tòa-án tư-pháp không được can-thiệp đến, cái nguyên-tắc ấy đã minh-yết ra từ năm 1790, sau cứ y theo nguyên-tắc ấy, phạm những sự kiện-cáo về chính-vụ, về công-quyền, đều thuộc về quyền hành-chính quan-nha xét đoán cả, bộ luật của vua NAPOLÉON, lấy một phần công việc về tranh-nghị công-quyền, ủy cho một bộ cơ-quan đặc - biệt để xét xử, bộ cơ-quan ấy phải chấp-hành chức-vụ của sở hành-chính tài-phán, nhưng mà chức quan án của sở hành-chính tài-phán này thì khác chức quan án của sở tư-pháp tài-phán, nghĩa là quan án của sở hành-chính tài-phán, có thể tùy-thời mà bãi-truất di, thế là tuy có cái tên là tài-phán-quan mà không chính phải là tài-phán-quan thực vậy.

Vả ở bên Pháp, những bọn thuộc về các chính-đảng đương cái khi đảng mình chưa có quyền, đảng nào cũng hết sức chèn ép cho quyền hành-chính thu hẹp lại để mở-mang cho quyền tham-chính của nhân-dân rộng thêm ra, nhất-đán đến khi đảng mình nắm được chính-quyền rồi, thì đảng nào cũng lại ghen-ghét sở hành - chính tài - phán, không muốn cho độc-lập và không muốn để cho giám-sát mình nữa, đó cũng là một cái thói riêng của xã-hội chính-trị nước Pháp vậy.

Cũng vì có thế nên chính-trị ở nước Pháp tuy ban-bố một lối hiến-pháp

thuộc về chủ-nghĩa cộng-hòa, thi-hành một cách tuyên-cử phổ-thông rất tự-do, thế mà chức-quyền của hành-chính cơ-quan vẫn mạnh hơn ở nước Anh nước Đức, phần thành ra sự tự-do của cá-nhân không được hưởng ơn bảo-hộ bằng ở nước Anh nước Đức.

Hiện nay (khoảng năm 1907) thì bộ cơ-quan hành-chính tài-phán của nước Pháp là hội-đồng tham-sự hàng quận với Nghị-viện, hội-đồng hàng quận là một quan Quận-trưởng với ba bốn chức lại-viên có lương do nhiệm-mệnh mà tổ-chức lại, những quan-lại ấy đều có thể tùy-thời mà bãi-truất đi, cho nên các hội-đồng tham-sự hàng quận mà gặp một chính-dảng đương-đạo nào có thế-lực, thì không còn giữ được tí quyền độc-lập gì nữa. Còn như Nghị-viện thì làm việc hành-chính tài-phán về sau cùng.

Ngày xưa những việc về hành-chính tài-phán, phải tâu lên cho vua hay, từ năm 1872 trở đi, Nghị-viện được có quyền chung-thâm, song các viên-chức tài-phán của Nghị-viện cũng có thể tùy-thời bãi-truất đi, thế thì cũng không gọi là độc-lập tài-phán-quan được.

Còn những kiện-tụng đặc-biệt nào về hành-chính thì đã có những cơ-quan hành-chính tài-phán đặc-biệt khác, như cơ-quan đề tài-phán về việc cố-kế kiểm-tra, tức là một lệ vậy.

Sở hành-chính tài-phán nước Pháp, tức là Nghị-viện vừa chung-thâm lại vừa sơ-thâm, quyền-hạn kể thì rất to, song cứ y theo một cái nguyên-tắc nhất-định, chứ không có liệt-kê ra từng điều nào, nghĩa là phạm những việc tổ-tụng về việt-quyền của hành-chính quan-lại, không cứ việc gì, đều do ở Nghị-viện xử-đoán cả, cái lời việt-quyền ở đây, không những việc xử-tri trong khi hành-chính mà vượt qua chức-quyền của mình, tức đến những việc xử-tri

sai lầm khuôn phép hay là ra ngoài mục-đích của pháp-luật cũng là việt-quyền cả, những việc như thế, Nghị-viện tuy có được phá-hủy những cách xử-tri của hành-chính-quan mà không được thi-hành lệnh-chỉ đề đòi cách xử-tri ấy đi.

Xét cách giám-sát của Nghị-viện như thế, tuy có khiến cho công việc hành-chính được có cái hiệu-lực phát-đạt rất mạnh, nhưng mà cơ-quan không độc-lập được, thế cũng là một cái chể-độ hành-chính tài-phán còn kém-cỏi của nước Pháp vậy.

Về nước Áo (*Autriche-Hongrie*) thì có ý muốn lấy cách khác mà giải-thích cái vấn-đề khó-khăn về việc hành-chính tài-phán, phạm những kiện-cáo bởi việc xử-tri của hành-chính-quan thì trước cho thừa qua ở cả các sở trong bộ hành-chính, ví như bắt đầu thừa ở viên Hộ-trưởng, viên Hộ-trưởng chỉ bảo mà không thuận-tình thì lên thừa ở quan Quận-trưởng, quan Quận-trưởng chỉ bảo mà không thuận-tình, thì lại lên thừa ở quan Nội-vụ đại-thần, lời chỉ bảo của quan Nội-vụ đại-thần là cuối cùng mà lại không thuận-tình thì bấy giờ mới được đem lên kiện ở sở hành-chính tài-phán, sở này là thường-trí, do các tài-phán-quan chuyên-nhiệm độc-lập mà tổ-chức ra, ví như người nào cho rằng việc xử-tri của hành-chính-quan như thế là làm tổn-hại mất quyền-lợi của mình, thì đem thừa ở các tòa quan hành-chính đã, rồi mới thừa đến sở hành-chính tài-phán này. Cách thẩm-phán các việc kiện-cáo về hành-chính trên ấy, đều công-khai cả và chỉ khẩu-truyền mà thôi.

Phép của nước Áo, mới xét bề ngoài tựa-hở giản-dị không có tệ-hại gì, nhưng thực ra thì có nhiều cái không hay như sau này:

a) Muốn thừa ở sở hành-chính tài-phán mà trước phải thừa qua cả ở các

tòa trong bộ hành-chính, lần-lượt từ viên Hộ-trưởng cho đến quan Nội-vụ đại-thần, ngòi-ngóp mấy bậc, mấy lần phải làm lại đơn kiện, vất-vả tốn kém biết bao, thế cho nên nhiều kẻ cá-nhân tuy bị xâm-phạm mất quyền-lợi mà vì ngại vất-vả, đã kiện đến nửa đường rồi lại phải thôi.

b) Sở tài-phán chỉ lấy cái ý-nghĩa về pháp-luật mà xử-đoán, còn đến sự-thực có đúng hay không, cũng không xét ra được, sự-thực thế nào, phải lấy cái ý quan Nội-vụ đại-thần đã ưng-nhận làm căn-bản mà xử-đoán, quan Nội-vụ đại-thần đã ưng-nhận thì sở hành-chính tài-phán không được thay đổi đi, dan-cử vài lệ sau này.

Ví như một chỗ trang-sở, nhân-dân đang tụ-hội và diễn-thuyết, quan cảnh-sát cho rằng người diễn-thuyết ấy công-nhiên phi-báng, muốn bắt phải giải-tán đi, vậy có quả là phi-báng thật không, hay là có phi-báng đó mà lời phi-báng ấy có đáng bắt giải-tán đi không? Cứ phép-luật nước Áo thì sở hành-chính tài-phán không có quyền đoán-định được, vả bọn hành-chính quan-lại, tuy không hiền-nhiên làm trái pháp-luật, song cách xử-trí có nhiều điều bất-chính lắm. Ví như một việc đánh thuế, tuy không trái qui-điều của pháp-luật, mà cái cách lượng-xét vật-thể để đánh thuế, cứ tùy ý quan-lại muốn cho thứ vật hạng nào là khinh hay trọng thì nên thế, chứ không có so-sánh cho công-bằng gì, vì vậy ngạch thuế hạng thì nặng quá, hạng thì nhẹ quá, phạm những việc như thế, sở hành-chính tài-phán của nước Áo đều không xét cho ra sự-thực được.

c) Sở hành-chính tài-phán của nước Áo cũng giống như Nghị-viện của nước Pháp, đều chỉ phá-hủy được việc xử-trí của hành-chính quan-lại đi thôi, chứ không phát ra cái lệnh-chỉ thế nào để đòi lại được.

Xét thế thì biết phép hành-chính tài-phán của nước Áo, tuy có khiến cho bộ hành-chính phải theo pháp-luật, khiến cho hành-chính quan-lại phải giữ phạm-vi của pháp-luật, còn đến như cái hiệu-lực đối với hành-chính quan-nhà mà bảo-hộ lấy quyền-lợi cho cá-nhân thì kém lắm.

Về nước Phổ (Prusse) và hai ba nước nhỏ nữa ở trong bộ *Allemagne*. Phép hành-chính tài-phán của các nước này, có hai cái hiệu-lực: một là đối với hành-chính-quan mà bảo-hộ được quyền-lợi cho cá-nhân; một là khiến cho hành-chính quan-lại phải tuân theo pháp-luật, phép tài-phán về hành-chính của mấy nước này, sở dĩ khác với các nước là ở một cái yếu-tố. Yếu-tố ấy là lấy chức danh-dự cho tham-dự vào việc hành-chính tài-phán vậy. Phép hành-chính tài-phán ở nước Phổ, tòa sơ-thẩm tức là hội-đồng tham-sự hàng quận. Tòa kháng-án để xét lại những cái kiện mà hội-đồng hàng quận đã xử-đoán, thì là hội-đồng tham-sự hàng huyện. Khi nào có việc kiện-cáo về ngoài bờ cõi hàng quận thì hội-đồng hàng huyện lại là tòa sơ-thẩm, còn Tòa thẩm-phán ở *Berlin* thì là sở cao-đẳng hành-chính tài-phán đó.

Hội-đồng tham-sự hàng quận lấy quan Quận-trưởng làm nghị-trưởng và sáu người nghị-viên do trụ-dân trong quận cử ra, nhiệm-kỳ là sáu năm, mà tổ-chức thành hội-đồng, thế là hội-đồng này có một người là quan-lại đối với sáu người là chức danh-dự.

Hội-đồng tham-sự hàng huyện, lấy quan tri-huyện hay chức chung-thần-quan do chính-phủ bổ-nhiệm và bốn người danh-dự-chức, do trụ-dân trong huyện cử ra mà tổ-chức thành hội-đồng, thế là hội-đồng này có ba người là quan-lại đối với bốn người là chức danh-dự, so với hội-đồng hàng quận trên kia thì sở quan-lại đã tăng thêm

lên. Những quan-lại ấy đều có tư-cách làm tài-phán-quan cả, nếu không có việc gì phạm tội thì không bãi-truất đi được; còn như quan tri-huyện khi nào có đơn người ta kiện về việc bởi tự mình xử-trí thì phải hồi-tị, để cho một viên quan-lại trong hội-đồng thay làm nghị-trưởng.

Hội-đồng hàng quận và hội-đồng hàng huyện, không phải chỉ có một việc tài-phán về hành-chính mà thôi, lại còn giữ cả công việc tự-trị và công việc quan-trị nữa.

Thế nhưng sở cao-đẳng hành-chính tài-phán thì chỉ làm có một việc hành-chính tài-phán mà thôi, các quan tài-phán đều là chung-thân-quan và là chức chuyên-nhiệm cả, trong tổng-số tài-phán quan về tòa này, một nửa kén trong phái tư-pháp tài-phán quan, một nửa kén người nào có tư-cách cao-đẳng hành-chính-quan mà bổ-nhiệm vào.

Quyền-hạn của sở hành-chính tài-phán thì chỉ việc nào trong pháp-luật đã yết rõ ra mới được xét, phạm những việc thuộc về cảnh-sát ở các làng thành-tỉnh xã-thôn và các địa-hạt quận-huyện mà hành-chính quan xử-phán không xứng-dáng thì được đem thưa ở sở hành-chính tài-phán; còn những việc về hành-chính khác thì nội trong pháp-luật có cho mới được thưa ở sở hành-chính tài-phán, cách tổ-chức này có nhiều điều hay hơn chế-độ của các nước, kể như sau này :

10 — Sở hành-chính tài-phán này không đứng rời ra ngoài hành-chính cơ-quan mà lại liên-lạc với hành-chính cơ-quan.

20 — Cách tổ-chức này đảm-bảo được cả lợi-ích cho nhà-nước và lợi-ích của kẻ cá-nhân, thật là một phép hoàn-toàn. Những quan-lại chuyên-nhiệm tức là quan quận-trưởng, quan tri-huyện phải đại-biểu lợi-ích cho nhà-nước. Những quan chung-thân với

những chức danh-dự độc-lập bất-cơ phải đại-biểu lợi-ích cho kẻ cá-nhân.

30 — Sở cao-đẳng hành-chính tài-phán này, thống-nhất được cả sự thẩm-phán về công-quyền. Lại bao-hàm được cả hai phái tư-pháp và hành-chính, cho nên góp-hợp được cả những tri-thức về pháp-luật và những sự-thực kinh-nghiệm về hành-chính.

40 — Sở cao-đẳng hành-chính này không những phá-hủy được những việc của hành-chính quan đã xử-trí, lại có thể phán-đoán được sự-thực có xứng-dáng hay không và hạ lệnh-chỉ đề thay đổi vào sự xử-trí đó.

50 — Những kẻ bị xâm-hại đến quyền-lợi được thưa ngay vào các hội-đồng tham-dự, các hội-đồng ấy tổ-chức theo phép hợp-ngihthể đều đã thông-hiểu cái tình-trạng trong địa-hạt mà phán-đoán được công-bằng, chứ không phải phiến-toái như ở nước Áo.

60 — Cho những nghị-viên dân-tuyển tham-dự vào việc tài-phán là để cho việc hành-chính tài-phán được thêm tin-dụng. Và vì thế mà quan đại-thần không được can-thiệp đến sự thẩm-quyết của sở tài-phán, chớ như ở nước Áo cho đem những việc kiện mà quan đại-thần đã phán-đoán rồi ra thưa ở sở hành-chính tài-phán, nếu sở tài-phán mà đem những điều quan đại-thần xét sai pháp-luật tuyên-bố cho công-chúng biết, thế là làm tổn-hại mất danh-giá của quan đại-thần và giảm mất lòng tin-vọng quan của người ta đi.

Đến như những nghị-viên dân-tuyển thì không những thông-hiểu cả sự-tình của địa-hạt và sự-thực về chính-trị, lại phòng-bị được những điều thiên-trọng về lợi-ích của quốc-gia.

70 — Cách tài-phán này không những chỉ giải thích về pháp-luật, lại phán-đoán được cả sự-thực có xứng-dáng hay không, cho nên những điều-kiện

về sự-thực mà hành-chính-quan phải xử-phân, có quả là hiện-tại hay không, sở hành - chính tài - phán được tra-cứu mà phán-đoán cả.

Xem chế-độ của nước Phò như trên ấy, là người ta đã bỏ hết cái dở mà lọc lấy cái hay của các nước khác rồi, thật là phép rất hoàn-toàn, thế mà còn có người chê là cách tổ-chức như thế khi phiền-phức quá, có ý lấy làm ngại. Vậy lại thêm mấy lời đề tỏ cái nghĩa không ngại phiền được.

Phàm những pháp-chế đơn-giản thế nào cũng không nên bài-xích đi hết, nhưng dù đơn-giản cũng phải có một cái trình-độ nhất-định mới được, nếu nhà chính-trị mà đối với cái gì cũng mếch lòng về một chủ-nghĩa đơn-giản thì tất đến quên mất cả tính-chất của loài người đi. Những cái lý-do về sự-thế của xã-hội loài người, nó thiên hình vạn trạng, không kể xiết được. Văn-hóa ngày càng mở-mang thì nhân-sự cũng lại càng thêm phiền-phức, cho nên đến đời bây giờ, muốn tổ-chức một quốc-gia cho thích-hợp với thế-lực, ý-kiến và lợi-ích của quần-dân đã phát-dạt lên thì tất không thể lấy cách giản-dị mà làm được. Vả những kẻ muốn lấy những cái thông-tắc bằng

một vài lời ngắn-ngủi gọn-gàng, đề chồm-chảm tất cả mọi sự-thế của xã-hội, đến ngày nay cũng không làm được nữa, những thông-tắc ấy phi phi tâm-lực bao nhiêu năm đề lập nên cũng không có hiệu-lực gì cho thực-tế. Coi đó thì biết muốn tổ-chức lấy sở hành-chính tài-phán để xử-quyết những vấn-đề khó-khăn quan-trọng, có lẽ nào lấy một vài cái qui-điều giản-uớc mà giữ vẹn quyền-lợi cho quốc-gia và cá-nhân được dư.

Sở hành-chính tài-phán mà phải tổ-chức ra là để bảo-hộ lấy hai cái lợi-ích trái nhau, tức là lợi-ích của toàn-thể với lợi-ích của cá-nhân, chức-vụ ấy khó-khăn thế nào thì ai cũng hiểu, không cần phải nói nữa, duy cái khi đang giải-thích cái vấn-đề khó-khăn ấy mà mếch lòng về chủ-nghĩa giản-đơn, muốn tránh khỏi sự phiền-phức, thời phi lợi-ích của quốc-gia bị hi-sinh cho cá-nhân, tất lợi-ích của cá-nhân bị hi-sinh cho quốc-gia. Hai điều ấy thế nào cũng phải có một điều.

(Hết)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT biên-dịch



GIÁC CHIÊM-BAO CỦA NGƯỜI THIẾU-NỮ

(Văn chơi)

Chị em ơi! Chị em ơi! tôi nay đương độ trăng tròn, gặp tuần hoa nở, nghe nói truyện bà Nữ-Oa thừa trước, muốn vén tay nấu đá mà và lại trời xanh nghĩ thân liễu yếu và phận đào thơ, trông thấy hình Tinh-Vệ xưa nay, muốn gắng sức ngậm sa, để lấp đầy hể bạc. Ấy là chí-khí bấy lâu, bỗng dẫu một giấc ửng vào, chiêm bao trò chuyện những sao, dám xin bày tỏ trước sau mọi bề.

Tưởng như chơi chốn thôn-quê, xét xem nữ-giới mọi nghề làm ăn, hay dẫu tới đến làng văn, coi ra làm về tình-thần thiên-nhiên. Trông thấy người hình-dung nhỏ-nhắn, ăn nói dịu-dàng, đích hiệu là dì nho cô tú. Tôi mới hỏi: -- Lâu nay sự sinh-hoạt, sự trị-an, của nhà nho ta như thế nào?

Dì nho nói: — Từ khi đời chú-trọng Âu-văn, cửa Khổng sân Trình không kể hỏi, thầy nho nó thời thường đem thơ Đường văn Tấn ngậm-nghe cùng với gió trăng; còn tôi thì sớm khuya vẫn đem nông-diễn để trợ thư-diễn, theo chồng còn giữ lấy nền nho-nhã.

Cô tú nói: — Tự lúc nước thời thi Hán-tự, sông Thù dòng Tư ít người chơi, thầy tú nó thời thường đem bầu Lý hồ Lưu, tiêu-khiến vui cùng ngày tháng, còn tôi thì hôm mai vẫn đem nông-phổ duy-trì thư-phổ, theo chồng con giữ lại nếp nho-phong.

Dì nho cô tú nói vừa xong, tôi mới khen cho nói hợp lòng. Nhân tặng một luật thơ rằng:

*Khen thay cô tú với dì nho,
Thanh-nhã còn vui thú học-trò;*

*Đạo-đức theo khuôn nhà Khổng Mạnh,
Văn-chương giữ nếp cửa Trình Chu;
Mặc ai phường xiếc cùng trò khỉ,
Thầy kẻ sấm-banh với sữa bò;
Cung cửu bà Châu chăm giữ mãi,
Mảnh gương trong sáng đối trăng thù.*

Nhân lại thêu một bài ký-tặng ông tú và ông đồ rằng:

*Dám khuyên ông tú với ông đồ,
Biết nghĩa thời-trung mới phải nho;
Núi Thái sông Thù từng đã trải,
Rừng Âu bễ Á cũng nên dò;
Ngông trời chớ cậy thơ đầy túi,
Ngạo đất đừng khoe rượu kẻ vô;
Học-giới đương nay qui tự chủ,
Xin đừng giữ thói cô-nhân-nô.*

Đề xong, dì nho cô tú nhân hỏi tôi rằng: — Thiếu-nữ chắc cũng thăm-thời thực-thể, nên giúp chị em tôi một kế, khuyên ông đồ ông tú để thỏa chí lúc bình-sinh.

Tôi nói: — Đó có khó gì, đời nay là đời chấn-hưng quốc-văn, các ông ấy đã có Hán-học thâm-thủy, hoặc phiên-dịch những điều cổ-học tinh-ba, hoặc biên-dịch những điều cận-kim tư-lưỡng, gửi lên tạp-chí để làm coi trống tiếng Nam, đăng lên báo-chương để làm biên cò văn Việt, hay là thiết-lập học-đường, khuyên tử-dê để giữ nền quốc-tủy, hay là khai-trương thư-viện, hợp đồng-bào phần-sức quốc-văn, chẳng cũng ảnh-hưởng lắm dư?... ..

Cô tú dì nho nghe nói: Đa-tạ đa-tạ! Bèn thiết rượu và lĩnh lấy bài thơ,

✽.

Xong rồi từ-biệt ra đi, bỗng dẫu lại gặp nữ-nhi một đoàn, kẻ mang bút chỳ

bút sắt, người cấp quyền đồ quyền vàng, biết là các cô nữ-sinh về đường tân-học, tôi mới hỏi sự học-hành của các cô hiện-kim thế nào.

Các cô đồng-thanh nói : — Tự khi có Bảo-hộ đến giờ, không những lập ra nam-học-đường, để dạy nam-học-sinh, mà lại lập ra nữ-học-đường để dạy nữ-học-sinh, nên óc khôn của bọn thoa-quần, ngày một mở-mang, ngày thêm rộng-rãi, cũng hay đọc báo, cũng biết xem thư, như nữ-học bên Âu bên Mỹ; tây-học thực là hay lắm, này thiên-văn, địa-dự, vệ-sinh, luân-lý, cách-tri, toán-pháp, hội-họa, các khoa-học không thiếu một khoa nào, này bản-thân gia-đình, tộc-thuộc, xã-hội, quốc-gia, thế-giới, các cách dạy không gì là không đủ, thực rất là trật-tự, thực rất là tinh-tế, nếu học được tinh-túy thì cũng nhiều về văn-minh, phỏng chỉ học những ngoài da ngoài vỏ thì thành ra vô-sở-đắc. Xem ra nước ta bây giờ, con trai, con gái, tây-học rất nhiều, trong một trăm người chỉ được một hai người học về triết-lý, còn toàn là học về chủ-nghĩa ấm no, cách nói-năng thì lấy tiếng tự-do bình-dẳng làm mới-mẻ, mà cho tiếng lễ-ngĩa liêm-sĩ làm cũ rích, cách ăn uống thì lấy gà quay chim sào làm thú-vị, mà cho lợn luộc cá nấu là n nhật suông, cách nằm ngồi thì lấy bàn treo làm sang, mà cho ghế giường là tục, cách phục-dụng thì lấy Âu-trang làm nhã, mà cho nam-phục là thô, cách vệ-sinh thì lấy sà-phòng nước hoa làm thượng-thâm, thấy người cục-kịch lại ngồi xa, cách nhân-du thì lấy lên xe xuống ngựa làm nhã-quan, thấy kẻ quê mùa không thiết hỏi, bao nhiêu cựu-đạo-đức tinh-thần của gia-tộc, xã-hội, quốc-gia bốn nghìn năm trước nhất-thiết muốn hết phá-hoại đi; bao nhiêu lối cực-xỉ cùng-xa của bên Âu, bên Mỹ, bên Nhật, mấy mươi năm nay, nhất-thiết muốn bắt-chước cả. Khi về đến nhà, thấy cha mẹ giữ thuần-phác tính-

chất, ăn cơm rau đậu, mặc áo nâu sồng, thì cho là hủ, thấy họ-hàng khi giỗ ngày tết cúng tổ-tiên họp con-cháu, thì cho là phiền, ra đến xã-hội thấy kỷ-niệm thánh-hiền, thần-tiên, hào-kiệt, anh-hùng thì cho làm vô-ích, đi đến diên-dã, thấy người ngư-phủ, tiêu-ông, canh-phu, giá-phụ thì lấy làm quê, mà tự khoe mình là tiến-bộ, là văn-minh, là tân-nhan-vật, mỗi tháng ăn bao nhiêu lương cũng chỉ béo cật hầu trà, có hàng rượu, bác rap hát, chú cao-lầu, ả lầu-xanh, anh trò xiếc mà thôi. Còn ở gia-đình tộc - thuộc xã-hội có dói rách thì cũng không ai được hưởng một mảy may nào, mà trong khi gia-đình, tộc-thuộc, xã-hội có ai tật-bệnh hoạn-nạn thì cũng đều không có một câu gì để hỏi-han; khi về làng hùa như người ngoại-quốc đến chơi, khi tiếp họ hình như người khách-nhân mới lại, phả-lục tổ-tiên mấy nghìn năm không từng hỏi, bia-ký dân-tộc mấy trăm năm cũng không am-tường, chỉ nhớ năm một nghìn chín trăm mấy là năm tăng lương bổng, hay thăng phẩm-trật, ấy là tân-học-phái hiện-kim đều không ngoài cái tư-tưởng ấy cả. Chị em tôi nhân đời Âu Á, ganh buổi phong-trào, cầm ngọn bút năm mùi, cấp quyền bia năm sắc, cũng còn dương mong-mỏi cho tân-học-sinh sau này, từ xã-hội đến quốc-dân, đến thế-giới, cũng đều có ảnh-hưởng để không phụ ơn trời đất che chở, không phụ công cha mẹ sinh-thành, không phụ công thầy giáo-dục.

Các cô nữ-sinh nói đến đây rồi than rằng : — Thôi ! thôi ! lời ngắn tình dài, kể sao cho xiết mọi lời gần xa. Đó là hãy tạm nói qua, chị em cũng biết đề mà sửa-sang.

Tôi nhân cầm bút tả vài câu đề mừng chúc và khuyến-giới như sau này :

I

*Chúc mừng nữ-học-giới ta,
Thực là của quê nước nhà chúng ta.*

Chớ nên dầy-đọa tâm thân,
 Bề hàng nữ-giới xa gần cười chê.
 Công, ngôn, dung, hạnh mọi nghề,
 Sao cho một phép chỉnh-tề tráng-nghiêm.
 Nổi danh là gái phương Nam,
 Bề làm gương sáng chị em muôn đời.
 Chữ rằng : Nữ-học phôi-thai.

II

Chúc mừng nữ-học-giới ta,
 Thực là của báu nước nhà chúng ta.
 Diễm-trang lấy nước non nhà,
 Ganh cùng thế-giới làm bà quốc-dân.

Trên vì nước, dưới vì nhà,
 Một là đặc-hiến, hai là đặc-trung.
 Nổi danh là gái phương Đông,
 Đề không phụ giống vua Hùng nghìn
 Chữ rằng : Đệ-nhất nữ-lưu. [thu.

III

Chúc mừng nữ học-giới ta,
 Sau này là mẹ nước nhà chúng ta.
 Non non nước nước không xa,
 Trong Nam ngoài Bắc cùng là chị em.
 Phải nên tề-chỉnh trang-nghiêm,
 Bước thang tiến-bộ lên thêm văn-minh.
 Ốc khôn cùng chọi cùng ganh,
 Đề làm tổ-nữ treo tranh trong đời.
 Đua cùng với gái phương Tây,
 Tài-tinh ai kém chi ai chút nào.
 Chữ rằng : Thế-giới rữ-hào.

Tả xong các cô nữ-học-sinh cùng
 nói rằng : — Ba bài này thực là khích-
 khuyến cho chị em chúng tôi, chúng
 tôi xin cảm-tạ vô-cùng. — Nhân mở
 tiệc trà cùng đãi, và chép bài ca cùng
 đọc.

Tiếp các cô nữ-sinh vừa đoạn, xin
 cáo-từ đề hỏi thăm bạn nữ-giới nhà
 nông. Trông thấy người chân lấm tay
 bùn, mặt tro mây muối, thất lưng bó
 que, sẵn vảy quai cồng, kể mang cày,

người vác cuốc, tất-tả chân nam đá
 sang chân chiều, người xách nước kể
 mang côm, tay sởi đồ sang tay nguội,
 mưa tầm gió tã, nhiều nỗi gian-truân,
 đi nắng về sương, nhiều phen vất-vả,
 tới đũa gần trông ra thì là chị em nhà
 làm ruộng.

Tôi mới hỏi : — Lâu nay sự sinh-
 hoạt và sự trị-an của nhà nông ta như
 thế nào ?

Các chị em nhà làm ruộng cùng gạt
 nước mắt đồng-thanh nói rằng : —
 Thiếu-nữ ở đâu lại đây mà hỏi những
 lời như thế ? Trông ra hình cũng như
 đồng-bào đồng-chúng với chị em tôi.
 Thiếu-nữ còn có lạ gì việc làm ruộng
 của nông-dân ta và mười năm nay rất
 là khổ-sở, nào nắng lớn, nào nước to,
 sức áp-lực thiên-nhiên ai chống nổi,
 này công phiến, này dịch trọng, sức
 chẻ-tải nhân-sự cũng khôn ngăn, thóc
 gạo kém hao, đàn trẻ khóc không côm
 nguội, tấm-tờ gầy xấu, người già than
 chẳng áo may, trâu bò giá đắt canh-
 phu túng-bần, không biết lấy chi cày,
 thóc giống giá cao, giá-nữ thỏ-than
 không biết lấy gì cấy, chim gà hiếm
 chẳng có đủ ăn, lợn chó hiếm cũng
 không đủ dụng, rượu chè pha nhạt,
 uống chẳng ra gì, cờ-bạc ăn quanh, càng
 thêm ngán nổi ; gia-dĩ kể bần kể bệnh
 kể hoang-vong, ngoài bắc trong nam
 khôn xiết kể ; người tử người đào
 người tật-dịch, chân trời mặt bể biết
 bao nhiêu. Cảnh nhà nông tiều-tụy, ai
 hay tỏ hết nỗi gian-nan, tình nông-giới
 suy-dồi, ai hay rõ hết hình khổ-nạn.

Tôi nghe trong bấy nhiêu lời, nhân
 tả mọi tình khổ-huống và mấy lời
 yêu-cầu cho nhà nông để làm ký-sự :

I

Ghê thay nắng lớn nước to,
 Trông xem quyền-mẫu mà lo muốn vò.
 Nào người lên núi lên ngàn,
 Vượt sông vượt bể làm than mọi đường.

Dám xin Thượng-đế dong thương,
Mưa hòa gió thuận Nam-phương được
Nào là giữ cõi đắp bờ, [nhờ.
Bi về trưa sớm cho vừa lòng mong.

Trong Nam ngoài Bắc cùng hòa,
Muôn dân trăm họ âu-ca thái-bình.
Đội ơn Thượng-đế hiếu-sinh.

II

Sợ thay thiên-biến bất-kỳ,
Hoang, vong, tật, dịch nghĩ ghê trăm
Nào là vách nát nhà siêu, [chiều.
Kể than khắp đất người kêu vang trời.

Dặt-diu tư-thế tư-dân,
Cùng lên cõi thọ đến xuân vui-vầy.
Kém gì các nước đông tây,
Canh-phu giá-phụ cung mây hát tràn.
Đội ơn Thiên-phủ muôn ngàn.

Nổi lại hai bài ca khuyên chị em nên
giữ lấy bản-nghiệp.

I

Chị em ta! chị em ta!
Chúng ta cùng một giống nhà Thần-nông.
Kìa kia ruộng Lạc vườn Hồng,
Cùng nhau gánh nước vun giồng quẩn
Làm ăn nên phải thuận thì, [chị.
Sớm thì đi sớm, trưa thì về trưa.

Một mai trăm thóc thuận thì,
Chúng ta gặt hái đem về cùng ăn.
Chứa thành kho dựn mọi ngăn,
Phòng khi lụt nắng phong-trần gió mưa.

II

Chị em ta! chị em ta!
Chúng ta cùng một con nhà An-Nam.
Này này khuya sớm cùng chăm,
Phải nên vun tưới cái mầm Lạc Long.
Nắng mưa chờ có quẩn công,
Đề cho hùng-trưởng phương đông mới
đánh.

Muôn từng cao giáp từng mây,
Chúng ta nương tựa bóng cây cùng
Bi đi đừng đừng nói cười, [ngồi.
Sau này nghỉ mát bởi ngày cùng vun.

Đề xong lưu tặ. Chị em nhà nông
cùng mời về để chơi nhà, giết gà làm
cơm, xong rồi tôi xin cáo-từ để đi hỏi
thăm chị em các nhà làm thợ. Chị em
nhà nông nói: — Khi nào thông-thả
thiếu-nữ trùng-lai, chúng tôi xin hoan-
nghênh vô-cùng. — Tôi nói: — Cùng
giống Thần-Nông, há có xa gì, các chị
yêu em, em tất có ngày lại lại.

Khi đến chị em nhà làm thợ, hỏi sự
sinh-hoạt và sự trị-yên, chị em nhà làm
thợ cùng gạt nước mắt mà than rằng: —
Chị em tôi làm thợ làm thuyền nào
có ra gì! bao nhiêu dấn-vốn, khi thì
phải trả cho chông và trăm sóc-dĩa,
khi thì phải trả cho con rằm chục
tổ-lôm, còn ngoại-phi về rượu-chè
thuốc-sái thì không kể, như thế thì
còn làm gì cho đủ. Không những thế
thôi, tự khi có hàng ngoại-hóa vào, kể
thì dùng hàng tây, người thì dùng hàng
tàu kể thì dùng hàng Nhật, còn nội-
hóa sử-dụng chẳng qua những người
diễn-dã mà thôi, nên khung cử phải
treo nhiều, mà tiếng dẹt vài không
thấy vang ở buổi trăng thu vắng-vác,
sinh-lý lại càng thắm-dạm, chị em tôi
nghe chưa có ai mở đại-công-cục, đề
chấn-hưng công-nghiệp, đề ganh với
Á, Âu. Có chăng chỉ có tỉnh Hà-dông
mới mở xưởng thợ dẹt lương dẹt the
mà thôi, còn các tỉnh đều là vắng-vắng.
Chị em tôi tuy có tài có vốn, nhưng
cũng không biết lấy ai làm chủ-trương
mà mở-mang.

Tôi những cầm tay mà thở-than rằng:
— Chị em ôi! chị em ôi! thế mới biết
công-nghệ nước ta là chưa phát, bọn
nam-giới không kể, bọn nữ-giới ta chưa
nghe thấy có ai bảo-thủ được quyền-
lợi, ấy mới thực là đáng buồn, ấy mới

thực là đáng tiếc. — Mời cùng nhau than rằng :

*Thợ thuyền nghĩ cũng ngán thay,
Chồng con cớ bạc đêm ngày như ranh.*

*Lại còn rượu phiến linh-dinh,
Bao nhiêu huyết-hãn tan-lành như
Nín đi nghĩ cũng đau lòng, [không.
Nói ra xấu vợ hồ chồng lắm thôi.*

*Nói đây em chớ có cười,
Của đời như thế có hoài mất không.
Chém cha cái thói hư-phong.*

*Làm cho mất cả món công thợ-thuyền.
Nghĩ ra đau-dớn mọi miền,
Muốn cầm con dao sắc vái ông Hoàng-
thiên mà cắt bỏ cái thói ấy đi.*

Than rồi nhân lại cùng nhau thương khóc, mà tả mấy câu công-nghệ đàn-bà nước ta, hãy còn khuyết-diễm như sau này :

*Chị em ta ! chị em ta !
Ngán thay công-nghệ đàn-bà nước ta.*

*Bốn nghìn năm cũ tinh-ba,
Chứa ai tỏ-chức những nhà hưng-công.*

*Này xem các nước tây đông,
Đàn bà ganh với đàn ông cùng làm.*

*Gọi là xưởng thợ « bà đầm »,
Dệt thêu mọi vẻ kẻ trăm lợi-quyền.*

*Chúng ta há thiếu kim-tiền,
Vì chưa có kẻ dựng nên đây mà.*

*Ái mà có chi lập ra,
Định thành hiến-pháp dựng nhà công-ti.*

*Bao nhiêu cách-thức thi-vi,
Hết theo như thể qui-trình Thái-tây.*

*Dệt thêu cho nước non nay,
Đề trong thế-giới cũng biết có người
[đàn-bà nước Nam.*

*Mấy lời nhắn chị cùng em.
Phải nên hợp-cỗ đồng-tâm buổi này.*

*Buổi này là buổi đông-tây,
Văn-minh cũng phải có tay đàn-bà.*

Tả xong chị em nhà làm thợ nói :
— Nếu nữ-giới ta làm được thế, ai rằng
có gái cũng như không.

★

Giếp xong các chị nữ-công, dần-dà

lại hỏi đến cùng nữ-thương. Khi đến
chị em nhà buôn hỏi sự sinh-hoạt và sự
trì-an, chị em nhà buôn cũng gạt nước
mắt mà than rằng : — Chị em tôi buôn
bán nào có ra gì, khi thì phải trả cho
chồng vài trăm bạc ịch-xì, khi thì phải
trả cho con vài trăm bạc tài-bàn, còn
ngoại-phi rượu phiến xướng-ca thì
không kể, như thế còn gì là vốn, không
những thế thôi, tự khi có đồ ngoại-hóa
vào, kẻ thì dùng đồ Nhật, người thì dùng
đồ Tàu, kẻ thì dùng đồ Tây, còn nội-hóa
sở dùng chẳng qua những người thôn-
dã mà thôi, nên tay nải nhẹ nhàng, mà
tiếng rao hàng không thấy rao ở buổi
gió xuân mát-mẻ, sinh-kế cũng rất là
quần-bách, chị em tôi nghe chưa có ai
mở đại-thương-trường, đề chấn-hưng
thương-nghiệp ganh cùng bên Mĩ, bên
Âu, bên Nhật. Có chăng chỉ có Bạch
Thái-Bưởi công-ti buôn tàu chạy sông
chạy bể mà thôi, còn các lĩnh cũng có,
nhưng đều tầm-thường. Chị em tôi
tuy tài mọn trí hèn, cũng có vốn liếng,
những cũng chưa biết lấy ai làm chủ
mà sáng lập ra.

Tôi nhân cầm tay mà than rằng :
— Chị em ơi! thế mới biết thương-giới ta
là chưa tiến - bộ, nên người ta thu
mất cả quyền-lợi, bọn nam - giới thì
không kể, nhưng nữ-giới thì nghe thực
chưa có ai, thực là nên lấy làm ngao-
ngán thực là nên lấy làm sầu-thương.
Mời lại cùng nhau than rằng :

*Bán buôn nghĩ cũng buồn thay,
Chồng con cớ bạc đêm ngày như ma.*

*Lại còn rượu phiến xướng ca,
Bao nhiêu dẫn-vốn cũng là tiêu-tan.*

*Tính ra kẻ mất muôn-vàn,
Thôi thôi còn biết nói bàn cùng ai.*

*Nói đây em chớ có cười,
Bán buôn như thế mấy đời đã lên.*

*Chém cha cái thói dã-man,
Làm cho đến hại đến tàn chưa thôi.*

Thôi thôi nghĩ cũng chán đời.

Muốn đem thanh gươm sắc vái ông
trời mà chém phất cái thói ấy đi.

Than rồi nhân lại cùng nhau thương
khóc, mà tả mấy câu thương-nghiệp của
phụ nữ-giới nước ta hãy còn khuyết-
diễm như sau này :

Chị em ta, chị em ta,
Ngán thay thương-nghiệp dân-bà nước
Bốn nghìn năm cũ lâu xa, [ta.
Chưa ai tỏ chức nên nhà hưng-thương.
Này xem các nước liệt-cường,
Đàn bà cũng mở thương-trường xa-
Goi là xưởng thợ « bà đầm », [xăm.
Bán buôn kẻ có hàng trăm hàng nghìn.
Chúng ta há thiếu kim-tiền.
Vì chưa có kẻ dựng lên đống mà.
Ai mà có chí lập ra,
Định thành thương-uớc dựng nhà công-
Bao nhiêu cách-thức thi-vi, [ty.
Hết theo như thể qui-trình ngày nay.
Ganh đua cùng vận-hội này,
Đề trong thế-giới cũng biết có người
đàn bà nước Nam.

Mấy lời nhắn chị cùng em,
Phải nên hợp-lực đồng tâm hội này.
Hội này là hội đồng tây,
Phủ-cường cũng phải có tay đàn bà.
Tả xong chị em nhà buôn nói :
— Trong nữ-giới ta làm được thế, tài-
tình há có kém gì trai.

Các nghề nữ-giới hồi rồi, hồi xem nữ-
giới các nhà quyền-qui phú-hào sao đây.
Khi đến nhà quyền-qui, thì các chị em
trong quyền-qui, đều cậy qui-thể khinh
người, thấy tôi không hỏi không mời,
chỉ toàn nói-năng về sự quần nọ áo kia
cùng xoay-xổa mấy quân bài lá, không
có một nghề thực-nghiệp gì, tôi đọc
mấy lời cảm-khích rằng :

Đời này là buổi văn-minh,
Hông tây nữ-giới học-hành ganh đua.
Người giảng diển kẻ thêu thùa,
Văn-minh dựng-dục làm tua giữa trời.
Các chị nay thích ăn chơi,
Bề trong hẳn có như bề ngoài không ?

Đã mang cái tiếng quần-hồng,
Sao cho khỏi thẹn trong vòng thế-gian.
Các chị nghe nói bảo tôi rằng : — Á
kia đáng có sở-cầu chi đây mà ăn nói
những điều như thế.

Tôi nói : — Tôi với các chị cùng bạn
quần-thoa, mục-kim trông thấy nữ-
giới các nước văn-minh, làm cho mẫu-
quốc quang-vinh ở trên địa-cầu, như
bà Duy-da-lợi-á là đàn bà bên Anh
mà sang mở trường buôn ở bên Ấn-
độ, như bà con gái thứ hai ông Khang
Hữu-Vi là Đồng-bích sang tây-du ở
Ấn-độ mà xưởng nữ-học ở bên Tàu,
mà nay nữ-giới nước ta chưa có mấy
người được thế, nên tôi mới yêu-cầu
với các chị, cũng nên bỏ sự tư-kỷ mà
gom sức công-quần, để ganh với nữ-
giới Anh, Hoa, họa chăng nữ-giới ta
sau này cũng có ảnh-hưởng ở trong
lịch-sử.

À quyền-qui mới cả cười mà nói
rằng : — Lời nói của cô mình tặng
chúng tôi, thực là bằng cho chúng tôi
một lạng vàng — Bền pha chè sức giàu
cùng khoản đãi. Tôi nhân ký-sự một
bài thơ để khích-khuyến rằng :

Này xem nữ-giới ở Hoa, Anh,
Lịch-sử vang truyền kể đã rinh,
Nữ-giới nước ta nay được thế,
Quốc-dân kỷ-niệm và hoan-nghehnh.

Xong rồi cáo-từ các chị em nhà
quyền-qui, lại hỏi thăm các chị em nhà
phú-hào. Khi đến nhà chị em nhà phú-
hào đều cùng cậy thế giàu-có khinh
người, thấy tôi không chào không
hỏi, chỉ toàn nói-năng tính-toán về sự
lãi năm lãi tháng lãi ngày, cùng mọi
chuyện ba-hoa, không có mọi điều
kiến-thức. Tôi nhân đem mấy lời để
cảm-khích rằng :

Hội này là hội đại-dồng,
Tây đông lắm gái lạ-lùng xiết bao.
Thanh-danh làm mẫu địa-cầu,
Khắp trong lịch-sử năm châu vang
truyền.

*Các chị nay chỉ mưu làm đũa giữ tiền,
Chắc rằng giữ được vững bền mãi
không ?*

*Chữ rằng : tài-hóa lưu-thông,
Nên đem làm việc ích chung nhân-quần.*

Các chị em phú-hào nghe nói bảo tôi rằng : — Á kia đáng có sở-nguyên chi đây, mà ăn nói những điều như thế ?

Tôi nói : — Tôi với các chị cùng phường cân-quắc, mục-kim trông nữ-lưu các nước phú-cường, làm cho tổ-quốc danh-dự hơn trong thiên-hạ, như bà Ý-tát-lợi-bá, là dân bà nước Tây-ban-nha, bán nữ-trang mà giúp ông Kha-luân-bổ đi tìm tân thế-giới, mà nay còn làm bia biển Mĩ-châu, như bà Mã-ni-tha là dân bà ở phủ Ô-ra-y, đem ca-tửu hào-hùng để khuyên ông Gia-lý-ba-dích dựng tân-quốc Ý-dại-lợi, mà nay còn làm trống còi Âu-thổ; mà nay nữ-giới ta chưa có mấy người được thế, nên tôi nhân cầu-nguyện các chị, cũng nên bắt-chước bỏ sự mưu tư-lợi đi, mà làm sự công-ích, để ganh với nữ-giới tây-phương, họa chăng nữ-giới ta sau này, cũng có giá-trị ở toàn-cầu.

Á phú-hào mỉm miệng mà nói rằng : — Lời nói của cô mình bảo tôi thực quý bằng rành bạc. — Bền thiết tiệc cùng đã, và thiết tiền hành-tấn, tôi nhân ký-sự một bài thơ rằng :

*Này xem nữ-giới Âu-châu,
Lịch-sử vang truyền kể đã lâu;
Nữ-giới nước ta nay được thế,
Văn-minh há có kém gì Âu.*

Sau khi tiếp các chị em nhà quyền-qui nhà phú-bào vừa xong, thấy có một bọn người ăn mặc đều là quan-dang, hoặc gọi là bà thượng, bà phủ, bà châu, bà huyện, lại cùng đàm-thoại, tôi nhân hỏi lịch-sử, các bà tề-thanh nói rằng :

— Nhà chúng tôi xưa nay vốn là nhà vọng-tộc trong nước, các cụ tôi đời trước, kể-thể làm quan, rất là thanh-liêm, thể-thiên ái-dân, trung-quân ái-quốc, nên được quốc-dân nay vẫn truyền-tụng. . . .

Tiếp các bà lớn vừa xong, lại thấy các bà ăn mặc đều là dáng lý-dịch, hoặc người gọi là bà tổng, bà lý, bà tộ, bà hương, lại cùng đàm-thoại. Tôi nhân hỏi lịch-sử các bà ấy tề-thanh nói rằng :

— Nhà chúng tôi xưa nay vốn là nhà hào-trưởng trong làng, các cụ tôi đời trước kể-thể làm hào-trưởng rất là công-chính, làm đình, làm chùa, làm cầu, làm quán, tô tượng đức chuông, dựng bia lập biển, nên được xã-hội nay vẫn ngợi khen, các ông nhà chúng tôi tự khi chưa ra làm việc, thì dân làng ai cũng phục là cố-gia phong-thể, đến khi ra làm việc, vì chút hơi đồng-sú làm rĩ tấm lòng, nay phải giấy tham-lạm cáo ở nha phủ huyện, mai phải tờ những-nhiều tố ở nơi tỉnh đường, bao nhiêu ruộng đất, hồ ao, hết đầy đi cũng không đủ đền danh-giá, chúng tôi càng lấy làm xấu-hổ với dân-thôn, mà càng lấy làm xấu-hổ với dân-bà các nước.

Tôi nhân thảo một luật thơ khen các bà ấy rằng :

*Vốn dòng hào-trưởng tự xưa nay,
Công việc hương-thôn trải những
Đối với các bà Âu, Mĩ, Nhật, [ngày;
Vì chồng hà-lạm nghĩ sâu thay !*

Đề xong rồi lại đi chơi, để xem nữ-giới mọi nơi cho đủ lẽ. Nhân thăm nữ-giới thôn-quê, lại xem nữ-giới phồn-huê thế nào. Khi đến chốn phồn-huê mà nhìn ngắm, nào kẻ gọi là me tây, nào người gọi là thím khách, nào kẻ gọi là bà tham, bà đốc, nào người gọi là cô ký, cô thông, nào kẻ gọi là

mợ giáo mợ phán, nào kẻ gọi là di bấp di bồi, nào kẻ gọi là con kia con nọ, nào người gọi là dĩ dạc dĩ dài, còn những bậc gọi là mẹ giàu, hầu bợm, ả hát, con tuồng, và các tên xưng-hô không thể biết đầu mà tính hết, trông ra toàn là tóc mượn đuôi gà, mắt hình mắt vọ, mặt pha phấn sáp, mình đơm nước hoa, chân đi giày đế chiên, tay đeo vòng vàng bạc, áo hàng tây hàng tàu năm bảy mùi, ăn cơm tây cơm khách hàng trăm món, và là xe điện chen vai, xe hơi xát bánh, đèn máy buồng thuê, tiệc mời rạp hát, nhìn xem thực là hoa mắt, nghe qua thực cũng vang tai, cách tư-tưởng thì toàn là tiền quan Tây này về, lại hoan-ngheh quan Tây khác đến, chán chú Khách này lại lạc-tòng với chú Khách kia, thậm có kẻ tối nay ông hai mà tối mai ông một, có kẻ trông canh một thầy kỹ mà trông canh hai cậu bồi, lấy ai chim chuột được nhiều, ấy là phong-lưu nhân-vật, quyến được yên anh vô-số, ấy là tao-tế kỳ-duyên, cách hành-dộng chỉ lấy đánh bạc đánh bài làm tiêu-khiển, cách nhân-cư chỉ lấy dâm-thư tình-sử làm thích-quan, còn các chuyện hoàn-cầu nữ-hào-kiệt thì không lưu-tâm, còn các chuyện tồ-quốc nữ-anh-hùng cũng không chú-ý. Đương lúc hội-dâm, chợt thấy có tôi lại, đồng-thanh hỏi rằng : — Á kia tự phương nào lại, đáng muốn cùng vào hội với chúng tôi chăng ?

Tôi thưa rằng : — Tôi với các bà các cô cùng là người hội quốc-dân Nam-Việt, mục-kim tôi xem thấy báo Nhật-bản tân-văn có nói : Nước Nhật-bản có ba bà phu-nhân, cầm thực-quyền ngoại-giao ở trong thế-giới : 1^o Bà Tỉnh-thương-thăng-chi-trợ là phu-nhân quan Công-sứ nước Đức ; 2^o Bà Đạo-viên-mãn-thứ-lương là phu-nhân quan Công-sứ ở Xiêm-la ; 3^o Bà Nội-diễn-khang-tái là phu-nhân quan Công-sứ ở Chi-na. Than ôi ! Nữ-

lưu bên Nhật-bản cứ gì có ba bà ấy thôi, hiện-kim cũng còn nhiều bậc như thế nữa. Lại xem Pháp-lan-tắc truyện-ký có chép rằng : Nước Pháp có ba bà vũ-kiệt, làm cho dân-tộc nước Pháp nổi tiếng hùng-phong ở trên địa-cầu : 1^o Bà Mã-lợi-nùng là phu-nhân ông La-lan ; 2^o Bà Nhã-an-đạt-khắc là thiếu-nữ ở thôn Da-mộc-liệt-mĩ ; 3^o Bà Gia-sắc-hân là Hoàng-hậu ông Nã-phá-luân. Thôi ôi ! nữ-lưu bên nước Pháp cứ gì có ba bà ấy thôi, hiện-kim cũng còn nhiều bậc như thế nữa. Ở bên Nga thì có bà Gia-tha-lân, bà Tô-phi-á, ở bên Đức có bà Mã-lợi, ở bên Anh có bà Duy-da-lợi-á, ở bên Trung-hoa có bà Thu-cận, ở bên Cao-ly có bà Lý nữ-sĩ, còn các bậc khác không nghiên bút nào mà tả cho hết được, nói tóm lại, đều là dem thân bồ-liều mà thử việc tang-bồng, làm cho Tồ-quốc lừng danh ở trên thế-giới, đối cùng tu-mĩ, sửa màu son phấn, làm cho nữ-lưu hiền giá ở trong hoàn-cầu, sự đó đều là đàn bà trẻ-con bên Mỹ, bên Âu, bên Nhật, bên Tàu đều cùng biết cả, không phải tôi nói biện-thuyết ra đâu ! Thế mà các bà các cô nay chỉ lấy ăn chơi làm tính-mệnh, lấy tưng-dục làm sinh-nhai, một đêm hết hàng năm bảy chục, một tháng bài lá hết hàng đôi ba trăm, thông các bậc nữ-giới phồn-hoa mà tính, hàng giờ, hàng phút, hàng ngày, hàng đêm, hàng năm, hàng tháng, phí bao nhiêu huyết-hãn vào chốn không dùng, vất bao nhiêu kim-tiền vào nơi vô-ích, dân túng nước nghèo không biết cứu, làng siêu hộ tán chẳng hay cưu, đối với xã-hội nhân-quần, thực là không ảnh-hưởng, thế mà lại rủ tôi vào cùng hội cùng thuyền để làm chi. Ôi ! loài chim kia sửa tổ từ khi chưa gió, loài sâu kia đào hang từ lúc chưa mưa, là phỏng khi mưa gió bất-kỳ, thế mà các bà các cô nay chỉ mưu khoái-lạc nhất-thị, không biết mưu-dồ vĩnh-viễn,

thử vất tay lên trán mà nghĩ xem, đối với lịch-sử hoàn-cầu nữ-kiệt có biết thẹn không? Đối với truyện-ký tổ-quốc nữ-anh-hùng có biết xấu-hổ hay không? Hay còn giấc điệp mơ-hồ, mãi vui rập hát với chè ô-long, hay còn gối phượng long-đong, ở trên bồng gác với trong quân bài, hay còn giả điếc giả ngây, mặc ai ai nói ai cười mặc ai, hay còn vui thú chơi bời, xe tay chạy dạo xe hơi chạy trần. Trông gương tướng đẹp tướng giòn, sau trăm năm nữa có còn được thế hay không? Mấy lời tôi nói chiết-trung, chắc là hẳn cũng mất lòng chị em, nhưng tôi không nói cho các chị em, đàn bà các nước không thêm nói chi, để cho mình ám mình si, để người ta đứng cạnh cười khi mà xem, tôi nay nói thực cho các chị em, dám xin đừng giận đừng đem lòng hiềm, vì cùng là gái phương Nam, điều hay cùng khuyến điều lành cùng răn.

Tôi nói đến đây, có một bà lão-phụ trong chốn phồn-hoa, dễ-dàng thư-thả mà trả lời rằng: — Thiếu-nữ thực là tường bệnh-căn của nữ-giới ở thị-thành, mà nói những câu như vậy, thực là một liều thuốc chữa cho nữ-giới ở thị-thành, các chị em nghe lấy đấy! các chị em nghe lấy đấy! — Nhân mời nước dưa trầu, cùng nhau trò chuyện. Tôi nhân thảo một luật thơ để khích-khuyến rằng:

*Này xem nữ-giới ở đông tây,
Lịch-sử vang truyền cũng lạ thay!
Nữ-giới Nam-phương nay được thế,
Chắc là ảnh-hưởng khắp đời nay.*

Các nữ-giới trong chốn phồn-hoa đều hỏi qua rồi, nhân lại hỏi thăm dấu nữ-hào-kiệt nữ-anh-hùng ở nơi cỗi-tích. Khi đi đến huyện Yên-lăng tỉnh Phúc-yên, tức là đất Mi-linh trước, đường trường lẽo đẽo, chợt trông thấy hai người đàn-bà cưỡi ngựa đi trên mây.

Mới biết là linh-thần hai bà Trưng hiển-biện, bèn tới gần chấp tay vái mà nói rằng: — Kính lạy hai vị đại-nữ-anh-hùng. — Hai bà mới dừng ngựa mà hỏi rằng: — Thiếu-nữ đi đâu đây? — Tôi thưa rằng: — Em mộ tiếng hai đại-nữ-anh-hùng nên phải tới đây. — Hai bà bèn rủ vào chốn cổ-đô, tức là nơi chính-diện, nhân cùng nói chuyện, rồi hai bà bảo rằng: — Các nữ-giới trong đồng-bào ta lại mộ-bái đây, kể có hàng nghìn hàng vạn, nhưng toàn là cầu sống lâu giàu bền, cầu con khôn chồng đẹp, cầu cửa rộng nhà cao... xét ra chỉ khu-khu cầu lợi-lạc một mình... hai chị em ta càng lấy làm chán nản, mà thương cho nữ-giới nước ta, thần-thường trông núi Tản sông Lô, mà ngậm-ngùi than-thở. Nay thiếu-nữ lại chơi ta xem cũng có tám kỳ-đảo anh-hùng, sùng-bái anh-hùng, ta nhân đem đề nói chuyện làm vui, và ta lại có mấy lời gửi thiếu-nữ đề về khuyên nữ-giới đồng-bang ta như sau này:

*Này các em. này các em,
Phải nên giữ giống phương Nam đấy
Chúng ta nguyên vốn vàng da, [mà.
Ở miền Quế Tương giống nhà Tiên
Quần-thoa nên có tốt lông, [Long.
Làm cho tổ-diêm non sông mới là.
Như là gấm lại thêm hoa,
Đề cho không phụ gái nhà Việt-Nam.
Xin đừng nguyệt đầm hoa đầm,
Nay vui quán Sở mai vui lầu Tần.
Làm cho nhục thề quốc-dân,
Làm cho cái giá hồng-quần nhẹ-nhem.
Khuyến các em, khuyến các em,
Chớ như câu chuyện năm nem ba đồng.
Hội này là hội tây đông.
Sao cho nòi tiếng con tông cháu nhà...*

Hai bà Trưng nói đến đây, rồi bảo tôi rằng: — Biện vào vạt áo đem về khuyên bạn quần-thoa, đêm ngày phải nhớ đừng quên câu nào.

Tôi nhân bái-linh trở về, trông thấy hai bà lại cưỡi mây đi.

Sau đây lại tự Yên-lãng Phúc-yên đi vào trong rừng Thanh-hóa, đây xưa gọi là Sơn-trung thuộc quận Cửu-chân, thấy có một bà lững-thững cưỡi voi cầm cờ, đứng-dĩnh ở trong quãng cỏ cây sầm-uất...

Tôi biết là linh-thần bà Triệu hiển-hiện, mới tới gần chắp tay vái mà nói rằng : — Kính lạy nữ-hào-kiệt.

Bà bèn đứng voi lại hỏi rằng : — Thiếu-nữ kia đi đâu, có việc gì mà hỏi ta đây ?

Tôi thưa rằng : — Em mộ tiếng nữ-hào-kiệt mà phải tới đây. — Bà mới rủ về nơi miếu-vũ, tức là chốn cố-dinh, nhân cùng nói chuyện rồi bà bảo rằng : — Các nữ-giới đồng-bào lại mộ bái đây, kẻ có hàng trăm hàng nghìn, nhưng toàn là cầu công-danh hiển - đạt, cầu phu-quí phụ-vinh, tử-tôn hưng-thịnh... nay thiếu-nữ lại chơi, ta xem cũng có tâm-sùng bái hào-kiệt, kỳ-đạo hào-kiệt, ta nhân đem đề nói chuyện giải buồn, và ta lại có mấy lời gửi thiếu-nữ để khuyên nữ-giới đồng-chúng ta như sau này :

Này các em, này các em,
Phải nên yêu lấy nước Nam đó mà.
Sơn-hà trời định phận ra,
Ở về Ấn-độ Chi-na rõ-ràng.
Phải nên khảo-cử cho tòng,
Mà đem sơn phấn diêm-trang cho mầu.
Như là lụa dệt gấm thêu,

Đề cho rõ về mi-miêu Nam-phương.
Xin đừng học thói qua tòng,
Không còn liêm-sĩ cường-thường gì đâu.
Kìa phường trên Bộc trong Dâu,
Những con người ấy ai cầu làm chi.
Chớ như ăn xồi ở thì,
Mà thêm tiếng bắc tiếng chi cùng nhau.
Hội này là hội hoàn-cầu,
Xem ra lắm gái dệt màu tài-hoa...

Bà Triệu nội đến đây rồi bảo tôi rằng : — Đề vào trong bụng đem về khuyên bạn kim cửu đêm ngày thường giữ mà đừng bỏ mất.

Tôi nhân bái lĩnh trở về, trông thấy bà lại cưỡi voi đi, tôi nhân trông theo mà ngâm câu rằng :

Trèo nên đỉnh núi mà coi,
Thấy bà Quân-tượng cưỡi voi cầm cờ.
Cách nhau kẻ khoảng nghìn xưa,
Tình cờ sao khéo bây giờ gặp đây.
Tôi đi đến quãng đó sức giật mình đây.

Trông ra non nước vật-vờ,
Rõ-ràng mở mắt còn ngờ chiêm-bao.
Nhìn xem loài sắp lặn sao,
Trấn-cung đã sắp mọc cao mặt trời.
Bút nghiên nhân chép mọi lời,
Gọi là một giấc đêm dài chiêm-bao.
Gió Nam mượn tiếng thanh-cao,
Xa đưa nữ-giới đồng-bào cùng nghe !

NGUYỄN THẾ-XUÔNG



HỒ CÁI GIÀ

(Nhật-ký sợ vợ)

TỰA

Vợ sao mà phải sợ ? Mắt phượng long-lanh, miệng hoa chum-chím, rõ-ràng vẻ đẹp thiên-nhiên ; tiếng oanh tho-thẻ, hương sạ ngọt-ngào, đầm-ấm mỗi tình ân-ái ; khuê-phòng kết-ngãi, hơn thú vẽ mây, đôi lứa đa-tình, nặng nguyên kết tóc ! Uyên-ương mặt nước khinh thường, bướm-bướm vành hoa tui then ! Tờ tờ mình mình, cười cười nói nói, khác chi hình bóng theo nhau, hết tựa keo sơn liền dính ; gió xuân lọt cửa, chùm hoa tình-đế nở tung, trắng dải đầu giường, kết mối đồng-tâm khăng-khil, sự vui thú đời người như vậy, tưởng còn gì hơn được nữa không ? Thế thì vợ ấy chẳng khác gì ngôi thánh dụng-tình, vị thần tư-ái, khiến cho tình ta vui-vẻ mà tình ta thỏa-thích vậy. Vậy thì ta mến-yêu đắm-thắm, chiều chuộng mặn-mà, còn lo không thích, việc gì mà lại sợ ru ! — Vợ thực đáng sợ thay ! mày nhăn chữ bát, vẻ non xa sát-khi mịt-mùng, mắt quắc sao tua, làn thu-thủy máu ghen sôi-nổi. Tiếng sư gầm thét, Trần Quý-Thường (1) không dám ngồi lỳ ; thế hồ bôn-chồn, Mã Dời-Phu (2) cũng đánh bó cánh ! Tình cho chuyển-nhất, phòng nghiêm đi sớm về khuya ; luật định vô-tư, cấm hẳn chèo tường chọc vách. Nhấp-nháy gái tơ xóm nọ, phạt nặng không tha ; say mê hoa liễu làng kia, gậy phang chẳng nề. Tự-do đáng thích, trai trẻ-trắng hồ được tự-do ; giải-phóng nên khoan, đồ ngóng lão đề cho giải-phóng. Anh-hùng cúi mặt, chớ cho lọt khỏi ngoài khuôn ; đôi lứa đồng-tâm, cốt phải theo trong khuê-giáo ; vợ thật đáng sợ lắm thay ! — Xem thế thì biết kẻ làm sách này cũng mặt tình như vậy. Nhấn-nhủ hoa tự-do, ấy là cái gương soi chung trong chốn khuê-môn đấy, chước mãi mà chơi !

Sợ vợ đề ở Tiểu-liễu-đường hạt Hà-dông.

Lời dịch-giả. — Đây là sổ chép hàng ngày của chàng Long-khẩu-sinh chép cái nóng-nổi lấy phải vợ là người tây-học không tinh, hiểu lầm hai chữ tự-do, không biết cái tinh-thần tự-do mà tự-do xằng, tự-do láo, làm tan nát cả cái gia-đình của chàng, ông Nhiễm-ông nhất được ở trong đồng sách nát, đem về san-nhuận và phê-bình câu thú-vị để làm gương cho đời soi chung.

Phàm những chỗ có cái dấu (...) viết chữ nghiêng đều là lời ông Nhiễm-ông phê cả.

Dịch-giả thấy truyện cũng lăm-lý, mà vẫn lại lỳ-kỳ, nên lược-dịch ra đây, hay hay dở, phải hay chẳng, độc-giả chư-tôn tự phán-đoán lấy.

Có một điều trong đám nữ-lưu ta gần nay cũng đã thấy ít nhiều cô nhớ-những quá-dáng, lăm chuyện thương-tâm, mà trong bọn tu-mi cũng có ít người nuông chiều quá đỗi, gậy tề về sau, mất cả môn-phong, hại lấy phong-hóa. Sợ thấy sương lo sắp thành nước đá, ấy là một tấm lòng áy-náy của kẻ dịch vậy.

Dịch-giả LAC-KHOÉ chí.

(1-2) Hai người này đều là người giỏi có tiếng mà sợ vợ cũng có tiếng ở đời xưa.

1 - Tuổi sự trăm năm.

(Ngày 18 tháng 5).

Xuân hết hạ sang, ngày dài dằng-dặc, nghỉ hè về nhà, thư-phòng vắng-vẽ, ngồi tựa cầu-lơn, nhìn ra trước sân kia, mấy khóm cây xanh biếc, rủ bóng tròn xoe, vài cây thạch-lựu, mấy bữa nọ đỏ như guồng lửa, mà bây giờ đã lá xanh rì, quả nức-nủ; đối cảnh sinh tình, tấm lòng chan-chứa, ngẫm nghĩ đời người trăm năm mấy chốc, có lẽ nào để uổng cái thi xuân xanh ru! Nghĩ như mình tuổi đã cập quan, mà cái thú khuê-phòng bấy còn chậm-chẽ. khi trước thấy mẹ nói chuyện con nhà di là Thu-Tần, kém tôi hai tuổi, vẫn định giam lấy cho tôi, hồi-tưởng lúc tôi còn đề trái đào, thường thường sang chơi nhà di, di xoa đầu tôi, hôn má tôi, có lúc lại cho quà cho bánh, lúc về lại cho các thứ đồ chơi. Thu-Tần với tôi thì cùng chơi đùa nghịch-ngợm, tôi vẫn gọi là em Tần kia mà... Tính em Tần rất là khiêm-hòa, tôi vẫn biết nhà di tôi hiền lành, sinh gái nhu-mi là lẽ tất-nhiên, đang lúc định-hôn, tôi chỉ mong cho sự chóng thành, suốt ngày giống tai để nghe tin-tức, ngờ đâu mẹ tôi nhẹ dạ, cả nghe những lời bàn nhảm, bảo rằng tôi là học trò phải lấy cô nữ-học-sinh mới vừa đôi phải lứa, Thu-Tần không thể sánh đôi được, vì thế nên sự mới không xong, sự ấy tôi lấy làm ăn-năn mãi, sau nghe thấy mẹ tôi đã định-hôn cho tôi lấy con gái ở cùng làng họ Vạn tên là Tĩnh-sư (Tên thật xứng với sự thực, chắc là của sản ở Hà-dông) học ở trường cao-dẳng, ai cũng khen là học trò có tài cao vậy. Mẹ tôi thường kể chuyện người mới nói rằng: Cô ấy sắc đẹp như nàng Tây-Thi (Nguyên-nhân thứ nhất), tài cao hơn cả Đạo-Uần (Nguyên-nhân thứ hai) nhà lại giàu có lắm (nguyên-nhân, thứ ba); bố ấy mất sớm, mẹ ấy yêu như

hòn ngọc trên tay (nguyên - nhân thứ tư), thường khoe là bậc nữ-liên-sĩ đó, (có bốn nguyên-nhân ấy, cứ lẽ thì nên yêu quý thật, nhưng vì sự yêu quý đó nên mới thành cái thói kiêu giông); con lấy nó, thật là phúc đẹp vô-cùng, sau này tiếng đàn giọng học, khiến cho cái nhà gianh vách nát này thêm vẻ phong-quang, thì thân già này từ đó cũng không lo gì nữa! (Ấy đó mới sinh lầm sự). Ôi! Lời mẹ nói thực ru? dối ru? nghĩ như thân anh học trò xác ở cái ngõ hẻm này, tu-tĩnh gì mà được đôi lứa quý-báu ấy, nếu có thật thế, thì dầu qui lạy dưới bóng hồng-quần cũng là sướng lòng (cũng khoan), mẹ tôi thật yêu con quá thật, Hôm qua nghe chuyện cái ngày làm lễ cưới dâu vào lúc lúa vàng hương ngát đó, tưởng-tượng thái-độ người ngọc, bóng dáng gái tài, chả mấy nổi nữa đã rành rành hiện-thân ở trên trường gấm đỏ hồng; êm-ái chuyện tình, ở trong màn the thắm ngất, gần chữ đồng-tâm, ngẫm câu giai-lão, sự khoái-lạc đời người tưởng không gì hơn nữa, tôi mơ-tưởng đến đây, bất-giác ngủ thiếp đi, nằm mơ thấy cái người mà trong ý tôi tưởng ấy, mặt hoa rờn-rờn, mày ngài phơn-phớt, miệng hoa chum-chím, ngón tay thon-thuôn, bàn chân nhỏ-nhắn, nét tình mặn-mà, dịu-dàng bước lại, trông thấy tôi, liếc mắt phượng nhìn má hồng gay đỏ, tôi thích quá bất-giác vỗ bàn nói rằng; Như mình thật là người đẹp nhất trên thế-gian, tôi sẽ làm nhà vàn gđề mình ở, nấu nước chăm đề mình tắm, cùng với mình cùng tới lúc bạc đầu, người ấy bỗng-nhiên biến-đổi nét mặt, mày ngài hóa ra mặt đỏ (mặt hoa rờn-rờn), miệng lớn như chậu máu (miệng hoa chum-chím), móng tay sắc như lưỡi câu (ngón tay thon-thuôn), lông đuôi như lông chim (bàn chân nhỏ-nhắn), mắt lồi-lồi như đèn ô-tô nhìn vào tôi (liếc mắt phượng nhìn), thật chẳng khác gì con hùm-tinh vậy. Tôi sợ tái mặt giật lùi lại,

họ đảo bước lại (*diu-dàng bước lại*), giờ cái bàn tay bằng cái phườn nắm chặt lấy tay tôi, (*hơi gần hương sạ*), đau buốt đến xương, tôi bất-giác kêu la ầm-ỹ, họ hốt-nhiên găm thét rằng (*tiếng oanh thỏ-thể dấy*): Như ta đây mới thực là người đẹp nhất trần-gian chứ, chàng sợ gì? Tôi gượng đáp rằng: Vì mình đẹp nhất nên tôi phải sợ (*hết thầy những người sợ vợ nên coi đó*). Người ấy hốt-nhiên cười nhạt như cú rúc (*má hồng gay đỏ*), tôi giạt mình tỉnh dậy, mồ-hôi toát ra, mắt mờ quay tit, nhìn bức tranh tổ-nữ treo ở trên tường còn mỉm cười liếc người, thần-chí mới hơi yên. Bấy giờ mặt trời đã gác núi, muôn loài lặng-im, sức thấy con đòi lại mới ăn cơm tối, dưới đèn chép chuyện, trong lòng còn bàng - hoàng không yên!

Lời phê-bình.—*Bởi mẹ tình thâm, đầy con bề khổ, thói đời như thế, đã mấy người thoát được tục-tình! Chu Bách-lư tiên-sinh bảo rằng: Lấy vợ cầu người nết-na, chớ có ham phần của-nả, nếu vợ nó có nhiều tiền, ấy là cây của hòm mình, nếu lại có tài lão một chút nữa, thì cái ác càng to mà nhà cửa không sao yên được, một tí gì cũng thấy trở-ngỡ, là vì đã nuôi thành tình kiêu lại buông thả quen nết vậy. Nước Tề là nước to, không thể sánh đôi được với gái nước Tề, chàng dễ chưa nghĩ tới chăng? Giấc mộng thư-phòng, biết bao ảo-cảnh, rõ-ràng người đẹp như tiên, mà vụt chốc biến ra hùm-tinh. Ôi! mỹ-nhân với hùm-tinh, vẫn là một mà hóa hai, hai mà vẫn là một, tiếc cho chàng chẳng nghe lời hiền ý ngay, để đến lúc ván đã đóng thuyền, hối sao kịp nữa!*

Nàng Thu-Tần vốn là người nết-na, tiếc cho mẹ chàng rẽ gần chuốc xa, mà cô ả Tỉnh-sur họ Vạn kia cùng với chàng Long-khâu-sinh chắc là năm trăm năm trước đã cùng một nhà chăng? Cuốn

sách này gọi là tái-thế thứ-ni cũng là phải lắm!

II. — Ngày lễ tơ hồng

(Ngày 30 tháng 8)

Giữa ngày đón dâu, khi trời rét lạ, hàn-thử-biểu sụt xuống đến năm độ, dẫu hơi thu lạnh lẽo, cũng chẳng bao giờ lạ đến thế, (*ấy là cái khi tức-sái oai-sur*). Minh mặc áo bông, còn run cầm-cắp (*nên mặc áo da sur*). Quá trưa, mưa sa gió táp, giọt nước vào cửa kính lách-tách như đánh dịp. Bấy giờ có dâu vừa tới, xe loan ướt sạch, mụ mỗi ướt lướt-thướt như gà sa ao (*coi cũng thú*), đội âm-nhạc thỗi không thành tiếng, chỉ tiếng tay rung trống, còn thấy tiếng rinh-rinh hoài, vì rằng khi rét vào người, tay không cần phải dùng sức, mà sức run này-này, tự-nhiên trống cứ kêu hoài (*nghe cũng thú*), hòm siêng trang-sức, bùn đất lấm bèm, (*đáng tiếc*). Vả lại lúc đi qua cầu gỗ giữa đường, một thằng phu kiệu chượt chân, xuyt nữa làm có dàu dăm nhào xuống hồ, (*nguy thay*). Tôi đi đón dâu về, lòng run rẩy mãi, đến lúc tới nhà trên, đuốc hồng sáng quắc, vợ chồng giao-bái, có dâu người óng-chuốt mà dong-dỏng cao, tôi dòm nét mặt hình như có dáng bất-bình, lúc giao-bái, mụ mỗi cố ép mới chịu lạy; lễ xong, tôi - đòi xúm - xít đưa vào động - phòng. Mùi thơm sức - nức, không ngờ có dâu vừa ngồi xuống giường hồng khóc òa lên, dứt phăng cái mạng che mặt xuống như là xé lụa, quăng cái kính xuống tan tành từng mảnh, thét lũ tôi-dòi rằng: Chao ôi! ta ra đời hai mươi năm trời nay, có phải khuất-tất với ai bao giờ đâu, mà hôm nay sa vào cái gia-đình chuyên-chế này, phải muối mặt mà chịu đầy-dọa ta vào hàng chó ngựa, còn gì nhớ-nhuốc hờn không, ai là người nhin cho được. (*Phu-nhân ngôn-luận lần thứ nhất, oai sur đáng sợ thật!*) Chúng bay

gọi người giới-thiệu lại đây cho ta, ta tự-khắc có cách đối-phó. — Lũ tôi đòi lật-dật lui ra, giầy lát, một mũ già áo vải quần sồi, mon-men cái chân cẳng cà vào, rụt-rè không dám tới gần, vén tay áo chúc câu vạn-phúc. (*Người giới-thiệu lại như thế à?*) Cô dâu quát to lên rằng : Làm sao không tuân lời ước của ta, cái quyền tự-do của ta hôm nay, bị mày bóc lột hết sạch rồi đấy. Mày tự nghĩ xem, trước kia đã nói rõ sự yêu-cầu của ta rằng phải làm phép cưới văn-minh, thế mà nay lại bắt ta làm chó ngựa, rạp đầu xuống đất, mặc người bông-phèng, (*lời nói câu nào cũng hợp đạo cả!*), cái tội mày làm ngộ-sự ta, thật là kẻ không biết dó. — Mụ già gãi đầu gãi tai, nhập-nhàn trả lời rằng : Vái trời lay đất, là lễ của ông Chu-công, (*mụ già nói cũng có điển-tích*), mợ còn trẻ-trung, chưa biết rõ lễ, già này là người tuổi-tác, có lẽ nào lại làm ngộ - sự của mợ ru ! — Cô dâu đỏ mặt tia tai mắng rằng : Đồ lẩn-cẩn ! ta bằng hỏi mày thế nào gọi là trời đất ? (*câu hỏi lạ lùng!*) lễ ông Chu-công định ở thiên nào ? những lễ-chế dã-man ấy, ở những nước dân-trí dã hơi khai - thông, ai cũng biết là không hợp - thời, thế mà mày lại còn kẻ dặng da bả cụ, không biết là lỗi ư ? Nói tóm lại nước Tàu sở dĩ không hay bỏ hết sự mê-tin, bóc lột hết thần-quyền, đều là vì lũ mày ma-mãnh, mở miệng trời đất, ngậm miệng cũng trời đất, nó làm ngang trở đó thôi ! (*thật là không trời không đất, tội quá tội quá!*) — Mụ già vội-vàng chấp tay niệm A-di-đà-phật luôn, cô dâu sì một cái bảo rằng : Cút ngay đi, đừng làm rác tai người ta nữa, để đến lúc ta về thăm nhà ta sẽ bảo cho mày hay. — Mụ già được lời, như tù được tha, đảo bước ra ngoài, miệng vẫn na-mô hoai. Một lát, khách-khứa đến mừng, xôn-xao chạt ních. Cô dâu cời lễ-phục ra, mặc áo lụa trắng, chân đi dầy trắng,

tay đeo xuyên kim-cương, nhấp-nhún lóa mắt, cò đeo hạt châu to như hạt đậu, thoạt trông phảng-phất như a Vần-quân mới góa. Bấy-giờ mắt tôi choáng đi, thần tôi mê đi, liếc nhìn mặt y như thực-được lồng mây, phù-dung ánh nước, thật khiến cho người nhìn mãi không chán, khách đến mừng đều khen là bạch-y-dại-sĩ, có người thì năn-nam rằng : Cô dâu mới, ăn mặc trắng thật là gở quá. Có người thì nói : Dễ là cô dâu đi bước thứ hai, nên không quên chồng cũ. Cô dâu nghe thấy, cười nhạt hèn-hếch rằng : Trong vùng dã-man sao lắm kẻ ngu-si nhảm-nhi như vậy, cút ngay đi, không rồi đừng trách mặt này tàn-tệ đó. Lũ khách nghe chẳng hiểu ra sao, tôi vội-vàng bảo họ đi ra. Bấy giờ tôi tuy chưa nói chuyện với cô dâu câu nào, nhưng lặng nghĩ tính cô dâu ngông-nghênh như thế, e rằng khó nổi bảo-ban, nhà mình cơ-nghiệp mong-manh, những lo đói rét, (*ấy là cái lo tâm-phúc đó*), nghĩ đến đây bất-giác cái lòng vui-vẻ hóa ra nhạt dần. Đang lúc tôi ngẫm nghĩ âm-thầm, bỗng nghe thấy cô dâu to tiếng bảo con hầu rằng : Ngồi mãi trong xó buồng này, thán-khí ngạt cả mũi, mở cửa mau, để ta ra sân, hút ít khí trời mới - mẻ. không thì não-cân bị hại hết. Nói đoạn dắt con hầu bước thẳng ra ngoài buồng, bấy giờ khách - khứa đang chén tạc chén thù, nhác thấy thế lặng yên tất cả, mắt nhìn chòng - chọc cả vào cô ả áo trắng, có người không biết giạt mình hỏi : gái góa nhà nào mà đẹp như tiên vậy ? Kể biết chuyện vội-vàng xưa tay bảo im. Xem cô dâu đi tới giữa sân, tập uốn chân tay năm phút, xong lại làm phép hô - hấp, (*như thế mới có khí-tượng mới chứ*), một chốc lại tập chạy đến ba phút đồng-hồ, áo-quần phấp-phới, như cô Hằng mùa, khách-khứa người nào cũng mờ cả mắt. Chưa mấy chốc cô dâu đã mệt lử thở dốc-dác, dắt con hầu đi vào

buồng, tôi cũng theo vào, bất-giác cũng phì buồn cười, lòng riêng nghĩ mình cũng là người trong học-giới, chưa thấy có ai cử-dộng mặt dày như vậy! Giấy lát đi tôi cùng Thu-Tần tới, mắt cứ nhìn vào cô dâu chòng-chọc. Thu-Tần ăn mặc suềnh-soàng, mà cái vẻ tươi-tắn vẫn còn như trước, hốt-nhiên ghé vào nói thầm với tôi rằng: Mới rồi khách-khứa nhào-nhào nghị-luận rằng cô dâu dở hơi, anh nghĩ thế nào? Tôi sợ nó nghe thấy lại sinh lời-thối, vội luôm mắt bảo thôi. Thu-Tần biết ý vội dắt đi tôi đi ra, một tí, một thằng bé ngộ-nghịch hốt-nhiên vào nhầy-nhót hoài, gọi các bạn bé bảo rằng: Mau mau ra xem cô dâu dở hơi.—Con hầu nghe tiếng sợ tái mặt, tôi vội-vàng đứng dậy đuổi thằng bé nghịch ra, cô dâu biết chuyện bảo con hầu rằng: Lạ thay! ta có dở hơi bao giờ, dễ thường mới rồi chúng nó thấy ta tập thể-thao, cho là lạ-lùng, nên bảo ta là dở hơi chẳng? ta thật không hiểu ra sao. Ôi, thân-thể tự-do, cha mẹ sinh ra ta, cũng còn không can-thiệp được, thế mà nay lại bị những quân ngu-phu tục-tử này chế-nhạo ư? Lúc nói nét mặt giọng nói đều ra ý gay gắt dữ, (oai sư đáng sợ thật), con hầu khuyên giải mãi cô dâu mới nguôi nguôi dần, (lúc bấy giờ mới là chỗ anh-thư dùng võ chứ!). Tôi đứng bên nghĩ bụng cô dâu nóng nảy như vậy, thân mình mồn-mọn thế này đương nổi miệng sư sao được, nếu không toan tính được cách giá-ngự, tất không sao thoát được, (p. ải mau mau đi cầu Không-minh tiên-sinh mới được), ta nghe cũng thì phải mềm mại trị, hăng thử nghiệm xem, chắc các loài người ở cõi đời không loài nào là không có thể hóa được, (đàn bà khó hóa thánh-nhân còn chịu kia mà!) Chủ-ý chút định, mới dời bước ra ngoài, tới đến nhà ngoài, khách-khứa đã về hết chỉ còn có bà dì và Thu-Tần còn ở lại đang chuyện trò

tít-tít ở trái tây với mẹ tôi, tôi bước vào ngay, đi tôi thấy tôi thốt-nhiên hỏi rằng: Cô dâu mới có cái gì khác người không? Tôi không dám nói hết lời chỉ thưa rằng: Mẹ nó tập quen cái tính kiêu giống nhà giàu, đã thành ra tự-nhiên rồi, lại bị cái tân-học mập-mờ nó làm lầm, coi khinh cả mọi loài, (dịch trúng bệnh sư), nhưng tôi đã có cách giá-ngự phải phép cũng không lo gì vậy. (Chỉ sợ nói hão, kết cùng thành lo to thôi). Đi tôi bảo rằng: Cháu đã có phép giá-ngự, thì chúng ta được ngủ yên không lo gì! Mẹ tôi nghe cũng phì cười. Bấy giờ đã tới nửa đêm, trong nhà chả còn ai, bọn dì tôi ra ý mỗi-một mới giục tôi vào buồng và bọn họ cũng vào trong yên nghĩ. Tôi lững-thững qua trái tây, tới nhà giữa, vắng chả có ai, đến đồng-phòng thấy hai cánh cửa đóng chặt, (cô dâu giữ chặt cái chủ-nghĩa bế-quan), tôi thành ra anh chàng ngoài đồng vậy, lấy tay gõ cửa, lặng ngắt như tờ, đứng chờ ít lâu, gió thu lùa vào khe cửa sồ tiếng kêu vo-ve, hình như giúp tôi mà than-thở ở ngoài cửa! (Tiếc thay một khắc nghìn vàng). Một chốc thấy đồng-hồ trên vách đánh boong-boong hai tiếng, mình tôi rét run cầm-cắp, bất-đắc-dĩ vỗ cửa mạnh ba cái, cũng chả thấy ai ứng cả, một mình mới ngẫm-nghĩ dễ hôm nay cô dâu cũng bất-chước sự nằng Tò tiều-tiều đánh đổ cậu Tân Học-sĩ chẳng? Nếu như vậy, chắc đầu bài cũng sắp ra bây giờ, dễ không biết học-trò ứng-thi đứng đợi dưới cửa viên-môn đã lâu lắm rồi ư! Lại một lát nữa, thân-thể mỗi-một không thể chịu được, mới dựa mình vào tường đứng, sự nghe thấy tiếng giầy lép-kẹp ở trong buồng đi ra, tinh-thần tôi bỗng nhiên thấy phấn-chấn một chút, nhưng vẫn chưa thấy mở cửa ngay, (bà chủ khảo còn đắm mực quấy bút). Lâu ước chừng tới ba phút đồng-hồ, mới thấy dút một mảnh giấy ở khe cửa ra, tôi mừng quá như bắt được đờ rất báu,

cầm ra nhà giữa, vắn đèn lên xem, té ra là một dòng chữ ngòong-ngòeo viết bằng bút sắt mực đỏ, (kỳ-vấn), tôi phẩn-chấn tinh-thần, vận-dụng não-cân, ước chừng lâu tới ba mươi phút đồng-hồ mới tóm tắt dịch được đại-ý có ba mươi mốt chữ rằng : « Tối nay mỗi-một, hăng đợi đêm mai, điều-kiện đề ra, ở ngay trong kỳ chưa cưới, thứ cho cái lỗi không mời, xin đừng xâm-phạm quyền tự-do. » Dưới ký tên là Tĩnh-sư (Sự kỳ thay ! phu-nhân tỉnh thức, ông chồng phải ngủ kia mà !). Bấy giờ tôi hết sự hi-vọng, một lòng sốt-sắng, quăng hết cả ra ngoài bệ Bắc-băng-dương, như thằng tù bị sử gục đầu nín hơi, nằm phục xuống ghế, bóng đèn thăm-dạm, đêm tối mịt-mù, cảnh nào cũng là cảnh đáng, thương hết thảy, vừa mới chợp mắt, mặt trời đã rạng đông...

III — Định điều luật mới

(Ngày 1 tháng chín)

Mặt trời dọi bóng, sắc vàng phơn-phót, sáng dậy tôi ăn một ít diêm-tâm, thấy thần-kinh bàng-hoàng, mới vào trong phòng mẹ tôi, đề cả áo ngủ, đến trưa, mẹ tôi vào đánh thức tôi dậy, tôi nhìn mặt mẹ tôi hình như có ngần nước mắt. Mẹ tôi hỏi tôi rằng : Đêm qua con không ngủ được à ? — Tôi hàm-hồ thưa lại, (hàm-hồ cũng bợm), đi ra nhà giữa, thấy cỗ bàn đã dọn chỉnh-tề, một mâm khách đàn ông, một mâm khách đàn bà, đi tới và Thu-Tần đều vào đóng cổ cả, chỉ còn thiếu một chỗ ngồi đầu mâm, nên chưa ai cầm đũa, tôi biết là còn chờ cô dâu, (lưu tâm luôn luôn). Khách đàn ông thì đã cùng cầm đũa cả, còn thiếu một chỗ ngồi, tôi liền vào ngay, bỗng thấy con hầu ở buồng trong ra, nhưng không thấy cô dâu, (cô dâu còn giới-nghiêm chưa ra), con hầu thưa rằng : Xin các cụ cứ xơi cơm trước, bà tôi xin ăn cơm ở nhà trong. Bọn đi tới mới lần-

ngần cầm đũa, con hầu lại gọi nhà bếp rằng : Bưng mâm cơm vào, phu-nhân đói ngấu rồi đây. Nhà bếp tức-thì bưng mâm cỗ thật to vào, lòng tôi mới yên. (Nó là nó, ta là ta, tiên-sinh việc gì mà lo làm vậy !) Bỗng chốc thấy trong nhà có tiếng đập mâm bát soang-soảng, khách-khứa đều buông bát đũa ngồi nhòm dậy lật-dật hỏi cái gì thế, tôi vội-vàng xin vô-phép bỏ ăn đảo bước vào nhà trong, đến gần cửa buồng, quanh-co không dám bước vào vội, (sắp vào cửa sao không thức ngựa lên) ; sực thấy cô dâu găm hết như sấm, (Sự găm đáng sợ thật), sai con hầu gọi nhà bếp vào, con hầu sắp ra tôi vội-vàng nép vào sau cánh cửa, (chứ rề hóa ra quán-sư cách chức nép xó cửa), con hầu cùng nhà bếp vào, tôi kê tai vào vách nghe thấy cô dâu quát to rằng : Đồ chết dẫm ! ta thường mang một tấm lòng coi lũ mây bình-dẳng, mà lũ mây không thề sao thương được ! Có lẽ nào đi làm nhà bếp cho người ta mà lại không mang cả hai con người lại không ? (Sự kỳ vấn kỳ). Mới rồi mây mang bốn món ăn vào, không một món nào là ăn được cả, chả nướng thì đề cháy hết mỡ (một tội) ; hải-sâm đầy những cát vơi sỏi (hai tội) ; gà hầm chưa dừ (ba tội) ; trong canh cá sộp có cánh, chân ruồi (bốn tội) ; đều là thứ hại vệ-sinh, khó tiêu-hóa, ta đã vứt hết đi, mà ruồi bầy còn kia, để mây không có mặt ư ? (Ấn rõ như núi, còn cãi sao được). Không những có thế mà thôi đâu, cơm thối răn lẫn như viên sắt, dạ dày yếu ăn phải tất sinh ra bệnh ở dạ dày, để mây tuy làm nhà bếp mà thừa bé chưa học phép nấu-nướng phải không ? (Để chờ nó vầy màn học lấy mười năm rồi nó làm cơm cho phu-nhân). — Nhà bếp là một cụ già nhà quê nghễnh-ngãng, (có khác gì đàn gảy lai trâu), nghe cô dâu nói, ngo-ngác chả hiểu là nghĩa gì, ngập-ngừng trả lời rằng : Việc vui mừng nhà mợ, việc cổ

bàn là tay anh bếp mổ làm cả, nay anh ta về rồi, già này bắt-quá chỉ bưng cơm rót nước hộ mà thôi, (là người giúp hộ; tội-tịch tuy có thực, nhưng không chịu trách-nhiệm), để phu-nhân hiềm nổi nấu canh không ngon có phải không? sự đó không có can-hệ gì đến già này (tội trạng cãi luật). Cô dâu ngoẻo đầu nín hơi nói: Nếu thế thì nên trị tội thằng coi việc củi nước, (hãng sử án khuyết-tịch đi), còn mày thì rút ra ngay đi, hời-hám xông vào người ta, đến mười ngày cũng không sạch được, trên tay áo mày có hăng-hà sa-sổ vì-trùng kia kia, đi mau! đi mau! —Tôi nghe nói cũng phải cười thầm, muốn vào buồng lại thôi, vừa gặp con hầu mang những canh thừa bát vỡ ra, thấy tôi có sắc mặt thẹn, muốn nói lại thôi, rồi đi thẳng vào trong bếp ngay, tôi nhân lúc không có ai, đánh bạo vào trong buồng (chú rề gan to!); cô dâu đang ngồi trên ghế tre, thấy vào vội-vàng đứng dậy, khúm-núm vái tôi một cái, rồi lại chia cái tay nồn như búp măng ra bắt tay tôi và để lên miệng hôn, (mồm sư đáng sợ!) tôi cuống cả chân tay, giá nó không nắm chặt tay tôi thì tôi cũng đến ngã lẩn beo! Vừa bắt tay xong, cô dâu ra dáng bắt-chước thói con gái, kéo vạt áo che miệng, nét thu-ba ròn-rợn, liếc tôi một cái, ra vẻ yêu đang vô-hạn, một cái liếc này, thật là có cái giá nghìn vàng khó chuộc vậy. Vợ tôi giương mắt nhìn cái ghế tre, ra ý bảo tôi ngồi (mời chú rề ngồi). Tôi cũng giơ tay mời cùng ngồi (mời có dâu ngồi), hai người ngồi ngang vai nhau, sự thấy vợ tôi thò tay vào túi, móc cái ví da ra, mở cửa gài ví da, rút cái danh-thiếp ra đưa cho tôi (Sự kỳ thay! không phiền chú rề kẻ họ kẻ tên, ấy tức là chỗ cô dâu thề-thiếp chú rề đó), tôi tiếp lấy danh-thiếp, muốn tặng trả lại mà không có sẵn (bất-tất phải làm khách.) Khẽ bảo vợ tôi rằng:

Tên họ bỉ-nhân, chắc nữ-sĩ cũng đã biết rồi, bây giờ tôi chưa sẵn có danh-thiếp ở đây, xin nữ-sĩ thứ cho. Vợ tôi nói: Chàng bất-tất phải làm khách làm gì. Tôi nhìn danh-thiếp dòng thứ nhất đề là: Học-trò tốt-nghiệp trường cao-dẳng nữ-học (một chức); hội-viên hội nữ-tử tham-chính đồng-minh (hai chức); thầy chỉ-dẫn trảng nữ-tử thề-dục (ba chức); thầy giáo chấm thi trảng chấn-hưng nữ-học (bốn chức); ở giữa có ba chữ lớn: «Vạn Phu-Hùng»; (chữ nào cũng như tiếng vàng tiếng ngọc ném xuống đất kêu vàng); ở bên có một dòng chữ nhỏ rằng: Tỉnh-sư ở huyện mỡ tỉnh Giang-tô, (danh-thiếp tí teo, đã có oai-phong lắm liệ). Vợ tôi hỏi tôi rằng: Chàng có tốt-nghiệp ở trảng Trung-học mỡ phải không? Tôi đáp rằng: Vừa mới tốt-nghiệp (đáng mừng). Tên chàng vào hạng ưu phải không? Tôi nói rằng: phải (đắc-ý). Chàng ở trường có được thưởng gì không? Tôi đáp rằng: Không (thất-ý). Vợ tôi đứng phắt dậy nói to rằng: Chàng ngày thường có biết tôi là học-trò có tiếng trảng cao-dẳng không? Có biết tôi được cờ ưu-thắng cuộc chạy thi ba trăm thước hội khẩn-thân ở năm nọ không? Có biết tôi được mền-day bạc thưởng cuộc thi ngựa nhảy cao tám thước Anh của hội vận-dộng ở năm mới rồi không? (Sự-tử biết chạy biết nhảy, thật là siêu-việt hơn mọi loài). Tôi nói: Cũng nghe thấy mang-máng. (Trả lời khéo thật, dịu-dàng mà có ý chê bai). Vợ tôi thích quá, cơ-hở phát điên, gọi tôi-dòi vang như chuông, con hầu vào, sai mở va-li, lấy gói si-gô ra đưa con hầu một điếu, còn tự hút một điếu, con hầu châm lửa đưa cho tôi, luồng khói xông vào mặt mắt, nước mắt nước mũi ràn-rụa ra. Vợ tôi nói: Chàng không hay hút thuốc phải không? Thuốc hại óc, khi trước tôi ở nhà trường cũng không hút bao giờ, sau này ở nhà, cùng các chị em đi

chơi, bảo rằng phải có cái ấy ngậm vào miệng làm đồ trang-sức, không thể thiếu được, lâu ngày thành ra nghiện nặng, mỗi buổi sáng không có hai bao si-gà là không chịu được. — Lúc nói vừa hút vừa thở, y như người mĩ-nhân đứng trong mây mù, càng thêm vẻ đẹp, trong lòng tôi tuy ghét vợ tôi tập quen thái-quá, song miệng thì lại phải su-phụng rằng: Minh thích cái đó, nên cho người ra chợ mua một gói để phòng lúc thiếu dùng. — Chưa mấy chốc, trời đã xế chiều, tôi ra ngoài dẫn nhà bếp làm cơm đem lên, tôi ra nhà giữa tùy ý ăn uống, cơm xong đi tôi và khách đàn bà đều lần lượt từ-tạ trở về, lại đình-ninh dặn tôi rằng: «Tôi trộm xét có dấu quen thói kiêu giông, kiết-ngạo khó bảo, công-tử phải giá-ngự cho khéo, không thì suốt đời nép dưới bóng quần - hồng, không có ngày nào dương oai được đó.» Tôi vàng lời, bấy giờ đã mờ-mờ tối, sự nghĩ đến cái khổ-hưởng làm khách ngoài cửa đêm hôm qua, vội từ mẹ già, đảo bước vào buồng, vợ tôi đang chải-chuốt lối chiều, thấy tôi vào lại chia tay ra bắt, thể-thái vui hòa, bảo tôi ngồi xuống, tôi rụt-rè bất-an, ngồi lên ghế tréo hình như có gai góc gì. Một lát vợ tôi trang-sức xong, áo ngắn tay nịt, y như con vũ-dân trong nhà hát tuồng, ngồi chễm-chệ nói chuyện với tôi. Vợ tôi nói: «Từ nay trở đi, tôi với chàng cùng nên vợ nên chồng, vợ chồng là nghĩa ngang hàng, cứ lẽ không có phân ra trên dưới gì, nhưng xã-hội nước ta còn có một sự rất là bất-bình từ mấy nghìn năm tới nay, tức là cái thuyết quý trai khinh gái đấy. Chồng thường lấy cường-quyền áp-chế vợ, hi-sinh hết cả cái chức-quyền, dầy séo hết cả cái trời cho, coi như đồ chơi, nuôi như tôi-tờ, thế nào cũng phải chịu hết. Ôi! Trai gái cùng là loài đầu tròn chân vuông cả, chỉ khác nhau có một tí mà bất-bình

đến như thế a! Cho nên chúng tôi muốn ra tay cứu vớt, cho đạt tới cái mục-dịch trai gái bình-quyền, cần phải đem mình ra làm khuôn phép kiêu-chính ngay ở đầu giường mới được.» (Nghị-luận một hồi, quay về đầu bài.) Tôi nghe những câu nghị-luận mà run-rẩy cả người. Vợ tôi lại nói: «Thưa tôi còn bé, mẹ tôi yêu như ngọc báu trên tay, hỏi tôi rằng: Việc chồng con nghĩ sao? Tôi nhõ phi không thêm nghĩ tới. Đến lúc lớn, ra nhà trường học định giữ cái chủ-nghĩa « một mình », nay mẹ già bách mãi, (giả cách cao-thượng làm gì thế) sợ thương lòng mẹ thêm lo cho mẹ, bất-đắc-dĩ lấy chàng, xin cùng chàng đính ước, chàng nên theo trong phạm-vi của tôi, nghe lời chỉ bảo của tôi, tôn-trọng tự-do, gìn-giữ điều-ước, có thể thì rồi tôi mới nhận chàng là chồng, đính nguyên giai-lão. (Miệng hoa nói ra thân-thiết biết bao! bất-cứ sự gì, đều là trôi hết) Nếu không được thế, thì « không được tự-do, thà chết còn hơn. » Tôi không phải là kẻ hèn dốt như ai, quyết không có theo như thói cũ, chàng có theo không?» (Thủ-đoạn cương-bách). Tôi nói: Minh ơi, tôi đã là chồng mình, mình yêu-cầu gì, tôi lại chẳng nghe lời mình nói là phải cả đấy.» Vợ tôi nói: «Khi định-tình rồi, chàng phải gọi tôi là « Người yêu của ta » (điều thứ nhất), cung-cấp tiền nong cho tôi dùng (điều thứ hai); việc nhà tôi không phải chịu trách-nhiệm (điều thứ ba), nhưng có khi tôi cũng có quyền hỏi đến (điều thứ tư); không cho chàng giữ chủ-nghĩa lấy nhiều vợ (điều thứ năm); tôi làm sự gì, chàng không có quyền hỏi đến (điều thứ sáu); tôi có mệnh-lệnh gì, chàng phải theo ngay (điều thứ bảy); tôi trách tội chàng, chàng không có quyền cãi lại (điều thứ tám); quyền tự-do của chàng, tôi có thể bóc lột rõ-ràng (điều thứ chín); chàng có làm sự gì trái khuôn phép, tôi có thể bắt ngay ở đấy (điều thứ mười); tôi có cơ gì, có

thề làm-thời tuyên-cáo sự giới-nghiêm trong chốn chiếu chăn (*điều thứ mười một*); nhất-thiết những tục mê-tín trong gia-dinh phải bỏ hết sạch (*điều thứ mười hai*). Ấy những điều tôi kể ở trên, chàng không được vin cớ gì phản-đối ra ngoài phạm-vi, nếu sai ước, tôi sẽ dùng hình-phạt về thân-thể, hoặc giam cầm ở trong buồng (*hình-luật*); ý chàng thế nào? (*Nghĩ tình anh chồng cũng khó lắm thay!*) — Tôi nghe nói, bất-giác bật cười, nghĩ bụng dưới mé trang-dài, có tòa án nhỏ, thật cũng là một sự hay mới-mẽ trong chốn khuê-phòng; vội-vàng đứng dậy thưa rằng: « Điều-ước của phu-nhân, tôi xin tuân-thủ hết thảy. » Vợ tôi bỗng đứng cười bảo rằng: « Chàng cũng biết bên Tây tôn-trọng nữ-quyền hơn nước Tàu nhiều lắm chứ: rạp bát gặp khách sang, đàn bà hỏi chuyện, đàn ông không hề nói chi, hội hè vợ chồng dự cuộc, vợ tất ngồi bên tay phải, chức quyền đàn bà, tôn-sùng như thế, chàng đã tuân-thủ điều-ước của tôi, lại nên tôn-sùng nữ-quyền của tôi nữa. » Tôi vâng luôn. Vợ tôi nói: « Như thế là sự xong rồi » (*Tuyên luật-lệ xong*). Bấy giờ đã đến canh hai, đêm khuya lạnh-lẽo, khả-dĩ lên giường, (*nghiên-cứu vấn-đề chủng-tộc*), lòng tôi vui thú, hơi thên-thện, cõi áo đi ngủ, cái cảnh vui thú trong làng ôn-nhu, thật không sao tỏ cho người ngoài biết thấu được. Canh năm đang lúc tôi mơ-màng, bỗng-nhiên không thấy vợ tôi ở trên giường, sờ-soạng trong chăn, không thấy gì cả, sợ quá, đánh diêm dậy soi khắp cả bốn phía, không thấy tung-tích đâu; nhìn ra cửa buồng, then vẫn đóng nguyên, lấy làm lạ quá, đã toan kêu to, (*lạ-lùng*), sức nghênh đầu lên, thấy vợ tôi nằm phục ở đầu giường, (*lạ-lùng*), xua tay ra ý bảo tôi im, (*lạ-lùng*), tôi đứng đợi một tí, thấy trên đầu giường có tiếng đánh đập rất mạnh, *lạ-lùng! bắt giặc chăng, bắt trộm*

chăng?) Tôi lấy làm ngạc-nhiên, sẵn quần nằm tay, định nhảy lên giường đánh giúp, (*chả phiền đến tiên-sinh*), bỗng thấy vợ tôi nhảy bổ xuống, tay bắt được một con vật, (*lạ-lùng*), mắng tôi rằng: « Nhà này thật chẳng khác gì cái hang cầm-thú, (*hay tuyệt hay tuyệt*), chuột đàn suốt đêm kêu nhảy, làm người ta mất bao nhiêu hơi sức mới đánh chết được loài ác-vật ấy; (*sư-tử bắt voi dùng hết sức, bắt chuột cũng dùng hết sức*); anh mới ở trong giấc mê tỉnh dậy, dễ không sợ chúng dịch chuột truyền-nhiễm ư? Ta nghe ở tỉnh Mỗ đang dịch-hạch dữ, phải phòng bị cẩn-thận mới được. Người Tây sợ chuột như hổ, anh xem con vật mắt lờ lờ này có sợ không? » Tôi coi con chuột là vật thấy luôn, làm gì mà hãi-hùng như vậy, bất-giác phì cười ra. Vợ tôi lại gọi con hầu dậy bảo rằng: « Phải đem vút vào trong sông, để trọng lòng công-đức. » Con hầu cũng cười ngặt-ngheo. Bối-rối suốt đêm, dăng dăng đã rạng, vợ tôi bảo tôi rằng: « Tôi sắp ra sân tập thể-thao năm phút, luyện-tập gân xương, chàng có bắt-chước tôi đi không? » Tôi lấy làm khó chịu sẽ khuyên vợ tôi rằng: « Đứng, trời lạnh như thế, ngộ cảm-hàn thì sao? » Vợ tôi gắt lên rằng: « Thật à! đồ hèn dốt, anh có thấy ai vì tập thể-thao mà ốm bao giờ không? Người nước Tàu này vì không chán-trọng về thể-dục, cho nên mới có cái huy-hiệu là « nước ốm ». — Tôi bất-đắc-dĩ phải theo ra sân, gió rét sương ề, mà vợ tôi uốn-éo tự-nhiên, mà tôi thì thấy các khớp xương kêu dăng-dặc, vợ tôi tập năm phút đồng-hồ, lại tập thêm hô-hấp. Tôi thấy mình rét run lập-cập, bỏ hơi tai, thở dốc-dác, không thể chịu được nữa, mới vội-vàng chạy vào buồng nằm nghỉ, bất-giác lại thiêm-thiếp giấc nồng vậy.

IV. Về thăm mẹ già

(Ngày 2 tháng 9)

Giấc nồng thiêm-thiếp, sức thấy có người lay tôi đánh thức tôi dậy, nắm chặt hai cánh tay tôi kéo dậy, (sức phu-nhân khỏe thay!), tôi xoa mắt hỏi rằng: « Người yêu của ta làm gì thế? » Vợ tôi nói: « Mày tập quen lười-biếng, mới nháy mắt đã vào ngủ đấy rồi, con sư ngủ đến năm nghìn năm, mày còn chưa tỉnh ư? (kỳ-vấn) Làm con trai mà không có huyết-tinh đến như thế ư? » Tôi nghe nói đang ngái ngủ bật cười tỉnh dậy, nhìn thấy vợ tôi trang-sức đã xong, ăn mặc lại càng ngộ-ngĩnh, áo vật khách ngắn mà không có cổ, bốn bên tét chân chỉ hạt bột, lấp-lánh chiếu dọi vào khoe mắt người; cổ để phơi ra ngoài, gió tây thổi vào; sắc phấn như sắc bồ-đào, váy ngắn choèn-choèn đến gối, mà rộng thùng-thình, chân đi bi-tất phin kéo mãi đến đùi, da thịt bóng lộn, đôi dầy da trắng, để cao đến năm tấc, đầu búi giắt châm, tóc mây rờn-rờn, cơ-hồ như tiên sa. Tôi sẽ hỏi rằng: « Người yêu của ta hôm nay ăn mặc lối mới, định đi đâu thế? » Vợ tôi nói: « Về thăm mẹ già đây. Anh muốn đi không, mặc anh tự-do, tôi không bắt ép. » Tôi nói: « Xin theo người yêu của ta đi. » Vợ tôi tức thì nắm chặt tay tôi, đau buốt đến xương, nói rằng: « Đi thì đi ngay, » dắt tôi ra đi, tiếng dầy lộp-cộp, bước nhanh như bay, con hầu theo sau, chạy nhọc không kịp, tôi cho sự dắt tay là khó coi, mà quấy-quại không ra được, mồ hôi ướt ra, trống ngực đánh gập, vợ tôi vẫn không biết đến, cứ thẳng bước đi nhanh, qua các chợ chiều y như lính canh-sát bắt người mà người cứ dằng-dai không đi. Bấy giờ người ở chợ cười ầm, theo xem từng lũ, y như xem khi làm trò, tôi thẹn quá không thể nhẫn được, vùng tay một cái, hốt-nhiên trượt chân ngã khoèo, vợ tôi cười nhạt bảo rằng: « Sức chân yếu-ớt như thế, thế mà

còn sợ tập thể-thao tập chạy mãi ư? Xem ta mạnh hơn biết bao. » Người đi đường ai cũng phì cười, mà vợ tôi cứ diêm-nhiên, hình như không biết, lại giơ tay định dắt tay tôi mà tôi thì ân-hận không tiếp. Vợ tôi nói: « Chẳng không xem các nước văn-minh, vợ chồng đi chơi, tất dắt tay nhau, đáng-dấp xinh đẹp, ái-linh nồng-nàn, ta muốn bắt chước, mà lại bị mình làm ngăn-trở, mình thật không thể bảo được. » Nói rồi đi thẳng, gió cuốn mây đưa, tôi hết sức theo mà không kịp. (Cái công-phu thì chạy ba trăm thước thật chứ không hư). Đến lúc đến nhà thì đã thấy vợ tôi dựa cửa ngóng tôi, y như mẹ già ngóng con đi xa về vậy, (chứ rề chạy toét gót chân, cổ đầu ngóng mờ tình mắt). Tôi đến nơi, con hầu cũng vừa tới, bước vào trong, qua dãy hiên dài, sức thấy một con chó giới nhảy ra gâu-gâu cắn tôi, (chó giới ra đón chủ rề), tôi hết sức xua, chó nhảy chồm lên vai, cắn áo tôi rách bươm từng mảnh, trước ngực thũng to bằng cái bát, vợ tôi hết sức chen cổ chó quát rằng: « U-oát-tờ, đồ-gờ, đừng bắt nạt đồ hèn nhát ấy (chó cùng đồng-dang). Mới vắng mặt có ba hôm, mà đã không biết rằng bà chủ về à! » Chó vẫy đuôi ra dáng xin thương; vợ tôi bế vào trong lòng, hôn luôn hai cái, rồi mới dắt chó và tôi vào, tôi trở chỗ ngực hồng bảo vợ tôi rằng: « Khó coi lắm. » Vợ tôi nói: « Chẳng hề chi, để cho nó thông không-khi một chút. » (Pha trò cũng khéo). Tôi không làm thế nào được, phải cùng vào nhà giữa, mẹ vợ tôi và bà di khúm-núm đón tôi, bước chân xuống thềm, vợ tôi chạy ra hôn mẹ rồi lại hôn di, mãi mãi mới thôi, tôi rụt-rề không dám đến gần vội, mẹ vợ tôi đã giơ tay ra đón, tôi cũng tới lại bắt tay, tay già sần-sẹo, ram-ráp đau cả thịt. Một loáng, bước lên nhà giữa, thấy ở trên treo một cái biển đề bốn chữ « Văn-minh gia-dinh », chữ to

hơn cái mẹt, bốn mé tường treo đầy những tranh vẽ sơn, lấp lánh lóa cả mắt. Tôi ngồi yên, nghe thấy tiếng đàn diu-dặt pha tiếng kèn hát ăm-ê, vang động cả tai (*khí-tượng văn-minh*). Một lát, thấy thằng nhỏ lại mời tôi vào trái bên uống nước, tôi theo vào, thấy trên bàn bày la-liệt những kẹo bánh hình-thù lạ-lùng, chẳng còn biết tên là gì cả, chỉ ăn vào thấy có ít mùi sữa bò mà thôi, vị chè hơi ngọt, thằng nhỏ nói rằng là cà-phê đấy. (*Chú rề nếm của mới lần thứ nhất*). Tôi ngồi một mình, chả có ai tiếp, lấy làm buồn quá, sờ túi móc đồng-hồ xem, thấy cái áo rách bướm khó coi quá, mới bảo thằng nhỏ nói với mẹ vợ tôi cho mượn một cái, nhà mẹ vợ tôi lại không có quần áo đàn ông, lại phải sang nhà láng giềng mới mượn được về cho tôi thay. Mẹ vợ tôi vào, ngồi hàn-huyên một tí rồi bảo rằng: «Con bé cháu nuông chiều đã quen tính kiêu giông, lại bị cái tân-học dờ-dang nó truyền-nhiễm, tập quen thâm quá, trong gia-dình không làm như thế, thì không vui lòng, thậm - chỉ thấy già này không biết chữ, cho là ngu dốt khó chịu, năm nọ đem già này đưa vào nhà ấu-trì-viên học tập, cầu cho biết chút căn-bản học-vấn, (*sự lạ-lùng thay*), già này tuổi đã gần kề miệng lỗ mà nó cưỡng phải theo, bảo rằng không thể thì không thể làm bà chủ nhà văn-minh được. Mỗi buổi sáng lại dạy già này tập thể-thao, già này không nghe, nó cứ cố ép, kỳ được mới thôi; già này sợ nó như cộp, nay may gặp công-tử là người dưng-dẫn, tùy thời dạy-dỗ, may ra không đến nỗi dè cưỡi ở thế-gian.» (*Biết con ai bằng mẹ, mẹ không sao dạy được, muốn cầu bác đỡ hèn nhất cũng khó lắm thay!*) Tôi đang nhún nhường đáp lại, sức thấy con hầu ở nhà trong ra, quay vào trái bên, mời mẹ vợ tôi và tôi, nói rằng: «Phu-nhân bảo phải vào nhà trong ngay.» Mẹ vợ tôi vội-vàng cùng tôi đi vào,

nhà trong rộng-rãi, mặt đất giải thảm, yên lặng như tờ, sạch lâu như chùi; phu-nhân và bà di và hai con hầu đã đứng cả đấy, cùng mặc áo mùa trắng cả, mẹ vợ tôi và tôi tới nơi, tức thì bảo thay áo, mở hội khiêu-vũ, tôi chẳng biết chi, cứ thay áo xem, mẹ vợ tôi cũng thay áo, vợ tôi lại sai gọi hai thằng nhỏ đến, cũng cho thay áo mùa, thay xong, ra hiệu-lệnh. Mẹ vợ tôi đổi với bà di, hai con hầu đổi với hai thằng nhỏ, vợ tôi đổi với tôi, đều cầm tay nhảy múa, tất cả bốn cặp, y như bướm-bướm liệng hoa, uyên-trương rờn nước. Tôi chẳng hiểu cách-thức ra làm sao, cứ ý như trẻ con, mặc vợ tôi dắt-diu tung-tăng, mà trong đám múa thì vợ tôi thuần-thục hơn cả mọi người, đi đứng không sai một li nào cả, vừa múa vừa nói tên: «Cái này là cách múa Thiên-ma, cái này là cách múa Nga-cung, cái này là cách múa Kiêu-hy-lạp.» Múa một lúc mới nghỉ một chút, tôi mệt thở như bò, xin lỗi là vụng-về, mọi người cũng xin thôi cả. Vợ tôi gắt nói rằng: «Người nước Tàu vốn là không có tính kiên-nhẫn, khó lòng thành công gì được.» Tôi mặc kệ, cứ khoanh tay đứng xem, vợ tôi lại còn tự múa cách múa Đàn-hương-sơn, vẻ người mềm-mại, cách điệu nhanh-trai, cứng như chổi mai tuyết phủ, mềm như cánh liễu gió đưa; bất-giác cũng than-thở là khéo tuyệt. Ước chừng tới ba mươi phút mới thôi, mọi người đều cởi cả áo mùa ra, cùng đi ra ngoài, vợ tôi mắng tôi là không thể bảo được, tư-cách hèn-hạ, đến cực-diễm rồi, khó lòng làm ông chủ nước văn-minh được. Tôi bấy giờ chỉ kính theo lời dạy, vâng vâng dạ dạ, chẳng có cãi-cọ gì cả. Cơm trưa xong, con hầu ra nói phu-nhân đòi tôi vào nhà trong, tôi theo con hầu đi vào, quanh-co tiến vào, mùi thơm sực nức, thấm vào tâm-can, bước vào trong thấy gương đứng sáng quang, giường đồng bóng lộn, bốn bề tường

treo đầy những tranh mĩ-nữ trần-chuồng, vợ tôi ngồi dựa gối trên giường, nhác thấy một người lom-khom hình như bò trong bùn lầy, tôi nhìn ra thì chính là mẹ mỗi mỗ, lạ quá! Ôi! không biết vì sao, vợ tôi thấy tôi vào, bảo con hầu đóng cửa, rồi thông-thả nói rằng: «Chàng có biết nó phạm tội án gì không? Nó trái lời ước tôi, nói dối rằng làm lễ cưới văn-minh, cặp-ký đến lúc tới nhà mình, lại làm lễ qui lạy, ép ta gục lưng xuống thêm, dãi ta như là tôi tớ, (nguyên-lai như thế, lại nhắc tới án cũ), tôi không thể tha được.» Tôi nhìn mẹ nước mắt ràn-rụa, sợ co như dím, đưa mắt nhìn tôi, hình như nhờ tôi xin tha hộ, tôi vừa toan mở miệng, vợ tôi mắng át ngay rằng: «Mình sinh-trưởng ở gia-đình chuyên-chế, không có quan-niệm về thế-giới chút nào, rạp đầu xuống lạy thì-thà thì-thụp, không cho là nhục, thế có khác gì loài người mường mán ở cái thời-đại chưa khai-hóa không? làm như nhược cả bốn trăm triệu nòi giống Trung-hoa ta, mà lại còn áo quần sủng-sinh, vác mặt vênh-vênh ư! Mình thích qui, phải qui cùng với con mẹ kia, mau!» Tôi lặng im không nghe, vợ tôi sầm ngay mặt xuống, thét to: (sự găm đáng sợ thật). Qui qui mau! —Tôi không nỡ để trái ý nữa, mà trong nhà trừ mẹ mỗi ra, tịnh không có ai, bất-đắc-dĩ phải vén quần qui ngang với mẹ. (phá cách qui lạy dưới bóng quần-hồng lần thứ nhất) Mẹ mỗi dụi con mắt già liếc nhìn tôi, tôi coi mặt mẹ ra đáng sợ hãi không yên, (mình còn then hưởng chỉ mẹ già). Vợ tôi sẽ cái ghế «ton-nê» ra ngồi trước mặt hai chúng tôi, y như là vị quan tòa, (xưa là khách ngồi trên sập, nay là tù qui dưới thêm), móc túi lấy thuốc lá ra, bật lửa châm vừa hút vừa nói: «Ta nghe nhà bác-học bên Tây nghiên-cứu những lũ quan-tràng đời nhà Thanh, nói rằng: Ở trong đầu gối có kim-chất,

ở chân cũng có cả, (lời bàn kỳ thay, khéo thay), những lúc lên lạy các quan trên, xuống gối rạp đầu, là nhân trong đất nó có sức hút mạnh, kim-chất bị hút xuống cho nên như vậy, lũ chúng bay chắc cũng là nòi giống ấy, nên thích qui thích lạy, nay ta cho chúng mày qui sượng cho đến chiều.» (cái tên qui sượng cũng là tên mới lắm). Lòng tôi càng sợ hãi, nhìn mẹ mỗi chỉ thấy chấp tay niệm phật lăm-răm, (na-mô cứu khổ cứu nạn hoàng bồ-tát). Một thoáng thấy con chó giới ở sau ghế chồm ra, (sao thiên-cầu lại chiếu đến), nhẩy xỏ lên đầu, tha ngay cái mũ của tôi ra, nhả ra từng mảnh, vợ tôi nắm cổ con chó quăng ngay ra ngoài cửa, (tấm lòng bất-nhân-nhân của phu-nhân phát-hiện ra). Tôi cũng không dám đứng dậy nhặt mũ, vợ tôi nhặt lấy đề lên trên bàn, tựa-hồ có dáng buồn cười, cơn giận nguôi nguôi, tôi thấy trời đã gần tối, cúi đầu xin thôi, mẹ mỗi cũng bắt chước tôi lạy. (Một cặp sáu gục đầu đáng thương). Vợ tôi mới hơi gật, bỗng nghe thấy có tiếng cười khanh-khách ở ngoài cửa, mẹ mỗi đứng dậy, lạy tạ tội hai ba lần mới ra, vợ tôi cứ ngồi yên trên ghế mỉm cười, sức thấy con hầu ần cửa vào mời ăn cơm chiều, tôi theo gót ra, đầu trục lốc, mũ bị chó cắn rách, ôm đầu thui-thủi, đi vào nhà giữa, lúc vào ngồi, thấy mẹ vợ tôi có mời mấy người hàng xóm đến ăn cỗ, họ trông thấy tôi đều nói rõ tên họ, ra dáng thân-thưa, nói cười vui-vẻ, rót vài tuần rượu; bỗng thấy đèn điện sáng chung, y như ban ngày, có một người khách đã ngà-ngà say, hốt-nhiên ngơ-ngác hỏi tôi rằng: «Tiên-sinh đi Hồi-giáo sao? sao trên trán lăm bèm, đầu gối cũng thế, dễ thường mới cầu cúng buổi tối chăng? Tôi vội vàng xoa đi, miệng lăm-răm đọc: «Đức trời yêu ta... đức trời yêu ta...» Khách mới tin là thực. (Chữa then khéo thật).

Một người khách nói: «Tôn-phu-nhân thật là bậc Nghiêu Thuấn trong làng khăn yếm, trong chốn thôn quê, nầy tiên-nga ấy, tiên-sinh sánh đôi, thật là phúc vô-cùng, chắc rồi cái thú khuê-phòng, hơn những hạng vẽ-mây huyễn, có dẫu như chúng tôi, bố cu lấy mẹ dĩ áo vải quần nâu, hôi nách rức mũi, ngấm xem thi đầu bù tóc rối, mặt sạm dùi đen, chẳng khác gì ma-mút vậy». Nói chưa dứt lời, một người khách đưa mắt bảo im, sực thấy một người đàn bà ở sau bình-phong xỏ ra, mắt tròn xoe như mắt beo, (hùm beo sư tượng, cũng là một loài) găm thét như sư-tử, tay cầm chày đâm cua, bước tới gần chỗ khách ngồi, phang một cái thật mạnh, dẫu toác tướng, máu chảy đầm-dia, người đàn-bà tay nắm tóc người khách, quai miệng mắng to rằng: «Mày gồm thật! mới nháy mắt đã lên ra cửa, vào đây uống trà nói láo, không kiêng nể gì cả, quên mất gậy của gái già rồi à? Về thẳng, không thì lại chầy nữa bây giờ.» Khách bưng đầu trốn thẳng, bọn khách đều sợ mặt tái mét, mặt run cầm-cắp, tôi nghĩ bụng oai-vọng đàn-bà, nguyên-lai như thế, những hạng sợ vợ, thiên-hạ thật chẳng thiếu gì, thế thì ta đây, quì lạy dưới bóng quần-hồng, cũng còn là cái sợ văn-minh! (Sợ cũng có văn-minh dã-man, thật là tên mới) Mà cũng là một hạt thóc trong bể khơi mà thôi!» Một tí, khách ăn tiệc đứng dậy từ ra về hết, người nào cũng có ý còn thòm-thèm! (Sợ ma-mút lại đến).

Cơm xong, con hầu đã châm đèn đưa phu-nhân ra về, mẹ vợ tôi đã sắp cho hai cái kiệu đưa hai vợ chồng tôi về, con hầu đi bộ theo sau, giữa đường, vợ tôi hốt-nhiên bước xuống kiệu nói rằng: «Ngồi ro-ró buồn lắm, mất cả sự hành-dộng tự-do của người,

ta thích đi bộ, cho con hầu ngồi kiệu, Nói rồi dảo bước đi trước, tôi vẫn không biết chuyện, đến lúc đến nhà, kiệu đỗ đầu cổng, bấy giờ trời đã tối mịt, gió rét sương lạnh, mặc áo kép còn rét run, tôi định làm cái ơn nhỏ, cuốn hộ mình - mình dắt tay cùng bước vào trong, vào tới nhà giữa, bóng đèn soi tỏ, mới biết cái người tôi dắt tay đó là con hầu, không phải là phu-nhân, sợ quá, buông tay ra, nhìn thấy vợ tôi don-dả ở trong ra đón, thấy tôi dắt tay con hầu, mắng nhiếc tôi rằng: «Sáng ta dắt tay thì ra đáng tấ-tức, sao bây giờ lại thích dắt tay con hầu, (oan uổng), trái luật phép ta» còn cãi được nữa không? «Tôi nói, rõ ràng không biết, vợ tôi mới người giận, lại kể cho biết chuyện giữa đường xuống kiệu đi bộ, tôi lấy làm ngạc-nhiên, lấy làm hồ-then quá; cùng vợ tôi cùng vào trong buồng, vợ tôi lại không đi ngủ ngay, lấy sách chữ ngò-ngoè đồ tôi mãi, đến lúc đồng-hồ đánh boong boong mười một tiếng vẫn còn tựa bàn học mãi, (phu-nhân hiểu học thay!). cái tiếng lư-lo, nghe thanh-thú lạ. Vợ tôi còn học, tôi cứ ngồi im, không dám thúc-giục, mà cũng không dám đi ngủ trước, chân tay run-rẩy lạnh giá như đồng, mãi đến nửa đêm vợ tôi mới ngủ, gấp sách cời áo, cùng vào giấc nồng.....

LỜI PHÊ-BÌNH.— Tên mình là Sư-tĩnh, mắng người là sư ngủ, thật đáng bật cười! giá khắp cả thiên-hạ ai cũng như phu-nhân thì suốt đêm không còn có một tiếng ngáy nào nữa.

(Còn nữa)

LẠC-KHOA dịch

Tiểu - Thuyết

CHÔNG TÔI

Phong - lưu diễm - sử

(Tiểu-thuyết Tàu *Dư chí phu* 余之夫 của TỬ TRÂM-Á)

VI

CHƯƠNG THỨ 11

*Xem trò Cạnh-độ, ruồi mái chéo xuân;
Mở tiệc Hồ-diễn, nổi vẩn thơ diễm.*

Sự bơi chải thuyền rồng ở Ngu-ấp, nguyên là bọn nông-dân ở các làng, góp của lại bày ra cuộc du-hí, cũng như cuộc hội chùa hội đền lệ thường. Cứ đến ngày hai mươi chín tháng ba, ngày ấy sĩ-nữ trong thành Hải-nghê đều đua nhau thuê chiếc du-thuyền, chở ra ngoài thành để xem hội bơi chải, chỗ sơn-thủy mé tây thành, khi ấy sĩ-nữ như mây họp, kèn sáo như nước xối. Các thuyền rồng thì cắm cờ chằng màn, ngũ-quang thập-sắc, trang-sức rất là hoa-mĩ sán-lạn; đầu thuyền với đuôi thuyền thì chạm vẽ ra hình đầu rồng với đuôi rồng, thuyền chở đi chở lại ở dưới nước, tựa như con rồng lượn. Những người đi xem hội thuyền rồng ấy, nguyên không chú-ý gì về sự thuyền rồng, chẳng qua mượn cái đề-mục ấy, để thực-hành về sự nam-nữ du-xuân.

Trúc-sĩ đêm hôm trước gặp ả Oán-Quyên, ngày hôm sau xúc-dộng cái hứng-thú đi xem hội thuyền rồng, liền cùng với Tiểu-sơn Mi-quân định-ước, chuẩn-dịnh thuê một chiếc thuyền lớn từ ngày hôm trước, và đi đón Tử-Dã. May sao Nhan Tam-Cô bệnh cũng vừa khỏi, Mộng-Tương liền nói với Trúc-sĩ xin thuê riêng một chiếc thuyền nữa, và đi ước với em gái Mi-quân là Sấu-Hồng

nữ-sử, để cùng với mình lẫn Tam-Cô cùng đi. Đến ngày hai mươi chín, ngày ấy lại được khi trời sáng-sủa, chiều trời êm-dềm. Trúc-sĩ cùng Tiểu-sơn Tử-Dã ba người ở trong biệt-thử ăn qua bữa cơm trưa vừa xong, thì Sấu-Hồng nữ-sử cùng Mi-quân vừa lại. Trúc-sĩ nghênh-tiếp Mi-quân, Mộng-Tương nghênh-tiếp Sấu-Hồng, ăn cơm chiều xong, rồi thuyền dân-ông do Trúc-sĩ làm chủ, thuyền dân-bà do Mộng-Tương làm chủ, các các chia bọn lên thuyền, sai lái thuyền nhỏ thuyền, chở qua chỗ Diễn-kiều, từ-từ hướng nẻo Hồ-diễn tiến-phát. Nguyên Ngu-sơn có mười tám thắng-cảnh, cảnh Hồ-diễn yên-vũ là một cảnh; cuộc bơi chải thuyền rồng hiện ở nơi đó. Trúc-sĩ khi chở thuyền đến nơi, thì đã thuyền-bè chen-chúc, tiếng người xôn-xao, mới chọn lấy một chỗ để đậu thuyền. Khi ấy thuyền rồng còn chưa tiến ra, những thuyền bài-liệt đó, toàn là thuyền khách chơi. Nào là hạng vương-tôn công-tử, nào là hạng thái-nữ kiêu-nương, thanh-xam hiện vẻ, hồng-phấn chen màu, người nào người ấy đứng ở cả trên thuyền ngó mắt trông ra, người thì trỏ dếm, người thì nói cười, mặt người sắc áo; lộn bóng hồ-quang, giọng yến lời oanh, nào chiều xuân-sự.

Trúc-sĩ đã có ước với Oán-Quyên chở thuyền lại cùng đậu một chỗ. Trúc-sĩ đậu thuyền xong, được phút-chốc

thuyền Oán - Quyên cũng chờ lại. Thuyền Trúc-sĩ ở giữa, thuyền Oán-Quyên ở mé tả, thuyền Mộng-Tương ở mé hữu. Nguyên Trúc-sĩ với Mộng-Tương đã có dụng-ý, muốn khiến cho Giang Tiểu-Sơn với Nhan Tam-Cô trông thấy mặt nhau, để tiện cho sự sau này loát-hợp cho hai người. Khi ấy nghe ở đằng xa có tiếng chiêng tiếng trống om-thòm, biết rằng thuyền rồng đã sắp-sửa đến, các người xem đều phấn-khởi tinh-thần, nghênh chờ ra trông. Bất đầu trông thấy mấy chiếc thuyền nhỏ bơi ra, mỗi thuyền có hai ba người lục-sĩ đứng ở đầu thuyền, hoặc cầm đồ vũ-khí, hoặc giơ chân tay không, làm kiểu đánh múa. Phút-chốc trông thấy bóng thuyền rồng hiện ra, ngồn-ngồn khúc-chiết lượn đến giữa hồ. Thuyền rồng có mười hai chiếc, mỗi chiếc có hơn mười người mặc áo đỏ ngồi hai bên mạn thuyền cầm bơi chèo vừa hát vừa bơi, âm-nhạc dịp-dàng, nước hồ tung bắn lên như thể hoa tuyết hạt mưa. Những thuyền của các người du-khách, phần nhiều người tay cầm lá hồng-kỳ nho-nhỏ, đón gió phất lên, tỏ ý chào mừng. Thuyền rồng thì hướng vào chỗ hồng-kỳ chờ đi chờ lại, quanh co lượn múa, như thể con hồ-diệp xuyen vào đám hoa. Rồi phát giải thưởng cho đám hồng-kỳ, xong đám hồng-kỳ này, lại đi sang đám hồng-kỳ khác, dóng tây đi lại, ứng-tiếp luôn-luôn. Tiếng chêng tiếng trống, hỗn-hợp với tiếng người hò-reo, tỏ ra một tràng náo-nhiệt. Bọn Trúc-sĩ bốn người ngó xem ít lâu, người nào người ấy đều thấy chán-nản. Mi-quân với Tử-Dã đã bắt đầu ngồi trong khoang thuyền không xem nữa. Trúc-sĩ còn đứng ở đầu thuyền, nói sang thuyền Oán-Quyên. Tiểu-Sơn khi ấy tựa vào mé hữu cái mũi thuyền, cũng thấy mỗi-chán, đã toan sắp-sửa tiến vào khoang thuyền. Chợt liếc mắt trông thấy mé trong cửa sổ chiếc thuyền

bên hữu có một người đàn bà, tuổi xanh chừng độ trong ng-ài thời-kỳ hoa-tín, chỉ cách một tầng pha-lê, trông thấy được rõ-ràng.

*Người đầu in vẽ đạm-trang,
Mai-hoa cốt-cách coi dường thần-tiên.
Người đầu in vẽ chiến-miên,
Lóng mày lá liễu vẽ nên nét sâu.*

Tiểu-Sơn nguyên là kẻ tình-tràng thất-bại, nghiệt-hải phiêu-lưu, nay thảng lặn-lừa, tâm-tinh tiêu-tán. Ngày nay theo Trúc-sĩ lại chơi đây, chẳng qua sự tiêu-dao trong đất khách, há có tâm thưởng-thức chỗ ngàn hoa. Không ngờ chợt gặp một người ấy, như kẻ vốn quen nhau.

*Năm trăm năm trước chi mà,
Cái dây oan-nghiệt ai là Trương-sinh.
Tam-thiên cung-nữ dành-dành,
Một người thưởng-thức âu dành
Dương-phí.*

Tiểu-Sơn nghĩ bụng rằng thuyền ấy là thuyền bọn gia-quyên của Trúc-sĩ, không biết vị mỹ-nhân ấy là vị nào. Khi ấy mặt trời đã xế tây, sắc chiều bằng-lãng, thuyền rồng đã quay chèo trở về hết, đầy trong hồ chỉ còn những thuyền khách đi chơi, thuyền nào thuyền ấy đều đã thấp đèn, thuyền đông thuyền tây, đều nghe có tiếng đàn sáo véo-von. Trúc-sĩ mới sai người nhà đem những đồ rượu đồ rau dự-bị trước ấy ra liệu-lý. Lúc ấy bọn Mộng-Tương phu-nhân đã quay thuyền đi về trước rồi. Tiểu-Sơn, Mi-quân, Tử-Dã với Trúc-sĩ cùng vào chỗ tiệc rượu. Trúc-sĩ lại sang thuyền Oán-Quyên, dắt Oán-Quyên sang bồi-tiếp rượu. Uống rượu được nửa vời, Mi-quân nói rằng: « Cuộc thuyền rồng hôm nay, thật không có cái gì đáng xem. Tôi còn nhớ năm sáu năm trước cùng với mấy người bạn đã từng có một chuyến xem cuộc này ở đây. Từng thấy hơn mười bài từ-diệu Trúc-chi tả về cảnh cạnh-

độ (thi bơi), lúc ấy có nhiều người truyền - tụng. Mấy năm về sau, thì không có cảnh-trí hứng-thú gì khá xem nữa.» — Oán-Quyên nói rằng: «Ý em xem ra, những người đi xem cuộc thuyền rồng, chẳng tất đã để ý gì về thuyền rồng, chẳng qua các người nhân dịp náo-nhiệt, mà cập-thời hành-lạc đấy thôi. Em muốn nhiên-cửu cuộc ấy thế nào, tiện đây em xin trộm hỏi các ngài, cuộc thuyền rồng khởi-thủy từ đời nào? hai chữ cạnh-độ là ý-nghĩa làm sao?» — Tiểu-Sơn cười nói rằng: «Chị không hiểu sự ấy a! Cuộc cạnh-độ du-hí, nguyên-nhân từ đời Chiến-quốc, vì ông Khuất Nguyên nước Sở, là kẻ trung-thần bị vua đuổi, phần-chi tự gieo mình xuống sông Mịch-la, người đời sau thương ông ấy, đặt ra cuộc bơi thuyền, giả-thác làm sự đi vớt ông ấy. Rồi về sau lại bày-dặt mãi sự ấy ra, nào cấm cờ kết sắc, nào rập-rình âm-nhạc, để làm trò vui cười. Người nhà Đường ca-vịnh về sự ấy rất nhiều, tôi còn nhớ trong tập Văn-uyển anh-hoa có một bài thơ tả về cảnh ấy rất tường, trong có câu rằng:

*Bánh ba hồi trống phất cờ hồng,
Mặt nước hiện ra đôi họa-long;
Bóng chèo bơi nước vạn guom múa,
Tiếng trống vang hồ nghìn sấm rung;
Thuyền trước sẵn nước cướp được cờ,
Thuyền sau thất-thể trở về không.*

«Mấy câu ấy là chính giải về sự cạnh-độ. Người nhà Đường cuộc cạnh-độ, còn có lý-thú về sự ganh-đua. Cuộc ngày nay xem ra, chỉ là cuộc du-hí hành-lạc ở dưới nước, không gọi là cuộc cạnh-độ được. Người đời xưa đặt ra một sự một vật gì, tất có nguyên-nhân ý-nghĩa, người đời sau noi theo, thường dần-dà làm mất cái bản-ý đi, rồi danh đi một đằng, thực đi một nẻo. Ngay một sự du-hí còn như thế, nữa là sự

khác, cũng khá thờ-than.» Oán-Quyên nghe Tiểu-Sơn nói, mỉm cười gật đầu. Trúc-sĩ trách Tiểu-Sơn rằng: «Bác Tiểu-Sơn chỉ hay viện-cổ chứng-kim, nói cà-kê mãi, quên cả sự mình.» — Tử-Dã nói rằng: «Sự của chúng bạn mình, bất-ngoại sự uống rượu với làm thơ.» — Mi-quân nói rằng: «Nay xin đem cái đầu đề, cạnh - độ - trúc - chi - từ làm đầu đề, các người đều tùy-ý làm một bài thơ cho có thú-vị.» Ba người đều tán-thành, liền đem giấy bút ra, Oán-Quyên mài mực, bốn người cẩu-từ. Khoảnh-khắc, Mi-quân thơ xong trước đọc lên rằng:

*Sấn ngọn đông-phong lên họa-thuyền,
Thuyền tiến bay múa xuống Hồ-diễn;
Non-sông cầm-tú xem không chán,
Hoa sắp tàn đi lúa tại lên*

Trúc-sĩ thơ xong thứ hai, đọc lên rằng:
*Trời tây bằng-lãng cảnh bình đề,
Yến mỗi oanh khan tiết chóng ghé;
Chỉ cái diêm-tĩnh tiêu chẳng được,
Ngày chiều còn đứng đếm thuyền về.*

Tiểu-Sơn thơ xong thứ ba, đọc lên rằng:
*Ném gói hoàng-kim lòng sượng thay,
Đem thuyền chở rượu tối hôm nay;
Chẳng lo sáng sớm mai không gạo,
Tiêu-khiên đêm xuân thế cũng hay.*

Tử-Dã thơ xong thứ tư, đọc lên rằng:
*Lá liễu xanh-xanh lúa mạch vàng,
Long-chu nào-nhiệt bến Ngưu-dương;
Hồ-diễn chẳng phải Tương-giang-thủy,
Chẳng viếng Linh-quán (1), viếng Lý-vương (2).*

Bốn người đọc thơ, Oán-Quyên ngồi cạnh, đều nhất-nhất cầm bút chép ra tờ giấy, viết lối hành-khải-thư, mà có vẻ phong-lưu tú-nhuận. Mi-quân, Tử-Dã, Tiểu-Sơn liếc mắt trông, khen rằng cách

(1) Khuất Nguyên. (2) Lý Bạch.

viết chữ của chị khéo hơn cách thêu hoa. Oán-Quyên chỉ mỉm cười. Tiểu-Sơn nói rằng: « Bốn người chúng tôi thơ xong cả rồi, còn chị nữa, phải tiếp-tục nhà ngọc phun châu ra chứ. » — Oán-Quyên then đỏ mặt từ chối rằng: « Xin Giang-lão tiên-sinh đừng cưỡng-bách, em biết được bao nhiêu chữ mà dám làm thơ, em không biết làm thơ, có Chung tiên-sinh đã biết. » — Trúc-sĩ nói rằng: « Sao chị được gọi bác Tiểu-Sơn là Giang-lão tiên-sinh, chị còn tái-phạm điều ấy, thì phạt cho chị mười chén rượu đầy. » — Mi-quân nói rằng: « Chị tuy chưa biết làm thơ, nhưng cũng nên học làm thơ. Đàn bà hồng-lâu mà không biết làm thơ, khác gì cái hoa không có hương. Tôi giúp cho chị nhé, tôi khởi-xướng cho mấy câu trên, rồi chị tiếp lấy vài câu dưới, mà làm về lối cổ-thi, cách ấy cũng dễ học. » Mi-quân liền đọc mấy câu rằng:

*Mặt trời gác núi ý người quỳ,
Cầm thuyền đốt lửa khai xuân-yến;
Một ả mi-nhân một tiếng cười,
Thưởng rượu thưởng hoa thưởng
không chán.*

Oán-Quyên tiếp hai câu rằng:

*Sáng mai mang rượu lại hồ chơi,
Chỉ có hoa đào tựa mặt người.*

Tiểu-Sơn vỗ tay khen rằng: « Hay lắm! Ai bảo chị Oán-Quyên không biết làm thơ, hai câu thơ ấy chính là tay con nhà trước-tác. » — Trúc-sĩ nói rằng: « Ý-tử tuy hay, chỉ hiềm có chổn lạnh - nhạt. » — Tiểu-Sơn nói rằng: « Lạnh - nhạt hại gì, bốn câu trên đã bao nhiêu tình - cảnh nồng-nàn, phải có một lời lạnh-nhạt để kết-thúc, sẽ có dư-vị. Đêm bài ấy đọc từ đầu đến cuối, thật xứng-đáng là một bài thất-ngôn cổ-thể hay. Cũng là người có nhãn-quang, mới nhả ra được mầu lạnh-nhạt ấy. Vì sự bi-hoan tụ-tán trong cuộc chơi, xưa nay thường

thế. Câu thơ ấy không những hùng-hồn, lại có phần cảnh-tĩnh nữa. » — Oán-Quyên nói rằng: « Em từ rày trở đi mà biết làm thơ, đều do công-phu diễm hóa của các ngài cả. » Tiệc rượu rất là lý-thù. Lúc ấy đã gần nửa đêm, các thuyền chơi ở trong hồ, đều đã lục-tục đi về. Bọn Trúc-sĩ bốn người cũng đều bãi tiệc. Trúc-sĩ thân-hành tiễn Oán-Quyên đi về thuyền, rồi về thuyền mình sai lái thuyền từ-từ cõi dây thuyền, trở nẻo biệt-thử đi về. Đêm hôm ấy, Mi-quân với Tứ-Dã đều nghỉ chơi lại ở Song-thê biệt-thử.

CHƯƠNG THƠ 12

*Nhà có hiền-thê, mới hài túc-nguyên.
Đời có sắc-quĩ, sao chắc lương-môi.*

Trúc-sĩ trong buổi tình-cờ, gặp ả Oán-Quyên, tình xưa người cũ, khôn xiết chiền-miên. Trúc-sĩ đối với Oán-Quyên, đã khen về cái chí già nguyệt từ hoa, thoát-ly địa-ngục, lại cảm về cái lòng đóng cửa tạ khách, chờ đợi cố-nhân.

*Xưa kia trong cuộc xuân-dài,
Hem câu chớm-chính gheo người ẻo-le.
Nay bằng đồ lật chén thê,
Phụ tâm tội ấy gán về ai mang.*

Nhân nói rõ với Oán-Quyên về cái ý định nạp làm tiểu-tinh, đề chuộc lại cái lỗi trước. Oán-Quyên ý còn trù-trừ. Song có nghĩ bụng rằng: « Minh cũng không cố-chấp, mình xem Chung Trúc-sĩ cũng là người khá. Bấy lâu mình vì có người ấy, mà ruột chín khúc héo, mắt đôi cuống mòn. Nay lại may sao duyên trời dặt lại, tình-cờ gặp nhau. Trúc-sĩ đã có tâm ấy, mà mình lại cứ từ chối mãi, thì cũng không tiện. Vả chăng trong tâm mình bấy lâu, trừ Trúc-sĩ ra, cũng không có người nào thứ hai nữa. Nay nếu làm lầm-lỡ đi mất cơ-hội này, thì mình một thân hoa trôi bèo giạt, sau này biết kết-cục

ra sao. Trúc-sĩ đã đem tình-nghĩa đối với mình, vậy thì mình cũng không nên phụ. Nhân công-nhiều ngỏ lời bảo Trúc-sĩ, thương sao cho vẹn mọi nghĩa, tình sao cho vẹn mọi đường, thì thế nào cũng xin vâng. chứ đã ngăn ngại, thì cũng không nên dãi lời làm gì cho lắm. — Trúc-sĩ nói rằng : « Tôi về nhà, nàng về Tô-châu, hai bên thu-xếp, kỳ-hạn phỏng độ trong nửa tháng là cùng. » — Oán-Quyên xin vâng, nhưng có nói rằng : « Tôi hiện nay không có mẹ-già thúc-phục, phạm sự đều được tự-do. Chỉ về phương-diện Tô-châu, còn nhiều sự-tình chưa liễu, phải về liệu-lý. Tiên-sinh cũng phải về nhà dự-bị cho êm-thấm kỹ-càng. Kỳ-hạn trong nửa tháng, thì hiềm rằng khi ngặt-ngồi quá. » — Trúc-sĩ nói rằng : « Nàng đã hứa với tôi, tôi thực lấy làm băn-bạ, sớm được một ngày thì hay một ngày. Về phần tôi dự-bị ở trong nhà, thì nhất-thiết đều thỏa-dáng cả. Chỉ về phần nàng ở Tô-châu, không biết có những sự phải qui-liệu nhiều ít thế nào. Tôi xin nghĩ giúp cho nàng, nàng ở bên ấy, đã không có người nào thân-thích, thì cũng bắt-tất phải quyền-luyện gì lắm, chỉ gói bọc mọi thức tư-trang nhẹ-nhẹ sang đây là đủ. Còn các đồ dùng thập-vật, thì nhà tôi có cả, cũng không thiếu gì, chỉ bằng đem bán cả đi, bớt được phiền-phí sự khuân-chở, ngôi nhà ở thì đem cho thuê đi. Tính-toán chừng độ mười ngày, phạm sự chắc là thỏa-dáng. Chiều hôm nay nàng nên tức - khắc chở thuyền về Tô-châu, khoảng ngoài mười ngày tôi lại đến đây để đợi thuyền nàng. » Chiều hôm ấy, Oán-Quyên chở thuyền lại trở về Cô-tô.

Trúc-sĩ về nhà, định thương - nghị với Mộng-Tương phu-nhân về sự nạp Oán-Quyên làm kẻ trắc-thất. Trúc-sĩ vốn chắc rằng Mộng-Tương là người hiền-thục và minh-đạt, tất không có sự gì trở-ngại. Hay đâu, Trúc-sĩ vừa mới

đề-nghị đến sự ấy, thì thấy Mộng-Tương liền tỏ ra ý lạnh-nhạt, nói rằng : « Chẳng định lấy tiểu-tình dấy ư ? Sự ấy là sự gì tại Tôi đây không dám biết, tùy-ý chàng làm thế nào thì làm. » Trúc-sĩ chỉ ngồi nín lặng, ngáy-dại một hồi lâu, không dám nói một câu gì nữa. Mộng-Tương càng hiện ra mặt giận, lên tiếng nói rằng : « Tôi tự thừa về nhà chàng đến giờ, có điều gì là điều thất-dức, mà chàng lại rước cái gái trắng-hoa ấy về, để phụ-bạc tôi. Tôi tuy không còn cha mẹ, nhưng anh em họ-hàng tôi cũng chẳng kém ai, tôi xem chàng kết-cục có lấy nỗi dứa ấy về nhà này được hay không. » Trúc-sĩ nghe nói, chỉ dành một niềm cung-kính, từ-từ đáp rằng : « Phu-nhân ạ, sự ấy đành là cái lỗi tại tôi. Duy tôi đã chót hứa với người ta rồi, bây giờ không biết làm thế nào. Chỉ cầu phu-nhân đem lượng cả bao-dung cho một chút, phu-nhân cũng không phải ngại gì. Người ấy là người nết-na, tôi biết đã lâu, xét đã kỹ. Người ấy về nhà này, xin phó-mặc cho phu-nhân nhận lấy trách-nhiệm giáo-huấn. Về phần tôi, tôi cũng xin tự-tín, quyết không sinh lòng thiên-vị chút nào. » — Mộng-Tương vẫn gắt giận chưa thôi, chau mày nói rằng : « Tôi không khi nào để chàng làm những sự ấy. Cái kẻ xuất-thân trong đám thanh-lân, còn có điều gì đáng khen, mà chàng lại nói tốt cho nó. Trong con mắt tôi không thể dung được nó, chàng mà quyết định lấy nó, thì chàng hăng lia-hỏ tôi ra trước đã, rồi chàng sẽ hay. » Trúc-sĩ thấy Mộng - Tương khăng-khăng một mực, không biết đường lối nào mà thuyết-pháp nữa, chỉ kêu lên rằng « Phu-nhân ! phu-nhân ! » tỏ ra ý khẩn-cầu. Mộng-Tương vẫn làm thinh không trả lời. Cuối cùng, Trúc-sĩ chạy lại trước mặt Mộng-Tương, quì xuống đất mà nói rằng : « Phu-nhân quả không nghe, thì sự ấy đành xin bãi. Phu-nhân đừng giận-dữ nữa mà phượng-hại hòa-khi

trong gia đình. » Mộng-Tương vẫn chưa trả lời. Trúc-sĩ vẫn quì mãi không đứng dậy.

Mộng-Tương mới đổi nét mặt, mỉm cười nói rằng: « Xin chàng cứ đứng dậy, kẻ đại-trượng-phu có gì lại vì cái việc nhỏ nhặt ấy, mà làm ra bộ sợ vợ thế! Người quân-tử nạp - thiệp, một là yêu kẻ có tài, hai là thương kẻ có nết, kiêng-ky nhất là quì cái sắc đẹp. Đàn ông quì cái sắc đẹp, là đàn ông hèn, đàn bà không biết chiều chồng, cũng là đàn bà hư. Chàng đã thường-thức đến kẻ kia, thì cái trách-nhiệm về phần trật-tự trong gia-đình, trước kia mười phần, sau này lại phải thêm ra mười một phần, chỉ làm nặng nề thêm cho chàng đấy mà thôi. Tôi vốn tin chàng là đấng quân-tử, mà về phần tôi, tôi cũng tự tin rằng tôi không phải là loài ột, quyết không đem thói cay-nồng. Xin chàng cứ phóng-tâm, không phải ngại gì. Tôi vẫn tính rằng trong biệt-thử ta ít người coi nom, chàng lấy được người ấy về đây, người ấy quả là người nết-na, không như là làm bạn với tôi, mà liền cả cảnh viên-lâm xinh-đẹp, lại thêm được một vị chủ-nhân, sớm khuya oanh hạc, ngày tháng nước mây, tôi chẳng bằng lòng lắm ru! » Trúc-sĩ nghe nói, rất lấy làm hoan-hỉ, liền đứng dậy, cùng với Mộng-Tương phu-nhân thương-nghị về việc cưới Oán-Quyên.

Thăm-thoắt quá mười ngày, đã đến kỳ-hạn Trúc-sĩ ước với Oán-Quyên. Oán-Quyên quả-nhiên dắt một đứa thị-nhi là Dung-Tiên, tự Tô-châu đi thuyền trở lại Hồ-diễn. Trúc-sĩ ra tiếp. Oán-Quyên nói rằng: « Tôi nghe lời tiên-sinh, hiện nơi phòng-ốc chỗ Đào-đã đem bán thuê, mọi đồ thập-vật thường dùng cũng đã bán đi cả rồi, chỉ đem một vài cái hòm nhỏ-nhỏ chứa mọi đồ tế-nhuyến lại đây. » Trúc-sĩ mừng lắm, liền kén định ngày tốt,

chuẩn đến mười lăm tháng tư này làm lễ thành-hôn. Hồi ấy tuy là sự tầm-thường nạp-thiệp, nhưng Mộng-Tương lại tỏ ra ý vui-về trang-hoàng, nhất-thiết khiến treo đèn kết sặc, đặt yến mời khách, mấy hôm trước phát thiệp đi mời khách, và đưa giấy thuê phường nhạc-công. Mộng-Tương lại nhất-thiết liệu lý tiêm-lắt, đem chỗ mé Tây Bái-nguyệt-lân là chỗ Thê-phượng-các, sai người nhà quét-rửa sạch-sẽ, làm chỗ tân-phòng cho Oán-Quyên. Ngày hôm trước Mộng-Tương đã thân-hành ra đón Oán-Quyên tự Hồ-diễn tiến về Thê-phượng-các ở. Đến ngày hôm sau là ngày cưới, sáng sớm ngày ấy, Tiểu-Sơn bắt đầu đem lại một phiến cầm-thạch, tay khắc sáu chữ: *hoa - bảo nguyệt-niên nhân-thọ*, làm đồ mừng. Mi-quân với Tử-Dã cũng lục-tục đem đồ mừng đến sau, hai người chung nhau một bức bình-phong bằng bốn tấm gương. Các người bè-bạn thân-thích gần xa, cũng đều đem lễ vật lại mừng. Trúc-sĩ đều nhất-nhất cảm-tạ thu-nhận. Khách ăn tiệc về buổi ngọ-phạn xong, dần-dần tan về. Chỉ Tiểu-Sơn, Mi-quân Tử-Dã với năm bảy người họ-hàng thân-thích là người giúp lễ, còn ở lại mà thôi. Kịp ngày chiều, đã đến giờ tốt, khách-khứa họ-hàng đều vào cả nơi tân-phòng. Bọn Mi-quân giúp lễ cho Trúc-sĩ, bọn Mộng-Tương giúp lễ cho Oán-Quyên, khiến hai người làm lễ giao-bái trời đất. Làm lễ xong, Oán-Quyên lại đi ra chốn biệt-dường làm lễ bái-kiến Mộng-Tương. Oán-Quyên định đem toàn-lễ khấu-dầu bái-kiến đối với Mộng-Tương. Mộng-Tương không nghe, nói rằng: « Đàn-bà, tuy phân có kẻ đích người thếp, song đã cùng về làm dâu trong một nhà, cùng là một đạo phụng-thờ tiên-tổ, kính-thuận lang-quân. Chúng ta sau này, cùng giữ lấy một chữ hòa, đề hưng-vượng cho gia-đạo, thế là đủ. » Mộng-Tương mới chuẩn cho làm lễ

đôi-bái. Mộng-Tương hơn Oán-Quyên ba tuổi, liền gọi Oán-Quyên là hàng em, Oán-Quyên gọi Mộng-Tương là hàng chị. Mộng-Tương lại truyền bảo mọi kẻ hầu trai hầu gái trong nhà, nhất-loạt đều gọi Oán-Quyên là nhị-phu-nhân (bà hai). Trời đã quá chiều, Mộng-Tương mới truyền lời cho giải-lễ, dẫn Oán-Quyên về Thê-phượng-các, đợi đến ngày thứ ba, sẽ đi làm lễ yết-kiến các miếu tổ-tiên. Lúc ấy, những khách giúp lễ còn n,đi ở cả Hồng-vũ-hiền. Trúc-sĩ với Mộng-Tương lại tỏ lòng cảm-tạ, thù-tạc một tiệc chiều. Mi-quân với Tử-Dã lao-thảo uống một chén rượu, ăn vài món rau, liền từ-tạ rằng đường vào thành còn xa, cáo-từ về trước. Tiểu-Sơn miễn-cưỡng ngồi lại thù-tạc cho tan tiệc rượu, rồi cũng lui về Âu-mộng-hiền.

Nhan Tam-Cô từ khi xem cuộc bơi thuyền ở Hồ-diên, từ trong cửa sổ thuyền ngó ra, trông thấy bên thuyền Trúc-sĩ có một người nho-nhã khác thường, lại thanh-cao sáng đẹp, như con hạc ở trong mây. Tử-Dã với Mi-quân thì Tam-Cô đã từng biết mặt, Tam-Cô nghĩ trong bụng rằng người ấy tất là Giang Tiểu-Sơn, không phải ngờ nữa. Sau Trúc-sĩ liền đem sự-tình Tam-Cô nói với Tiểu-Sơn, Tiểu-Sơn khôn xiết cảm-mộ Tam-Cô. Mộng-Tương cũng liền đem sự-tình Tiểu-Sơn nói với Tam-Cô, Tam-Cô cũng khôn xiết kính-mộ Tiểu-Sơn. Vợ chồng Trúc-sĩ đã ấn-dịnh về sự chủ-trương loát-hợp cho hai người. Hay đâu, phàm sự tốt xưa nay, lại có lắm điều ngăn-trở.

Nguyên-lai, Dịch Đồng-Hầu là một kẻ khinh-bạc công-tử, làm : gười bạn thiết trong trường du-dăng với Âu-Cầm, vốn biết Âu-Cầm có em gái là Nhan Tam-Cô là người tuyệt-sắc, vẫn dễ mất nom-dòm, dè ý thêm mến, thường nói rằng người con gái ấy là người nhà ta. Phen ấy đi tìm đến chơi Âu-Cầm, đột-

ngột dề-khỏi sự Nhan Tam-Cô. Âu-Cầm bắt đầu mới : ghe lời, tỏ ý cự-tuyệt, ngậm-ngùi nói rằng : « Bác đã có vợ cả rồi, họ Nhan tôi đời-dời nối dõi thur-hương, quyết không làm lẽ mọn người, sự ấy tôi không thể nghe lời bác được. » — Đồng-Hầu liền đem lời dụ-ngọt nói rằng. « Bác nghĩ sai quách rồi ! Ý tôi định lấy cô ấy về làm vị nhị-phòng, không phải là làm thiếp, sau này cô ấy về nhà tôi, tôi nhất-khái dùng lễ chính-thất đãi cô ấy. Môn-hộ nhà tôi thế này, há không đang-dối với nhà bác. Tôi với bác vốn chơi thiết với nhau, sự ấy nếu được thành-tự, thì bác tức là ông anh vợ tôi ; vì với nghĩa làm-thường giao-du khác, lại thân-thiết lên được mấy tầng. Bác đối với tôi muốn sao muốn vậy, tha-hồ bác tiêu-dùng của tôi, tôi không dám tiếc gì cả. » Âu-Cầm nghe xong, trong bụng đã chuyển-dộng, nhưng vẫn còn trù-trừ, ngồi nín lặng không nói. Đồng-Hầu liền đem trăm lạng bạc ở trong tay áo ra, nói rằng : « Bác lâu nay có túi tiền không ? Tôi sẵn có đây, bác đem đi mà tiêu-dùng ; nếu khi nào bác có thiếu-thốn thì bác lại cứ bảo tôi. » Âu-Cầm miệng thì làm điều từ-chối, tay thì thò ra cầm lấy số bạc, rồi nboễn miệng cười nói rằng : « Không phải là tôi không thuận với bác, chỉ ở trong thực có nhiều chốn khó-khăn. Tôi chẳng dám giấu gì bác, tôi với con em Tam-Cô nhà tôi, anh em vốn không hợp nhau, lâu nay lại không cùng ở một chỗ với nhau, hiện nay tôi cũng chẳng biết làm thế nào. Thôi thì tôi vì bác ruỗi đi một chuyến. Nếu nó không thuận, thì tôi tuy là anh nó, tôi cũng không thể cưỡng-bách được nó, hãng xem số-vận bác may lỗi thế nào ». — Đồng-Hầu cả mừng nói rằng : « Chỉ cốt là bác không bỏ tôi, chứ việc ấy thì nhất-dịnh thành-công, tôi xin chuyên đợi tin tốt của bác, bác ruỗi đi ngay. » — Âu-Cầm gặt đầu nhậ lời.

Cách hai ngày, Ấu-Cầm liền ruồi đến chỗ Song-thê-biệt-thử lại tìm Tam-Cô. Tam-Cô tiếp-kiến, bụng có nghĩ rằng Ấu-Cầm bình-nhật coi mình như khách ngoài đường, chẳng chút đoái-hoài, ngày nay hốt-nhiên đến đây, lại nét mặt hoan-hỷ, hỏi vắn hỏi dài, mười phần thân-thiết, trong đó tất có sự nghiêu-kê gì đây. Nhân tỏ ra nét mặt nghiêm-chính, hỏi rằng : « Thân em ăn gửi ở nhà người, trong mấy năm nay, trừ khi giỗ khi tết, em về nhà thăm anh thăm chị, ngoài ra anh chưa từng một thứ nào hỏi thăm đến em. Ngày nay anh lại đây, vì cơ-sự gì, anh nói rõ em nghe ? » Ấu-Cầm làm điều vui cười nói rằng : « Anh, trước kia đối với cô cũng có lắm điều không phải, nay anh đã hối lại. Anh hiện nay nghĩ đến cô tuổi đã lớn khôn, cứ ăn gửi ở nhờ, nay đây mai đó mãi thì cũng không phải là liễu-cục. Anh nên sớm-sủa lo-lắng về sự bách-niên cho cô, thế mới là chính-lý. Cũng may anh có một người bạn tốt, người ấy là một vị công-tử nhà họ Dịch tên gọi Đồng-Hầu, người ấy chính là hàng cháu Lý-phu-nhân bà mẹ nuôi cô đấy. Gia-tư người ấy phong-phú, tài-hoa người ấy cũng lỗi-lạc, tuổi người ấy với tuổi cô cũng xuýt-xoát nhau. Người ấy tuy có chính-thất, nhưng lấy cô về làm nhị-phòng. Cô cũng đừng ngại gì, nhà phú-quí xưa nay, năm thê bảy thiếp, đó là sự thường. Anh chỉ nghĩ rằng duyên-sự ấy là duyên - sự may - mắn tốt-lành, nếu làm - lỡ đi, há chẳng đáng tiếc. Vì thế anh đặc-biệt lại đây nói với cô một lời, chẳng biết ý cô nghĩ thế nào ? Người bạn của anh còn đợi anh về trả lời đó. » Tam-Cô nghe Ấu-Cầm nói, thật đã tìm gan lộn ruột, dường như không có lời gì khá nói. Nín bặt một hồi lâu, mới cười nhạt một tiếng, nói rằng : « Em đã biết anh vô-sự thì chẳng lên Tam-bảo-diện

chi. Anh làm sự thế thật là lắm to. Nhà ta rục-rở đường nào, vì anh chẳng nổi nghiệp nhà, nay nghiện-hút, mai cờ-bạc, đem bao nhiêu ruộng tốt vườn tốt của nhà mình, biến thành ra sản-vật người khác. Trước kia anh có nghe được một lời nào can-ngăn của em, nay cửa nhà đã đến địa-bộ sa-sút đường ấy, chỉ còn thừa một cái thân em, ăn gửi ở nhờ, nay đây mai đó, anh lại còn chẳng buông-tha nữa đấy ư. Việc em, bấy lâu anh không hỏi đến. Nay có gì hốt-nhiên chịu khó tìm-tòi lại đây, chẳng qua anh nghĩ thấy được một tí hơi đồng của người ta, anh nhăm mắt lại, nỡ lòng hại lẽ, định đem em bán cho người ta về làm thiếp mọn. Họ Nhan ta dòng-dối thi-thư, danh-giá thanh-bach, chẳng may đến đời anh bại-hoại đi hết sạch-sành-sanh. Em nghe lời anh, em cũng chẳng tiếc gì cái đời em, nhưng em chỉ sợ anh mai sau mặt-mũi nào trông thấy tổ-tiên ở dưới đất ấy vay. » Tam-Cô nói xong, liền kêu lên rằng : Ối cha ôi mẹ ôi ! khóc than vật-vã một hồi lâu. Ấu-Cầm khi ấy, cảm miệng không nói gì, đối với Tam-Cô, chẳng hề lòng thương, lại hề lòng giận, rồi vùng đứng dậy nói rằng : « Mày quả không nghe lời tao đấy à ! Tao đem ý tốt lại thương-lượng với mày, mày lại mắng tao, khiến tao không còn thể-diện nào. Tao bảo cho mày biết, cha mẹ đã mất rồi, thì cái sự chuơng-thần của mày, phải do tao làm chủ. Mày muốn nghe tao thì nghe, chẳng nghe thì chớ. Tao xem mày có tài-lực gì, mà làm thế nào cho khỏi được tay tao thì làm. » Khi nói, dầm châu mắt miệng. Nói xong quay đầu ra về.

(Còn nữa)

Tùng-Vân dịch

VĂN - UYÊN

Mừng tuổi báo Nam-Phong.

Cuộc đời dằng dẳng mấy trăm mươi,
Mừng tuổi Nam-Phong mới một mươi;
Bút dầu lâu năm ngòi vẫn tốt,
Chữ ra đầy thảng nét còn tươi;
Xuân thu đã trải bao mưa gió,
Ấu Ấu từng phen lắm khóc cười!
Trung, bắc, đông, tây cùng đứng vững,
Còn trời còn đất hẳn còn người!

ĐẶNG NGỌC-LIÊN

*
*
*

1. — Cái thiên-chức của nhà văn-sĩ đời nay.

I

Thế-cuộc phân-vân dở Á Âu,
Đầu xanh đeo nặng khối u-sầu;
Tinh nhà nợ nước to vô rồi,
Tế-độ là ai bắc đũa cầu?

II

Tế-độ là ai bắc đũa cầu,
An-thần linh-được giúp cho nhau;
Con Hồng cháu Lạc hàm-lắm triệu;
Ba cõi cùng chung giọt máu đào.

III

Ba cõi cùng chung giọt máu đào,
Hồn còn vơ-vẩn tựa chiêm-bao;
Sầu vơ khóc mướn ngày say đắm,
Non nước thấy ai chịu mũi sào.

IV

Non nước thấy ai chịu mũi sào,
Ngày qua tháng lại cứ tiêu-dao;
Sông Tiền bến Lũng ai thêu dệt?
Ngọn bút lâm-ly khéo diềm vào!

V

Ngọn bút lâm-ly khéo diềm vào!
Non sông mong-mỏi khách thanh-cao;

Đem văn chấn-chỉnh nền luân-lý,
Liên hiệp ba kỳ nghĩa tất-giao.

VI

Liên-hiệp ba kỳ nghĩa tất-giao,
Duy-tri phong-hóa buổi tân-trào;
Tinh-thần Khổng Mạnh ngày tươi mới,
Tư-tưởng tân-kỳ khắp đời trao.

VII

Tư-tưởng tân-kỳ khắp đời trao,
Vẽ-văn thiên-chức đáng văn-hào!
Trân-châu cống-hiến cho đồng-loại,
Hương-đạo thuyền đêm mấy vị sao.

VIII

Hương-đạo thuyền đêm mấy vị sao,
Lời vàng thành-thót gọi đồng-bào;
Gương nhà nhiều phủ cho êm-ấm,
Đồng-bệnh tương-liên trọn trước sau.

IX

Đồng-bệnh tương-liên trọn trước sau,
Sao cho mở mặt với hoàn-cầu;
Dân, quan, tãn, cự đừng phân cách,
Điêu-dắt lên đường lẫn bộ mau.

X

Điêu-dắt lên đường lẫn bộ mau,
Hùng-văn đại-bút những ai đâu?
Gọi người tỉnh giấc Nam-kha dậy,
Bánh đồ mê-thành mấy trượng cao.

2. — Lời Tây-Thi.

(Khi Ngô-vương Phù-Sai bị quân Việt-vương Câu-Tiền đuổi đánh thì nàng Tây-Thi đầu-giang cho toàn tiết-nghĩa. Bài này thay lời nàng Tây-Thi khi sắp đầu-giang.)

Hồn vua rửa sạch nghĩa chưa đền,
 Ân-ái lâu lâu ⁽¹⁾ thiệp dăm quên;
 Nặng gánh non sông tình hóa nhẹ,
 Yêu thân bỏ-liều họa xui nên;
 Bình-đao giục giã người trong mộng,
 Công-tội bằng-khuông khách giữa
 thuyền;
 Một tấm lòng son dòng nước biếc,
 Trung-tình gương rạn đề đời xem.

3. — Đọc Trần-triều võ-công liện-sử hữu cảm.

Trần-triều oai võ rạn non sông,
 Nghìn thuở danh thơm giống Lạc Hồng;
 Ra trận vẫn bàn cùng phạ-lão,
 Vào quân nào vị kẻ cùng thông;
 Đẳng cay chung chịu nghìn binh-sĩ,
 Bụi ngạt riêng gì một chí-tôn;
 Cộng-tác quân dân nên nghiệp cả,
 Nào dấu tượng đá với bia đồng?

4. — Lời gái giang-hồ.

Kín cổng cao tường có ích chi?
 Ngày xuân đánh nữ vút duyên đi!
 Cười hoa cợt nguyệt sao rằng dỏm?
 Tủi phận hơn duyên chẳng hóa si?
 Trinh-bạch sao riêng phần thạc-nữ?
 Ngang-láng chẳng thấy bọn lu-mi?
 Bình-quyền Âu Mi rày lan khắp,
 Mừng bấy ta sinh khỏi lỗi thì,

Đồng-quảng PHẠM PHÚ-TRÔNG

Nỗi buồn canh khuya

Trần-trọc canh khuya đứng lại ngồi,
 Nỗi riêng vơ-vẩn một mình ai;
 Khỗi sầu đắp đổi cùng non nước,
 Tắc dạ bằng-khuông với đất trời;

Mong bạn bạn dà xa cách mặt,
 Trông trăng trắng cũng lừng-lơ đời;
 Nỗi buồn vì bằng đêm nay cả,
 Ruột-léo gan mòn chữ chẳng chơi.

Bình-hải TẠ QUANG-NINH

I

Đêm trăng chơi núi Kính-chủ

Nhác trông Kính-chủ khéo xinh thay,
 Thợ tạo thù riêng bức họa này;
 Nước biếc một làn in sắc nguyệt,
 Non xanh mấy dãy lần từng mây;
 Nghe quỳên khắc-khoải riêng ta nỗi,
 Đoái cảnh sinh tình lắm khách say;
 Xem nước với đầy lòng thồn-thức,
 Hồn thơ lai-lãng dạ khôn khuây.

II

Qua lối cũ cảm-hoài

Qua lối Hoàn-nha bóng vẽ tà,
 Đoái trông cảnh cũ khác xưa xa;
 Bên đình chợ họp dăm ba dãy,
 Xóm giữa hàng buôn độ mấy nhà;
 Đường sá sửa-sang nhiều sự tiện,
 Phố-phường eo hẹp ít người qua;
 Dừng chân ngắm cảnh tình man-mác,
 Non nước xui nên dạ thiết-tha.

III

Tự-thuật

Ông nghĩ mình ông sướng đủ điều,
 Ngắm duyên kỳ-ngộ biết bao nhiêu;
 Bạn bè ngày tháng chơi không thiếu,
 Tiền bạc quanh năm vẫn rộng tiêu;
 Lúc hứng ngâm thơ cùng cát-sĩ,
 Khi buồn trò-chuyện với người yêu;
 Ở đời hồ dễ ai bì kịp,
 Ông nghĩ mình ông sướng đủ điều.

(1) N.ô-vương xây đền Liều-ha cho Tây-Thi ở mùa nóng.

IV

Thơ trả lời bạn

Ta vẫn phong-lưu kêm cóc ai,
 Gan đồng dạ sắt đáng nên trai;
 Phòng khuê vốn sẵn tay tần-tảo,
 Vườn hạnh còn mong nghĩa trúc-mai;
 Khoa-hoạn nếp nhà truyền sử-sách,
 Văn-chương nét đất bậc anh-tài;
 Gần xa ước hẹn ai tri-kỷ,
 Thanh-khi xin đừng ngại vắng-lai.

V

Thơ trách tình-nhân

Ở đời hồ dễ mất ai xanh,
 Kén chọn vàng thau thế mới sánh!
 Vẫn tưởng cung trăng treo giá ngọc,
 Ngờ đâu thêm quế nhiễm màu tanh;
 Hái hoa muốn những bông hoa quý,
 Bể nhị cần chi nhị nứt nanh;
 Có hỏi thăm lời tôi cũng hỏi,
 Hỏi cô được biết mấy chàng Khanh.

CHU THẾ-HỮU

HÁT NÓI

Sách Quả-dưa-đỏ là một bộ phiêu-lưu tiểu-thuyết tả chuyện nước nhà, khi mới ra đời đã được nhiều người hoan-ngênh. Nay lại mới tiếp ông Nguyễn Văn-Kiểm và ông Lâm Tấn-Phác Hà-tiên, có tặng bài hát nói đề sách Quả dưa đỏ, đã lục đăng Nam-Phong số báo 122. Vậy tôi xin thay lời cô Việt-ngà trong truyện nói điều một bài hát nói đề kinh đáp hai ông như sau.

Lời cô Việt-ngà.

Việt-ngà là thiếp,
 Tấm lòng son đã quyết bấy nhiêu lâu,
 Bướm ong chi nào biết đầu đầu,
 Riêng đợi bạn nước non non nước.
 Vườn Lạc bề Nam ơn thăm trước,

Răng đen mà đỏ chất hằng xưa,
 Quấn chi thân dải nắng dầu mưa,
 Mong ngày một ra dài nở nhị;
 Dù cay đắng ngọt ngon nào dám kể,
 Dải tâm-can, tri-kỷ thấu cho cùng.
 Còn duyên có lúc tao-phùng!

ĐỒ-NAM NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

* *

I

Cầm, Kỳ, Oanh, Tuyết (1),
 Sự tình-cờ nên kẻ biết, người quen.
 Xóm Bình-khang ai trở nẻo đưa duyên?
 Mà gặp-gỡ đã nhiều phen ân-ái.
 Len-lỏi rừng mai vịn mấy trái,
 Thẩn-thờ dạ ngọc ước ba sinh.
 Chót đa-mang lấy một chữ tình,
 Kia Tống-Ngọc với Trạng-Khanh thừa trước.
 Ấy mới biết một dây là một bước,
 Ấng má hồng không thuộc thế mà say.
 Tri-âm ai hỏi! có hay?

II

Trên cảnh học nói (2),

Giọng mĩa-mai như gọi khách tri-âm?
 Chốn hồng-lầu nấn-ná đã bao lần,
 Chi vương-vit để ruột tâm thêm bối-rối?
 Riu-rít vườn đào chìm dẫn lối,
 Phất-phơ là thắm gió đưa tin.
 Nước non kia xa mấy dặm nghìn,
 Duyên hội-ngộ khéo như in giấc mộng!
 Trời đất đề sông dài, bể rộng,
 Còn nhiều phen bay bổng chị em ơi!
 Nên chẳng thổ-thể mấy lời.

Gặp bạn cũ

M. 1911

Chốc đà bảy tám năm trường,
 Vầng trăng xẻ nửa bước đường chia đôi.
 Bảy lâu kẻ ngược người xuôi,
 Bảy giờ hợp mặt một lời giao-hoan.

(1) Tên các cô đầu.

(2) Đưa cô đầu Oanh.

HÁT NÓI

Thiên-lý năng tương-ngộ,
 Sự tình-cờ lại có buổi hôm nay.
 Nỗi nhớ mong mong nhớ đã khuấy
 khuấy,
 Câu chuyện cũ, khắc canh chầy ai đó hử?
 Song-tiền tu-trúc hữu quán-tử,
 Tọa-thượng thanh-phong lai cổ-nhân.
 Nào những khi gió gác lúc trăng sân,
 Mà gặp-gỡ muôn phần thêm thích-chí.
 Ba sinh duyên hẹn từ bao nhỉ?
 Chữ ái-ân ghi đề một bên lòng.
 Vui thay cái cuộc tương-phùng!

Tương-tư (1)

Mưỡu

Người dẫu gặp-gỡ làm chi?
 Trăm năm biết có duyên gì hay không?
 Phòng văn hơi giá như đồng,
 Bảng-khuông luống những rày trông
 mai chờ.

Nói

Tri âm ai đó

Đã cùng ai gần-bó nợ ba sinh?
 Giải đồng-lâm hay vẫn buộc lấy tình,
 Tầm dẫu thác tơ kia còn phải vương.
 Nguyệt ấn mai-song thanh-dạ tường,
 Phong sao ngọc-thụ lữ-tình hoài.
 Ấy vì dẫu như mưa tuôn, như gió thoảng,
 Như chớp nhéang, như mây bay,
 Con tạo khéo trêu người chi thế thế?
 Kìa những lúc sơn-minh cùng hải-thế,
 Chữ ái-ân ghi đề lúc nào nguôi.
 Gặp nhau ta sẽ vui cười!

Hát cô dẫu (2)

Mô-phạm gì a, lũ chúng mình?
 Thôi thôi, thôi cũng giống đa-linh!
 Cười hoa cợt liễu khi đêm vắng,
 Đạp tuyết vịn mai độ tuổi xanh;
 Đan-diêu bên tường duyên Tống-Ngọc,
 Hẹn-hò trong cuộc bạn Tráng-Khanh.

Giai-nhân tài-tử âu là thế,
 Nhấn khách thư-hương chờ vội khinh.

Phác-ngọc PH. TH.

1. Khóc chồng

Hàng xóm nhà ai khóc nỉ-non,
 Chả vì chồng phải khóc vì con?
 Kêu trời có biết niềm tâm-sự,
 Hỏi số đã xong kiếp phần son;
 Con tạo khéo xoay người lận-đận,
 Má hồng hóa gập bước chon-von;
 Vô-tình thiên-hạ vui, cười, nhây,
 Cơ-khở riêng ai dặt một hòn!

2. Tự-hí

Như đại như ngày mới nức cười,
 Chán đời muốn chết chết không xuôi;
 Lăm-le trăng gió quên ngày tháng,
 Láo-lỉnh thơ-từ vẫn nước mây;
 Mỗi mắt trông thời, thời chẳng tới,
 Còm lưng chịu dấm, dấm không rơi;
 Cơm ngày ba bữa không ra kể,
 Ấu phải giang tay khoét chữ tài.

3. Gửi cho bạn nhà giàu

Đã thất cùng nhau một chữ đồng,
 Khỏi tình bầu bạn có non sông;
 Người ngu người bảo em tham bạc,
 Anh biết anh cho đũa khở lòng;
 Cay đắng mùi đời còn nếm mãi,
 Khóc cười bề ai vẫn chưa xong,
 Hỡi anh có hiểu tình cho nhỉ,
 Đã thất cùng nhau một chữ đồng.

4. Khóc mẹ

Mới đó mà ra mắt mẹ rồi,
 Ó-hó đến thế thế thì thôi!
 Nhà tan của hết đau chồn ruột,
 Thơi khó đường xa ngán-ngần đời;

(1-2) Trong hai bài này những chữ hoa, liễu, tuyết, mai, nguyệt, phong, ngọc đều là tên người.

Trần-trọc năm canh hồn quốc rữ,
 Bàng-khuàng sáu khắc khối tình vay.
 Suối vàng mẹ hỡi hay chàng tá ?
 Thân-thể ngần ni phải chịu trời !

5. Hát nói

Nằm gác tay lên nghĩ sự đời,
 Hồn tan phách lạc lệ rơi mấy hàng ;
 Kiếp tài-tình sao khéo đa-mang ?
 Lăn-lóc mãi vẫn nằm trên cõi tục.

Thế-thái nhân-tình đà chán ngắt,
 Phong hoa tuyết nguyệt cũng buồn toi.
 Cái tượng-lai kia, khách càng hỡi, nó
 lại càng cười,
 Làm cho khách cứ bồi-hồi thêm mãi mãi.
 Xót ruột muốn kêu trời xuống hỏi,
 Có làm sao riêng hại chỉ mình ta ?
 Có sao vậy thế trời già ?

THÁI VĂN-HÒE

DỊCH THƠ TÂY

L'isolement

Souvent sur la montagne, à l'ombre du vieux
 chêne.
 Au coucher du soleil, tristement je m'assieds ;
 Je promène au hasard mes regards sur la
 plaine,
 Dont le tableau changeant se déroule à
 mes pieds.

Ici gronde le fleuve aux vagues écumantes,
 Il serpente et s'enfonce en un lointain obscur ;
 Là, le lac immobile étend ses eaux dormantes,
 Où l'étoile du soir se lève dans l'azur.

Au sommet de ces monts couronnés de bois
 sombres,
 Le crépuscule encor jette un dernier rayon ;
 Et le char vapoureux de la reine des ombres
 Monte, et blanchit déjà les bords de l'horizon.

Cependant, s'élançant de la flèche gothique,
 Un son religieux se répand dans les airs ;
 Le voyageur s'arrête et la cloche rustique
 Aux derniers bruits du jour mêle de saints
 concerts.

Mais à ces doux tableaux mon âme indiffé-
 rente,
 N'éprouve devant eux ni charme ni trans-
 ports ;
 Je contemple la terre ainsi qu'une âme errante
 Le soleil des vivants n'échauffe plus les morts.

De colline en colline, en vain portant ma vue
 Du sud à l'aquilon, de l'aurore au couchant ;
 Je parcours tous les points de l'immense
 étendue,
 Et je dis : « Nulle part le bonheur ne
 m'attend ».

Cảnh đìu-hiu

Thường những lúc trời tây bằng-lãng,
 Thơ-thần ngồi dưới bóng cây sên.
 Ngắm xem cảnh-vật đồng-điền,
 Bồi thay thay đổi liên liên dưới chân.

Sông một dải làng-làng bọt trắng,
 Uốn quanh-co trong dặm tịt-mù.
 Bên kia nước lặng một hồ,
 Bóng sao lấp-lánh điểm-tô đa trời,

Rừng cây rậm loì-loì đầu núi,
 Ánh tà-dương còn dọi bóng vàng.
 Hằng-Nga tháp-thoáng đầu ngàn,
 Càng lên càng sáng cả làn chân mây.

Chuông chùa động lung-lay từng gió,
 Vang lừng ra đầu đó đờ hay.
 Khách qua đường sẽ dừng đây,
 Tiếng đưa vưa dứt, bóng ngày vưa
 qua.

Trông phong-cảnh đậm-dà phong-phú,
 Mà lòng không vui thú được nào !
 Cuộc đời là cuộc chiêm bao,
 Trời kia khôn thấu lòng đau người buồn

Mắt nhìn khắp đầu non ngọn núi,
 Bốn phương trời cũng đuổi theo coi.
 Ruồi coi vũ-trụ rộng-dài.
 Cõi an-vui ấy đợi người nào đâu.

Que me font ces vallons, ces palais, ces
châumières,
Vains objets dont pour moi le charme est
envolé ?
Fleuves, rochers, forêts, solitudes si chères,
Un seul être vous manque et tout est dépeu-
plé !

Quand le tour du soleil ou commence ou
s'achève,
D'un œil indifférent je le suis dans son cours ;
En un ciel sombre ou pur qu'il se couche
ou se lève,
Qu'importe le soleil ? je n'attends rien des
jours.

Quand je pourrais le suivre en sa vaste
carrière,
Mes yeux verraient partout le vide et les
déserts ;
Je ne désire rien de tout ce qu'il éclaire,
Je ne demande rien à l'immense univers.

Mais peut être au delà des bornes de sa
sphère,
Lieu où le vrai soleil éclaire d'autres cieux,
Si je pouvais laisser ma dépouille à la terre,
Ce que j'ai tant rêvé paraîtrait à mes yeux !

Là, je m'énivrerais à la source où j'aspire ;
Là, je retrouverais et l'espoir et l'amour ;
Et ce bien idéal que toute âme désire,
Et qui n'a pas de nom au terrestre séjour !

Que ne puis je, porté sur le char de l'aurore,
Vague objet de mes vœux, m'élancer jus-
qu'à toi !
Sur la terre d'exil pourquoi resté-je encore !
Il n'est rien de commun entre la terre et moi.

Quand la feuille des bois tombe dans la
prairie,
Le vent du soir s'élève et l'attache aux
vallons,
Et moi, je suis semblable à la feuille flétrie.
Emportez-moi comme elle, orageux aquilon ;

LAMARTINE

Le vase brisé.

Le vase où meurt cette verveine
D'un coup d'éventail fut fêlé ;
Le coup dut effleurer à peine.
Aucun bruit ne l'a révélé.

Mais la légère meurtrissure,
Mordant le cristal chaque jour,
D'une marche invisible et sûre,
En a fait lentement le tour.

Mặc cảnh-vật nhà cao ngõ hẹp,
Riêng mình ta vui đẹp cùng ai.
Vui gì nước thăm non dài,
Vắng người bạn ngọc còn vui được nào !

Thời-gian cứ hư-hao mòn-mỏi,
Ta cũng không ái-ngại mà chi.
Mặc dầu thổ lặn ác đi,
Ta đây cũng chẳng thiết chi đến ngày.

Hồi nghĩ đến mắt này dường thấy,
Thấy đời ta đâu đây diu-hiu.
Hết vui quang-cảnh mỹ-miền,
Muốn cùng vũ-trụ mấy điều cũng thôi.

Hay là ở cõi ngoài thế-tục,
Mới là nơi nước Nhược non Bằng.
Vì thân lãnh được bụi hồng,
Gót tiên một trận thoát vòng nhân-gian !

Đó có sao muốn vản trọng sạch,
Để cho ta thỏa-thích tiêu-dao.
Ái-tình hi-vọng bấy lân,
Họa là chốn ấy mới cầu được vay !

Nhờ xe tiên đưa ngay đến đó,
Để cho ta có chỗ vui-vầy ;
Sao còn lẩn-lữa mãi đây,
Tình này cảnh ấy ta nay chán rồi !

Lá vàng rụng rơi-bởi đồng nội,
Ngọn gió chiều bỗng thổi đem đi.
Ta đây là đó khác chi,
Xin nhờ gió cũng đem đi theo cùng.

TRÚC-HÀ dịch
(Hà-tiên)

Cái bình vỡ (1)

Này cảnh « tiên-thảo » cắm trong bình,
Bình hoa phải quạt chạm vào mình.
Chạm phải bình hoa khe-khe nứt,
Nhưng không tiếng động ai hay tình.

Gọi là khe nứt tí như thế,
Ngày một ngày hai càng thấm-thía.
Vết thương thỉnh-thoảng ăn sâu vào,
Dần dần nứt quanh cả bốn phía.

(1) Dịch theo thể « trường-thiên cổ-thi ».

Son eau fraîche a fui goutte à goutte,
Le suc des fleurs s'est épuisé :
Personne encore ne s'en doute,
N'y touchez pas, il est brisé.

Souvent aussi la main qu'on aime,
Effleurant le cœur, le meurtrit ;
Puis le cœur se fend de lui-même,
La fleur de son amour périt.

Toujours intact aux yeux du monde,
Il sent croître et pleurer tout bas
La blessure fine et profonde.
Il est brisé, n'y touchez pas.

SULLY PRUDHOMME

Thánh-thót bên bình giọt nước rơi,
Nhị nhọt, hương phai, hoa hết tươi ;
Nỗi ấy người đời ai có biết,
Chớ động ! bình kia đã vỡ rồi !

Thường-tình người ta có khác chi,
Phải tay người yêu chạm đến khi ;
Chạm đến quả tim tế-tái vỡ,
Hoa « ái-tình » kia cũng héo đi.

Trông vẫn còn nguyên ai biết đau,
Vết thương kia nhỏ nhưng mà sâu ;
Lan dần, dần thấm đến giọt lệ,
Bình vỡ ! ai ôi ! chớ động vào !

ĐÔNG-HỒ dịch
(Hà-tiên)

THỜI-ĐÀM

Việc thể-giới

Cuộc tổng-tuyển-cử ở Nhật-bản.

— Kỳ tổng-tuyển-cử ở Nhật-bản vào khoảng tháng 2 năm 1928, kỳ này là dùng lối phổ-thông đầu-phiếu lần thứ nhất. Tới nay luật phổ-thông đầu-phiếu mới thi-hành về việc tuyển-cử các hội-dồng hàng quận hồi tháng 9 vừa rồi mà thôi. Nay mới sắp đem ra thi-hành về cuộc tổng-tuyển-cử, thực là một việc quan-hệ trong lịch-sử chính-trị nước Nhật, ảnh-hưởng chắc là sâu-xa lắm, và kết-quả tất đến tổ-chức ra các chính-dảng mới.

Xét cái chế-độ tuyển-cử ở nước Nhật, cũng như các chế-độ khác, tiến-hóa mau lắm. Luật tuyển-cử năm 1890 thời định rằng phạm người dân Nhật-bản thuộc về nam-tính, tuổi hai-mươi-lăm trở lên, cư-trú ở hạt nào tự một năm trở lên và đóng thuế trực-tiếp với Nhà-nước tự 15 yen (viên) trở

lên, mới có quyền bầu-cử. Đến năm 1900 thì hạn số thuế giảm xuống 10 yen, năm 1920 giảm xuống 3 yen; đến như số đại-biểu ở Nghị-viện thời trước có 381 người, sau tăng lên 464 người, và các khu bầu-cử thì mở rộng thêm ra. Tuy-nhiên, các báo vẫn hết sức yêu-cầu cho được đặt lệ phổ-thông đầu-phiếu. Nội-các HARA thì cho là lệ ấy chưa đến ngày đặt vọi. Nhưng năm 1924, hồi Nội-các liên-hiệp của Tử-tước KATO đương cầm quyền, có đặt ra một hội ủy-viên khảo-sát về vấn-đề ấy, biên-chế ra một bản dự-thảo về thể-lệ bầu-cử, trong dự-thảo ấy có nói rằng: « Phạm người dân Nhật-bản thuộc về nam-tính, tuổi tự hai-mươi-lăm trở lên, đều có quyền bầu-cử các đại-biểu ở Chứng-nghị-viện, trừ những người trưởng-tộc các nhà quý-phái, những quân-quan đương tại-chức,

những người bị tước công - quyền, những người bị án võ nợ, những người phải ăn nhờ các sở cứu-tế công hay tư, cùng những người có tội phải ăn tù trên sáu năm tù. Phạm người tuổi chưa đầy bốn-mươi đều được quyền ứng cử vào Chung-nghị-viện». — Dự-án ấy đem thông-quá ở Chung-nghị-viện được quyết-nghị, sau đem thông-quá ở Nguyên-lão-viện, thảo-luận trong một tháng rồi kích-liệt lắm, rồi cũng quyết-nghị. Luật mới ấy dự-hành đến năm 1927 mới bắt đầu thi-hành, hiện đã thi-hành kỳ tuyển-cử hội-đồng hàng quận vừa rồi. — Muốn chiêm - nghiệm kỳ tuyển-cử hàng quận đó mà đoán cho biết kỳ tổng-tuyển-cử sau này thế nào, kẻ cũng khó, và kỳ tuyển-cử hàng quận mới rồi số người không đi bầu nhiều lắm. Có người thời cho rằng trong cuộc tuyển-cử hàng quận đó, các đảng lao-dộng thất-bại; có người thời lại trì-lại, cho là một sự thí-nghiệm hay cho các đảng ấy, tất đặc-lợi sau này. Báo *Japan Advertiser* phán-đoán rằng: «Tuy số người đi bầu có tăng lên nhiều, mà kết-quả cuộc tuyển-cử cũng không khác gì trước khi thi-hành luật tuyển-cử mới.» Lại nói rằng: «Có một điều đáng chú ý, là người thành thị thường bầu cho đảng *Minseito* (Dân-chủ-dảng), người nhà quê thường bầu cho đảng *Seiyukai* (Chính-lưu-hội).» — Sự kinh-nghiệm đó tưởng có hai ý-nghĩa: một là sau cũng như trước khi tuyển-cử, hai đảng như trên ấy vẫn là hai đảng có thế-lực tranh nhau; hai là cái mưu xa ý thâm của Nội-các hiện nay, từ ngày 24 tháng 4 trước lên cầm quyền đến giờ, vẫn chủ cho đảng *Seiyukai* được các vé bầu ở nhà quê, thế là đã đạt được vậy. — Dù thế nào mặc lòng, chắc là phái bảo-thủ hết sức ngăn-trở cho luật tuyển - cử mới này khó thi-hành; tuy-nhiên chính-trị Nhật-bản tự mấy năm nay xem ra khuynh-hướng hẳn về đường dân-chủ,

Nội-các của tướng TANAKA (Điền-trung-Nghĩa-nhất) theo về phái thủ-cự, không khởi từ nay đến kỳ tuyển-cử bị công kích dữ. Chắc có kẻ trách nội-các này là đã gây ra sự khủng-hoảng về tài-chính, hiện các điện-báo đã truyền đi khắp thế-giới những tin-tức không hay; lại chắc cũng có kẻ trách về cái chính-cách nghiêm-khắc đối với Tàu, khiến cho người Tàu thêm lòng ác-cảm đối với Nhật, không kiêu lại xưng lên đề-chế đồ hàng Nhật. Thực ra thì nhân việc biến ở Tàu trong khoảng một năm nay, Nhật phải phái quân sang Sơn-dông để bảo-hộ cho Nhật-kiểu ở đấy, người Tàu hồi ấy có khởi lên đề-chế Nhật-hóa thật, nhưng không được bao lâu thời thôi; xét các tập nguyệt-đề thống-kế thời lại thấy số xuất-cảng của Nhật sang Tàu mấy tháng sau này có tăng lên hơn trước. Về phư-ơng-diện khác thời đã từng nghiệm nhiều lần thấy chính-phủ Đông-kinh có ý muốn giữ lấy thân-thiện với Bắc-kinh. Cái chính-sách công - kích đối với nước Tàu về thời Nội-các OKUMA, nay đã bỏ hẳn rồi. Gần đây, chính-phủ Nhật có phát cho các quan lại một tập sách nhỏ, trong đó có nói rằng: «Chính-sách nước Nhật đối với nước Tàu, phải lấy tương - trợ cộng - tác làm tôn-chỉ, để mong mở - mang kinh-tế cho Đông - phư-ơng.» — Lời nói đó không phải là chỉ tỏ cái ý của người Nhật muốn thực-hành một cái chương-trình kinh-tế ở Bắc-châu, Mông - cổ, như hiện nay công sứ Nhật ở Bắc-kinh là YOSHIZAWA và đại-biêu của Trương Tác-Lâm là tướng YANG YU-TING, hai người thương-thuyết với nhau đã lâu mà chưa xong — chương-trình ấy nếu thực - hành được thì thật là lợi-ích cả cho hai bên, — không phải thế mà thôi, lại là tiền-biểu ra một cái tâm-lý chính-trị mới của người Nhật, không những đối với Tàu, mà đối với các dân-tộc khác nữa. Chính bá-tước OKUMA

ngày nay đã từng viết rằng : « Cái cách chuyên-chế của người Anh người Mỹ ở hội nghị - hòa năm 1919, thật đã khiến cho thần vờ người cũng phải tức giận. » Lại chính ông xướng lập ra một hội « Ấn-độ Nhật-bản hiệp-hội », trong điều-lệ Hội điều thứ nhất nói rằng : « Người ta sinh ra đều bình-dẳng cả. Người Á-châu cũng là người như người Âu-châu, cũng có quyền làm người như người Âu-châu... » — Song vấn-đề này lại là một vấn - đề khác. Nay chỉ nói qua cho rõ cái khuynh-hướng mới của chính-phủ Nhật-bản ngày nay đối với nước Tàu, và cho biết rằng đảng phản-đối muốn lấy cái chính-sách ở Tàu mà công-kích chính-phủ thời lễ phản-đối không được mạnh vậy. Đảng phản-đối xem ý ra muốn khuynh-đảo Nội-các trước kỳ tổng-tuyển-cử để khiến cho đảng dân-chủ đắc-thắng mà đảng chính-hữu thì thất-bại cho lâu không được cầm quyền nữa. — Song cũng chưa chắc là làm được như thế, và Nội-các TANAKA chưa có cái cơ nguy-hiểm gì cả. Còn như việc tổng-tuyển-cử, thời chưa có cái triệu-chứng gì có thể đoán rằng kỳ này bắt đầu thi-hành lệ phổ-thông đầu-phiếu sẽ có biến-cải to trong trường chính-trị nước Nhật ; và cái luật tuyển-cử mới xem chừng trong dân-gian cũng không lấy gì làm cở-vỡ cho lắm vậy.

Việc nước Tàu. — Việc nước Tàu gần đây cũng không thay đổi gì mấy, cứ như điện-tin hằng ngày duy ở Quảng-châu vừa rồi có xảy ra cuộc chính-biến thì thiệt-hại nhiều lắm. Nhân cuộc chính-biến ấy là do đảng cộng-sản gây nên, kỳ báo trước đã kể rõ cả rồi. Bởi vậy các ủy-viên chính-phủ Nam-kinh có nghị cho bọn Ưng Tinh-Vệ thông-dồng với bọn cộng-sản, đã hạ lệnh tra xét. Ưng đã cùng với Hoàng Kỳ-Tường phải bỏ Thượng-hải đi tàu Pháp định sang *Marseille*. Còn

bọn Trương Phát-Khuê thì cũng rút quân ra khỏi tỉnh-thành mà di đến đóng ở Đồng-giang, chứ không có khai-chiến chống-cự gì cả. Lý Tế-Thâm lại kéo quân về tỉnh-thành Quảng-dông, để duy-trì cuộc trị-an. Ở Giang-ninh có mở hội phốc-diệt cộng-sản, thông điện khắp trong nước ngoài nước tổ-chức một đoàn diệt-cộng.

Tướng Giới-Thạch từ khi về nước đã công-bố lại ra nhận chức tổng-tư-lệnh quân quốc-dân, để làm cho trọn công việc tặc-phạt. Bọn tướng-lãnh Quốc-dân-quân là Hà Ứng-Khâm, Hạ Diệu-Tổ, Bạch Văn-Uất, Lưu Trĩ, Cổ Chúc-Đồng, Tiền Đạt-Quan, Hạ Đầu-Dầu, Trần Trác, Tào Vạn - Thuận, Trương Khắc-Cao, Lý Minh-Dương, Vệ Lập-Hoàng, Đỗ Khởi-Vân, Trương Trình, có liên-danh gửi điện cho Tướng Giới-Thạch tỏ ý ủng-hộ và xin Tướng lại ra cầm quân.

Tướng Giới-Thạch vì muốn điều-hòa cảm-tình của các phái, nên đã định ở các tỉnh Hồ - bắc, Hồ - nam, Quảng - đông, Quảng - tây, An - huy, Giang-tô, Phúc-kiến, Chiết-giang đều đặt ra chính-trị phân-hội, do các phân-hội họp lại đặt ra cuộc hội-nghị chính-trị trung-ương, hội chính-trị trung-ương không đặt ủy-viên nữa.

Cuộc chấp-giám hội-nghị toàn-thể lần thứ tư định vào độ ngày 5 đến ngày 10 tháng giêng tây khai-hội.

Song trong quốc - dân - đảng mấy tháng nay vẫn sinh ra nhiều việc rắc-rối Tôn Khoa thì từ chức trưởng-bộ Tài-chính, Ngũ Triều-Khu thì từ chức trưởng-bộ ngoại-giao, đều bỏ Nam-kinh đi, nghe nói định về Quảng-dông lập chính - phủ mới. Lại có tin rằng phái Quảng - tây ở Quảng-châu sẽ cùng phái Hán-khẩu và phái Chiết-giang ở Giang-ninh và Thượng-hải quyết-liệt. Lý Tế-Thâm cũng định liên-hợp Quảng-dông, Quảng-tây, Hồ-

nam và Hồ-bắc đuổi bỏ phái Giang-ninh. Quốc-dân đổng-vũ còn phản-ván như thế, thì vị-tất dĩ triệu-tập được hội-ng nghị toà-i-thể.

Ở Hồ-nam thì bọn Hà-Kiệt là bộ-tướng của Đường Sinh-Trí tróc, cũng chưa chịu thực lòng qui-thuận. Bạch Sùng-Hy, Trình Tiễn đã quyết dùng võ-lực để giải-quyết việc Hồ-nam.

Về tin Bắc-phạt thì gần đây Nam-quân vẫn thắng-lợi. Diên Tích-Sơn đã lấy được Đại-dồng, quân Phụng-thiên lui về Thiên-trấn. Quân Phùng Ngọc-Tường đã chiếm được Đại-danh, quân Phụng-thiên đã lui đến Lâm-thành. Đạo quân của Phùng do Tôa Lương-Thành chỉ-huy, đã tiến đến Duyên-châu. Đội tiên-phong đạo quân thứ 26 đã tiến đến Đàm-thành. Sư-đoàn độc-lập thứ một, đã chiếm được An-dông, quân Phụng-thiên lui về Nhật-châu. Viên sư-trưởng của Phụng-thiên là Đoàn Tường Lân bỏ trốn đến Đài-nhi-trang, bị quân hồng-trang bắt chết.

Đạo quân Phùng Ngọc-Tường do tướng Tôa Lương-Thành hiện đương

hết sức tiến đến Tế-nam, Quốc-dân-quân do ở Từ-châu kéo lên giúp sức.

Có tin rằng Trương Tác-Lâm sẽ rút hết quân ở Sơn-tây về đông ở một giải đường Kinh-tuy. Cái cơ rút quân về ấy là nhai việc chiến-tranh ở Sơn-dông rất là nguy-cấp, và lại nhân hồi này khí trời rét quá, tại nơi chiến-tranh ở trong các đường núi gập-ghenh, sự tiếp tế rất khó-khăn. Sau nữa vì quân-lính bị chết hại mất nhiều, ở đường Tân-phổ chết hơn bốn nghìn người, ở đường Lũng-hải chết hơn 3700 người, về miếu Hải-châu chết hơn 2000 người. Quân Tôn Truyền-Phương ở đường Tân-phổ chết hơn 2000 người. Ngoài ra khí-giói cũng mất đến gần hai số người.

Mặt Văn-nam thì quân của chính-phủ đã đánh được Cửu-tinh là một đồn ở gần đường cương-giới Qui-châu, quân chính-phủ bắt vây đồn ấy đã mấy tuần lễ nay, hiện đương hết sức đánh đuổi Trương Nhữ-Kỳ và Hồ Nhượng-Ngu.

Việc trong nước

Tình hình chính-trị — Quan Toàn-quyền VARENNE đến cuối tháng giêng năm 1928 là hết kỳ-hạn đặc-phái, hiện đã công-nhiên xin từ-chức, đề vận-động về việc tuyển-cử nghị-viên tháng 5 này. Ngai lại đứng tên về đảng xã-hội, ứng cử trong hạt Riom, thuộc quận Puy de Dôme, là hạt cũ xưa nay.

Bộ cử quan Phó Toàn-quyền MONGUILLON cử quyền lĩnh chức Toàn-quyền.

Quan MONGUILLON hồi tháng chạp về Sài-gòn khánh-thành Hội chợ ở chừng tuần-lễ rồi lại ra Hà-nội. Nghe nói chừng đến tháng ba thì ngài đi kinh-lược Cao-miền.

Nhà đại-tư-bản Pháp ông FONTAINE là chủ Công-ti Rượu, ở Pháp sang từ độ trước, ở Sài-gòn ít lâu, mới ra Bắc. Ông chính là người trước-tác bài «Pháp-Việt chính-kiến» mà bản-chi đã có bài bản mấy tháng trước. Gần đây ông lại chủ-trương lập một nhà công-quản cho các học-sinh An-Nam ở tại Xóm học-sinh ở Paris. Nhân ông đến Hà-nội, các người làm trong Công-ti Rượu có đại hội mừng ông, bữa ấy quan Toàn-quyền MONGUILLON thân đến chứng-kiến, có đọc một bài diễn-thuyết khen công-nghiệp của ông FONTAINE và chủ-trương cái chính-kiến người lấy người Nam nên hiệp-lực cộng-tác về đường kinh-tế, khiến cho mỗi lợi quyền của hai

bền càng ngày càng ràng-buộc khăng-khim, không bao giờ rời đứt ra được, thế là mọi vấn đề về chính trị, xã-hội, sẽ tự-khắc giải-quyết được ổn-thỏa cả. Ngài thí-dụ một việc, như ở một tỉnh Trung-kỳ nọ, việc đặt đèn điện ở tỉnh-thành mới rồi giao cho một người An-Nam lĩnh-trung, người này đỗ kỹ-sư ở Pháp về, và lại hiệp với công-tử Pháp để làm việc đó. Hiện nay còn ít, nhưng mong rằng sau này nhiều người sẽ theo gương ấy. Ấy cái chính sách hiệp-tác là ở đó, chứ chẳng phải ở đâu vậy.

Giới-thiệu sách mới

Bài diễn - thuyết của ông PHẠM

En Chine, comme autrefois en Europe, lorsque que le latin était la langue savante, la langue écrite, le peuple était divisé en deux classes, les gens cultivés et les ignorants. La langue parlée est celle des ignorants, la langue écrite celle des gens vraiment cultivés. De cette façon il n'existe pas, dans notre pays, de gens à demi-cultivés. Et voilà pourquoi les Chinois tiennent à avoir deux langues. Pensez maintenant aux conséquences qu'entraîne dans un pays la présence de gens à demi-cultivés. Considérez l'Europe moderne et l'Amérique. Dans ces deux pays, depuis l'abandon du latin, la distinction nette entre la langue écrite et la langue parlée a disparu et une classe de gens demi-cultivés s'est formée qui a pu employer le même langage que les gens vraiment cultivés, qui parle de civilisation, de liberté, de progrès, de militarisme, sans avoir la moindre idée de ce que ces choses signifient. On dit que le militarisme prussien est un danger pour la civilisation. A mon avis, c'est l'homme demi-cultivé qui est aujourd'hui dans le monde le véritable danger de la civilisation.

KOU HOUNG-MING.
(L'Esprit des Chinois)

QUYỀN ở Hội Khai-tri vừa rồi, về « Cái quan-niệm người quân-lử trong triết-học đạo Khổng » (L'idéal du sage dans la philosophie confucéenne), vừa Pháp-văn, vừa quốc-văn, in thành một quyển, đã xuất bản trong bộ Nam-Phong tùng-thư, vào hạng « đặc-biệt trước-lác », cũng giá 4 hào một quyển như các sách khác. Bán ở Đông kinh Ấn-quán.

Xin nhắc rằng Nam-Phong tùng-thư trước đã ra được 3 quyển rồi, quyển I, Văn-minh luận; quyển II, Ba tháng ở Paris; quyển III, Văn-học nước Pháp.

Ở Tàu cũng như Âu-châu ngày xưa, hồi tiếng La-tinh là tiếng viết, tiếng văn-học, thì trong dân-gian chia ra làm hai hạng, hạng có học và hạng không có học. Tiếng nói, tức là tiếng nôm, là tiếng của kẻ vô học; tiếng viết, tức là tiếng chữ, là tiếng của người có học. Như vậy nên ở nước Tàu không có hạng người học dở-dang. Bởi thế mà n, trời Tàu muốn có hai thứ tiếng như thế. Nay tôi ở nghĩ trong một nước có lắm kẻ học dở-dang, thời cái hại sẽ thế nào. Xét ngay các nước Âu Mỹ ngày nay, từ ngày không phân-biệt tiếng nôm với tiếng chữ nữa, thì thành ra một hạng người học dở-dang, cũng dùng một thứ tiếng như người có học - tức, cũng nói văn-minh, nói tự-do, nói tiến-bộ, nói quân-quốc chủ-nghĩa, mà chẳng hiểu những chữ ấy nghĩa là gì cả. Thôi-à cho cái quân-quốc chủ-nghĩa của nước Phổ là nguy-hiểm cho văn-minh. Tôi cho nguy-hiểm cho văn-minh trong thế-giới ngày nay chính là bọn người học dở-dang đó.